

DC870
V513Đ

LÊ VĂN HIỀN

VANG đất KIÊN TRUNG



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

**NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH**

V – V24

QĐND – 2006

21 – 2006

LÊ VĂN HIỀN

VÙNG ĐẤT KIÊN TRUNG

Hồi ký

(In lần thứ hai, có bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Hà Nội - 2006



Đồng chí **LÊ VĂN HIỂN**

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã kết thúc cách nay trên ba mươi năm. So với tiến trình lịch sử của dân tộc thì đây là một khoảng thời gian không dài, nhưng đối với cuộc đời mỗi con người thì quãng thời gian ấy vô cùng có ý nghĩa. Từ thời chiến bước sang thời bình có biết bao việc phải làm để tái thiết đất nước. Khép lại quá khứ, nhìn về tương lai, điều đó không có nghĩa là chúng ta được phép lãng quên những năm tháng đau thương và oai hùng của dân tộc, lãng quên các thế hệ cha anh đã không tiếc máu xương hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc. Nỗi niềm ấy luôn day dứt trong sâu thẳm cõi lòng những người từng đi qua cuộc chiến tranh khốc liệt, thôi thúc họ cầm bút như một nhu cầu tất yếu. Tập hồi ký **“Vùng đất kiên trung”** của tác giả Lê Văn Hiền nằm trong mạch nguồn ấy.

Đồng chí Lê Văn Hiền, nguyên là Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa IV và V, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Thuận Hải (nay là Ninh Thuận và Bình Thuận), một cán bộ lãnh đạo có uy tín, dạn dày kinh nghiệm, lăn lộn gian khổ, luôn gần dân và bám sát thực tiễn. Cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi của đồng chí gắn liền với mảnh đất cực Nam Trung Bộ nói chung và Khu Sáu nói riêng. Từ sau năm 1954 trở đi,

đồng chí Lê Văn Hiến được Đảng phân công giữ nhiều trọng trách, là Bí thư Tỉnh ủy các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hoà; Phó Chính ủy thứ nhất, Phó Bí thư Đảng ủy Quân khu 6. Mười lăm tháng cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng chí được Trung ương Cục miền Nam chỉ định phụ trách chung công việc của Khu ủy và Quân khu ủy Quân khu 6

Với cái tâm trong sáng và trung thực, ngòi bút của tác giả đã tái hiện được bức tranh sinh động của quân và dân cực Nam Trung Bộ, vượt lên muôn vàn gian khó và hy sinh mất mát; khắc hoạ phẩm chất anh hùng, kiên trung bất khuất của người dân vùng đất này. Viết về cuộc sống chiến đấu đầy khốc liệt bằng một văn phong nhuần nhị, điềm tĩnh mà khúc triết và ý vị là điều hết sức đáng quý, đáng trân trọng. Ấy là vốn sống phong phú và tầng văn hoá lịch lãm của một cán bộ lãnh đạo giàu tâm huyết, suốt đời gắn bó máu thịt với nhân dân. Bài học dựa vào dân, xây dựng trận địa lòng dân mãi không bao giờ xưa cũ!

Sau tác phẩm **“Mười năm nhìn lại”** của cùng tác giả viết về giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp, **“Vùng đất kiên trung”** là sự tiếp nối liền mạch về chặng đường đánh Mỹ của quân và dân cực Nam Trung Bộ. Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN

QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

CÙNG BẠN ĐỌC

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, lịch sử đất nước ta mở sang trang mới, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới. Nhìn lại chặng đường oanh liệt vừa qua, tôi cũng như bao đồng chí khác, cảm thấy bồi hồi, xúc động vô cùng.

Những năm tháng ấy, có biết bao nhiêu kỷ niệm sâu sắc, bao nhiêu hình ảnh đẹp, bao nhiêu tình cảm gắn bó, mà tôi có hạnh phúc được chia sẻ với đồng bào, đồng chí, đồng đội trên vùng đất cực Nam Trung Bộ, nam Tây Nguyên này.

Với lòng thành kính và nhớ ơn các cán bộ, chiến sĩ, đồng bào các dân tộc, đặc biệt với những người đã anh dũng ngã xuống vì sự nghiệp cách mạng, tôi xin ghi lại những dòng tâm huyết trong tập hồi ký này.

Khi cầm bút, tôi được nhiều đồng chí, bạn bè, anh em ủy thác, nói sao cho được những nét tiêu biểu nhất, điển hình nhất của chặng đường dài hơn 20 năm chiến đấu vừa qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, vì đây là truyền thống anh hùng của một vùng đất, là giá trị tinh thần trong kho tàng vô cùng quý báu của cả dân tộc.

Phạm vi đề tài rộng lớn, sự kiện lịch sử phong phú, diễn biến cũng phức tạp, biết mình sức nhớ có hạn, lại chưa có kinh nghiệm trong công việc này. nên tập sách khó tránh khỏi những thiếu sót. Sau một thời gian dài, nhận được những ý kiến đóng góp của nhiều bạn đọc, nhiều đồng chí, trong lần tái bản này. tôi có một số chỉnh sửa và bổ sung, nhưng chắc vẫn còn nhiều thiếu sót. Rất mong được bạn đọc và các đồng chí tiếp tục góp ý kiến cho cuốn sách.

*Chân thành cảm ơn những đồng chí đã từng chiến đấu ở chiến trường khu Sáu cũ. Cảm ơn Ban Khoa học Lịch sử Bộ chỉ huy Quân sự các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Lâm Đồng và Phân viện Lịch sử Quân sự phía Nam trước đây. Cảm ơn Nhà xuất bản Quân đội nhân dân đã tạo mọi điều kiện để tập Hồi ký **Vùng đất kiên trung** được tái bản ra mắt bạn đọc.*

Quản Binh Tuất - 2006.

Chương 1

Giữ vững niềm tin

Tháng 7 năm 1954, với thắng lợi của Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương, cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc thắng lợi, đưa sự nghiệp cách mạng của nước ta sang giai đoạn mới. Cán bộ và nhân dân khu Sáu vô cùng phấn khởi và tự hào về niềm vui chiến thắng đó. Vì niềm vui không phải tự nó đến mà bằng chính sự hy sinh xương máu của mình. Cái giá của thắng lợi, của niềm vui thật không gì sánh nổi.

Tôi còn nhớ ngày tháng chiến đấu cuối cùng hết sức oanh liệt này, chiến trường cực Nam Trung Bộ – một chiến trường đầy gian khổ, ác liệt - lực lượng tại chỗ có hạn, đã ráng hết sức mình đánh địch ngày đêm không nghỉ, tiêu hao, tiêu diệt lực lượng địch, phối hợp

cùng cả nước, cùng với chiến dịch Điện Biên Phủ phát triển thế tiến công, giành thắng lợi lớn nhất.

Xuân hè năm 1954, những kế hoạch đúng đắn, những trận đánh hay, táo bạo, mưu trí, sáng tạo liên tiếp diễn ra, gây cho địch nhiều thiệt hại, khốn đốn. Quân dân Bình Thuận đánh bại cuộc càn quét của 20 tiểu đoàn địch vào vùng du kích Tam Giác và căn cứ du kích Lê Hồng Phong; diệt chi khu Thạch Long - Mũi Né. Mở chiến dịch miền Tây, quét sạch hệ thống đồn bót giặc từ Gia Bát, La Dày, đến Tánh Linh, Suối Kiết, Đa Cai, v.v... mở rộng vùng giải phóng miền núi đến sát quốc lộ 20. Diệt các đồn Lương Sơn, Duông. Từ tháng 4 đến tháng 7 năm 1954, quân và dân Ninh Thuận hoạt động liên tục. Mở màn tấn công tiêu diệt đồn Hoài Trung, đánh phá các khu tập trung Phước An, Phước Thiện; tiếp theo ta diệt hàng loạt đồn như: Hữu Đức, Hậu Sanh, Vũ Bốn, Cà Ná, Từ Tâm, bức rút đồn Phú Quý - phía nam tỉnh. Diệt các đồn Mỹ Tường, Bình Nghĩa, Đắc Nhơn, An Xuân, Mỹ An, tiểu khu Ninh Chữ - phía bắc tỉnh, giải phóng toàn bộ nông thôn đồng bằng (trừ đồn Hòa Trinh) nối liền với căn cứ miền núi Anh Dũng và Bác Ái; vây ép địch ở thị xã Phan Rang - Tháp Chàm.

Niềm vui hòa bình thật là to lớn nhưng chưa trọn vẹn. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, một nửa nước - miền Bắc được giải phóng - miền Nam vẫn còn trong tay giặc. Nhân dân khu Sáu cũng như đồng bào miền Nam rất vui mừng trước thắng lợi to lớn của cách mạng, nhưng cũng thấy rõ con đường của cuộc đấu tranh sắp đến còn

đầy khó khăn, phức tạp. Cán bộ chúng tôi chưa có ai nghĩ đến tận hưởng niềm vui hòa bình, vì phải suy nghĩ căng thẳng bởi bao nhiêu công việc mới dồn dập trước bước ngoặt lịch sử của cách mạng.

Tôi nhớ một cuộc họp Ban cán sự cực Nam Trung Bộ mở rộng ở Triền mấy ngày sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ có hiệu lực. Triền thuộc xã Hồng Thịnh, một trong những vùng “đất thánh” của khu căn cứ du kích Lê Hồng Phong.

Lúc đầu, tại Ủy ban liên hiệp đình chiến, ta và địch thỏa thuận chọn huyện giải phóng Lê Hồng Phong làm nơi tập kết 80 ngày cho các tỉnh cực Nam Trung Bộ (trừ Khánh Hòa). Cán bộ, chiến sĩ các nơi đều tập kết về đây. Chúng tôi tiến hành việc học tập để anh em nhận rõ thắng lợi của Hiệp định Giơ-ne-vơ, mừng hòa bình về với dân tộc, tổ chức lên đường ra miền Bắc theo quy định của Hiệp định; đồng thời cũng chuẩn bị lực lượng ở lại.

Vùng giải phóng này, sau 80 ngày sẽ là nơi giao lại cho địch vào tiếp quản. Đây cũng là cuộc đấu tranh xác định tư tưởng đặt lợi ích cả nước lên trên lợi ích địa phương, lợi ích lâu dài lên trên lợi ích trước mắt đối với những con người đã từng lặn lội gấn bó máu thịt với mảnh đất quê hương.

Trong những ngày ấy, chúng tôi đón đồng chí Nguyễn Văn Minh, Ủy viên Thường vụ Liên khu ủy 5, một thành viên trong Ủy ban Liên hiệp đình chiến

của Liên khu 5. Anh đáp máy bay từ vùng tự do vào thị xã Phan Thiết, và từ đó, anh được chúng tôi tổ chức đón ra vùng giải phóng để nhanh chóng truyền đạt nghị quyết của Trung ương cho Đảng bộ cực Nam Trung Bộ về tình hình nhiệm vụ mới. Trong cuộc họp này, anh Minh cũng phổ biến quyết định của Liên khu ủy để các anh Nguyễn Côn, Phan Bình, Nguyễn Xuân đi tập kết; chỉ định Ban cán sự Đảng cực Nam Trung Bộ mới (sau này gọi là Liên tỉnh 3) gồm ba đồng chí: Trần Lê, Liên khu ủy viên làm Bí thư Ban cán sự kiêm Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Bình Thuận cùng hai ủy viên là Võ Dân và Lê Văn Hiến. Anh Võ Dân thường trực giúp anh Trần Lê, tôi (Lê Văn Hiến) tiếp tục làm Bí thư Tỉnh ủy Ninh Thuận.

Sau cuộc họp đáng ghi nhớ này, chúng tôi bắt tay ngay vào nhiệm vụ mới. Phải giải thích cho nhân dân và bộ đội thấy hết thắng lợi của Hiệp định và việc cấp bách trước mắt là hoàn thành chuyển quân tập kết đúng thời hạn mà Hiệp định đã quy định. Một ban phụ trách công tác chuyển quân được thành lập và bắt tay vào việc. Một việc nữa có tầm quan trọng đặc biệt là lựa chọn, bố trí đội ngũ cán bộ ở lại bám trụ chiến trường.

Ở cực Nam Trung Bộ, lệnh ngừng bắn có hiệu lực bắt đầu từ 0 giờ ngày 1 tháng 8 năm 1954. Riêng việc này cũng có lắm khó khăn, phức tạp. Ở nhiều vùng chúng ta không có liên lạc vô tuyến, đi lại không có phương tiện cơ giới, có những bộ phận còn đi công tác

trên vùng rừng núi xa. Ninh Thuận còn có vùng tập kết 15 ngày, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng không có vùng tập kết, nên nhận được lệnh là phải đi theo đường liên lạc bất hợp pháp về Bình Thuận. Từ việc chuyển lệnh ngừng bắn đến tập kết, anh em phải khẩn trương hành quân bằng đôi chân vạn dặm của mình. Anh em thương, bệnh binh cũng được khiêng cáng về địa điểm tập kết, bảo đảm chăm sóc chu đáo cho đến khi các đồng chí ấy xuống tàu.

Hình như hiểu thấu nỗi lòng chúng tôi, nên ở Triều, lúc các anh chia tay chúng tôi trước khi lên máy bay ra Liên khu 5, anh Nguyễn Côn nắm chặt tay tôi, rung rung xúc động:

- Thôi mình đi, các cậu ở lại. Cuộc đấu tranh này sẽ nhiều gian khổ và lâu dài đấy. Giữ vững niềm tin và ý chí nhé.

Rồi anh lấy khẩu súng ngắn của anh tặng lại tôi.

Sau cuộc họp ở Triều, tôi cùng một số anh em quay về Ninh Thuận. Vùng Nhị Hà là khu tập kết 15 ngày của Ninh Thuận. Tại đây, Ủy ban kháng chiến tính tổ chức một cuộc mít-tinh lớn có các tầng lớp nhân dân trong thị xã và các huyện về dự, mừng chiến thắng, mừng hòa bình. Ủy ban kháng chiến tính động viên đồng bào, cơ sở, cán bộ ở lại đoàn kết đấu tranh đòi địch nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, không được trả thù những người kháng chiến, căn dặn mọi người giữ vững niềm tin ở sự lãnh đạo sáng suốt

của Trung ương và Hồ Chủ tịch, tin ở thắng lợi cuối cùng. Hầu hết cán bộ thôn xã về sống hợp pháp trong dân. Cán bộ huyện, tỉnh một số ít chuyển đổi vùng để hoạt động, số còn lại phân công bám các địa bàn theo tổ chức mới. Chúng tôi cùng chiến đấu, công tác suốt chín năm, rất hiểu nhau nên việc chọn cán bộ ở lại được nhất trí nhanh.

Trước khi lực lượng đi tập kết lên đường vào Bình Thuận, tôi tranh thủ gặp người vợ thân yêu - Nguyễn Thị Thanh Tâm - chúng tôi tâm sự và động viên nhau. Tâm hứa sẽ cố gắng công tác tốt bất kỳ nhiệm vụ gì được Đảng giao; sẽ phấn đấu rèn luyện học tập để sau này về lại phục vụ đồng bào tỉnh nhà.

Sau khi lực lượng tập kết lên đường vào Bình Thuận, chúng tôi tập trung lo tổ chức cho cán bộ ở lại học tập tình hình, nhiệm vụ, phương châm, phương thức tổ chức, hoạt động trong tình hình mới. Bố trí cán bộ về địa bàn được phân công bám dân, bí mật hoạt động bất hợp pháp. Tổ chức xong mạng lưới giao thông liên lạc từ tỉnh đến cơ sở, từ tỉnh về liên tỉnh và ngược lại theo hai hệ *bí mật bất hợp pháp* và *hợp pháp*.

Để thuận tiện cho việc chỉ đạo và đi lại hoạt động, ở đồng bằng chúng tôi chia làm năm vùng (tương đương huyện) và một thị xã. Ở miền núi duy trì hai huyện: Bác Ái và Anh Dũng. Các đồng chí: Trần Ca (Ba Sinh) Bí

thư vùng I¹; Phan Việt Sơn (Năm Tính) Bí thư vùng II; Trần Đệ (Ba Công) Bí thư vùng III; Hoàng Ngọc Thuận (Tư Hòa Bình) Bí thư vùng IV; Nguyễn Chí Khương, Bí thư thị xã Phan Rang – Tháp Chàm; Nguyễn Huệ (Ama Phương) Bí thư Bác Ái; Lưu Minh Nghiệp (Ba Nghiệp) Bí thư An Hải Đông. Mỗi vùng ủy có ba đồng chí với hai đến ba liên lạc, bảo vệ, thư ký. Ngoài ra, chúng tôi còn bố trí hai huyện ủy viên người dân tộc Chăm – Chí Trực và Sầm Hậu phụ trách vùng đồng bào dân tộc Chăm. Mỗi xã có một cán bộ hoạt động bí mật bất hợp pháp. Tất cả trong thời gian đầu đều bám trong dân.

Tỉnh ủy mới do Liên khu ủy chỉ định gồm năm đồng chí: Lê Văn Hiến, Bí thư; Đỗ Thành, Phó Bí thư và ba ủy viên: Trần Đệ, Nguyễn Chí Khương, Trần Ca. Đồng chí Trần Hiến (Bảy Gia) nguyên tỉnh ủy viên phụ trách công tác miền núi, sau được rút lên phụ trách công tác miền núi của liên tỉnh. Cơ quan Tỉnh ủy về Bác Ái, đứng ở xã Phước Trung. Trong cơ quan có các đồng chí Mai Xuân Thường chánh văn phòng, Lê Văn Phận phụ trách tổ chức, Diệp Xương phụ trách Hoa vận; hai cán bộ phụ trách địch tình: Phan Văn Minh và Toại; một tổ vô tuyến điện, một tổ cơ yếu, một tổ văn thư án loạt, một tổ quản trị y tá; một tiểu đội vũ trang và liên lạc do đồng chí Bùi Đức Thành đại đội trưởng phụ trách.

1. Năm 1955, vùng I tách thành hai: vùng I và vùng V. Đồng chí Nguyễn Nhất Tâm làm Bí thư vùng V.

Hai anh Trần Lê và Võ Dân ở lại khu tập kết 80 ngày để trực tiếp chỉ đạo sắp xếp lực lượng đi tập kết và chọn cán bộ bố trí ở lại nhất là cán bộ chủ chốt các tỉnh Bình Thuận, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng.

Lê Hồng Phong là vùng giải phóng rất gần thị xã Phan Thiết, có quốc lộ 1A đi qua, có bờ biển dài hơn 20 ki-lô-mét. Đây cũng là ưu thế đối với ta. Nhưng lực lượng ta vừa tập kết về đây thì địch tráo trở, lấy cớ biển Bình Thiện, Mũi Né tàu không vào được; buộc ta phải tập kết về Hàm Tân. Địch cố làm hạn chế ảnh hưởng thắng lợi của Hiệp định và buộc ta phải mất thêm thời gian di chuyển, vừa phải đi bộ nhiều ngày, vừa mang vác nặng, hết sức vất vả.

Hàm Tân là huyện giải phóng từ năm 1949 nối liền với vùng giải phóng của huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa.

Lực lượng vũ trang các tỉnh về đây, thành lập lại Trung đoàn 812 trước khi lên đường tập kết ra miền Bắc. Ban chỉ huy trung đoàn gồm các đồng chí: Nguyễn Chí Diễm (tức Nghiêm Nghị) trung đoàn trưởng; Phan Bình, chính ủy; Lê Thành Cọng, trung đoàn phó.

Ngày 2 tháng 9 năm 1954, tại xã Tân Thuận, Ủy ban kháng chiến tổ chức một cuộc mít-tinh lớn kỷ niệm ngày độc lập của Tổ quốc, mừng chiến thắng, mừng hòa bình. Hàng chục ngàn nhân dân trong tỉnh và các tỉnh Ninh Thuận, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng về dự. Vui mừng nhất và cũng xúc động nhất là các cụ ông, cụ bà, các anh, các chị, nam nữ thanh niên đã lâu

ngày, nay có dịp gặp lại những người con, người chồng, anh em bạn bè thân thương nhất. Các cháu thiếu niên vừa phấn khởi, vừa bồi hồi xúc động ôm lấy những người cha, người anh mến thương sắp phải chia tay. Trong thời gian ngắn ngủi ấy, mọi người lưu luyến bên nhau, cùng nhau tâm sự, bày tỏ nỗi niềm giữa người đi và người ở lại.

Trong thời gian ở đây, cán bộ và bộ đội tranh thủ đi đắp mộ, cắm bia các mộ liệt sĩ; đi thăm các gia đình liệt sĩ, các gia đình có công với cách mạng.

Lần thứ ba, địch lại nói: *Hàm Tân tàu cũng không vào được*, buộc ta phải vào tận bến Phú Mỹ gần Vũng Tàu (Bà Rịa) để xuống tàu. Đấu tranh không kết quả, ngày 15 tháng 10 năm 1954, từ già Hàm Tân, ta chuyển quân trong điều kiện phải đi bộ hết sức vất vả, nhất là anh em thương bệnh binh. Trong giờ phút tạm biệt những người đi tập kết và những người ở lại đều bịn rịn chia tay nhau, bàn tay nắm lại, giờ hai ngón tay lên cao, hẹn ngày gặp lại.

Trong thời gian ở Hàm Tân, Ban cán sự cực Nam và các tỉnh ủy cũ của Bình Thuận, Lâm Đồng (Lâm Viên và Đồng Nai Thượng) có thì giờ để tính toán, sắp xếp tổ chức mới và chọn cán bộ ở lại.

Hệ thống chỉ đạo mới của Đảng ở Bình Thuận được tổ chức theo địa lý hành chính của địch, chỉ riêng huyện Hàm Thuận vì quá rộng nên còn duy trì đơn vị Miền A (tương đương huyện). Ở đồng bằng có

SỞ VĂN HÓA - THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH LÂM ĐỒNG
PHÒNG ĐỊA CHÍ

11/15 00 510/15

năm huyện: Hàm Tân, Hàm Thuận, Miên A, Hòa Đa, Tuy Phong và thị xã Phan Thiết. Ở miền núi có ba huyện: Tánh Linh, Di Linh (Lâm Đồng) giao về Bình Thuận từ cuối 1950 và Phan Lý phụ trách cả vùng đồng bào Chăm. Không còn huyện Lê Hồng Phong và huyện Bắc Bình như cuối thời kỳ kháng chiến.

Tỉnh ủy mới, ngoài anh Trần Lê còn có sáu đồng chí: Nguyễn Gia Tú (Sáu Tú) Phó Bí thư; Võ Xuân Viên; Nguyễn Tế Nhị, Bí thư thị xã; Nguyễn Văn Tiềm, Bí thư Hàm Tân; Lê Văn Triều, Bí thư Tánh Linh; Nguyễn Quế, Bí thư Hàm Thuận.

Ở các huyện còn lại: Huỳnh Hà, Bí thư Miên A; Lê Thanh Hải, Bí thư Hòa Đa; Nguyễn Xuân Du (Tám Cảnh) Bí thư Di Linh; Nguyễn Chạy, Bí thư Phan Lý. Riêng Tuy Phong chưa có ban lãnh đạo, tạm thời giao Hòa Đa phụ trách. Cấp ủy huyện từ ba đến năm đồng chí. Mỗi xã có một đến hai cán bộ hoạt động bí mật bất hợp pháp. Cơ quan Tỉnh ủy và Liên tỉnh ở chung có khoảng 40 cán bộ gồm: một chánh văn phòng (đồng chí Lai, tức Tự), một phụ trách miền núi, một tuyên huấn, một tổ chức, một phụ trách báo và tin tức; sáu vô tuyến điện, ba cơ yếu, ba ấn loát, một tổ quản trị hành chánh, 15 cán bộ quân sự từ tiểu đoàn, đại đội đến trung tiểu đội (13 cán bộ đặc công, một y tá). Trước mắt phân công bảy đồng chí bảo vệ cơ quan, một y tá cơ quan, bảy giao liên.

Đối với Lâm Viên và Đồng Nai Thượng, Liên tỉnh

thành lập hai đoàn cán bộ lên Đà Lạt, Bảo Lộc và Di Linh, tạo thế hòa nhập vào quần chúng, tạo việc làm và nơi ăn ở hợp pháp, hoạt động bí mật. Đoàn lên Đà Lạt có tám đồng chí: hai huyện ủy viên là Nguyễn Trung (tức Liên) và Vũ Hồng Sơn (tức Giao), Nguyễn Văn Hiến cán bộ tổ chức, hai cán bộ xã là Trần Tân và Lê Phôi, hai cán bộ giao liên là Sấn (tức Sáu) và Hùng (tức Hưu) do đồng chí Đỗ Đạt Khoáng (tức Đỗ Hoàn) nguyên ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận làm trưởng đoàn, Nguyễn Trung làm phó trưởng đoàn.

Đoàn lên Di Linh, Bảo Lộc gồm bảy đồng chí: Trần Soạn, nguyên Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận làm trưởng đoàn cùng bốn huyện ủy viên và tương đương là Lương Bá Hải (tức Nguyễn Như), Dương Thanh, Hồ Quý Chấn, Nguyễn Lang và vợ chồng chị Bán là cán bộ giao liên hợp pháp, đều là đảng viên.

Hệ thống liên lạc giữa tỉnh và các huyện, giữa liên tỉnh với liên khu và các tỉnh, và ngược lại đã ổn định. Cuối tháng 10 năm 1954, cơ quan Tỉnh ủy và Liên tỉnh chuyển lên núi Ông, một dãy núi cao nhất vùng, đứng xa trông như một bức tường thành màu xám, để chỉ đạo phong trào chung các tỉnh.

Nhiệm vụ cốt yếu trong lúc này là gắng hết sức để duy trì cơ sở và từng bước đưa phong trào đấu tranh của quần chúng lên theo yêu cầu nhiệm vụ của giai đoạn mới.

Với Hiệp định Giơ-ne-vơ, chúng tôi nghĩ dù hai năm có hiệp thương, tổng tuyển cử thì cách mạng vẫn phải có

thực lực, phải có chỗ đứng vững chắc cho cơ quan chỉ đạo, cho cán bộ và cho cả bộ đội tập kết trở về. Chỗ đứng tốt nhất là dựa vào miền núi phía tây các tỉnh, nối liền với vùng rừng núi nam Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ.

Trong lúc địch còn loay hoay ở đồng bằng, chưa có khả năng với tới miền núi. Chúng tôi chủ trương khẩn trương vừa củng cố vững chắc căn cứ cũ, vừa tranh thủ mở rộng phát triển cơ sở các vùng đồng bào dân tộc mà trước đây ta chưa đến.

Các tỉnh đều có bố trí một số cán bộ quân sự ở lại, phần nhiều là đặc công. Tỉnh nhiều có 15 đồng chí (Bình Thuận), tỉnh ít có 9 đến 10 đồng chí; có cán bộ tiểu đoàn, đại đội, trung đội, tiểu đội. Mỗi tỉnh có chôn giấu lại vũ khí đủ trang bị cho một đến hai đại đội. Đáng tiếc là do thiếu kinh nghiệm nên số vũ khí chôn giấu về sau bị hư hỏng nhiều. Thời gian đầu các đồng chí quân sự phải đảm nhận quá nhiều công việc: bảo vệ cơ quan, đưa đón cán bộ đi công tác, làm giao liên chuyển công văn, tài liệu. Nhưng nhiệm vụ trung tâm về sau là góp phần xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng tự vệ mật, chuẩn bị xây dựng lực lượng vũ trang để khi cần thiết phải tiến hành đấu tranh bằng quân sự với địch.

Tôn trọng và thực hiện điều khoản tập kết, để địch không vin cớ phá hoại Hiệp định, nhiều vùng giải phóng phải bàn giao đúng thời gian quy định để cho địch đến tiếp quản, nên ta chưa thực hiện tốt việc tuyên truyền giải thích sâu rộng ý nghĩa, tầm quan

trọng của Hiệp định Giơ-ne-vơ cho đồng bào rõ. Và một vấn đề quan trọng hơn được đặt ra và phải có lời giải đáp rõ ràng là Đảng có còn ở lại với đồng bào không... nơi mà hôm qua là vùng giải phóng, đồng bào sống trong không khí tự do, đầm ấm, nay trở thành vùng dịch kiểm soát. Phải trả lời đầy đủ câu hỏi trên, giải đáp nỗi băn khoăn trên một cách dứt khoát. Vì *Đảng với nhân dân là một thể thống nhất, máu thịt, không thể tách rời*, và phải bằng hành động thực tế chứ không chỉ giải thích để đồng bào yên tâm, tin tưởng và có phương hướng hành động cụ thể trước bước ngoặt đầy khó khăn thử thách sắp tới.

Năm 1955, Liên khu 5 (từ Trị Thiên vào Bình Thuận) được chia thành bốn liên tỉnh: Trị Thiên và Quảng Nam là Liên tỉnh 1; Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên là Liên tỉnh 2; Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng là Liên tỉnh 3; Công Tum, Gia Lai, Đắc Lắc là Liên tỉnh 4.

Tháng 7 năm 1955, lần đầu sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, tôi vào lại Bình Thuận họp Ban cán sự Liên tỉnh để tiếp thụ chỉ thị mới của Liên khu ủy. Cùng đi có anh Võ Dân ở liên tỉnh ra. Đồng chí An (bí danh Bảo), quê Cà Ná, vốn là cán bộ đặc công làm liên lạc dẫn đường. Ba anh em, mỗi người một cái gùi con, ban ngày ẩn mình giữa rừng, chập choạng tối lại cất bước dưới ánh sao đêm.

Hồi ấy, hệ thống các trạm giao liên đã tổ chức lại cho phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới để duy trì sự

lãnh đạo của Đảng xuống đến tận cơ sở. Đó là những mạch máu vô cùng quan trọng của cách mạng. Để bảo đảm bí mật, mỗi trạm chỉ có một đồng chí phụ trách. Nhiều chiến sĩ giao liên phải sống biệt lập tại những nơi núi rừng heo hút, chỉ lấy lý tưởng cách mạng làm niềm vui, lấy chim rừng làm bầu bạn. Sức mạnh của lòng tin vào Đảng, Bác Hồ và nhân dân đã giúp họ vượt lên mọi khó khăn. Đồng chí Dương Thọ ở trạm Bá Ghe, huyện Phan Lý đã phải sống một cuộc sống hết sức gian khổ. Một mình, đến chuyển liên lạc phải đi, còn phải xuống ấp gặp cơ sở nắm tình hình, mua lương thực ăn và dự trữ cho cán bộ qua lại. Nhiều lúc mua không được gạo, phải đào củ, hái rau rừng thay cơm. Tóc dài thì tự soi gương cầm kéo mà cắt tỉa. Buồn, không có ai tâm tình thì tự kể chuyện cho bản thân nghe. Kể chán rồi thì chia bài tú-lơ-khơ ra nhiều hụi, một mình quay vòng đánh hết ván này đến ván khác. Đồng chí Dương Thọ đã để lại cho chúng tôi nhiều ấn tượng sâu sắc về sự hy sinh thầm lặng của những chiến sĩ giao liên trong thời kỳ gian khổ này. Lúc chia tay, chúng tôi để lại cho đồng chí Thọ một ít muối hầm và mấy lon bắp đá, gọi là một chút tình đồng chí thân yêu.

Chặng đường hôm ấy, chúng tôi đến Cỏ Mồm, Hàm Thuận thì trời sáng. Đi suốt đêm không nghỉ, người thấm mệt. Nhìn lên núi Ông, nơi cơ quan Liên tỉnh đóng, thấy còn khá xa, đường đi quanh co khúc khuỷu, phải cắt ngang núi mồm Cà Găng, vòng qua Hàm Thạnh, rồi ngược lên hướng tây nam. Đang nghĩ

về đường đi, chúng tôi gặp một người phụ nữ – chị quê ở Tam Giác nhưng đi làm ăn trên vùng đồng bào dân tộc. Chị nhìn chúng tôi trân trân. Có lẽ nhìn cách ăn mặc, đi đứng, đoán biết chúng tôi là ai, chị mừng rỡ và nói trong hơi thở dồn dập:

- Tưởng các anh bỏ dân Tam Giác đi rồi chớ. Bà con tui, dù vật đổi sao dời, cũng một lòng theo Đảng, theo Bác, đi với cách mạng tới cùng.

Chị cho chúng tôi tất cả thức ăn mang theo: bánh trắng, đường tán, cá nục kho. Thấy chiếc nón lá của tôi bị gai cào xơ xác, chị đưa cho tôi chiếc nón lành của chị và nói:

- Đồng bào không để cho các anh rách và đói đau. Các anh đừng lo chi. Bà con vẫn luôn nhớ lời Bác Hồ dạy, sẽ đùm bọc lẫn nhau đấu tranh không để cho bọn địch muốn làm chi thì làm.

Trước lòng dân keo sơn gắn bó, thủy chung với cách mạng như vậy, tôi thấy lòng mình ấm áp hẳn lên. Chúng tôi cảm ơn chị và tiếp tục cuộc hành trình.

Đến trạm giao liên ở mồm núi Cà Găng, gặp anh Tám Triều cho biết: cơ quan Tỉnh ủy và Liên tỉnh đã dời về Lê Hồng Phong, vì tháng 5 năm 1955, Tánh Linh bị địch càn quét, khủng bố, gom dân. Nhân đây, anh Tám Triều kể:

Trước khi mở chiến dịch miền tây Bình Thuận, tháng 5 năm 1954, Tánh Linh có 3 vùng: thị trấn và các

xã quanh huyện lỵ là vùng bị tạm chiếm, ta có cơ sở; ba xã miền bắc Tánh Linh (bắc sông La Ngà) Mang Tổ, La Dạ, La Ngâu là vùng phong trào yếu, có tề hai mặt, gum hai mặt, địch nắm được dân; đến chiến dịch miền Tây, hai vùng này được giải phóng. Vùng đông và nam huyện là vùng căn cứ du kích có ba xã: Mỹ Hòa (nay thuộc huyện Hàm Thuận Nam) Thanh Hoà, Bình Hoà (dân tộc Châu Ro, nay nhập vào xã Tân Minh, huyện Hàm Tân); ba xã này có chính quyền, có dân quân du kích, có chi bộ lãnh đạo địch đến là đánh.

Đầu tháng 5 năm 1955, địch ở Bình Thuận lên tổ chức cai trị, có tên Lê Văn Phúc nguyên ủy viên thường vụ huyện ủy Tánh Linh kéo theo một số đảng viên ra đầu hàng địch, phản bội. Địch mở chiến dịch Trương Tấn Bửu tố cộng, diệt cộng; trong vòng một tháng đảng viên người bị tù, người bị chết. Địch dồn dân xuống đất bằng. Xã Thanh Hoà dồn ở Giò Gầm¹(gần Hàm Thanh), xã Mỹ Hòa dồn xuống Trại Sách (uống nước sông Phan). Bình Hoà dồn về ga xe lửa Gia Huynh. Ba xã phía bắc dồn xuống La Ngâu.

Huyện ủy tìm mọi cách liên lạc với cốt cán, cơ sở hướng dẫn đồng bào đấu tranh đòi đi rừng lấy củi, lấy rau, đòi về rẫy cũ, không chịu tập trung sợ đau bệnh, nhưng chỉ ù lì trì trệ thôi. Ba xã phía bắc có một số rất ít thanh niên ra rừng ở, sau này dần dần theo cách mạng.

1. Còn gọi là Dấu Gầm.

Ba xã căn cứ du kích cũ ở phía đông không còn ai ở lại núi rừng...

Từ trạm giao liên ở mồm núi Cà Găng, đồng chí Lợi cũng là cán bộ đặc công, dẫn anh Dân và tôi, cùng đi có anh Tám Triều về Lê Hồng Phong. Chúng tôi cải trang qua đường sắt Mường Mán – Ma Lâm, xuống vùng Tam Giác, đến ấp Bình Lâm (gần Liên tỉnh lộ 8). Vừa đến nơi, đồng bào biết chúng tôi là những cán bộ được Đảng bố trí ở lại, bà con tự động bố trí canh gác cẩn thận, tổ chức cho chúng tôi ăn trưa. Nhiều người kéo đến thăm. Người cho gạo, người cho đường, cho bánh, cho trái cây bỏ vào hai đầu gánh. Xế chiều, bà con bố trí trinh sát nắm tình hình, chúng tôi cải trang vượt qua đường 8, quốc lộ 1A, chiều tối vào bìa rừng Lê Hồng Phong an toàn. Ở đây nước rất hiếm, phải dành từng giọt nước mưa để uống và nấu ăn, thế mà bà con vẫn gánh nước cho chúng tôi tắm rửa. Thật cảm động quá chừng. Tối đến giao liên đến dẫn chúng tôi về cơ quan.

Khu Lê Hồng Phong là một căn cứ du kích mạnh trong thời kỳ kháng chiến. Không có rừng rậm núi cao, chỉ có những dải cát dài và những cánh rừng ô rô lúp xúp, nằm ép giữa biển Đông và quốc lộ 1. Trong chín năm kháng chiến chống Pháp xâm lược, mảnh đất này là một trận đồ bát quái, kẻ địch đến đây, nhiều tên không có đường về.

Chúng tôi họp dưới mái lều đơn sơ. Anh Trần Lê

truyền đạt tinh thần chỉ thị mới của Liên khu ủy 5. Nhiệm vụ trọng tâm lúc này là phải tạo thế bám trụ vững trên các địa bàn, từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi, bám rễ trong nhân dân, xây dựng và củng cố mạng lưới cơ sở, cốt cán, tập hợp đông đảo quần chúng dưới mọi hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp, tranh thu tề ngụy, lập chính quyền theo kiểu “xanh vỏ, đỏ lòng”, hình thành đường dây chỉ đạo chặt chẽ từ tỉnh xuống huyện, xuống đến cơ sở. Phải lãnh đạo quần chúng dựa vào pháp lý của Hiệp định Giơ-ne-vơ, đấu tranh chống “tổ cộng”, đòi quyền dân sinh, dân chủ, lập quan hệ bình thường giữa hai miền Nam - Bắc và hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Theo tinh thần chỉ thị trên, chúng tôi rà soát lại thế trận địch, ta. Mặc dù đa triển khai hình thành hệ thống chỉ đạo từ trên xuống đến cơ sở, cán bộ đảng viên đã bám chắc trong dân, nhưng trước nhiệm vụ mới của cách mạng, đấu tranh thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình, cán bộ ta không khỏi có những bờ ngỡ, lúng túng, nhưng vẫn một lòng tin tưởng ở Đảng và Bác Hồ, vững bước vào thời kỳ đấu tranh mới.

Cuối năm 1955, Liên khu ủy giao Khánh Hòa về Liên tỉnh 3. Đầu năm 1956, anh Trần Lê lần đầu tiên ra Khánh Hòa làm việc với Tỉnh ủy tại căn cứ Đồng Bò, để nắm tình hình và góp ý kiến chỉ đạo.

Tháng 12 năm 1954, cơ quan Tỉnh ủy từ Suối Cau thuộc căn cứ 175D (bắc Hòn Dũ) dời về căn cứ Đồng Bò để

tiện chỉ đạo phong trào đấu tranh công khai, hợp pháp. Trên đường di chuyển, đồng chí Đặng Vinh Hàm, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy bị địch bắn hy sinh. Đầu năm 1955, Tỉnh ủy được bổ sung đủ năm đồng chí: Lê Thanh Liêm, Bí thư phụ trách chung, trực tiếp theo dõi chỉ đạo Nha Trang và Vĩnh Xương; Mai Xuân Cống, Phó Bí thư trực tiếp làm Bí thư thị xã Nha Trang; Trần Nguyên Tích, Ủy viên Thường vụ thường trực; Tô Văn Ôn (tức Sáu Ngô) tỉnh ủy viên phụ trách Ninh Hòa và Vạn Ninh; Đức Trí tỉnh ủy viên, phó bí thư thị xã Nha Trang; Hà Huy An (Việt Thắng) chánh văn phòng Tỉnh ủy; Phạm Thanh Huyền (Ba Huệ) phụ trách công tác tổ chức và tuyên huấn, Giang Nam theo dõi các đài và soạn bản tin lưu hành nội bộ. Cấp ủy huyện có từ ba đến năm đồng chí và vài ba cán bộ phụ trách văn phòng, bảo vệ. Mỗi xã có hai đến ba cán bộ thoát ly hoạt động bí mật. Cán bộ quân sự để ở lại trên 10 đồng chí, cán bộ từ tiểu đoàn, đại đội đến trung, tiểu đội. Vũ khí cũng được chôn giấu một số để khi cần thiết lấy ra sử dụng.

Từ giữa năm 1955, địch thực hiện các chiến dịch "tố cộng". Đợt đầu, địch chọn một số xã có phong trào cách mạng mạnh làm điểm, sau mở rộng ra toàn tỉnh với quy mô lớn. Bắt dân đi học tố cộng, vây ráp, khủng bố, bắt cán bộ đảng viên, cơ sở. Bắt dân đấu tố những gia đình có người thân đi tập kết, có người thoát ly. Chúng cho rằng số này thuộc loại "nguy hiểm", bắt họ trình diện hằng ngày, đêm phải đi ngủ tập trung. Địch rất lộng hành, bắn giết bừa bãi, bắt nhiều cán bộ ta thủ

tiêu bằng cách bỏ bao bố thả sông. Tình hình thôn xóm ngày càng căng thẳng. Nhà lao Nha Trang chật ních những cán bộ kháng chiến. Địch lợi dụng một số tên đầu hàng, phản bội để nhận diện cán bộ ta và dùng bọn này dẫn đường lùng sục vào các căn cứ.

Sau khi nghe Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo tình hình, anh Trần Lê góp một số ý kiến: cần đặt mạnh vấn đề giữ gìn lực lượng cách mạng, tăng cường giáo dục phẩm chất, đạo đức cách mạng, nêu cao khí tiết người cộng sản. Tích cực phát động và lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống âm mưu “bầu cử quốc hội” riêng rẽ của Mỹ - Diệm vào tháng 3 năm 1956, kết hợp đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, chống khủng bố, trả thù người kháng chiến cũ.

Đầu năm 1956, thị ủy Nha Trang đã bố trí một cuộc họp thị ủy tại Hòn Tre; công việc đang dở dang thì anh Mai Xuân Cống bị địch bắt. Trước đó, một số lớn cán bộ bất hợp pháp của Nha Trang cũng đã chạy dạt đi nơi khác, nhiều người bị địch bắt. Tình hình các huyện cũng trong hoàn cảnh như vậy. Phong trào toàn tỉnh Khánh Hòa đang gặp nhiều khó khăn, nhất là Nha Trang.

Tháng 2 năm 1956, Tỉnh ủy họp mở rộng từ ngày 25 đến 27 tại núi Cù Hin (Đồng Bò Hạ) để kiểm điểm tình hình các mặt, các địa phương, bàn kế hoạch thực hiện những ý kiến anh Trần Lê góp. Hội nghị này có đồng chí Nguyễn Xuân Nhĩ (bí danh Tâm) ủy viên

Thường vụ Liên khu ủy trên đường vào Liên tỉnh ủy 3 cùng dự. Hội nghị bầu bổ sung đồng chí Lê Tung (Ba Sơn) Bí thư huyện ủy Khánh Vĩnh vào Tỉnh ủy thay cho đồng chí Mai Xuân Cống và Đức Trí bị địch bắt.

Gần hai năm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, địch ngày càng bộc lộ đầy đủ bản chất xâm lược của chúng, âm mưu chia cắt lâu dài và biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ. Chúng trắng trợn phá hoại và vi phạm thô bạo Hiệp định, ngoan cố chống lại hiệp thương tổng tuyển cử, khủng bố thẳng tay những người kháng chiến cũ, kìm kẹp gắt gao và tàn sát dã man đồng bào ta.

Bất chấp quy định của Ủy ban Liên hiệp đình chiến, không đời bàn giao, địch hành quân tràn vào xâm chiếm vùng căn cứ và vùng giải phóng của ta. Chiếm đến đâu, chúng đưa bọn tay sai phản động ra xây dựng tề, điệp đến đấy, vừa xoa dịu, vừa dọa dẫm quần chúng vu khống nói xấu Đảng ta. Địch thẳng tay đàn áp các cuộc biểu tình mừng hòa bình, mừng thắng lợi của hàng chục ngàn đồng bào Phan Thiết, Hàm Thuận (Bình Thuận). Chúng xả súng bắn vào cuộc biểu tình hơn ba ngàn đồng bào Hàm Thuận tại Ngã Hai vào đầu tháng 8 năm 1954 làm trên 70 người bị chết và bị

thương. Tháng 10 năm 1954, đồng bào Đà Lạt, Đơn Dương (Lâm Viên) biểu tình hưởng ứng phong trào Hòa bình của Phạm Huy Thông – Sài Gòn, địch thẳng tay khủng bố, bắt giam nhiều người.

Tháng 2 năm 1955, địch bắt đầu thực hiện chính sách “tố cộng” lấy Bình Thuận làm trọng điểm, mở chiến dịch “Phan Chu Trinh” chà xát ác liệt các vùng giải phóng, tổ chức các lớp “tố cộng” để truy bắt đảng viên, cán bộ, uy hiếp quần chúng, gây nên bao nỗi đau thương trên vùng đất cực Nam Trung Bộ này.

Về ta, điều làm chúng tôi mừng nhất là thế bám trụ trên địa bàn miền núi được xây dựng vững chắc và được mở rộng. Thế bám trụ ở các vùng nông thôn đồng bằng và thị xã đến năm 1956 đã bị thu hẹp; địa phương gặp nhiều khó khăn nhất là Khánh Hòa. Ở Đà Lạt, do có kẻ đầu hàng phản bội khai báo với địch nên khi đoàn cán bộ của ta mới lên gặp rất nhiều khó khăn. Nhưng rồi tất cả số cán bộ còn lại vẫn tạo được thế bám trong dân. Vùng mới mở ra như Bảo Lộc, Di Linh cũng đã gây được cơ sở và bám được trong dân.

Một lòng tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ, nên mặc dù địch khủng bố, tàn sát ác liệt, dã man nhưng khí thế quần chúng vẫn giữ vững, nhất là phong trào đấu tranh chính trị theo pháp lý của Hiệp định Giơ-ne-vơ, chống khủng bố, buộc địch không được trả thù những người kháng chiến và gia đình có người đi tập kết, đòi tự do đi lại làm ăn, đòi hiệp thương tổng

tuyển cử, v.v... Nhiều cuộc đấu tranh quyết liệt đã nổ ra, điển hình là nhân dân xã Hàm Đức (Hàm Thuận) vây chặt bọn “dân chủ đảng” phản động vì chúng đã đánh chết một đồng chí Bí thư xã, buộc chúng phải bồi thường; cuộc đấu tranh buộc địch phải trả tự do cho bốn cán bộ tham gia kháng chiến, gọi là cuộc đấu tranh Kinh-Chi-Mỹ-Phát, tên của bốn cán bộ ở Hàm Tân.

Phát triển thế tiến công địch, cuối năm 1955, Đảng bộ cực Nam Trung Bộ tiếp tục phát động một cuộc đấu tranh chính trị rộng lớn đòi quan hệ bình thường giữa hai miền, đòi chuẩn bị hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất nước nhà. Được tổ chức lãnh đạo chặt chẽ, nhân dân hưởng ứng nhiệt liệt, cuộc đấu tranh đã làm cho địch bị động không kịp đối phó, một số nơi chúng phải chấp nhận yêu sách, kiến nghị, có nơi chúng phải tạm giải tán lớp học “tổ cộng”.

Ở khu Lê Hồng Phong, cuộc đấu tranh của đồng bào Bình Nhơn, Bình Thiện (huyện Hòa Đa) giành cơ quyết liệt suốt hai ngày liền, có bộ phận trực diện đấu tranh, có bộ phận phá đường chặn xe, không cho địch bắt người chở đi. Chúng tôi rất cảm động khi nghe báo cáo về tấm gương của em Thanh ở Bình Lâm, xã Hàm Chính (Hàm Thuận). Em làm liên lạc cho huyện ủy, trong một chuyến công tác, không may sa vào tay giặc, chúng tra tấn em đủ mọi cực hình, nhưng em vẫn một lòng bảo vệ cách mạng, quyết không khai nửa lời.

Giữa năm 1956, anh Trần Lê đi họp Liên khu ủy,

để rút ngắn bớt chặng đường, chúng tôi bố trí anh đi bằng đường biển, nhưng lúc về phải đi đường núi, nên thời gian anh đi họp cũng gần 10 tháng. Anh Trần Lê đi họp, tôi được phân công thường trực Liên tỉnh và vẫn phụ trách Bí thư Ninh Thuận. Tháng 6 năm 1956, cơ quan liên tỉnh chuyển ra Bắc Ai, gần cơ quan Tỉnh ủy.

Đầu tháng 8 năm 1956, tôi ra Khánh Hòa dự hội nghị Tỉnh ủy. Với tôi đây là lần đầu được gặp đông đủ các anh trong Tỉnh ủy và Bí thư các huyện ủy - phần đông là những đồng chí đã từng quen biết trước đây. Hội nghị họp ở Lỗ Mây, xã Ba Cụt, huyện Khánh Sơn. Mùa mưa, ở rừng núi cao trời lạnh, nhưng nhà họp được lợp lá mây và được đốt lửa nên cũng ấm áp. Hội nghị kiểm điểm tình hình, thảo luận nghị quyết Liên tỉnh và bàn công tác đến. Hội nghị đề nghị bổ sung đồng chí Nguyễn Thặng, Bí thư huyện Ninh Hòa vào Tỉnh ủy.

Khánh Hòa có cảng quân sự Cam Ranh, đây là một quân cảng tốt nhất cho sự hoạt động của hải quân nên địch ra sức xây dựng phòng tuyến bảo vệ. Từ miền núi này xuống Cam Ranh phải vượt qua nhiều chặng đường nguy hiểm. Khi trao đổi với anh Lê Thanh Liêm về đội ngũ cán bộ hiện nay ở địa phương, anh tâm sự: *“Chơi với thằng Mỹ không dễ đâu, anh Tư à. Cán bộ bám trụ phải là những đồng chí dũng cảm, mưu trí, kiên cường, tuyệt đối trung thành với Đảng thì mới có khả năng vượt qua được những thử thách hiểm nghèo và cả sự tha hóa của chủ nghĩa thực dân mới của chúng”*.

Từ Khánh Hòa, tôi về lại cơ quan giải quyết công việc. Cuối tháng 8 năm 1956, tôi lên Đà Lạt kiểm tra tình hình. Từ Bác Ái, tôi và đồng chí liên lạc cắt rừng, vượt đồi dốc đi lên. Mùa mưa núi rừng Đà Lạt về đêm rất lạnh, tối ngủ chúng tôi cào lá thông khô làm đệm nằm ôm nhau cho đỡ lạnh, không dám đốt lửa. Sau bốn ngày đêm, chúng tôi đến chỗ hẹn. Đêm đến, đồng chí Sẩn (tức Sáu) ra đưa tôi vào nhà một cơ sở ở ấp Tây Hồ, gia đình vui vẻ tiếp tôi. Việc đầu tiên là tắm và thay quần áo theo người lao động thành phố. Ở đây một đêm, tôi tranh thủ nói chuyện với cơ sở chủ nhà và tìm hiểu tình hình địa phương, bàn cách ứng xử cho thống nhất khi có người hàng xóm tò mò. Sáng hôm sau anh Khoáng đến gặp. Lần đầu đến Đà Lạt tôi chưa biết phố phường, đường sá, các khu dân cư như thế nào. Để biết qua quang cảnh, sinh hoạt của thành phố này và biết tình hình ăn ở, quan hệ xã hội và việc làm của cán bộ, tôi đến nơi ở của anh Khoáng. Đây là nhà của người chị kết nghĩa, người cùng quê, chồng chị là anh Lê Văn Cường, công nhân hỏa xa, các cháu đều ngoan, một gia đình có cuộc sống trung bình, trung thành với cách mạng. Tôi được bố trí đi thăm hai cơ sở ở hỏa xa và ấp Sào Nam. Sau đó, tôi đến nhà đồng chí Hoàng Nhâm (bí danh An) một đảng viên làm trong Viện Pasteur. Đêm, tôi ở lại đây, có dịp được nói chuyện với vợ chồng đồng chí An, qua đó cũng biết thêm chút ít tình hình hoạt động của đồng chí và tình hình thành phố. Đồng chí An phụ trách các nghiệp đoàn hợp pháp. Tôi đi tìm địa chỉ

do Thường vụ Liên khu ủy giới thiệu để liên lạc với đồng chí Nguyễn Xuân Ký, nguyên ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định chuyển vùng vào đây. Khi đến đúng địa chỉ, chủ nhà cho biết đồng chí Ký đã bị địch bắt trước đây vài tháng. Trong lòng tôi nghĩ không hiểu người chủ nhà là thế nào, nhưng tôi vẫn giữ thái độ bình tĩnh, xin cảm ơn, rồi chào họ ra đi. Đóng vai người lao động bình thường, mang giấy căn cước giả có dán ảnh, tôi thông thả dạo phố. Những biệt thự sang trọng, những cửa hàng ăn đầy ắp người, những chiếc xe hơi Mỹ bóng lộn, những cặp trai gái ngồi bên hồ Than Thở, hồ Xuân Hương đập vào mắt tôi. Tôi bỗng nhớ điều tâm sự của anh Liêm...

Năm 1955, phong trào Đà Lạt gặp rất nhiều khó khăn, như phần trên tôi đã nói. Ngày 2 tháng 12 năm 1954, Trần Tân bị địch bắt, không giữ được khí tiết cách mạng, y đã cùng một cơ sở trong kháng chiến cũng bị bắt – H.V.H – cả hai đầu hàng địch và khai ra nhiều cơ sở cùng chủ trương mới của ta. Trong các nhà tù Đà Lạt, Chí Hòa, Nha Trang, Côn Đảo, bọn phản bội thực hiện *khổ nhục kế* của địch để đánh lừa cán bộ và đảng viên bị địch bắt giam. Chúng đứng ra thành lập chi bộ bí mật trong nhà tù, tập hợp những đảng viên trung kiên rồi bí mật báo cho địch giết hại. Bọn này quá hiểm độc, nhưng một phần cũng do ta mất cảnh giác. Về sau bọn chúng trở thành những tên nội gián cực kỳ nguy hiểm. Sự kiện này tôi sẽ trình bày đầy đủ hơn ở một chương khác, vì đây là bài học đau đớn phải trả giá bằng máu.

Trước tình hình tổn thất khó khăn, năm 1955, Liên tỉnh bổ sung thêm cho Đà Lạt năm cán bộ: Đoàn Quang nguyên thị ủy viên Phan Thiết, Lê Thanh Tâm nguyên cán bộ công đoàn Bình Thuận, Nguyễn Thị Thanh (Hai Sanh), cán bộ phụ nữ Ninh Thuận, Tôn cán bộ Hoa vận; Đường cán bộ quân báo... Ban cán sự Đảng Đà Lạt được Liên tỉnh duyệt đầu tháng 6 năm 1956 có ba đồng chí: Đỗ Đạt Khoáng, Bí thư và hai ủy viên là Nguyễn Trung và Đoàn Quang. Cuộc họp Ban cán sự được tổ chức ở căn cứ ngoài rừng. Hội nghị nghe phổ biến tình hình chung, nghe báo cáo kiểm điểm tình hình 8 tháng và bàn công tác đến. Hội nghị đánh giá tình hình Đà Lạt sau tổn thất nặng nề cuối năm 1954 và những tháng đầu năm 1955, đến nay tình hình tạm lắng dịu. Ta cố gắng khắc phục khó khăn, lợi dụng sơ hở của địch, ta đã móc nối được một số ít đảng viên, cơ sở chưa lộ và phát triển một số cơ sở mới. Thành lập được ba chi bộ, một ở hỏa xa, một ở nội thị và một chi bộ cơ quan, ngoài ra còn bảy đảng viên đơn tuyến. Qua đảng viên cốt cán, ta nắm được một số nghiệp đoàn công khai tạo được thế bám hợp pháp cho cán bộ, hòa được vào quần chúng - tổ chức và hoạt động đã đi dần vào nền nếp; liên lạc trên dưới được thông suốt. Nhưng thực lực ta còn quá mỏng, chưa đều, thế bám chưa vững chắc.

Lúc này, địch đang ráo riết truy lùng, đánh phá cơ sở cách mạng, khống chế mua chuộc những cơ sở bị lộ, dùng làm bẫy để bắt cán bộ ta, theo dõi gắt gao những

người các tỉnh khác đến làm ăn, nhất là những người ở vùng tự do cũ của Liên khu 5 vào.

Hội nghị đặc biệt nhấn mạnh: phải thực hiện nghiêm nguyên tắc bí mật, ngăn cách trong tổ chức và hoạt động, thực hiện chặt chẽ phương thức bắt rử, nút nhánh; mỗi đảng viên xây dựng ba đến bốn cốt cán, mỗi cốt cán xây dựng ba bốn cơ sở, mỗi cơ sở xây dựng ba bốn cảm tình và đều liên lạc đơn tuyến. Tích cực và khéc tranh thủ mọi tổ chức và hoạt động công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp để tập hợp quần chúng, đoàn kết đấu tranh bảo vệ và đòi những quyền lợi bức thiết, chống áp bức, bóc lột, chống chia rẽ, khủng bố. Nhất thiết không tập hợp và sử dụng cơ sở bị lộ vào tổ chức và hoạt động bí mật.

Đối với những gia đình cách mạng, những cơ sở đã lộ, khéo sử dụng số cảm tình đã có sẵn quan hệ, hướng họ luôn giữ vững bản chất cách mạng, cùng nhau đoàn kết, khéo tranh thủ, phân hóa địch, chống khủng bố, trả thù, chống mọi thủ đoạn chia rẽ, mua chuộc, bôi lem.

Hội nghị nhắc nhở: tuy ta đã tạo được thế đứng hợp pháp, nhưng phải tích cực chuẩn bị tạo thế để khi không còn điều kiện hợp pháp thì kịp thời chủ động rút vào bí mật bất hợp pháp, rút ra rừng.

*

* *

Mùa xuân năm 1957, anh Trần Lê đi họp Liên khu ủy về. Tháng 3 năm 1957, hội nghị Liên tỉnh họp mở

rộng, anh Trần Lê phổ biến chủ trương mới của cấp trên: chuyển cán bộ và chuyển cả tổ chức chỉ đạo vào hoạt động hợp pháp ở vùng địch kiểm soát; chuyển thế chỉ đạo từ rừng về đô thị, sẽ từ đô thị chỉ đạo ra nông thôn, rừng núi. Đây là nhiệm vụ mới, có tầm quan trọng đặc biệt, phải làm cho được trong năm 1957 này.

Trong hội nghị nhiều đồng chí có ý kiến: chủ trương mới, nhiệm vụ mới này khó thực hiện có kết quả; nếu thực hiện sẽ dẫn cách mạng đến khó khăn, tổn thất lớn hơn nữa. Vì địch đã thực hiện được việc kiểm soát chặt chẽ. Hầu hết cán bộ bất hợp pháp của ta bị lộ, bọn đầu hàng phản bội, làm tay sai cho địch biết rất rõ, kẻ địch không lạ gì về một số cung cách của cán bộ ta đã chuyển ra hợp pháp. Bọn chúng đã “đúc kết” thành một công thức về cán bộ của ta: *“Lớn tuổi, chưa vợ, không nghề, lúc đi đường thường bước nhanh, thỉnh thoảng hay quay đầu lại”*. Ấy là chưa kể quai dép cao su hằn trên mu bàn chân, mà một thời gian ngắn chưa dễ tẩy xóa được. Nói chung nhiều cán bộ không thống nhất chủ trương, cảm thấy Đảng ta đang bế tắc về đường lối đấu tranh cách mạng ở miền Nam, đề nghị cấp trên báo cáo lên Trung ương xem xét lại.

Tuy không thông suốt chủ trương nhưng các cấp ủy và cán bộ vẫn thi hành một cách nghiêm túc, khẩn trương, thận trọng đầy trách nhiệm, biểu thị Đảng tính cao, tuyệt đối chấp hành nghị quyết của Đảng, phục tùng sự chỉ đạo của cấp trên. Dù khó khăn thế nào, cũng phải tìm cách vượt qua, cũng phải thực hiện cho kỳ

được chủ trương. Có thể nói trong đời hoạt động cách mạng của tôi, trong công tác tư tưởng nội bộ chưa lúc nào khó khăn như lúc này. Tất cả anh em đều phải đổi vùng, đổi họ, đổi tên, giấu tung tích, lánh mặt người thân, tạm gác tình cảm đối với gia đình. Ai có nghề gì thì làm nghề ấy, không nghề thì đập xích lô, khuân vác, phụ hồ, làm thuê phải tự nuôi sống mình và hòa mình vào quần chúng, tuyên truyền, giác ngộ họ, hướng dẫn quần chúng đấu tranh, góp phần tạo lập thời cơ, thúc đẩy thời cơ, làm chuyên biến tình hình. Mỗi cán bộ đảng viên phải tâm niệm một điều: *đồng chí nào không may bị địch bắt thì thà chết, chứ không khai báo, không làm hại phong trào.*

Ở miền núi cũng thực hiện chủ trương giữ thế hợp pháp cho nhân dân, nên tất cả cán bộ người Kinh đều chuyển ra rừng cách xa xóm làng. Lãnh đạo phong trào bằng phương thức hoạt động bí mật, thông qua đảng viên, cán bộ hợp pháp.

Thế là các cấp ủy địa phương lần lượt chuyển dẫn cán bộ ra hoạt động hợp pháp. Năm 1957, Bình Thuận chuyển cán bộ ra hợp pháp được tương đối nhiều; Ninh Thuận, Khánh Hòa chậm và ít hơn. Khi chuẩn bị cho cán bộ chuyển ra hợp pháp, nói đến mấy đồng chí có tay nghề đã góp phần có hiệu quả như: đồng chí Thống, đồng chí Ngân khắc dấu giả rất giỏi; đồng chí Nga, đồng chí Đá thì chuyên môn chụp ảnh, sắp chữ in, giả chữ ký, các đồng chí đã tạo ra những tấm căn cước giả, mà con mắt địch dù tinh tường đến đâu cũng khó phát hiện.

Những chuyến đi hợp pháp, ba lần tôi bị công an địch kiểm tra giấy căn cước đều không phát hiện được. Đáng nhớ nhất là lần đi từ Nha Trang vào Sài Gòn, khi đến Cam Ranh, công an trên tàu kiểm tra và giữ căn cước tôi gần hai tiếng đồng hồ. Bên trong, tôi rất sốt ruột suy nghĩ cách đối phó nếu bị phát hiện được căn cước giả, nhưng bề ngoài vẫn thản nhiên giả nằm ngủ bên những hành khách trên tàu, gần hai giờ sau địch đem trả lại giấy căn cước cho tôi.

Hội nghị liên tỉnh mở rộng kết thúc, Ban cán sự chúng tôi họp quyết định một số vấn đề về tổ chức và nhân sự:

Ngày 20 tháng 1 năm 1957, đồng chí Đỗ Đạt Khoáng, Bí thư Ban cán sự Đà Lạt bị địch bắt. Điều đồng chí Lê Thanh Liêm, Bí thư Khánh Hòa lên làm Bí thư Ban cán sự Đà Lạt. Điều đồng chí Lê Văn Phậ (Ba Dư) cán bộ tổ chức của Ninh Thuận và đồng chí Nguyễn Thanh Thế (Năm Xe) huyện ủy viên Ninh Hòa chuyển ra hợp pháp tăng cường cho Đà Lạt. Điều đồng chí Lê Hình, Bí thư huyện Diên Khánh ra hợp pháp bổ sung cho Tỉnh ủy Ninh Thuận. Điều đồng chí Đặng Thị Hồng cán bộ phụ nữ Phan Thiết bổ sung cho thị xã Phan Rang. Đồng chí Trần Soạn, trưởng đoàn cán bộ lên Bảo Lộc - Di Linh đã tạo được việc làm ở hỏa xa, đứng tại Suối Kiết, nay bổ sung vào Tỉnh ủy Bình Thuận, làm Bí thư thị xã Phan Thiết. Điều đồng chí Nguyễn Tế Nhị, Tỉnh ủy viên, Bí thư thị xã Phan thiết bổ sung vào Tỉnh ủy Khánh Hòa, làm Bí thư thị ủy

Nha Trang. Điều đồng chí Biên, huyện ủy viên của Bình Thuận tăng cường cho huyện ủy Diên Khánh (Khánh Hòa). Điều các đồng chí: Nguyễn Thặng, Tỉnh ủy viên Khánh Hòa ra hợp pháp phụ trách giao liên của Liên tỉnh; đồng chí Phan Văn Minh, nguyên quyền Trưởng ty Công an Ninh Thuận ra hợp pháp phụ trách công tác địch tình Liên tỉnh; đồng chí Diệp Xương trưởng ban Hoa vận Ninh Thuận ra hợp pháp phụ trách công tác Hoa kiều vận Liên tỉnh.

Tôi được phân công đi họp triển khai nghị quyết cho Ninh Thuận, sau đó ra làm Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa, cố gắng tạo cho được thế đứng hợp pháp ở Nha Trang để chuyển dần bộ máy chỉ đạo của Liên tỉnh ra. Anh Võ Dân về triển khai nghị quyết cho Bình Thuận. Tháng 4 năm 1957, anh Trần Lê ra dự hội nghị Tỉnh ủy Khánh Hòa cùng anh Liêm phổ biến và triển khai nghị quyết.

Vào dịp này, Liên tỉnh chúng tôi cũng chủ trương cho một số cán bộ hoạt động bất hợp pháp ra miền Bắc học tập, chữa bệnh. Nhiều đồng chí không muốn đi, nhất là các đồng chí cán bộ quân đội, quyết tâm trụ bám chiến trường, nhưng vì lợi ích lâu dài, các đồng chí đó cũng lên đường. Lại những cuộc tiễn biệt đầy xúc động, lưu luyến khi chia tay.

Cuối tháng 5 năm 1957, tôi ra Khánh Hòa nhận nhiệm vụ. Trên đường qua Khánh Sơn, đi đêm từ Tô Hạp đến Ba Cùm, gặp địch càn, đóng quân giữa đường.

Trời tối như mực, tôi và đồng chí Bảo (tức Bắc) liên lạc cắt rừng tìm đường tránh đi lối khác. Đang xuống dốc, bất chợt tôi bị trượt chân, vai mang gùi nặng, tay trái chống đỡ quá mạnh nên xương cùi tay trái bị gãy. Vết thương sưng to, đau buốt. Đồng chí Bảo phải mang gùi cho tôi, vừa dìu tôi qua một sườn núi, đến một khe sâu, đặt tôi nằm dưới một gốc cây to, đồng chí Bảo đi chặt nửa tươi, chẻ thành nẹp, vót nhẵn, rồi xé vạt áo băng bó vết thương cho tôi. Trong hoàn cảnh này, tình thương yêu đồng chí còn hơn tất cả những liều thuốc quý. Nằm dưới khe sâu, trời đã sáng, nhìn qua vòm lá, thấy những cánh chim bay liệng trên bầu trời cao xanh, lòng tôi bồi hồi nhớ lại những năm tháng kháng chiến hy sinh gian khổ, được sống giữa tập thể, đồng đội, đồng chí, no đói, sống chết có nhau, được sự chăm sóc hết lòng của nhân dân, được thở hít bầu không khí tự do. Tôi vững tin đến một ngày kia, chúng tôi cùng với nhân dân sẽ giành lại được cuộc sống tự do như cánh chim đang bay liệng kia.

Ba hôm sau, tôi về đến cơ quan Tỉnh ủy đóng ở Đồng Bò, anh Liêm đang chờ tôi để bàn giao công việc. Lúc này, Tỉnh ủy còn anh Trần Nguyên Tích, Ủy viên Thường vụ thường trực, anh Tô Văn Ôn phụ trách Ninh Hoà, anh Ba Sơn phụ trách Bí thư Khánh Vĩnh. Anh Nguyễn Thặng đã về liên tỉnh nhận nhiệm vụ mới. Cơ quan Tỉnh ủy cũng đã cho đồng chí Hà Huy An chánh văn phòng ra miền Bắc, và chuẩn bị cho đồng chí Ngô Tư cán bộ quân đội đi tiếp. Nhà thơ Giang Nam và đồng chí Siêu cán bộ giao liên đã chuẩn bị sẵn sàng ra hợp pháp. Khánh Hòa cán

bộ bất hợp pháp còn không nhiều và điều kiện chuyển ra hợp pháp cũng khó nên chuyển chậm và ít.

Huyện Diên Khánh, anh Nguyễn Tấn (Hai Râu) đã được cho đi Bắc chữa bệnh, Tỉnh ủy chỉ định Thiện (Ba thầy chùa) làm Bí thư huyện ủy, đang chuẩn bị ra hợp pháp vào Sài Gòn để chỉ đạo về. Trước khi Thiện đi tôi có gặp và gặp cả Thiên ủy viên thường trực, Thiên cho biết đồng chí Biên ở Bình Thuận đã ra và được bố trí hợp pháp tại địa phương, ở đây chỉ có hai cán bộ xã bất hợp pháp là thợ Sáu, thợ Bảy ở phía bắc huyện (vùng Đại Điền) cũng đã chuẩn bị để chuyển ra. Cơ sở Diên Khánh chỉ còn một số ở các thôn Võ Cạnh, Võ Đồng.

Ở Vạn Ninh, đồng chí Nguyễn Lương đã chuyển ra hợp pháp. Ở Cam Ranh, đồng chí Nguyễn Quý Hanh rút lên cơ quan huyện Khánh Sơn chờ ngày ra hợp pháp. Từ đây hai huyện này đều trắng cơ sở. Thị xã Nha Trang chỉ còn đồng chí Vũ Hồng Tiến nhưng đã chạy dạt vào Sài Gòn từ năm 1956, không còn cán bộ cơ sở nào hoạt động. Huyện Ninh Hòa chưa chuyển được ai ra hợp pháp. Những nơi có phong trào khá như Ninh An, Ninh Thọ và một số thôn ven đường 21, cán bộ còn bám được. Ở Vĩnh Xương, cán bộ bất hợp pháp còn các đồng chí: Tượng, Bí thư huyện; Nghiễm huyện ủy viên cùng hai cán bộ xã: Bùi Hồng Thái và chị Đo, các đồng chí còn bám được. Các thôn phía nam huyện như: Đông Nhơn, Bút Sơn, Thủy Tú, Vĩnh Diêm, Thái Thông, Trường Đông, v.v... đều có cốt cán cơ sở là chỗ dựa cho huyện và tỉnh. Phía bắc huyện các đồng chí Trần Bảo, huyện ủy

viên; Nguyễn Văn Nghiệp cán bộ xã Vĩnh Hòa đã chuyển ra hợp pháp nên cơ sở bị đứt liên lạc.

Ở xã Vĩnh Hòa (nay là các phường Vĩnh Phước, Vĩnh Thọ, Vĩnh Hải, Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang) có một cán bộ bí mật bất hợp pháp, lén lút đầu hàng địch, đánh phá cách mạng trong thời gian khá dài mà vẫn không bị phát hiện. Đây là bài học về quản lý cán bộ, bài học mất cảnh giác nghiêm trọng. Tôi nghĩ cần phải được ghi lại, người đó là Phạm Ngọc Châu (tức Phạm Nhung) quê ở Cù Lao Thượng, xã Vĩnh Hoà. Phạm Ngọc Châu (PNC) được tổ chức lựa chọn ở lại hoạt động bí mật bất hợp pháp, y được tổ chức giới thiệu một cán bộ đảng viên hợp pháp là Nguyễn Nhơn (tức Giàu) để dựa vào đó mà xây dựng và phát triển phong trào. Sau ba ngày về địa bàn được phân công, y bí mật đến ty công an Khánh Hòa đầu hàng, rồi về nhà sinh hoạt đi lại tự do. Cuối năm 1954, y cưới vợ là một tín đồ Tin Lành, mà tổ chức không hề hay biết. Đầu năm 1955, y tung tin: vào một đêm tháng 3, địch đến bao vây nhà bắt y, khi chúng dẫn giải ra đường, lợi dụng lúc địch sơ hở y đã trốn thoát ra rừng sống bất hợp pháp. Y nói: cùng bắt với y có đồng chí Mài, chủ tịch xã Vĩnh Hòa và đồng chí Nguyễn Nhơn. Tháng 7 năm 1955, y gặp đồng chí Trần Bảo, bí thư chi bộ xin tự chuyển lên trạm Hành làm ăn. Anh Bảo đồng ý và dặn y sau khi ổn định ăn ở thì báo cho biết.

Khoảng cuối năm 1955, y lên trạm Hành, xã Xuân Trường, huyện Đơn Dương, tỉnh Tuyên Đức, ở nhà bà

Tám Xuyên. Sau đó, Trương Phán, Lê Cải cán bộ của huyện Diên Khánh cũng đến ở nhà bà Tám Xuyên. Cả ba làm nghề đập đá. Mẹ và vợ y có lên thăm. Đầu năm 1956, Tống Côi cũng là cán bộ của Diên Khánh dẫn Nguyễn Thị Khoan, em vợ của y lên ở với y một thời gian, đập đá không nổi nên thị Khoan xuống Dran ở với Tống Côi làm máy khâu.

Một ngày vào khoảng cuối năm 1956, y và Phán đang lợp nhà giùm cho ông Khuôi, ở gần nhà bà Tám Xuyên; thì bọn công an Diên Khánh lên phối hợp với công an Đơn Dương, trong đoàn có hai tên Soát và Lê Thương vốn là cán bộ kháng chiến, bạn của y đã đầu hàng địch, phản bội. Địch bắt Tống Côi và thị Khoan tại Dran, rồi chở lên nhà ông Khuôi bắt Trương Phán đang lợp nhà, lúc đó có mặt y đứng tại sân nhà ông Khuôi, nhưng chúng để y an toàn. Hai hôm sau địch bắt Lê Cải.

Cuối năm 1956, y chuyển vào Sài Gòn, vợ con từ Nha Trang cũng chuyển vào ở với y một thời gian, và thỉnh thoảng y cũng về Nha Trang.

Tại Sài Gòn, những cán bộ Khánh Hòa chuyển vùng, chạy dạt vào đây, những ai có quan hệ với y như: Tâm cán bộ công đoàn, Vũ Hồng Tiến thị ủy Nha Trang, Siêu cán bộ giao liên của tỉnh và nhiều cán bộ khác tôi không nhớ hết – năm 1958, 1959 đều bị địch bắt. Chỉ trừ chị Lại Thị Liên (vợ đồng chí Hòa tỉnh đội trưởng Phước Long) được ta bố trí đưa ra căn cứ Phước Long; và đồng chí Lê Thanh Liêm thay đổi chỗ ở, rồi rút ra bất

hợp pháp là không bị địch bắt.

Tại Sài Gòn, qua Vũ Hồng Tiến, PNC liên lạc với anh Lê Thanh Liêm xin bố trí công tác và được anh Liêm chấp nhận. Cuối năm 1958, y lên Đà Lạt.

Được khoác áo cán bộ cách mạng Đà Lạt, nhưng từ năm 1958 đến tháng 2 năm 1963, Châu không làm gì cho Đà Lạt, mà chỉ tập trung lo bố trí cho Phan Thành Lợi (tức Trần Tân sau khi địch thả về) về ở nhà cha đẻ của y là Phạm Chí ở xóm Cù Lao, Nha Trang và điều khiển Phan Thành Lợi (PTL) hoạt động tìm cách đánh người vào cơ quan thị ủy Nha Trang và Liên tỉnh 3. Ở Nha Trang, Lợi có tiếp xúc với Phạm Kéo cán bộ của Cục II và cơ sở Nguyễn Văn Viên. Lợi báo cho Châu biết địa chỉ của Kéo và Viên. 15 ngày sau thì Kéo và Viên bị địch bắt (theo PTL).

Lợi có chuẩn bị nhưng chưa đánh được người vào cơ quan thị ủy Nha Trang. Năm 1962, Châu gọi Lợi lên Đà Lạt gặp y, rồi chỉ đạo Lợi chuyển hộ khẩu từ Nha Trang về Sài Gòn. Nơi Lợi nhập hộ khẩu ở Sài Gòn là số nhà 536 của bà Nguyễn Thị Vịnh ở đường Pétrus Ký, quận 3, cũng được Châu xuống xem và chấp thuận.

Đầu năm 1963, Lợi lên Đà Lạt, được Phạm Ngọc Châu đưa ra căn cứ của thị ủy Đà Lạt ở núi Voi. Lần thứ hai, tháng 2 năm 1963 vào dịp tết âm lịch, Châu dẫn Lợi ra căn cứ thị xã ăn tết, rồi y và Bí thư thị ủy Đà Lạt giới thiệu Lợi về phòng II, Cục tham mưu, Quân khu Sáu. Lợi được phòng II bố trí hoạt động hợp pháp từ Đà

Lạt đến Sài Gòn, xây dựng mạng lưới điệp báo A22. Từ đây việc liên hệ công tác giữa Châu và Lợi được cắt đứt. Rồi Châu xin thoát ly hoạt động bất hợp pháp, về công tác ở thị xã Đà Lạt, dần dần y chui sâu, leo cao, đánh phá phong trào cách mạng ở Đà Lạt từ trong chiến tranh cho đến nhiều năm sau hòa bình.

Qua sưu tầm tài liệu dịch để lại, ta thu được tài liệu trong hồ sơ an ninh quan đội nguy theo dõi Phạm Thường sĩ quan quân đội nguy có ghi: *“Phạm Thường có người anh ruột là Phan. Nhung, hoạt động Việt minh Cộng sản từ năm 1948. Tháng 8 năm 1954, ra đầu thú với công an Nha Trang, Khánh Hòa. Sau đó lại đi thoát ly”*. Qua đó, ta phát hiện ra Châu còn một cái tên khác nhưng không khai trong lý lịch, tức Phạm Nhung, tên khai sinh của y.

Những người trong gia đình y nói: vào năm 1958, địch có lệnh truy nã một người mang tên Nguyễn Văn Trung nhưng ảnh lại là Châu, ảnh này địch dán công khai ở phòng thông tin Nha Trang.

Sau này, khi cán bộ thẩm tra hỏi, Châu mới nhận là y có dùng tên Nguyễn Văn Trung vào năm 1958, nhưng sau này không khai vào lý lịch.

Việc Châu khai bị địch bắt cùng anh Mài, anh Giàu, qua xác minh là không có. Những người trong gia đình y không ai biết về chuyện địch đến nhà vây bắt y vào tháng 3 năm 1955; nghĩa là không hề có sự việc này!

Anh Mài và anh Giàu cùng trong tổ chức cơ sở với y

đã bị địch bắt và giết trong những trường hợp khác, nhưng không phải cùng bị bắt với y. Anh Mài bị địch bắt khi anh đi trình diện, sau đó địch bí mật thủ tiêu. Vợ anh Mài giỗ chồng vào ngày 25 tháng 4 âm lịch (1955). Anh Nhơn (Giàu) bị địch bắt tại nhà xã Trì ở Đường Đệ, địch chặt đầu anh Nhơn chôn tại Hòn Một - Ba Làng; vợ anh giỗ anh vào ngày 23 tháng 5 âm lịch (1955).

Xác minh những cán bộ đảng viên ở Diên Khánh chạy lên trạm Hành năm 1955, các anh Trương Phán và Lê Cải nói họ cùng ở với Châu, khi địch đến vây bắt, chỉ có một mình Châu là không hề hấn gì. Bà Tám Xuyên, bà Khuôi, thị Khoan cũng trình bày như vậy.

Xác minh sự kiện anh Phạm Kéo và anh Nguyễn Văn Viên, hai anh này có tiếp xúc với Lợi, một thời gian sau cả hai đều bị địch bắt. Đúng như lời khai của Lợi nói, y đã báo với Châu về hoạt động của hai anh này, kết quả sau 15 ngày thì hai anh đã bị địch bắt.

Trong tài liệu địch để lại ta thu được, ghi nhận Nguyễn Thị Khỏe vợ Châu làm mật báo viên cho cảnh sát quốc gia Nha Trang từ năm 1964 mang bí số B8-EN/F344; em vợ Châu là Nguyễn Thị Khoan làm cộng tác viên hoạt động trong mạng lưới tình báo thuộc bộ chỉ huy cảnh sát quốc gia tỉnh Khánh Hòa mang bí số KNP 349, tuyển dụng tháng 4 năm 1972.

Từ những kết quả xác minh kể trên, cơ quan bảo vệ Đảng tỉnh Lâm Đồng đã giữ kiểm điểm Châu, và lấy lời khai của Nguyễn Thị Khỏe để làm rõ mối quan hệ

của vợ chồng Châu với Lợi và làm rõ những vấn đề chính trị của chính bản thân Châu.

Qua khai báo của vợ chồng Phạm Ngọc Châu chứng minh lời khai của Lợi không có sự kiện nào bị bác bỏ, nhưng lại khác nhau về bản chất. Châu cho đó là “quan hệ cộng tác cách mạng”, còn Lợi nhận là quan hệ hoạt động gián điệp cho địch từ năm 1958 đến 1963.

Về những vấn đề lịch sử bản thân, Châu thừa nhận hai tên Phạm Nhung và Nguyễn Văn Trung đều là tên của y, nhưng y có khuyết điểm là không khai báo vào lý lịch cán bộ, đảng viên. Riêng vấn đề đầu thú với địch tháng 8 năm 1954, y đổ lỗi cho gia đình bắt ép phải đi trình diện và sự kiện này y đã báo cáo với đồng chí Bảo, bí thư chi bộ khi y trốn chạy ra rừng. Đồng chí Bảo hiện còn sống, khi cơ quan bảo vệ Đảng đến gặp để xác minh, đồng chí Bảo nói: không bao giờ Châu báo với đồng chí chuyện y ra đầu thú. Khi cơ quan bảo vệ Đảng hỏi y, vì sao anh không khai báo vào lý lịch cán bộ đảng viên vấn đề anh ra trình diện với địch. Y nói: tôi có ý định để khi nào nghỉ hưu sẽ báo cáo với Đảng sau.

Cơ quan bảo vệ Đảng biết rõ đồng chí Bảo khi chuyển ra hợp pháp cũng bị địch bắt nên có sưu tầm tài liệu của địch nói về đồng chí Bảo. Từ đó ta biết rõ đồng chí Bảo khi bị địch bắt có khai báo về Châu, nhưng không hiểu vì lý do gì mà địch không bắt Châu.

Nguyễn Thị Khỏe, Nguyễn Thị Khoan đều thừa nhận có làm mật báo viên cho công an nguy.

Căn cứ vào nội dung kiểm điểm Phạm Ngọc Châu, đối chiếu với tiến trình lịch sử và nguyên tắc tổ chức của Đảng; cơ quan bảo vệ Đảng tỉnh Lâm Đồng, lúc đó tôi được mời làm cố vấn cho ban đã nêu ra 10 câu hỏi để Châu tự giải trình như sau:

- Tại sao anh và Lợi không quen biết và cũng không cùng tổ chức cơ sở Đảng mà anh lại phụ trách điều khiển hoạt động của Lợi suốt từ tháng 10 năm 1958 đến tháng 2 năm 1963?

- Tại sao anh nói là anh đang bị truy nã mà lại giới thiệu Lợi về ở gia đình anh để hoạt động cách mạng?

- Anh nói là gia đình anh tốt, tại sao họ lại ép anh ra trình diện với địch?

- Anh Bảo bí thư chi bộ nói: anh không báo cáo với anh ấy việc anh ra đầu thú với địch, vậy anh nghĩ sao?

- Tổ chức có tài liệu chứng minh anh Mai và anh Giàu không bị địch bắt với anh vào ngày tháng 3 năm 1955, anh nghĩ sao?

- Khi đi trình diện với địch, anh đã khai báo những gì với địch, và địch hỏi anh vấn đề gì?

- Tổ chức có tài liệu chứng minh rằng không có sự kiện đang đem địch vây bắt tại nhà anh vào tháng 3 năm 1955, anh nghĩ sao?

- Việc anh không khai báo vào lý lịch tên khai sinh Phạm Nhung và tên Nguyễn Văn Trung mới đặt thêm

vào năm 1958, vì động cơ gì ?

- Tại sao vấn đề anh bị Pháp bắt 15 ngày vào năm 1948 trước đây anh không khai lý lịch. Sự kiện này thực chất là gì?

- Vợ anh là Nguyễn Thị Khỏe và em vợ anh là Nguyễn Thị Khoan, cả hai đều làm mật báo viên cho công an nguy quyền anh có biết không?

Mười câu hỏi trên Phạm Ngọc Châu chỉ có bốn cách trả lời:

Một là, tôi làm theo chỉ đạo của anh Ba Dư, anh Mười Liêm toàn là những người đã chết cả rồi, không thể xác nhận đúng hay sai.

Hai là, thiếu sót của bản thân tôi.

Ba là, người khác không thừa nhận tôi đành chịu chết.

Bốn là, tôi không biết gì hết.

Thông báo số 361/TU ngày 25 tháng 1 năm 1989 cho biết ngày 24 tháng 1 năm 1989, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng đã quyết nghị xử lý kỷ luật về Đảng đối với Phạm Ngọc Châu bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng.

Tiếp theo Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng họp hai ngày 8 và 9 tháng 5 năm 1989 để quán triệt và thực hiện Thông báo số 134/TB ngày 15 tháng 4 năm 1989 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và sự chỉ đạo trực tiếp của

đồng chí Trần Quốc Hương, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Nội chính Trung ương. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng quyết định thành lập Ban chuyên án CNB 89⁽¹⁾. Ban chuyên án có nhiệm vụ giải quyết ba vụ án nghi là địch.

Ban chuyên án CNB 89 làm việc dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng và sự chỉ đạo về nghiệp vụ của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Đáng tiếc là Ban chuyên án đã được thành lập đang làm việc dở dang thì dừng lại, lý do được cấp trên cho biết là có nhiều vụ án quan trọng và đang thiếu cán bộ nghiệp vụ nên tạm gác; khi nào thấy cần và có điều kiện sẽ mở lại. Đây là một trong những sự kiện còn lại đáng được lưu ý.

*

* *

Xin trở lại Nha Trang. Tôi được giao nhiệm vụ tạo thế đứng hợp pháp vững ở Nha Trang để chuyển cơ quan chỉ đạo ra trong tình hình Nha Trang không còn một cán bộ nào hợp pháp hay bất hợp pháp. Thuyết phục anh Vũ Hồng Tiến về hoạt động bí mật bất hợp pháp nhưng sức khỏe anh không đảm bảo và vợ con đều vào Sài Gòn nên không về được. Cốt cán cơ sở bị bắt nhiều, số còn thì cũng bị lộ. Tôi và anh Tích thường trao

1. CNB 89 - C là Phạm Ngọc Châu.

đổi tìm xem phải làm gì và làm thế nào để thực hiện nhiệm vụ trên giao trong tình hình Nha Trang khó khăn như vậy. Chúng tôi tập trung sức cố gắng xây dựng cơ sở ở Chợ Mới làm bàn đạp đi vào nội thị. Ở đây có cơ sở bảo vệ, có hầm bí mật, có tự vệ, có liên lạc. Chọn một số cán bộ cốt cán ở nông thôn có điều kiện cắm vào thị xã để xây dựng một số cơ sở mới tại chỗ. Trong cơ quan chúng tôi chọn đồng chí Lâm, liên lạc viên nhiều năm, để kèm cặp, dìu dắt, đào tạo thành cán bộ cho Nha Trang. Lâm sinh ra và lớn lên trong một gia đình nghèo ở Nha Trang, thoát ly tham gia kháng chiến lúc 14 tuổi, là chiến sĩ giao liên trong kháng chiến chống Pháp. Lâm nói với tôi là ở nhà chỉ còn bà mẹ già nghèo khổ lắm, cậu ta rất thương mẹ. Được sự giáo dục của Đảng và thử thách qua thực tiễn công tác, Lâm trưởng thành, rất chịu khó, tận tụy công tác, tính tình trầm tĩnh, trung thực, chất phác. Những ngày ở căn cứ, Lâm thường đi tuần tra kết hợp lấy rau rừng, xuống suối bắt cá, bẫy chim nuôi anh em ốm đau. Lâm thuộc đường ngang, lối tắt vùng Nha Trang như thuộc những đường chỉ trong lòng bàn tay, nên thường dẫn đường cho tôi đi hoạt động ở nội thị. Từ Đồng Bò vào bàn đạp phải qua nhiều lạch nước mặn, mỗi người một bọc ni lon, nhiều khi phải ngâm mình trong kênh lạch lạnh buốt, ẩn mình dưới những cánh bèo, bụi cây. Lâm dẫn tôi len lỏi từ Đồng Bò vào bàn đạp Chợ Mới, dừng lại cải trang rồi cùng nhau vào nội thị. Một lần bất ngờ gặp địch tuần tiễu, chúng tôi trắm mình dưới nước sâu, rồi bơi quẹo

qua một khúc ngoặt đi thoát. Lên bờ bọc ni lông của tôi bị gai cào, nước vô, quần áo ướt hết. Biết tôi sức yếu, dễ nhiễm lạnh, Làm dành quần áo khô của mình cho tôi mặc. Làm cởi quần áo ướt ra, vắt ráo nước, rồi để mình trần trong gió lạnh, giục tôi đi tiếp.

Xây dựng được một số cơ sở mới đáng tin cậy, bắt đầu có chỗ dựa, chúng tôi vượt qua những ngày tháng gian khổ, khó khăn lúc đó. Tình cảm nhân dân hướng theo cách mạng đã sưởi ấm chúng tôi, tình thương của người dân đối với cán bộ cách mạng là vô bến bờ. Lúc hoạt động trong thành phố Nha Trang, những hình ảnh tiêu biểu cho sự cứu mạng, che chở của các má, các dì, các chị với cán bộ cách mạng mà tôi không sao quên được như chị Hai ở Phường Củi, chị Tồn bán trầu cau ở chợ Đầm; dì Tư ở Ngọc Hội, gia đình chị Hai, chị Ba ở Chợ Mới, gia đình anh Đạm ở đường Hoàng Tử Cảnh (nay là đường Hoàng Văn Thụ), chị Bốn vấn thuốc điều ở nhà 20 Lê Đại Hành, một số em học sinh, v.v...

Nhưng trung thực mà nói, hơn hai năm lăn lộn, chúng tôi chưa tạo được thế đứng vững để đưa cơ quan chỉ đạo vào đây.

Vào hoạt động trong vùng địch ở thời kỳ khó khăn này thật sự là một thử thách quyết liệt, càng làm bộc lộ rõ phẩm chất, tư cách, năng lực của cán bộ đảng viên. Phần lớn các đồng chí ra hoạt động hợp pháp bị địch bắt, chúng tra tấn dã man, nhưng đều giữ được khí tiết cách mạng. Có đồng chí đã anh dũng hy sinh. Như tám

gương hy sinh cao đẹp của anh Nguyễn Chí Khương, tỉnh ủy viên Ninh Thuận, Bí thư thị ủy Phan Rang-Tháp Chàm. Một lần anh xuống cơ sở, đi đến Giếng Bông thì bị địch mai phục, chộp bắt. Chúng dùng mọi cực hình tra tấn rồi lại dụ dỗ, mua chuộc, nhưng anh vẫn giữ vững dạ sắt, gan đồng. Anh đã thẳng tay vạch trần tội ác của địch, nêu cao chính nghĩa của Đảng, của cách mạng trước lúc hy sinh.

Hình ảnh của đồng chí Toại cán bộ quân báo và đồng chí Phụng cán bộ xã Nhơn Sơn (Phan Rang) đã làm chúng tôi khâm phục và nhớ mãi. Trong lúc hai đồng chí đang lặn lội công tác, bị địch bắt ở phía bắc Phan Rang, chúng đưa hai đồng chí đến rạp hát Hòa Bình, nơi đây địch đã lập sân diễn đàn “tố cộng” hòng hạ uy tín của Đảng ta trước quần chúng. Nhưng trước diễn đàn này hai đồng chí ta đã vạch trần âm mưu bẩn thỉu của địch, tội ác tày trời của chúng, nêu cao truyền thống yêu nước, bất khuất của quê hương, sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Bác Hồ. Bọn địch hoảng hốt xô đến bịt miệng hai đồng chí rồi đem đi bắn. Tấm gương hy sinh bất khuất của hai đồng chí Toại và Phụng đã làm cho kẻ địch khiếp sợ, chúng đã không hạ được uy tín của Đảng mà còn làm cho nhân dân thêm cảm phục chúng và càng tự hào về những người con trung hiếu của Đảng.

Trước sự tàn bạo điên cuồng của kẻ địch, đội ngũ cán bộ, đảng viên nhất là những cán bộ chủ chốt vẫn vượt qua khó khăn quyết tâm tạo thế trụ vững trên địa bàn được Đảng phân công.

Do sự đòi hỏi của phong trào, với trách nhiệm là thường trực ban cán sự liên tỉnh, tôi thường phải đi khi vào Sài Gòn, lúc lên Đà Lạt, lúc vào Bình Thuận, Ninh Thuận để nắm bắt tình hình, kịp thời góp ý kiến với các anh, cố gắng giữ sự chỉ đạo bên ngoài, bên trong của địa bàn cách mạng cực Nam Trung Bộ.

Nhờ bám trụ tại địa bàn, lăn lộn với phong trào, gần gũi cơ sở, chúng tôi càng thấy rõ âm mưu, thủ đoạn thâm độc xảo quyệt và tàn bạo của kẻ thù, kịp thời chỉ đạo uốn nắn những lệch lạc của cán bộ đảng viên, đề lãnh đạo quần chúng đối phó với kẻ địch, giảm bớt tổn thất, giữ gìn thực lực cách mạng.

Đặc biệt, chúng tôi được sự chỉ đạo cụ thể, kịp thời của Liên khu ủy 5 mà người đại diện là anh Trần Lê. Anh là một cán bộ có tính nguyên tắc cao, kiên quyết chấp hành nghị quyết của Liên khu ủy, chịu khó lăn lộn trong phong trào, dạn dày, tinh táo và nhạy bén, vì thế anh thường nắm bắt được vấn đề thực tiễn nóng hổi, kịp thời rút ra những kinh nghiệm để chỉ đạo phong trào gây dựng cơ sở, hướng dẫn quần chúng đấu tranh.

Để tránh tổn thất, ở đồng bằng và thị xã, chúng tôi chuyển phương châm đấu tranh, chủ yếu là đấu tranh nhỏ lẻ, đòi quyền dân sinh, dân chủ làm sao có lợi, có lý để giữ vững phong trào và không được lộ lực lượng. Cán bộ đảng viên cơ sở cách mạng tuy lại ít, nhưng đã được thử thách, rèn luyện trở thành những người trung kiên. Cần kiên trì tiếp tục móc

xây dựng lại nòng cốt, giữ chặt liên lạc giữa trên và dưới, giữa ngoài và trong, lãnh đạo duy trì phong trào đấu tranh của quần chúng.

Ở miền núi, phải khắc phục đấu tranh hợp pháp một chiều. Phải hướng dẫn quần chúng bỏ phòng, canh gác, chống địch lùng sục, chống biệt kích để tự bảo vệ mình và không được quên nhiệm vụ xây dựng căn cứ miền núi, tạo thế đứng vững chắc lâu dài cho phong trào cách mạng địa phương.

Trong tâm tư nhiều cán bộ đảng viên lúc này cũng có những băn khoăn trước những tổn thất của phong trào. Không thể nào để kẻ địch thắng tay tha hồ bắt, giết, tra tấn, tù đày, dìm cách mạng trong biển máu. Nhiều đồng chí đã đề nghị cho diệt những tên ác ôn nguy hiểm để chặn bớt bàn tay tội ác của chúng, nhưng vẫn sợ làm như vậy có trái với chủ trương của Đảng không? Đúng là tình hình lúc này đòi hỏi phải có sự chuyển hướng chỉ đạo sao cho thích hợp với thực tiễn và phải báo cáo lên với Đảng những vấn đề thực tiễn đó.

Sau khi ổn định được tình hình ở đồng bằng, năm 1957, địch mở chiến dịch “thượng du vận” đánh phá phong trào cách mạng miền núi, tha hồ càn quét, khủng bố. Đi đến đâu chúng cũng đốt nhà, đốt các kho bắp, lúa của dân, chặt phá cây ăn trái, bắn giết trâu bò, bắt dân tập trung xuống đồng bằng, truy bắt cán bộ cơ sở. Trước hết, chúng tập trung dồn dân ở vùng

thấp, tiếp đến là vùng giữa và vùng cao. Bất dân dồn về các khu tập trung, bắt rào làng, lập bộ máy kìm kẹp. Ban cán sự liên tỉnh kịp thời chỉ đạo chống phá kế hoạch dồn dân, lập các khu tập trung của địch, chuyển hướng phương châm đấu tranh ở miền núi là kết hợp đấu tranh hợp pháp và bất hợp pháp; tranh thủ thế hợp pháp nhưng phải rất coi trọng đấu tranh bất hợp pháp. Chỉ đưa những người già, phụ nữ lớn tuổi trực diện đấu tranh với địch, tranh thủ vận động giới thiệu người tốt vào làm tề, làm dân vệ, tranh thủ binh lính, nhất là lính người dân tộc, đấu tranh không chịu tập trung xuống bằng, không rào làng, đòi về làng cũ, đòi được đi lại làm ăn, đòi về rẫy cũ, v.v... Thanh niên, nông dân khỏe mạnh thì vào rừng sống bất hợp pháp, làm kho bí mật cất giấu lương thực của cải, phát triển bố phòng rộng rãi cả những nơi sản xuất và đường vào rẫy. Tổ chức thanh niên canh gác, báo tin. Những nơi địch chưa đến vùng giữa, vùng cao – từng *palay* (mé núi) từng xã đều có căn cứ bí mật, có kho bí mật cất giấu của cải trong rừng; bố phòng rộng rãi, tổ chức thanh niên canh gác, báo tin chặt chẽ. Chúng tôi nhận thức nếu không giữ được dân ở miền núi thì không thể có cơ sở để xây dựng căn cứ địa.

Mùa xuân năm 1958, tôi rời Nha Trang về căn cứ để họp Ban cán sự Liên tỉnh đẩy phong trào tiến lên với niềm tin tưởng con đường cách mạng nhất định sẽ vượt qua những ngày khó khăn lịch sử này.

Chương 2

Chuyến hương vườn lên

Ngay từ cuối năm 1957, trong không khí căng thẳng ngọt ngào đè nặng lên dải đất cuối cùng của miền Trung này, chúng tôi đã chăm chú theo dõi những bước phát triển mới ở vùng núi phía tây bắc tỉnh Ninh Thuận. Đồng bào dân tộc Rắclay và Chill, chủ nhân của vùng rừng núi thâm nghiêm này vốn có truyền thống rất quý: *Kiên cường bất khuất trước bạo lực cường quyền của địch, phóng khoáng chân chất trong cuộc sống hàng ngày; sáng chói lòng tin vào Đảng*. Trong lịch sử tranh đấu bất khuất của mình, năm 1943 đồng bào đã dấy giết chết tên công sứ Pháp và hai tên cai thầu bọn này đầy đoạ quá khắc nghiệt đối với 500 phụ nữ đồng bào toàn người dân tộc thiểu số bị bắt đi lao động khổ sai. Năm 1944, họ lại nổi

giết chết tên Bô-lô-nanh chủ đồn điền sở Đá Bạc và đốt hết xe cộ, nhà cửa của sở này tại Krông Pha, chỉ vì tên Bô-lô-nanh quật lương và đánh đập công nhân người dân tộc. Năm 1945, họ mang tên nà, xuống núi, phối hợp với người Kinh đánh Pháp, đuổi Nhật, khởi nghĩa giành chính quyền ở Phan Rang. Sau đó, khi quân Pháp trở lại xâm lược, đồng bào lại hăng hái đứng lên đánh giặc giữ làng, xây dựng Bác Ái cùng vùng núi phía tây thành một trong những khu căn cứ vững chắc của phong trào kháng chiến cực Nam Trung Bộ.

Trong năm 1957, địch bắt đầu đánh phá quyết liệt vào vùng núi phía tây này, dồn dân về các khu tập trung dưới bằng để kìm kẹp quần chúng. Lãnh đạo của ta lúc đầu bám trong dân, chỉ đạo quần chúng các dân tộc đấu tranh giành cơ với địch. Sau đó để giữ thế hợp pháp cho dân, những cán bộ người miền xuôi lên đều chuyển ra rừng ở xa dân, nắm tình hình chậm, chỉ đạo không kịp thời, nên địch đã dồn được dân ở nhiều nơi. Tuy vậy, nhân dân vẫn đấu tranh quyết liệt. Nhiều gia đình trốn vào rừng, không để địch dồn. Một phụ nữ dân tộc Rắclay (Raglay) ở xã Phước Kháng, Bác Ái Đông – chị Dú bị địch bắt, chúng buộc chị dẫn đến chỗ cán bộ và đồng bào tránh lánh, chị đã nhảy từ mỏm núi cao xuống khe sâu ngay trước mặt bọn lính ngục, thà thịt nát xương tan chứ quyết không khuất phục kẻ thù. Số dân bị dồn về các khu tập trung cũng luôn luôn đấu tranh với địch, đòi về lại rẫy rừng cũ làm ăn.

Giờ đây, trước sự đánh phá ác liệt và dồn dân đã

man của địch, vì sự sống còn của bản thân, họ âm thầm bảo vệ bằng bạo lực, nhưng sợ Đảng không cho, nên giấu Đảng không xin lời Đảng. Họ căm thù hai tên cảnh sát ác ôn khét tiếng: Man Long và Man Dênh. Tên Man Long dẫn lính vào Ma Nai, Ma Trai bắn chết người già, chặt chân tay trẻ em, mổ bụng phụ nữ. Vô cùng phẫn uất, dân làng tự động vây bắt Man Long định đem vào rừng sâu trừng trị. Nhưng dự định táo bạo ấy lọt tới tai cán bộ, cán bộ giải thích là không nên giết, chỉ cho trói gô nó lại khiêng xuống huyện An Phước đấu tranh vạch tội ác của địch, hạ uy thế nó. Tên Dương Tấn Phát quận trưởng An Phước buộc phải đứng ra năn nỉ xoa dịu đồng bào. Từ đó tên Man Long phải chùn tay, không dám hung hăng như trước.

Còn tên Man Dênh thì hàng ngày dẫn lính đi lùng sục dân làng, bắt chụp hình, lấy cạc, đi vô khu tập trung, ai không nghe nó dọa bắn bỏ. Ở Hà Lá Thượng nó bắt bỏ tù già Kim, đánh trọng thương A Nhớ, cướp mã la, heo gà của nhà anh Ngay. Dân làng họp, không cho cán bộ biết, đồng bào cắt máu ăn thề: *"Bắt tên Man Dênh phải quỳ xuống, để dân làng ta đứng lên! Nếu để tên Man Dênh đứng dậy, thì nó đập đầu dân làng ta chết hết!"*.

Muốn sống với núi rừng thì làng phải cùng một bụng, một gan. Một làng chưa mạnh thì nhiều làng hợp lại. Người già, phụ nữ giáp mặt với nó nếu không đủ sức thì đã có thanh niên. Đấu tranh với nó không chỉ có tay không mà phải có cây, dây, tên ná. Phải bắt tên Man Dênh quỳ xuống, đấy là tiếng thét, là lời thề...

Đồng bào kéo đến vây chặt tên Man Dênh tại Ma Oai, lúc nó đang bắt ép dân đi tập trung. Man Dênh run sợ, mặt tái xanh giữa vòng vây và tiếng thét:

- *Man Dênh! Mà phải quỳ xuống chịu tội. Mà không phải giống tóc quân, mũi lõ, mắt đục như Mỹ, mà ăn rau canh, ăn bắp núi ông bà, sao mà bắt dân bỏ rừng, bỏ núi của ông bà theo thằng Mỹ?*

Những cánh tay rắn chắc, gân guốc, đen sạm, chia tua tủa vào mặt tên Man Dênh.

Dân Hà Lá Hạ, Hà Lá Thượng, Ma Oai, Châu Đắc đều một bụng, một gan sống chết với núi rừng ông bà, chứ không chịu đi đâu hết. Mà cướp của dân thì phải trả lại cho dân. Mà đáng tội chết nhưng chúng tao tha chết cho mày. Nhưng mày phải chịu mấy roi để nhớ đời.

Một tiếng hô lớn:

- Đè đầu nó xuống đánh ba roi !

Như một con chó, Man Dênh cúi đầu, rồi nằm rạp mình xuống đất, chịu ba roi trừng phạt của nhân dân quát lên đầu, lên lưng. Hắn lấp bắp hứa từ nay về sau không bắt dân đi chụp hình, lấy cạc và đi tập trung nữa.

Trong những ngày này, chúng tôi được nghe báo cáo về nhiều gương đấu tranh bất khuất và tinh thần quật khởi của đồng bào các dân tộc miền núi. Có một ông già ở Đầu Suối đã bốn lần giương ná định bắn bọn ác ôn lòng sục, cướp phá, nhưng cán bộ cản lại, ông già phải bấm bụng hạ ná xuống. Lần cuối cùng ông bẻ gãy

ná quăng xuống đất, nói giận dữ: “*Chúng nó đốt nhà, phá rẫy, không cho dân sống, cách mạng không thương dân sao mà không cho tao bắn bọn nó?*” Sau đó mấy ông già ở Ma Nai kéo lên núi Tà Nang gặp huyện ủy, xin huyện ủy cho đồng bào được đánh địch để bảo vệ xóm làng, núi rừng. Chính vào thời điểm này, trong huyện ủy nổ ra cuộc đấu tranh khá gay go. Có đồng chí chủ trương không cho đánh, vì như vậy là vi phạm Hiệp định Giơ-ne-vơ. Có đồng chí thấy cần phải chấp thuận ý nguyện của đồng bào, cho phép đồng bào được bảo vệ bằng bạo lực của mình, vì chính kẻ thù đã dùng vũ khí đàn áp nhân dân. Cuối cùng cuộc tranh luận được dung hòa ở mức độ cho bắn ná chứ không được bắn súng. Bắn súng, tiếng nổ kêu to, tình hình sẽ cộm lên. Và bắn ná cũng chỉ được bắn những tên cầm lửa đốt nhà, dẫn đường bắt cán bộ và những tên mang phù hiệu các sắc lính chứ không được bắn lung tung. Đồng bào vô cùng phấn khởi vì được Đảng cho phép đánh địch bằng tên ná. Vì vậy nhà nào cũng đi rừng chọn gỗ đẽo ná. Địch chết nhiều, sợ trên phê bình khi báo cáo ai cũng khai là bắn ít, chết vài ba tên ác ôn thôi. Ai bắn người ấy biết, không nói với người khác. Ngoài việc bắn ná đồng bào còn sử dụng mọi thứ vũ khí thô sơ khác có trong tay. Anh Đấu ở Cầu Đá xã Phước Kháng dùng dao chém rụng đầu một tên ác ôn và đâm bị thương nặng hai tên khác. Một ông già ở xóm Đậu dùng xà gạc chém sả vai một tên lính khi nó định hãm hiếp một phụ nữ. Tên Thái Bá Sơn, thám báo giả dạng con buôn, lên các thôn

xóm dò la tình hình để phục vụ cho địch cần quét bị đập chết ở Tà Lu. Các tên Tư Gấn, Biên, Lý, Thế, Cu La đều là thám báo cũng bị dân giết chết cả lũ tại sông Trương (Phước Bình). Anh Quá ở Cầu Đá dùng mìn đâm chết hai tên địch và hy sinh anh dũng. Một cụ già ở Dốc Đèo, tự tay chém đứa con phản nghịch vì nó đưa giặc về làng đốt phá.

Một số thanh niên trốn ra rừng, tự tổ chức thành những khu dân cư mới ở bất hợp pháp, nên đã phải tự vệ bằng canh gác, gài chông bẫy, bố phòng chống trả địch đi lùng càn với danh nghĩa bề ngoài là chống thú rừng nhằm giữ thế hợp pháp với địch.

Lòng căm thù của nhân dân trước sự tàn bạo của kẻ địch như ngọn lửa âm ỉ chờ cơn gió thổi bùng lên, quần chúng trông chờ Đảng như thèm khát một luồng gió mới.

Và điều mong đợi đã đến. Đầu năm 1958 về đến cơ quan liên tỉnh, anh Trần Lê nhận được điện của Liên khu ủy, mời ra họp gấp, để bàn nhiệm vụ mới của cách mạng miền Nam. Bức điện khẩn tuy chỉ ngắn ngủi mấy dòng, vẫn làm cho chúng tôi rạo rực, phấn khởi hẳn lên. Trước khi đi họp, anh Trần Lê mời Ban cán sự Liên tỉnh họp bàn một số công tác cần kíp trước mắt, nhưng anh Võ Dân ở Bình Thuận quá xa không về kịp, nên cuộc họp chỉ có anh và tôi. Như những bạn đường tâm đắc, chúng tôi bộc bạch với nhau những suy nghĩ ấp ủ sâu kín trong lòng. Đó là tinh thần bản *Đề cương cách mạng miền Nam* của đồng chí Lê Duẩn mà chúng tôi

nhận được từ nhiều nguồn khác nhau. Riêng tôi, có may mắn được nghe những nội dung của bản đề cương lịch sử này vào dịp công tác hợp pháp ở Sài Gòn qua đường dây đặc biệt của miền Đông Nam Bộ.

Trong chuyến đi mà tôi nhớ mãi này, anh Hà (về sau là ủy viên Thường vụ đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo) đưa tôi đến gặp anh Sáu, một trong những cán bộ lãnh đạo miền Đông Nam Bộ. Điều thú vị là mới mở đầu câu chuyện, chúng tôi đã ý hợp tâm đầu. Với giọng nói cởi mở, anh Sáu truyền lại cho tôi về đại ý những quan điểm chỉ đạo của đồng chí Lê Duẩn: *Thời kỳ đấu tranh hợp pháp một chiều đã qua, bây giờ là lúc cần phải tạo thế, tạo lực bằng bạo lực chính trị. Chính trị là bạo lực cách mạng của quần chúng, chứ không phải cúi đầu, tự trói tay nộp mạng cho địch. Địch đã dùng bạo lực đàn áp, quần chúng phải dùng bạo lực chống lại.* Miền Nam - Thành đồng Tổ quốc, muốn tự giải phóng cho mình, điều hiển nhiên là phải làm cuộc cách mạng tháng Tám lần thứ hai.

Anh Trần Lê và tôi thăm liên hệ những quan điểm ấy với tín hiệu mong muốn nổi dậy của quần chúng ở địa phương. Tức nước ắt vỡ bờ, sức đè xuống càng mạnh thì sức bật lên càng cao... Đó là lẽ tự nhiên, đồng thời cũng là quy luật về sự vùng dậy của quần chúng trong đấu tranh cách mạng. Đồng bào miền Nam nói chung và đồng bào cực Nam Trung Bộ nói riêng, lẽ nào cam chịu mãi cảnh nước sôi, lửa bỏng, chịu ép một bề để địch tự do tiêu diệt mình.

Kẻ địch đã đẩy dân ta vào cái thế mà họ phải tự vùng dậy dưới sự lãnh đạo của Đảng để tự cứu mình, cứu nhà, cứu nước. Không còn chần chờ được nữa, đã đến lúc đồng bào cực Nam Trung Bộ nhất tề đứng lên thét to vào mặt kẻ thù: *“chúng mày đã gây nợ máu, chúng mày phải trả bằng máu”*.

Đoán biết cuộc hành trình này có thể dài và lâu, phong trào cần có sự chèo lái liên tục, cho nên anh Trần Lê giao cho tôi nhiệm vụ vừa phụ trách phong trào Khánh Hoà, vừa lo công việc chung của Liên tỉnh và trao đổi với tôi những công tác cần kíp trước mắt. Trong khi chờ chỉ thị của Liên khu ủy 5, dựa vào tinh thần bản Đề cương, chủ yếu tôi nhất trí chủ trương duy trì hệ thống lãnh đạo hợp pháp và bất hợp pháp, ngưng việc tiếp tục chuyển cán bộ ra hợp pháp, rút một số cán bộ hợp pháp bị lộ về căn cứ để giữ gìn lực lượng và bố trí công tác mới cho phù hợp với tình hình hiện tại. Chúng tôi bàn kỹ về các biện pháp chống phá âm mưu tập trung của địch, xây dựng căn cứ miền núi ngày càng thêm vững chắc, tổ chức lực lượng tự vệ vũ trang, bí mật diệt ác, tích cực hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Lúc chia tay, với giọng nói ấm áp, anh Trần Lê nói với tôi những lời tâm huyết: *Tình thế đã chín muồi rồi, ở nhà anh em mình cứ theo chủ trương đã bàn mà làm, ra ngoài hợp, có gì mới, mình sẽ điện về để anh em rõ!*

Mấy tháng sau tôi được biết, ra tới Khu 5, anh

Trần Lê cùng các anh trong Khu ủy ra Hà Nội dự Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng bàn về đường lối cách mạng miền Nam, mãi đến đầu năm 1960 anh mới về.

Sau khi anh Trần Lê đi họp, tôi gấp rút họp với các tỉnh triển khai những chủ trương mới mà anh Trần Lê đã bàn với tôi. Sau đó, tôi về cơ quan Tỉnh ủy Khánh Hòa bố trí chuyển đi công tác hợp pháp, gặp anh Lê Thanh Liêm, Bí thư Ban cán sự Đà Lạt, gặp tất cả các đầu mối hợp pháp do tôi phụ trách để truyền đạt nội dung trên.

Giữa năm 1958, sắp xếp công việc ở Khánh Hòa xong, tôi vô Ninh Thuận và Bình Thuận. Ở Ninh Thuận, tôi cùng anh Trần Hiếm, anh Ba Công và Tỉnh ủy Ninh Thuận sống những ngày thật sôi động nơi căn cứ Bác Ái- quê hương của hai dân tộc anh em Rắclay và Chill. Cuộc chiến tranh chống địch đồn dân đang diễn ra quyết liệt, núi rừng không lúc nào im lặng, ngày và đêm đây đó tiếng hú gọi nhau âm vang vách núi. Những bóng đàn ông lực lưỡng tay cầm ná, lưng đeo ống tên, ẩn hiện trong các lùm cây, những tốp thanh niên mang gùi hối hả vạch đường đi sâu vào rừng rậm tìm gặp cách mạng.

Ở đây có một hiện tượng kỳ diệu về mối dây liên hệ không bao giờ bị đứt rời giữa Đảng và quần chúng. Cơ quan huyện ủy, Tỉnh ủy đóng trên núi cao, rất bí mật, nhưng cán bộ cốt cán người dân tộc vẫn tìm đến

tận cơ quan để xin lời Đảng. Quyết tâm phá các khu tập trung để cứu những người thân ở đó, đang bị nạn đói đe dọa và nạn dịch đang hoành hành. Một số cán bộ bị bắt tập trung đã xé rào tìm đường về xin lời Đảng.

Trong khí thế sục sôi này tôi gặp các cốt cán Chamaléa Năm, Pi Năng Tắc, Chameléa Thà, Chamaléa Liệu, Cator Nghèo, v.v... Đây là những cán bộ cốt cán giàu lòng yêu nước, một thời gian đã giấu Đảng âm thầm chỉ đạo nhân dân các dân tộc Bắc Ái dùng bạo lực cách mạng chống lại dịch, bảo vệ xóm làng. Vốn từng yêu mến, cứu mang chúng tôi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và những năm đầu sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, nên khi gặp lại chúng tôi những anh em đó hết sức vui mừng. Anh em nói với chúng tôi hết sức cởi mở chân thành, một lòng một dạ tin Đảng, tin cách mạng.

Hai năm qua dịch khủng bố ác liệt, đời sống đồng bào lâm vào cảnh thiếu thốn, đồng thời còn phải chịu sự hy sinh, gian khổ, nhà bị dịch đốt cháy, người chết, xóm làng xơ xác, hoang tàn. Những tấm lòng tình nghĩa của đồng bào đối với cán bộ thật không thể lấy thước mà đo. Bà con thường mang cho chúng tôi con cá bắt dưới suối, con chim bắt được trong rừng, buồng chuối trồng trên rẫy, bà con chỉ xin Đảng một điều là được đánh dịch. Mũi tên, cái ná thì đồng bào đã có sẵn và nếu được thì xin cách mạng một khẩu súng. Bà con đã nói lời thề sắt đá: nhân dân các dân tộc thuộc Bắc Ái không bao giờ xa Đảng, xa Bác Hồ. Nghe chuyện tâm tình của bà con, tôi nghĩ lòng

dân ý Đảng đã gặp nhau, đó là nguồn sức mạnh vô cùng to lớn.

Ngồi quanh bếp lửa, đã nhiều lần tôi nói với bà con: Cái bụng của người Rắclay, người Chill, Đảng và Bác Hồ đã hiểu thấu. Mỹ Diệm độc ác như con cọp, con heo rừng, muốn đánh bại nó thì đồng bào Kinh, Chăm, Thượng phải đoàn kết một lòng như Bác Hồ dạy. Đoàn kết tốt nhân dân ta ắt thắng bọn chúng.

Tôi cùng anh Trần Hiếm, anh Ba Công và một số đồng chí trong Tỉnh ủy Ninh Thuận họp kiểm điểm, đánh giá tình hình và đề ra một số biện pháp cấp bách để đưa phong trào vươn lên một thế mới. Đó là lãnh đạo số nhân dân còn lại trên núi tập trung thu hoạch lương thực làm kho giấu kỹ trong rừng, bố phòng cẩn mật, ngăn chặn địch càn quét, đốt phá. Thành lập ở huyện một đội vũ trang nòng cốt và tổ chức lực lượng thanh niên tự vệ ở các xã để bảo vệ căn cứ, bảo vệ dân. Trong số hàng trăm thanh niên trốn khỏi các khu tập trung chạy ra rừng tìm gặp cách mạng được lựa chọn, bồi dưỡng thành những cốt cán tin cậy, vững vàng, bí mật đưa về "cây" vào lực lượng dân vệ trong khu tập trung để làm nòng cốt lãnh đạo nhân dân đấu tranh bung về núi khi có thời cơ; đẩy mạnh việc phát rẫy, sản xuất, tăng thêm nguồn lương thực, thực phẩm, bí mật chuyển dần ra ngoài rừng để dự trữ cho đồng bào khi bung về núi, nhất là muối. Chọn một số cán bộ, đảng viên, đoàn viên ưu tú, giáo dục bồi dưỡng kỹ, thành lập một số tổ công tác xuống bám các khu tập trung, mỗi khu tập trung

một tổ; bằng phương thức bí mật và cải trang hợp pháp móc nối số đảng viên cốt cán trong khu tập trung, truyền đạt cho họ biết tình hình và chủ trương của Đảng để họ vận động, lãnh đạo quần chúng đoàn kết đấu tranh với địch, giữ vững liên lạc bên trong với bên ngoài.

Anh Ba Công, Bí thư Tỉnh ủy và anh Trần Hiếm là những cán bộ dày dạn trong thử thách, khá nhạy bén với phong trào, sau cuộc họp hai anh tâm sự với tôi:

- Anh Tư à, đúng như lãnh đạo nhận xét, thành công của chúng ta là ngay từ đầu đã biết dựa vào rừng núi, tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân, thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng để tạo thế đứng. Phong trào hiện nay, khí thế của đồng bào hiện nay đã và đang tạo nên những cơ sở thuận lợi để tiến lên một bước có thể phá các khu tập trung đưa dân về lại núi rừng và xây dựng căn cứ ngày thêm vững chắc...

*

* *

Tôi về làm việc với Bình Thuận tháng 7 năm 1958.

Tháng 5 năm 1957, Liên khu ủy 5 quyết định cho anh Nguyễn Gia Tú, Phó Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận đi miền Bắc nghỉ dưỡng vì tuổi cao sức yếu. Tỉnh ủy còn lại sáu đồng chí: anh Võ Dân ủy viên Ban cán sự Liên tỉnh làm Bí thư, Võ Xuân Viên được bầu vào thường vụ thường trực, phụ trách tài chính. Tháng 7 năm 1957, Viên ra đầu hàng địch, lấy hết tiền bạc, vàng của tỉnh mang đi. Y

khai cho địch tất cả các tổ chức cán bộ, cơ sở mà y biết, kể cả gia đình đã từng nuôi dưỡng, che chở y trong lúc khó khăn. Viên dẫn địch khủng bố, bắt tù đầy, tàn sát hàng ngàn cán bộ, đảng viên, cốt cán, cơ sở, đánh phá phong trào ác liệt và liên tục. Những vùng phong trào cách mạng mạnh, có truyền thống đấu tranh như: Hàm Thuận, Lê Hồng Phong, nhiều xã không còn cán bộ, cơ sở. Nhân dân rất căm thù địch và bọn tay sai phản động, nhưng cũng núng thế, dao động, nội bộ có phân bì quan.

Cuối năm 1957, lại thêm Nguyễn Quế, tỉnh ủy viên, Bí thư huyện Hàm Thuận đi hợp pháp bị địch bắt. Không giữ được khí tiết cách mạng, Quế đã khai báo nhiều. Ngoài các tổ chức, cán bộ, cơ sở của Hàm Thuận, Quế còn khai cho địch bắt đồng chí Trần Soạn, tỉnh ủy viên, Bí thư thị xã Phan Thiết; khai cho địch bắt đồng chí Nguyễn Tế Nhị nguyên tỉnh ủy viên có quyết định điều ra Khánh Hoà, nhưng chưa đi được. Trong tù đồng chí Trần Soạn đấu tranh dũng cảm, kiên cường, đồng chí bị địch giết hại trong khám Chí Hòa. Số cán bộ chuyển ra hợp pháp, nhiều đồng chí bị địch bắt, bị đứt liên lạc.

Trước tình hình khó khăn, tổn thất dồn dập, nặng nề, anh Võ Dân và các anh tỉnh ủy, huyện ủy ra sức chèo chống hết sức vất vả. Đầu năm 1958, tiếp nhận chủ trương mới, như đem lại một sức mạnh mới, các anh ra sức ổn định tình hình, thì ngày 19 tháng 5 năm 1958 anh Võ Dân đột ngột từ trần do một cơn bạo bệnh mà không đủ thuốc chữa trị. Anh Võ Dân mất đi là một tổn thất to lớn cho Đảng bộ cực Nam Trung Bộ; chúng tôi vô cùng

đau buồn và thương tiếc. Anh là một cán bộ đã từng gắn bó thân thiết với vùng đất cực Nam Trung Bộ. Đang đi học lớp lý luận Mác-Lênin ở nước ngoài, được tin cách mạng miền Nam chuyển sang giai đoạn mới, anh Võ Dân xin về và vào chiến trường với tất cả tình yêu mãnh liệt vùng đất đầy gian khổ này. Anh qua đời giữa lúc phong trào cách mạng của Bình Thuận lúc bấy giờ, có thể nói như con thuyền đang vật lộn dữ dội với sóng to gió lớn.

Ở miền núi Tánh Linh, đồng bào các xã nam, bắc sông La Ngà đều bị dồn về các khu tập trung Sông Phan, Đá Mài, Gia Huynh, Đồng Kho, Đồng Me, Tà Pao, Bác Núi, Bác Ruộng; huyện Di Linh, đồng bào tổng Nộp bị dồn về các khu tập trung Gia Bát, Gia Le (Láng Cốc). Miền tây Hàm Thuận, đồng bào Hàm Cần, đồng bào Đăng Gia, Cu Kê bị dồn về Cỏ Môm. Đồng bào ở miền tây các huyện Phan Lý, Tuy Phong bị dồn về các khu tập trung Cà Lon, Sông Mao, La Bá. Các vùng đồng bào bị dồn về khu tập trung, lẻ tẻ chỉ có một số rất ít gia đình chạy ra rừng sống bất hợp pháp. Riêng huyện Di Linh có khoảng 1.800 đồng bào K' Ho thuộc tổng Cà Dồn còn giữ được thể hợp pháp ở trên núi có tề "xanh vỏ, đỏ lòng" ta có đảng viên, cốt cán, cơ sở, nắm được dân.

Tháng 4 năm 1958, Ban cán sự miền Tây tỉnh Bình Thuận được thành lập và tổ chức hội nghị quán triệt chỉ thị của Liên khu ủy và hướng dẫn triển khai của Liên tỉnh. Tuy nhiên, liền đó đã xảy ra một tổn thất. Sau khi đi họp về đến cơ quan thì Ban cán sự huyện Phan Lý bị địch đánh úp, cả ban bị bắt hết. Từ

dó huyện Phan Lý trở thành vùng trắng. Huyện Tuy Phong và Hải Ninh cũng là vùng trắng.

Đầu tháng 7 năm 1958, Tỉnh ủy thành lập một đội võ trang hoạt động ở đồng bằng gồm bốn cán bộ (ba đặc công) do anh Phạm Hoài Chương làm đội trưởng, và một đội võ trang ở miền núi năm đồng chí (hai Kinh và ba dân tộc thiểu số) do đồng chí Nguyễn Hội làm đội trưởng. Nhiệm vụ trước mắt của đội võ trang là chọn vài điểm giúp cán bộ cơ sở xây dựng tự vệ mật và nghiên cứu diệt ác, hỗ trợ cho phong trào chính trị. Đội võ trang đồng bằng chưa làm được gì thì một đồng chí đi công tác bị địch bắn bị thương, rồi bị bắt, hai đồng chí hy sinh. đội trưởng còn một mình phải nhập với đội võ trang miền núi.

Anh Võ Dân từ trần, Tỉnh ủy còn lại hai đồng chí: Lê Văn Triều và Nguyễn Văn Tiềm, trong lúc anh Nguyễn Gia Tú chưa đi miền Bắc được vì đường liên lạc trở ngại. Tôi đề nghị Thường vụ Liên khu ủy cho anh Sáu Tú ở lại, làm Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận, trong lúc chờ Liên khu ủy phê duyệt, anh Sáu Tú trở lại công tác.

Tôi về Bình Thuận lần này cùng Tỉnh ủy kiểm điểm, đánh giá lại tình hình, bàn việc bổ sung Tỉnh ủy, củng cố các huyện, thị ủy. Phổ biến tình hình chung, phổ biến một số kinh nghiệm chống đồn dân, phá khu tập trung ở miền núi, diệt ác ôn ở các tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hòa. Bàn biện pháp rút cán bộ đã chuyển ra hợp pháp về lại, thoát ly hoạt động bất hợp pháp. So với Khánh Hòa, Ninh Thuận thì Bình Thuận cán bộ thoát

ly bất hợp pháp ở đồng bằng còn nhiều hơn. Trừ ba huyện trắng (Tuy Phong, Phan Lý, Hải Ninh) các huyện và thị xã, cấp ủy đều có ba đồng chí cán bộ xã thoát ly bất hợp pháp, huyện nào cũng còn một số. Việc vận động cán bộ cốt cán thoát ly và rút một số chuyển ra hợp pháp trở về cũng có triển vọng.

Tôi có lưu ý các anh là: đồng bào Cà Dòn, Di Linh còn ranh thù được thế hợp pháp là tốt, nhưng phải tích cực chuẩn bị thế bất hợp pháp để chủ động khi thế hợp pháp không còn giữ được. Đừng để địch dồn dân nữa, cần chọn một số cán bộ đảng viên người dân tộc trẻ, kể cả nữ, giáo dục, bồi dưỡng kỹ, thành lập một số tổ công tác do các đồng chí huyện ủy phụ trách, xuống bám một số điểm đồng bào bị tập trung, với phương thức bí mật bất hợp pháp và cải trang hợp pháp, móc nối liên lạc với một số đảng viên cốt cán cơ sở bị dồn về khu tập trung. phổ biến tình hình và chủ trương của Đảng. Hướng dẫn họ vận động, tập hợp quần chúng đoàn kết, đấu tranh, có lý, có lợi, biết vận động tranh thủ tề, dân vệ, binh lính, chuẩn bị về lại núi rừng như Khánh Sơn, Bác Ái đã làm.

Hội nghị đề nghị bổ sung hai đồng chí Nguyễn Quý Đôn - Bí thư thị xã, Hoàng Từ - Chánh văn phòng Tỉnh ủy vào Tỉnh ủy; bầu đồng chí Lê Văn Triều vào Thường vụ.

Qua thử lửa càng rõ vàng mười. Trong tình thế hiểm nghèo vừa qua, các anh trong Tỉnh ủy tiêu biểu là anh Sáu

Tú và nhiều cán bộ chủ chốt ở địa phương vẫn bất chấp mọi hiểm nguy, kiên trì và quyết tâm bám dân, bám cơ sở, chèo chống đối phó với kẻ địch. Anh Tám Triều đã nêu tấm gương tận tụy, vượt khó. Anh là người đã cao tuổi, không vợ con. Anh có thói quen, mỗi lần đi công tác đều mang gửi, chống gậy, một đầu gậy tra lưỡi nỉ (thuổng nhỏ) để đào khoai mài, củ chụp; mặc cái áo tụt anh may có hai cái túi rất to để đựng lá bép, rau canh nhật được trên đường rừng. Anh có biệt tài bắt cò ngắng, một loại chim rừng thường xuất hiện ở các trảng cỏ vào mùa khô. Đi đường gặp cò ngắng anh lẹ làng giăng lưới và lấy còi thổi lên thành tiếng nghe nhẹ nhàng, êm tai, khiến cò ngắng mê mẩn sa vào lưới lúc nào không biết. Sau này những lúc hết gạo, ăn măng le xào với thịt cò ngắng, chúng tôi thường nhớ tới anh. Anh là một cán bộ thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, được đồng bào thương mến, tin cậy. Anh còn bày cách cho đồng bào tránh giặc, đánh giặc, đây là một việc làm rất thiết thực, đáp ứng nguyện vọng cháy bỏng của mọi người.

Đã hơn hai tháng rồi tôi muốn tranh thủ về sớm để kịp giải quyết công việc tồn đọng trong thời gian đi vắng. Tôi đề nghị anh Sáu Tú giới thiệu cho một cơ sở bảo đảm ở Hàm Thuận hay Phan Thiết để tôi dựa vào đó đi hợp pháp về Nha Trang. Đêm ấy, anh Sáu suy nghĩ tính toán rồi anh nói với tôi: “không có cơ sở nào đảm bảo để anh đến đó đi hợp pháp”. Trước tình hình đó tôi phải theo đường liên lạc bất hợp pháp vào Hàm Tân, Xuyên Mộc rồi đến đồn điền cao su Bình Giã, ra

đường số 2, đi xe dò xuống Bà Rịa, lên Sài Gòn để đi xe lửa về Nha Trang. Đi cách này thì rút ngắn được nhiều thời gian. Tạm biệt Hàm Tân để đi vào Xuyên Mộc, tôi giao khẩu súng ngắn cho đồng chí liên lạc Phan Thanh Tùng mang về cho anh Sáu, đây là khẩu súng anh Nguyễn Côn tặng lại tôi trước khi anh đi tập kết. Lên Sài Gòn tôi dừng lại vài ngày đi gặp anh Liêm, Bí thư Đà Lạt, anh Phan Văn Minh phụ trách địch tình và anh Thặng phụ trách đường dây liên lạc Liên tỉnh để nắm tình hình. Tôi về cơ quan an toàn.

Cuối tháng 8 năm 1958, Thiện - Bí thư Diên Khánh về họp thư đầu mối liên lạc giữa tỉnh và Diên Khánh, yêu cầu tôi tới họp thư cho Thiện gặp có việc cần gấp. Anh Sáu Tích giục tôi đi gặp Thiện. Tôi nhớ lại trước khi Thiện ra hợp pháp, anh Liêm và anh Tích cho tôi biết Thiện là một cán bộ vững vàng. Tôi trao đổi với anh Tích: tại sao Thiện về đây được nhưng không ra căn cứ huyện gặp chúng ta mà yêu cầu tôi ra họp thư gặp Thiện. Tôi cảm thấy không bình thường, nên tôi quyết định không đi mà bố trí cơ sở theo dõi Thiện xem sao.

Đầu tháng 9 năm 1958, Thiện và Thiên lộ mặt phản bội, bọn nó chỉ cho địch bắt anh Biên huyện ủy viên, huyện Diên Khánh trở thành vùng trắng. Ngoài ra Thiện còn chỉ cho địch bắt cơ sở, trạm liên lạc đầu mối của tỉnh và khủng bố bắt một số cơ sở ở bàn đạp Chợ Mới.

Lúc đó tôi đang công tác ở nội thị, bàn đạp Chợ Mới bị địch đánh phá nên quá hạn ba ngày mà đồng chí

Làm không vào đón tôi về cơ quan. Vì chưa thông thạo rừng núi Diên Khánh, Đồng Bò nên tôi không tự tìm đường về cơ quan được. Tôi phải cùng một cơ sở vào Sài Gòn gặp đồng chí Siêu, cán bộ giao liên người rất thông thạo rừng núi Diên Khánh, Đồng Bò, cũng là người của cơ quan chuyển ra hoạt động hợp pháp. Đồng chí Siêu quê ở Bắc Ninh, chiến sĩ Nam tiến, ở lại đóng vai người “Bắc di cư” nên địch ít chú ý. Đồng chí là một cán bộ trung thành, vững vàng, tận tụy công tác, chịu khó, tinh thần đồng đội cao. Sau khi trao đổi, tôi và Siêu về lại Nha Trang. Tôi bố trí một cơ sở ở Nha Trang, nhà có xe con. Một buổi chiều vào 16 giờ hơn, cơ sở tự lái xe đưa tôi và Siêu lên thành Diên Khánh, rồi vào hướng ga Cây Cầy. Đã 17 giờ hơn trời còn sáng, nhưng trên đường người vắng, xe dừng lại bên lề đường, chúng tôi nhanh chóng xuống xe, chào cơ sở, rồi lách vào rừng, vượt lên núi. Tối lại chúng tôi cắt rừng đi về hướng cơ quan đóng. Khoảng 24 giờ cách cơ quan không xa, chúng tôi mệt quá dừng lại ngủ, sáng hôm sau về đến cơ quan. Anh Tích và anh em cơ quan vui mừng ôm chầm hai chúng tôi. Cuối năm 1958, chúng tôi bố trí đồng chí Siêu đi đón nhà thơ Giang Nam và vài cán bộ chuyển ra hợp pháp về lại căn cứ. Ở Sài Gòn, Siêu thường đến nhà Vũ Hồng Tiến và cũng thường gặp Phạm Ngọc Châu ở đây. Trong lúc Siêu còn nhiệm vụ đón một số cán bộ hợp pháp đưa về căn cứ thì đầu năm 1959, đồng chí Siêu và Tiến bị địch bắt. Hai đồng chí vẫn giữ được khí tiết cách mạng. Đồng chí Tiến bị địch giết. Sau giải phóng, ba lần

về Nha Trang tôi đều đến thăm Siêu nhà ở số 19 đường Chi Lăng, Nha Trang. Siêu cùng tôi đi thăm một số cơ sở cũ. Qua tìm hiểu mới biết vợ của Siêu là em ruột của vợ Phạm Ngọc Châu, một tín đồ Tin lành. Tôi thăm nghĩ tại sao Siêu lại nhập vào gia đình này?

*

* *

Bác Ái nổi dậy!

Những tháng cuối năm 1958, phong trào đấu tranh của đồng bào Bác Ái ở các khu tập trung rất sôi động. Vừa đấu tranh đi rừng, lấy củi, đào củ chup, lấy rau canh về ăn, vừa tranh thủ tề, dân vệ, binh lính, lợi dụng sơ hở của địch, đồng bào đã đưa ra rừng cất giấu những thứ cần thiết như: muối, gạo, thuốc men, nông cụ, v.v... để chuẩn bị về lại núi rừng. Để kịp mùa phát rẫy sản xuất, đồng bào muốn bỏ khu tập trung về núi sớm, chỉ còn chờ Đảng cho ý kiến chỉ đạo.

Sau khi đồng bào về núi, nhất định địch sẽ càn quét, đánh phá dữ dội để bắt dân về lại các khu tập trung. Làm thế nào để giữ được dân là một vấn đề lớn đặt ra, đòi hỏi cán bộ lãnh đạo phải bàn thật kỹ. Rừng núi không có dân làm sao xây dựng căn cứ. Qua các lần địch càn quét, gom dân, số đồng bào trốn vào rừng ở bất hợp pháp tương đối nhiều, mé núi (*palay*) nào cũng có phần lớn là thanh niên, nông dân khỏe mạnh. Họ đều bố phòng để bảo vệ số dân còn lại bảo vệ kho tàng, của

cải, bảo vệ sản xuất. Chúng tôi báo cáo và đề nghị Thường vụ Liên khu ủy: sau khi dân về núi cho mở rộng bố phòng, xây dựng thôn, xã chiến đấu liên hoàn, phát triển phong trào đánh du kích rộng rãi bằng mọi thứ vũ khí thô sơ, kết hợp với công tác binh vận thì mới giữ được dân. Nếu còn nặng thế hợp pháp, khi địch càn quét, khùng bố thì không sao giữ được dân.

Thường vụ Liên khu ủy không bác bỏ đề nghị nhưng cũng chưa phê duyệt, mà khuyên chúng tôi cố gắng tranh thủ thế hợp pháp, đừng để phong trào đánh du kích nổi cộm quá sớm, địch sẽ tập trung sức khùng bố, đàn áp, đánh phá, khó giữ nổi. Thường vụ Liên khu ủy cũng cho biết các anh đang chỉ đạo điểm Trà Bồng để rút kinh nghiệm chỉ đạo các nơi. Cứ vài ba ngày tôi phải báo cáo tình hình miền tây các tỉnh cực Nam Trung Bộ, nhất là diễn biến tình hình Bắc Ái để Thường vụ Liên Khu ủy theo dõi cho ý kiến chỉ đạo.

Cuối tháng 1 năm 1959, tôi về Bắc Ái gặp Thường vụ Tỉnh ủy và huyện ủy Bắc Ái, các anh cho biết tình hình chuẩn bị đã chín muồi. Các anh nhất trí cho nhân dân miền đông Bắc Ái nổi dậy phá các khu tập trung về núi, với sự hỗ trợ tích cực của tự vệ và thanh niên bất hợp pháp kéo xuống.

Đêm 30 tết năm Kỷ Hợi tức ngày 7 tháng 2 năm 1959, nhân dân ở các khu tập trung Bà Râu, Cà Rôm, Đồng Dày, Sông Trâu, v.v... đồng loạt nổi dậy phá các khu tập trung kéo về xóm làng cũ. Đây là bạo lực của

quần chúng, không chỉ vài ba trăm người, mà hơn năm ngàn người; không chỉ tay không mà tự trang bị bằng vũ khí thô sơ. Nhân dân đã nổi dậy với khí thế cao ngất như đỉnh núi Tà Nang sừng sững. Nổi dậy phá khu tập trung cùng nhau kéo về xóm làng cũ, từng đợt, từng đợt nối tiếp nhau như sóng xô, làm kẻ địch bó tay. Trên đường về đồng bào rẽ ra nhiều hướng, cắt rừng, vượt núi mà đi. Cơ sở cốt cán thực hiện tốt việc phân hóa, cô lập bọn ác ôn, tranh thủ được sự đồng tình của tề, dân vệ và một số binh lính.

Mùa xuân đã về, từng dòng người nối nhau đi hồi hải dưới vòm lá non xanh, bên vách đá Già trẻ, gái, trai nét mặt ai cũng rạng rỡ, tươi vui như một đàn chim vừa sợ lồng, đang tung đôi cánh tìm về tổ cũ. Được sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng, với một đội ngũ cán bộ cốt cán dạn dày kinh nghiệm, có quyết tâm cao như: Ama Phương, Ama Hoàng, ABui, Chamaléa Chấn, Chamaléa Năm, Pi Năng Tắc, Cator Nghèo, Chamaléa Liệu, v.v... Quần chúng đã thể hiện sức mạnh dời non lấp biển của mình, đập lên đầu thù mà đi.

Với khí thế cách mạng đang lên, đầu tháng 3 năm 1959, huyện ủy tổ chức một lực lượng cán bộ cốt cán có kinh nghiệm, có quyết tâm do các đồng chí Chamaléa Năm, Pi Năng Tắc chỉ huy từ Bác Ái Đông lên Bác Ái Tây, cùng đội công tác Tầm Ngân làm nhiệm vụ vận động quần chúng, diệt ác, phá kìm, vận động tranh thủ tề, dân vệ, binh lính ngả về với cách mạng, hướng dẫn nhân dân

đấu tranh chuẩn bị để phá khu tập trung, kéo về núi.

Đồn dân vào khu tập trung Tầm Ngàn, dịch muốn biến nơi này thành đồn điền trồng đay. Nhân dân đã lặng lẽ chống lại bằng cách lược giống trước khi gieo xuống đất, hạt không thể nảy mầm. chỗ nào cây mọc thì lúc làm cỏ, tưới nước lấy tay nhóm gốc, nên cây khô dần rồi tàn lụi. Đàn trâu Thái Lan dịch đưa về để lừa mị, mua chuộc nhân dân thì đồng bào lừa vào rừng giết thịt, hoặc cho uống nước đậu cút đắng, trâu bị quặn ruột, chết dần, chết mòn.

Đầu tháng 4 năm 1959, dưới sự hướng dẫn của đội công tác, hơn bốn nghìn đồng bào miền tây Bắc Ái bị dịch dồn vào khu tập trung Tầm Ngàn này đã nổi dậy phá khu tập trung, thoát cảnh chim lồng, cá chậu, kéo về xóm làng cũ.

Như vậy là tất cả các khu tập trung dân trong huyện do dịch lập ra đều bị phá sạch. Đây là cuộc nổi dậy thắng lợi đầu tiên của đồng bào dân tộc Ráclay; huyện Bắc Ái hoàn toàn giải phóng (trừ chi khu, quận lỵ An Phước ở dưới bằng). Đây là một huyện miền núi được giải phóng đầu tiên ở vùng cực Nam Trung Bộ, tiếng vang cuộc nổi dậy thắng lợi của nhân dân Bắc Ái không chỉ tác động đến các vùng rừng núi xung quanh, mà còn tác động đến vùng đồng bằng.

Đồng bào về lại núi rừng, cùng số người còn ở lại trên núi, đã hân hoan xây dựng chính quyền cách mạng từ huyện đến xã, thôn mọi người đều ra sức bố phòng,

khẩn trương xây dựng thôn, xã chiến đấu, phát triển dân quân tự vệ, mỗi mé núi (thôn) có một tiểu đội tự vệ chiến đấu, một xã có từ hai tiểu đội đến một trung đội, huyện có trung đội bộ đội địa phương huyện, tự vệ và dân quân đều trang bị bằng vũ khí thô sơ. Tổ chức canh gác, báo tin chặt chẽ; sẵn sàng chống thám báo, biệt kích, chống địch càn quét.

Tháng 5 năm 1969, tại Bắc Ái, tôi cùng Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận tổ chức họp rút kinh nghiệm về chống dồn dân, phá khu tập trung, đưa dân về núi xây dựng căn cứ, mời đại diện các tỉnh cực Nam về họp đầy đủ. Bình Thuận có anh Lê Văn Triều, ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy và Hoàng Tử, tỉnh ủy viên. Khánh Hòa có anh Lê Tụng (Ba Sơn), tỉnh ủy viên, Bí thư huyện ủy Khánh Vĩnh và một số đồng chí lãnh đạo hai huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh. Ninh Thuận, ngoài các anh Thường vụ Tỉnh ủy còn có đồng chí Mai Xuân Thương, chánh văn phòng Tỉnh ủy và các đồng chí các huyện ủy Bắc Ái, Anh Dũng. Lấy Bắc Ái làm gương soi, cuộc họp bàn bạc khá sôi nổi. Hội nghị nhất trí đánh giá cao khả năng cách mạng của đồng bào các dân tộc miền núi nói chung và Bắc Ái nói riêng. Đồng bào thể không đội trời chung với địch, rất căm thù chúng, luôn hướng về cách mạng, mong chờ sự lãnh đạo của Đảng để nhanh chóng đứng dậy phá tan sự kìm kẹp của giặc giành lại quyền sống chính đáng bằng bạo lực cách mạng của chính bản thân mình. Đồng bào dân tộc không thể nào tạo dựng cuộc sống nếu phải xa núi rừng, nương rẫy. Phá khu tập trung bung về núi là nguyên

vọng bức thiết của đồng bào. Địch tuy tàn bạo nhưng cũng có những sơ hở, nguy quân, nguy quyền người dân tộc có nhiều khả năng tranh thủ, phân hóa.

Hội nghị càng thấy sâu sắc ý nghĩa thắng lợi của chủ trương sớm tập trung xây dựng cơ sở miền núi phía tây các tỉnh. Dựa vào địa hình hiểm trở, đồng bào các dân tộc một lòng một dạ với cách mạng, ta có điều kiện và cần khẩn trương xây dựng miền núi thành căn cứ địa vững chắc, tạo thế lâu dài. Muốn vậy điều cốt lõi là phải thực hiện thật tốt chính sách dân tộc của Đảng, nhanh chóng xây dựng lực lượng tự vệ vũ trang của quần chúng, kết hợp đấu tranh hợp pháp và bất hợp pháp nhưng phải coi trọng bất hợp pháp hơn, nhất định không hợp tác với địch. Phải giữ vững lực lượng nhân dân, tạo thế bám núi rừng vững chắc để có khả năng đương đầu với địch trong mọi tình huống sắp đến.

Từ miền núi Bắc Ái, một thế trận mới đã mở ra cho đồng bào các dân tộc thuộc vùng cực Nam Trung Bộ. Thế trận mới này sẽ tạo ra lực mới cho cách mạng vươn lên trong cuộc đấu tranh quyết liệt với kẻ thù sau này.

Với những thắng lợi của nhân dân Bắc Ái đã khẳng định con đường đang đi lên của vùng cực Nam Trung Bộ là đúng đắn. Từ năm 1958, mặc dù phương pháp cách mạng chưa có gì thay đổi, nhưng chúng tôi đã biết dựa vào thực tiễn đấu tranh của quần chúng, sớm nhận ra xu thế của phong trào, từng bước đưa miền núi tiến lên, phá banh khu đồn dân tập trung của địch, phát động quần

chúng nổi dậy giành lại quyền làm chủ của nhân dân. Tuy chỉ là đóm lửa đầu tiên, nhưng nó tỏ rõ khả năng cách mạng mạnh mẽ của quần chúng. Hơn chín ngàn đồng bào ở các khu tập trung phá rào trở về xóm cũ, làng xưa, chưa phải là con số to lớn, nhưng sức quật khởi thật là kỳ diệu. Nhưng tình hình không chỉ diễn ra một cách êm xuôi. Thắng lợi nào cũng trải qua thử thách. Nhân dân trở về cộng với nhân dân còn ở lại núi rừng có hơn mười hai ngàn người, lo cái ăn, cái mặc đâu có dễ dàng. Rẫy nương bị bỏ hóa đã hai năm, cây trái bị địch chặt phá, đồ dùng cần thiết hàng ngày không còn một thứ gì, không nhà, không cửa, liệu ăn ở sinh sống ra sao trong khi kẻ địch thì tức tối, điên cuồng đánh phá Bắc Ái rất quyết liệt. Chúng không chịu khoanh tay ngồi nhìn sự phát triển của phong trào cách mạng.

Trong cuộc họp này tôi cũng báo cáo tóm tắt tinh thần Nghị quyết 15 của Ban chấp hành Trung ương do anh Trần Lê từ Hà Nội điện vào.

Đồng bào về núi, sau khi ổn định nơi ăn, ở, bố phòng, mọi người ra sức phát rẫy sản xuất, thành lập nhiều tổ vận động công.

Để chuẩn bị càn quét, địch cho biệt kích, thám báo lên dò la nắm tình hình ăn, ở, phát rẫy, bố phòng của dân, chỗ đứng của cơ quan lãnh đạo. Tự vệ đã diệt tổ thám báo do tên Gấn cầm đầu.

Đầu tháng 10 năm 1959, hai trung đoàn của sư đoàn 23 ngụy mở cuộc hành quân "Tây Khánh - Bắc Ninh" (tây

Khánh Hòa, bắc Ninh Thuận) chủ yếu tập trung đánh phá khu căn cứ Bác Ái. Cuộc càn quét kéo dài một tháng mười ngày.

Chưa có lực lượng vũ trang hỗ trợ, nhưng với khí thế mới và quyết tâm mới, nhân dân căn cứ Bác Ái đã vùng lên đánh trả quyết liệt, kết hợp với binh vận. Hàng trăm tên sĩ quan và binh lính nguy chết hoặc bị thương vì vướng phải chông, thò, xoa, cạm bẫy, sập phải hầm chông, bị tên thuốc độc, có đứa phải mang cả bàn chông sắt về đến bệnh viện mới lấy ra được, có đứa bị trúng tên thuốc độc điên loạn, bắn chết lẫn nhau, v.v... Cuộc càn quét dài ngày bị thất bại, địch không bắt được người dân nào.

Đầu năm 1960, địch đưa quân lên đóng đồn ở Tà Lú, Ma Ti, Đầu Suối, mỗi đồn một đại đội nguy, từ các đồn này địch bung ra lùng sục, bắt dân về tập trung xung quanh đồn. Hai đồn Tà Lu, Ma Ti địch đồn được khoảng 1.500 người, hầu hết là ông bà già, trẻ em, hình thành hai ấp tập trung gần đồn, mỗi ấp khoảng trên 700 người. Đồn Đầu Suối, địch không đồn được người dân nào. Dân quân tự vệ gài bẫy cạm chông xung quanh đồn địch và trên các đường địch thường bung ra, đồng thời phục kích bắn tỉa, có hạn chế được mức độ càn quét, lùng sục của địch.

Tháng 9 năm 1959 anh Lê Tự Nhiên vào, tôi vui mừng được đón anh. Từ lâu tôi được biết anh là một cán bộ tham gia cách mạng sớm. Trước cách mạng tháng

Tám 1945, anh làm Bí thư Tỉnh ủy Ninh Thuận đến đầu năm 1946. Đầu năm 1950, anh là ủy viên Ban cán sự cục Nam Trung Bộ phụ trách Bí thư Tỉnh ủy Lâm Viên. Anh đã từng gắn bó với chiến trường cục Nam Trung Bộ. Với tôi, anh là bậc đàn anh. Tôi thầm nghĩ nếu anh được Liên khu ủy tăng cường vào Ban cán sự liên tỉnh thì quá tốt. Anh không đưa giấy quyết định, cũng không có điện của Liên khu ủy giới thiệu về anh. Tôn trọng anh, nên tôi cũng không hỏi, và anh cũng không tự giới thiệu. Trong lúc anh Trần Lê đi họp chưa về, mọi công việc của liên tỉnh tôi đều trao đổi với anh và xin anh cho ý kiến. Về sau này mới được anh Trần Lê cho biết, anh Lê Tự Nhiên là cán bộ do Trung ương điều vào công tác ở Trung ương Cục miền Nam. Đến đây, anh dừng chân vừa nghỉ, vừa nắm tình hình, rồi tiếp tục lên đường.

Tháng 1 năm 1960, anh Trần Lê đi họp ở Trung ương về. Anh mang về tinh thần Nghị quyết 15 của Trung ương. Đây là một nghị quyết mang ánh sáng bình minh cho cả miền Nam yêu dấu và cho cả vùng cục Nam Trung Bộ thân thương. Cùng về với anh có một số đồng chí lãnh đạo của các tỉnh và một số cán bộ quân sự - những người con kiên trung của vùng đất lửa này. Các anh mới về cùng với chúng tôi vui một cái tết “năm vùng” và tết này nữa là đúng bảy tết, chúng tôi bám trụ lại đây. Chỉ còn một ít gạo, chúng tôi nhường cho những anh em ốm đau còn mình thì ăn mì luộc, bắp hầm với mắm cô, ruốc thịt. Ăn xong các anh ở miền Bắc mới về còn giữ được vài bao thuốc lá Thăng Long đem mời mỗi người một điếu. Ăn tết

như vậy nhưng chúng tôi cảm thấy rất vui sướng, quây quần bên nhau, chuyện miền Nam, chuyện miền Bắc kể mãi không sao hết. Chúng tôi như được tiếp thêm sức mạnh, nghị lực của một mùa xuân mới.

Những ngày đầu xuân 1960, hội nghị Liên tỉnh mở rộng để nghiên cứu học tập Nghị quyết 15 của Trung ương. Anh Trần Lê truyền đạt và giải thích rõ thêm một số điều cốt lõi của Nghị quyết 15 là: Phát huy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng, đó là điều chủ yếu, kết hợp với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, dùng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc, phong kiến lập nên chính quyền cách mạng của nhân dân.

Do nhận thức về bạo lực chính trị của quần chúng một chiều, các hoạt động của lực lượng tự vệ vũ trang trước đây chỉ làm công tác dân vận, bố phòng, tuần tra, canh gác, chứ chưa được lệnh nổ súng tiêu diệt địch, bảo vệ dân. Bây giờ, được học tập, thấu triệt đường lối, phương châm, phương pháp đấu tranh cách mạng của Đảng theo tinh thần Nghị quyết 15, ai cũng thấy như mình được đón luồng gió mới, ánh sáng mới. Anh Trần Lê còn nhắc thêm: được nổ súng đánh địch, nhưng lúc nào nổ thì còn phải tính, cần tranh thủ thời gian để xây dựng lực lượng vũ trang đừng để bộc lộ lực lượng sớm. Bên cạnh mang cung, tên ná, hầm chông, cạm bẫy, bây giờ được trang bị thêm súng, và được phép nổ súng đánh địch, chúng tôi tin chắc sẽ tạo nên một đà chuyển biến mới có lợi cho cục diện cách mạng. Làm sao có thể

nói được đầy đủ niềm hạnh phúc lớn lao này của chúng tôi, trước bước ngoặt của cách mạng cả trong nhận thức và hành động để đối phó với kẻ thù đang lê máy chém đi giết hại đồng bào.

Sau hội nghị, anh Trần Lê vào Bình Thuận để truyền đạt Nghị quyết 15 cho cán bộ Bình Thuận, nắm tình hình và góp ý kiến chỉ đạo phong trào. Anh Lê cũng phổ biến quyết định của Liên khu ủy phê chuẩn anh Nguyễn Gia Tú làm Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận.

Tôi lên Đà Lạt truyền đạt Nghị quyết 15 của Trung ương cho Ban cán sự, rút anh Lê Thanh Liêm về lại căn cứ, thay tôi làm Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa. Theo quyết định của Liên tỉnh, đồng chí Nguyễn Trung làm Bí thư Ban cán sự thay anh Liêm, bổ sung đồng chí Vũ Hồng Sơn (tức Giao) vào Ban cán sự. Từ hội nghị này Liên tỉnh quyết định hai đồng chí Trung và Giao rút vào hoạt động bất hợp pháp, xây dựng căn cứ của thị xã ở ngoài rừng; chỉ duy trì đồng chí Lê Văn Phận hoạt động hợp pháp.

Tháng 4 năm 1960, tôi được cử đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ ba họp tại Hà Nội.

Chương 3

Tạo thế đứng vững chắc

Những năm tháng kháng chiến ở cực Nam và khu Sáu, tôi vinh dự được Đảng bộ cực Nam Trung Bộ cử đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai ở chiến khu Việt Bắc và bây giờ được đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ ba, họp tại Thủ đô Hà nội. Mỗi đại hội đều đánh dấu một bước phát triển mới mang tính lịch sử của sự nghiệp cách mạng của cả nước.

Ở mỗi đại hội, điều hạnh phúc nhất đối với tôi là được trực tiếp tiếp thu quan điểm, đường lối cách mạng của Đảng và được gặp Bác Hồ. Tại chiến khu Việt Bắc, Bác ở căn nhà sàn đơn sơ, mặc bộ quần áo màu chàm giản dị. Biết chúng tôi là những chiến sĩ cực Nam Trung Bộ, chiến đấu trong những điều kiện gian khổ, nên Bác hết sức chăm sóc, yêu thương. Ở Thủ đô Hà Nội cũng vậy, đoàn đại biểu miền Nam được Bác đặc biệt quan

tâm mọi mặt, rất ân cần chu đáo như với những đứa con đi xa trở về.

Tại đại hội Đảng lần thứ ba, các đại biểu miền Nam được sắp xếp cùng tổ với các đại biểu khu Việt Bắc, để có dịp trao đổi, rút kinh nghiệm về xây dựng căn cứ địa. Một vinh dự lớn là, Bác Hồ là thành viên trong tổ chúng tôi. Bác dự họp từ đầu đến cuối. Với tinh thần “Miền Nam luôn ở trong trái tim tôi”, Bác ân cần hỏi han nhiều điều và căn dặn chúng tôi phải quyết tâm chiến đấu để giải phóng miền Nam, đập tan mọi âm mưu thâm độc của kẻ thù. Bác nói rất vui “Nghị quyết 15 đã mở đường cho các chú rồi đó. Làm giỏi thì thắng mau, làm dở thì thắng lâu. Đảng, Bác và đồng bào mong đợi ở các chú”. Ở cả hai lần Đại hội chúng tôi đều được chụp ảnh chung với Bác.

Sau Đại hội, theo đường Trường Sơn, tôi trở về chiến trường cực Nam với nhận thức mới, sức mạnh mới, niềm tin mới và nhiệt tình cách mạng rực rỡ lửa hồng, đỏ thắm như máu trái tim mình.

Cuộc chiến tranh một phía của địch đã bị thất bại. Phong trào cách mạng miền Nam đang dâng lên như bão táp. Nhiệm vụ của Trung ương giao cho Đảng bộ và nhân dân cực Nam rất nặng nề. Với tầm nhìn chiến lược vô cùng sáng suốt, Trung ương nhận thấy rằng: cách mạng miền Nam muốn đòi đầu thắng lợi với đế quốc Mỹ, cần phải có những trung tâm căn cứ địa vững chắc. Một trong những trung tâm ấy là địa

bàn cực Nam Trung Bộ và nam Tây Nguyên. Đây là một vùng nằm giữa khu Năm, bắc Tây Nguyên và Nam Bộ. Vùng này núi rừng hiểm trở, sông suối chằng chịt, địa bàn thuận lợi cả về phía phòng thủ và thế tiến công; nó tiếp nối với rừng, núi miền Đông Nam Bộ, giữ một vị trí đặc biệt, có thể khống chế và giáng đòn vào Sài Gòn từ nhiều hướng; có thể xây dựng căn cứ chiến lược lâu dài cho chiến trường miền Nam và một phần cho cả Đông Dương. Trước mắt, nó sẽ gánh vác nhiệm vụ bảo đảm hành lang chiến lược của Trung ương thông suốt đến tận Nam Pô.

Trước khi họp đại hội, tôi và anh Nguyễn Trọng Xuyên được một số đồng chí trong Bộ Chính trị và Tổng Quân ủy giải thích cặn kẽ về vị trí quan trọng của địa bàn chiến lược này và dự kiến hợp nhất cực Nam Trung Bộ và nam Tây Nguyên thành lập khu Sáu vào cuối mùa hè năm 1961. Anh Nguyễn Trọng Xuyên là một cán bộ quân sự cũ của chiến trường cực Nam, trong kháng chiến chống Pháp anh thường ở chiến trường Khánh Hòa, Phú Yên – sắp tới anh được Trung ương điều động trở vào phục vụ cách mạng miền Nam.

Trong một buổi nghe chúng tôi báo cáo tình hình, anh Ba Dũn và các anh trong Bộ Chính trị, trong Bộ Quốc phòng hỏi chúng tôi cặn kẽ về từng vùng, từng dòng sông, ngọn suối, cụm núi, cánh rừng để dự kiến kế hoạch cấy dân, lập làng. Trên địa bàn chiến lược này, làm thế nào xây dựng cho được 200 đến 300 cụm dân, mỗi cụm là một làng khoảng 1.000 nhân khẩu.

Nếu dốc sức xây dựng, tổ chức các cụm dân hợp lý, tiến hành sản xuất tốt và chiến đấu giỏi thì địa bàn chiến lược này sẽ là một trong những thành đồng lũy thép của cách mạng miền Nam.

Về hành lang chiến lược, anh Ba Duẩn căn dặn: hồi đánh Pháp, hành lang chiến lược của Trung ương mới có từ Bình Thuận ra khu Năm rồi nối liền với Việt Bắc. Nay đánh Mỹ, xương sống của nó phải xuyên qua Nam, Bắc, Tây Nguyên vào đến Nam Bộ. Nhiệm vụ của khu Sáu khi được thành lập, chẳng những là bàn đạp tiến công nhằm hướng Sài Gòn, là nơi kìm chân địch, tiêu diệt và chia cắt địch mà còn phải bảo đảm luôn luôn thông suốt hành lang chiến lược của Trung ương.

Trên vùng đất này, đại bộ phận là đồng bào thuộc các dân tộc thiểu số. Vì vậy, trong khi khen ngợi chúng tôi những năm qua đã có nhiều cố gắng vận dụng và thực hiện đúng đắn chính sách dân tộc của Đảng, anh Nguyễn Chí Thanh vẫn ân cần nhắc nhở chúng tôi phải hòa mình sâu hơn nữa vào khối quần chúng đông đảo một lòng một dạ vì cách mạng ấy; tổ chức đồng bào lại để trở thành lực lượng cách mạng thường xuyên đương đầu với kẻ địch hung ác. Anh đưa ra một hình ảnh đầy sức thuyết phục: "Hãy biến mình như con tắc kè, hễ bám vào cây xanh thì da ánh lên màu xanh, khi bám vào đất đỏ thì da hòa trong màu đỏ của đất ấy. Được dân nuôi nấng, che chở, cứu mang thì kẻ thù thâm độc, xảo quyệt đến mấy chúng cũng sẽ thất bại".

Sau những cuộc họp tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Trung ương, anh Nguyễn Trọng Xuyên dẫn một đoàn cán bộ quân sự khoảng 20 đồng chí lên đường vào chiến trường. Anh về trước tôi hơn một tháng; vì tôi còn dự Đại hội và bận một số việc nên về sau. Trên đường về tôi dừng lại “gia đình bác Ân” – bí danh của Liên khu ủy 5. Anh Năm Công – ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Khu ủy và anh Tư Cương - Phó Bí thư khu ủy làm việc với tôi. Hai anh chỉ đạo vận dụng tinh thần nghị quyết Đại hội III, Nghị quyết 15 vào điều kiện cụ thể của cục Nam Trung Bộ và nam Tây Nguyên. Cần quán triệt vấn đề sinh tử này, có kế hoạch đẩy mạnh hoạt động vũ trang hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy, đánh sập bộ máy kìm kẹp của địch, giành quyền làm chủ, mở mang mở vùng ở miền núi và đồng bằng, hết sức chăm lo xây dựng căn cứ địa. Anh dặn tôi khi về đến liên tỉnh thì báo cáo lại với anh Năm Hòa (tức Trần Lê) Bí thư Liên tỉnh 3, và anh Chín Liêm (tức Bùi San) ủy viên Thường vụ Liên khu ủy về việc hợp nhất liên tỉnh 3 và hai tỉnh Đắk Lắk và Quảng Đức của Liên tỉnh 4 thành lập khu Sáu theo ý kiến của Trung ương chỉ đạo. Anh sẽ điện cho anh Trần Lê lên gặp mặt với anh Bùi San ở căn cứ Đắk Min, nam Tây Nguyên.

Một ngày vào giữa tháng 4 năm 1961, tôi về đến cơ quan Liên tỉnh, vui mừng được gặp lại anh Trần Lê và các đồng chí trong cơ quan, đồng thời tôi cũng được cơ quan báo một tin buồn: anh Lê Thanh Liêm, Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa đã từ trần chưa đầy một tháng vì

một căn bệnh hiểm nghèo. Trong lúc chưa làm việc, tôi tranh thủ đi thăm mộ anh Liêm, thấp cho anh một nén hương, và chia buồn cùng các đồng chí Khánh Hòa.

Được anh Trần Lê cho biết anh đã lên Đắk Min gặp anh Bùi San bàn việc thành lập khu Sáu theo chủ trương của Trung ương cũng vừa về. Trung ương quyết định địa bàn khu Sáu gồm: Liên tỉnh 3 (trừ Lâm Đồng) và hai tỉnh Đắk Lắk và Quảng Đức của Liên tỉnh 4; trong lúc tỉnh Lâm Đồng chưa giao cho khu 10 thì Bình Thuận tiếp tục phụ trách. Khu Sáu nằm trong chiến trường B2, trực thuộc sự chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam.

Ban cán sự Liên tỉnh họp mở rộng phổ biến chủ trương của Trung ương về thành lập khu Sáu, giải thể khu căn cứ Ái Vĩnh Sơn, giao hai huyện Khánh Vĩnh, Khánh Sơn về lại Khánh Hòa, giao huyện Bác Ái về lại Ninh Thuận. Liên tỉnh tổ chức một đoàn cán bộ quân sự, chính trị, kinh tài lên cắm mốc lịch sử đầu tiên của khu Sáu tại vùng Đắk Trêpun, hữu ngạn sông Krông Nô, phía nam hồ Lắk, dưới chân núi *Chư Yang Sin* (thuộc B5 - nam Đắk Lắk). Vùng này cũng nối liền với các huyện căn cứ Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Bác Ái. Tôi được Liên tỉnh phân công về làm Bí thư Tỉnh ủy, kiêm Trưởng ban quân sự tỉnh Bình Thuận.

Xa chiến trường tròn một năm, trước khi đi Bình Thuận, tôi được văn phòng thông báo tình hình chung của Liên tỉnh, nhất là tình hình tỉnh Bình Thuận và xin ý kiến chỉ đạo của anh Trần Lê.

Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy hợp thành dải đất cuối cùng của miền Trung. Nó là vùng bản lề, lật vô là Nam Bộ, lật ra là khu Năm, phía tây là nam Tây Nguyên, phía đông là biển cả; giờ đây, đối với khu Sáu, Bình Thuận là tỉnh xa nhất. Giữa thế kỷ 19, lúc miền Nam khởi đầu chống ách xâm lược của thực dân Pháp, Bình Thuận là nơi hội tụ của nhiều bậc sĩ phu yêu nước. Năm 1867, nhiều nhà yêu nước ở Nam Bộ ra vùng này, dừng chân tại Bình Thuận lập mưu kế để đánh giặc lâu dài. Năm 1905, lúc khởi xướng phong trào Duy Tân, các cụ Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng thường lấy Bình Thuận làm nơi mở luồng khai phóng dân trí. Vào thời kỳ này Bình Thuận có một vinh dự lịch sử lớn lao là năm 1910 - 1911, Bác Hồ dừng chân tại đây. Người dạy học ở trường Dục Thanh, thị xã Phan Thiết, trước khi vô Sài Gòn xuống tàu ra nước ngoài tìm đường cứu nước, cứu dân. Từ ngày có Đảng, Bình Thuận luôn giương cao lá cờ búa liềm, cùng với Ninh Thuận lập chi bộ Đảng đầu tiên của mảnh đất cực Nam Trung Bộ. Cách mạng tháng Tám, rồi kháng chiến chống Pháp, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban cán sự Đảng cực Nam Trung Bộ, Bình Thuận nổi tiếng là chiến trường có phong trào chiến tranh nhân dân mạnh của cực Nam khói lửa.

Trên vùng đất cực Nam Trung Bộ giàu truyền thống cách mạng đó, ngọn lửa đồng khởi đã sớm bùng lên sáng rực cả núi rừng Bác Ái. Từ đó nhanh chóng lan ra miền tây Ninh Thuận, Khánh Hòa. Đồng bào đã nổi dậy phá khu tập trung trở về nơi cũ xây dựng căn

cứ. Một năm qua, khu căn cứ Ái Vĩnh Sơn hơn ba vạn dân đã từng bước xây dựng tương đối toàn diện, nhất là phong trào chiến tranh nhân dân ngày càng mạnh, bảo vệ được dân, giữ vững núi rừng, nương rẫy trước sự đánh phá tàn bạo của kẻ thù.

Miền Nam sau những năm đen tối, bây giờ Nghị quyết 15 như ngọn đèn pha đã soi sáng toàn miền. Những bước chân đồng khởi, những tiếng thét vùng lên đã vang vọng như sấm dậy đầu mùa. Sau Bác Ái, tháng 8 năm 1959, Trà Bồng nổi dậy khởi nghĩa, đập tan bộ máy ngụy quyền, quét sạch các đồn bót, lập ra chính quyền tự quản khắp 16 xã vùng cao. Tháng 1 năm 1960, Tây Ninh mưu trí tập kích căn cứ lớn Tua Hai, diệt và bắt cả ngàn tên địch thu hàng ngàn súng các loại. Cũng tháng 1 năm 1960, huyện Mỏ Cày, Bến Tre nhất loạt đồng khởi, vây đồn, diệt ác phá bộ máy thống trị của địch ở xã, ấp, giành chính quyền về tay nhân dân.

Đầu năm 1960, âm vang của các cuộc nổi dậy nhiều nơi dội đến Bình Thuận, nhưng bấy giờ Bình Thuận vẫn chưa vùng dậy được. Những khu tập trung địch dồn dân miền núi xuống bằng lập các khu “trù mật” “tân sinh” chưa phá được nơi nào, thì từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 4 năm 1960, địch càn bắt hết dân tổng Tố La (khoảng 1.800 người) và hơn 900 dân tổng Cà Dòn về khu tập trung Bác Ruộng. Sau khi địch bắt dân đi, nó cho một bộ phận ở lại đốt sạch nhà cửa, đốt sạch bắp, lúa, bắn giết hết gia súc, gia cầm, chặt phá hết cây ăn trái, v.v... phòng dân có trốn về lại cũng không còn gì để sống.

Dân còn ở lại căn cứ chỉ 850 người (Cà Dồn: 650, Bờ Gia: 200). Sau đó địch tiếp tục cho thám báo, biệt kích lên dò la, tìm nơi ăn, ở của dân còn lại trên núi để đánh, bắt đưa về khu tập trung.

Ngày 24 tháng 5 năm 1960, anh Nguyễn Xuân Du (Tám Cảnh) Bí thư huyện Di Linh trên đường đi công tác phát hiện có biệt kích lên căn cứ, anh bàn với cán bộ chỉ huy đơn vị 2 - 9 (Đồng và Giang) có kế hoạch theo dõi và đánh địch trên đường rút về. 8 giờ sáng ngày 25 tháng 5 năm 1960. một chiến sĩ (Đoàn Tụ) đi tuần tra đến thôn Quao, phát hiện địch đang đốt nhà dân, bắt heo làm thịt. Quá căm thù, đồng chí Tụ nổ súng bắn bị thương 1 tên, địch hoảng hốt, lo khiêng thương rút chạy. 3 giờ chiều cùng ngày, địch xuống đến dốc La Hon (xã La Dạ), toán đi đầu lọt vào trận địa phục kích của một tiểu đội đơn vị 2 - 9, ta chủ động nổ súng bắn bị thương 2 tên, 6 tên đầu hàng. Biết địch còn một tiểu đội đi sau, ta để hai đồng chí giữ 8 tù binh, số còn lại tiếp tục truy kích địch. Đang tìm dây trời tù binh thì 5 tên chạy thoát, số địch đi sau nghe súng nổ cũng cắt rừng chạy. Kết quả ta bắt 3 tù binh, thu 5 tiểu liên thompson, đây là trận đánh đầu tiên của Bình Thuận từ khi có Nghị quyết 15. Trận đánh có ảnh hưởng tốt, nhất là sau khi ta giáo dục và thả 3 tù binh.

Khoảng cuối tháng 3 năm 1960, anh Nguyễn Gia Tú, Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận vào khu miền Đông Nam Bộ để rút kinh nghiệm, lúc về được khu Miền Đông Nam Bộ tặng một trung liên, một tiểu liên

thompson, mấy cây súng trường Anh, một thùng đạn, một thùng lựu đạn mới nguyên (chiến lợi phẩm Tua Hai). Cùng về với anh có đồng chí Nguyễn Cảnh (Bảy Thành) cán bộ quân đội được bố trí ở lại nắm lực lượng vũ trang Bình Xuyên, với cấp bậc và tên gọi: trung tá Huỳnh Long. Sau khi bị lộ, anh thoát ly ra khu miền Đông, nay được khu miền Đông cho ra giúp Liên tỉnh 3 về công tác quân sự. Khoảng cuối tháng 5 năm 1960, đoàn anh Sáu Tú về đến Di Linh, anh Nguyễn Xuân Du, Bí thư huyện báo cáo với anh tình hình địch càn gom hơn hai ngàn dân về khu tập trung Bác Ruộng, khi nghe tin này anh rất buồn và bức tức¹.

Việc đưa dân về núi, đến nay, đối với Bình Thuận là hết sức bức xúc, nhưng làm thế nào? Anh Sáu Tú đưa ra bàn trong Tỉnh ủy và tranh thủ ý kiến Bí thư hai huyện Tánh Linh và Di Linh, và các đồng chí cán bộ quân sự. Những năm qua Tỉnh ủy Bình Thuận chưa tin sức mạnh bạo lực của quần chúng, có phần đánh giá địch cao, nên chưa tiếp thu và vận dụng được cách làm đã thành công của huyện Bác Ái (Ninh Thuận) và các huyện miền núi tỉnh Khánh Hòa; nặng về biện pháp quân sự trong lúc sức ta chưa đủ. Một số cán bộ quân sự thường lấy câu châm ngôn “muốn bắt chủ nhà phải giết chó”. Đồng chí phụ trách quân sự tỉnh khẳng định: “có đánh được chi khu quận lý thì mới phá được dinh điền”. Nay đã có một số cán bộ quân sự tập kết trở về nhất là

1. Theo đồng chí Nguyễn Xuân Du.

số cán bộ đặc công, cộng với số cán bộ đặc công ở lại là những chiến sĩ giỏi, có nhiều kinh nghiệm và có kinh nghiệm của miền Đông Nam Bộ, nên càng nghiêng mạnh về biện pháp quân sự. Nhưng sợ trên chưa cho đánh lớn, nên không báo cáo, xin ý kiến Liên tỉnh, mà chủ trương làm “chui”. Thường vụ Tỉnh ủy giao cho đặc công chuẩn bị nghiên cứu chi khu, quận lỵ Hoài Đức; kết hợp cơ sở bên trong cung cấp tình hình. Đây là một quận mới, đang hình thành. Sau khi đặc công ta nắm chắc đồn bót địch còn đơn giản, canh gác có nhiều sơ hở, đặc công đã vào được bên trong, lính bảo an trang bị vũ khí có khá hơn, còn dân vệ, thanh niên cộng hòa thì trang bị súng sào (súng trường 8693) và dây gậy. Ở đây ta chưa có hoạt động vũ trang nên địch rất chủ quan. Khu tập trung dân gần chi khu nhưng kéo dài hơn 2 ki-lô-mét, cách bìa rừng 400 đến 500 mét, rào cũng sơ sài, nhiều đoạn dân đã phá để đi làm ăn. Hàng ngày dân thường ra rừng làm ăn và gặp cán bộ. Các xóm đều có cơ sở cách mạng, giữ được đoàn kết, tin nhau, con em cầm súng trong nghĩa quân, dân vệ, bà con đều nắm được; tình hình địch ta luôn luôn nắm được. Về ta lực lượng vũ trang tuy ít nhưng có đủ số lượng cán bộ, chiến sĩ cần thiết, nhất là số cán bộ đặc công từ miền Bắc về, giữ được bí mật, có đủ điều kiện để hạ quyết tâm đánh thắng.

Trong hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng cũng có những ý kiến khác nhau như: chưa nên đánh lớn, nên sử dụng một bộ phận vũ trang bao vây chi khu, hoặc

diệt một số tên ác ôn, một bộ phận võ trang khác cùng cán bộ lãnh đạo huyện và đội công tác vào khu tập trung vận động đưa dân về núi. Việc đưa dân về núi cũng có những ý kiến khác nhau như hiện tình lực lượng bất hợp pháp cơm không đủ ăn, thiếu muối, thiếu vải, thuốc men không có, ta không lo nổi cho ta thì có cách gì nuôi nổi ba, bốn ngàn dân khi họ về cùng ta sống bất hợp pháp. Dân thì chưa chuẩn bị các thứ cần thiết như gạo, lúa, muối, vải, thuốc men, v.v... đưa ra rừng cất giấu trước khi về núi. Nên chỉ đưa một bộ phận, đưa bao nhiêu, đưa số nào về trước trên cơ sở đã chuẩn bị được những thứ cần thiết để bảo đảm được cuộc sống sau khi về núi, ta phải tính kỹ. Tuy có bàn nhưng chưa sáng tỏ. Cuối cùng căn cứ vào kết quả chuẩn bị chiến trường, quyết tâm của cán bộ quân sự, yêu cầu đưa dân về núi để xây dựng căn cứ; Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí chủ trương đánh diệt chi khu, quận lỵ, hỗ trợ đồng bào nổi dậy phá khu tập trung về lại núi rừng; và nhất trí bố trí cán bộ sử dụng lực lượng như sau:

Anh Lê Văn Triều - ủy viên Thường vụ phụ trách, chỉ đạo chung. Lực lượng vũ trang tham gia chiến đấu 27 đồng chí, vừa đặc công, vừa bộ binh gồm có ba cán bộ tiểu đoàn, còn là cán bộ đại đội, trung đội, tiểu đội, đồng chí Nguyễn Cảnh cùng tham gia. Ban chỉ huy trận đánh gồm các đồng chí Phạm Hoài Chương, Nguyễn Cảnh, Nguyễn Thanh Đức. Sử dụng bảy đặc công do đồng chí Nguyễn Hội, đại đội trưởng chỉ huy đánh chi khu; bộ binh còn lại do thượng úy Nguyễn Lâu (Mười

Lang) và trung úy Nguyễn Minh Quyết chỉ huy đánh khu hành chính và nhà quận trưởng. Việc vận động đồng bào nổi dậy phá khu tập trung, tổ chức cho dân về núi do đồng chí Nguyễn Thiết Hoàng (tức Bái) Bí thư huyện Tánh Linh và đồng chí Nguyễn Xuân Du, Bí thư huyện ~~Đ~~ Linh chỉ huy cán bộ và đội công tác của huyện thực hiện.

Kết quả: 0 giờ ngày 31 tháng 7 năm 1960, ta nổ súng. Sau năm phút chiến đấu, đặc công giải quyết xong chi khu; sau một giờ ta làm chủ tất cả các mục tiêu; diệt gọn chi khu, quận lỵ, diệt và bắt 300 tên, thu 150 súng (có 7 trung liên, 10 tiểu liên) giải thoát 40 cán bộ, cơ sở bị địch bắt giam giữ, đưa 3.000 dân về núi an toàn, ta chỉ bị thương nhẹ ba đồng chí¹. Nhận được báo cáo, Liên khu ủy 5 đánh giá: đây là trận diệt chi khu, quận lỵ đầu tiên của quân và dân cực Nam và Nam Trung Bộ.

Đồng bào về núi đúng vào cao điểm mùa mưa vùng này, đất rừng đã lạnh không trồng được thứ gì, nhà cửa không có, đồ dùng trong nhà không còn thứ gì. Mỗi người về núi chỉ mang được một cái gùi gồm lương thực, tài sản (trừ số người ốm phải khiêng, trẻ em phải cõng, phải dìu). Sau khoảng vài ngày, nhiều nhà không còn gạo, muối (trừ mấy trăm dân Cà Dồn) thuốc men không có; đói và đau bệnh ập đến mọi nhà. Trong mấy ngày đầu về núi, đã có mấy trăm người xuống lại khu tập trung, sau đó lẻ tẻ đi tiếp. Địch cho thám báo, biệt kích,

1. Báo cáo của Tỉnh ủy Bình Thuận

tê phản động lên hù dọa, mua chuộc để kéo dân về lại khu tập trung. Số đồng bào quyết tâm bám lại núi rừng chủ yếu sống dựa vào khoai rừng, rau rừng, cây xà bu nhưng không bao lâu các thứ này cũng cạn kiệt, nạn đói ngày càng lan rộng, kéo dài, đau bệnh đi đôi với đói mà không có thuốc! Đã có mấy trăm người chết đói, nhiều người chết ngã gục bên lỗ khoai đang đào. Lực lượng bất hợp pháp kể cả cơ quan Tỉnh ủy đến nay - tháng 5 năm 1961 - cũng còn đói, một tháng chỉ được mười ngày gạo, có san sẻ cho dân nhưng không thấm vào đâu. Nay là mùa phát, dọn rẫy để sản xuất, tỉnh có lo giống giúp cho dân nhưng không đủ. Thóc giống dân trộn cát treo lên gác, nhưng đói quá nên có người phải bớt chút ít để nấu cháo cho con. Sức lao động của dân giảm sút nhiều ảnh hưởng đến sản xuất. Nạn đói còn có thể kéo dài đến năm 1962. Sau chiến thắng Hoài Đức đến nay, Bình Thuận chưa phá thêm được khu đồn dân nào.

Nghe chiến thắng Hoài Đức tôi rất phấn khởi, nhưng niềm vui chưa trọn vẹn, thì nạn đói liên tiếp diễn ra; và tôi có suy nghĩ: nắm được những chỗ yếu, những sơ hở của địch, chớp thời cơ, hạ quyết tâm tấn công diệt chỉ khu Hoài Đức là đúng, kịp thời và cần thiết - dù đưa được 'dân về núi hay chưa, chiến thắng đó vẫn có tác dụng hỗ trợ phong trào đấu tranh của quần chúng, bồi dưỡng ta và mở đầu cuộc đấu tranh vũ trang ở Bình Thuận. Việc đưa dân về núi rất khó khăn nhưng việc bảo đảm đời sống cho mấy ngàn dân sau khi về núi càng khó hơn nhiều nên việc chuẩn bị cho dân về núi

phải công phu, chu đáo không kém chuẩn bị chiến trường. Buôn xóm nào chuẩn bị tốt thì đưa về trước, chưa chuẩn bị thì tiếp tục chuẩn bị sẽ về sau.

Tỉnh đã thấy trước: “hiện tỉnh lực lượng bất hợp pháp cơm không đủ ăn, thiếu muối, thuốc men không có, ta không lo nổi cho ta thì có cách gì nuôi ba, bốn ngàn dân khi về núi...”. Những khó khăn đó chưa có cách giải quyết, lại đưa dân về một cách ô ạt để dân đói, đau bệnh kéo dài, nhiều người chết đói. Tình hình diễn ra nghiêm trọng như vậy lãnh đạo không kịp thời họp dân bàn cách giải quyết một cách dứt khoát như: chọn một số tương đối khỏe tạo mọi khả năng để số này ở lại căn cứ, số còn lại (già yếu, mất sức lao động, đau ốm, trẻ em) chủ động tổ chức cho họ sớm về vùng địch tạm chiếm, dựa vào bà con, cơ sở giúp đỡ làm ăn, sau khi ổn định sẽ tìm cách liên lạc. Cách giải quyết như vậy tuy cũng còn khó khăn, nhưng có thể giúp dân thoát nạn chết đói. Ta không thể chủ trương giữ dân ở căn cứ để dân chịu cảnh đói, đau bệnh kéo dài, số người chết ngày càng tăng¹. Vì bức xúc phải đưa dân về núi, mà thiếu tinh thần trách nhiệm đối với đời sống và sinh mạng của mấy ngàn dân. Đây là bài học sai lầm có tính lịch sử nên được ghi nhớ.

Sự thật sự kiện Hoài Đức là như vậy, nhưng 33

1. Đồng chí Lâm Vĩnh Minh (Tám Kiên) nguyên ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng cho biết sau khi đồng bào ở khu tập trung về núi, số người chết đói gần 300.

năm sau, trong cuộc hội thảo chiến thắng Hoài Đức; thành tích và ý nghĩa thắng lợi của nó được “tô vẽ” thêm nhiều sự kiện như: mở đầu đồng khởi cực Nam Trung Bộ; thu 250 súng; đưa hết dân Thượng bị dồn từ trước và gần đây về lại làng cũ sản xuất, bố phòng phát triển du kích chiến tranh; mở rộng căn cứ miền núi cả ngàn ki-lô-mét vuông, bắc giáp Đinh Trang Hạ đường 20, đông đến Bao Tuấn đường 8, thuyết phục dân Nộp và Bao Tuấn không chạy; góp phần cùng Trung ương đảm bảo hành lang chiến lược nối liền địa bàn bắc Tây Nguyên thông qua nam Tây Nguyên về tận miền Đông Nam Bộ; tạo cơ sở và điều kiện để Trung ương quyết định thành lập khu Sáu; tiếp theo đó đánh đồn Cỏ Mồm, phá khu tập trung Cỏ Mồm, Gia Lê, đưa hàng trăm gia đình đồng bào dân tộc về núi xây dựng căn cứ Hàm Cẩn, Đẳng Gia; tháng 12 năm 1960 đánh đồn Bầu Trắng, giải phóng hơn 20 ngàn dân; động viên hàng ngàn tấn lương thực, hàng trăm triệu đồng, hàng ngàn nam, nữ thanh niên nô nức lên đường. Ngược lại, tình hình thiếu trách nhiệm đối với đời sống và sinh mạng mấy ngàn dân để dân phải trả giá quá đắt, và cũng làm hạn chế thắng lợi Hoài Đức thì không nói đến, không dám nhìn vào sự thật đau lòng đó.

Tháng 5 năm 1961, tôi về làm Bí thư Tỉnh ủy kiêm Trưởng ban quân sự tỉnh Bình Thuận, tình hình lúc đó như sau: Đinh Trang Hạ là vùng địch kiểm soát. Đường số 8 (nay là đường 28) từ Ma Lâm (Hàm Thuận - Bình Thuận) đến thị trấn Di Linh (Lâm Đồng) địch vẫn kiểm

soát. Tại Gia Bát (ki-lô-mét 41 tính từ Phan Thiết lên) có đồn bảo an, bảo vệ khu tập trung dân. Ba năm trước, địch đã dồn dân tổng Bao Tuân về khu tập trung Hòa Bình; dồn dân tổng Nộp về khu tập trung Gia Le (Láng Cốc) dồn dân Hàm Cần, Đãng Gia, về khu tập trung Cỏ Môm, có lực lượng dân vệ, bảo an đóng giữ. Đồn Cỏ Môm chưa bao giờ bị ta đánh, ngày 15 tháng 8 năm 1961 ta diệt đồn Gia Bát thì địch rút bỏ đồn Cỏ Môm. Các khu tập trung Gia Bát, Hòa Bình, Gia Le, Cỏ Môm chưa bị phá. Kế hoạch đánh đồn Bầu Trắng (tức nha Thiện Phú) nhưng địch đã ra rừng, không có trong đồn, chỉ đánh trụ sở xã Nhơn Thiện. Tại đây ta đã diệt tên Tư trưởng nha Thiện Phú và tên Lâu thư ký hội đồng xã (bắt 8 tên tề, thu 7 súng) ta rút ra rừng trước khi trời sáng. Từ ngày 13 tháng 9 năm 1961 về trước, ở đồng bằng ta chưa giải phóng nơi nào. Đến cuối năm 1961, lực lượng bất hợp pháp chưa nhiều mà vẫn còn thiếu đói, kể cả cơ quan Tỉnh ủy. Đồng bào căn cứ còn đói nặng. Con số hàng ngàn tấn lương thực, hàng trăm triệu đồng, hàng ngàn thanh niên lên đường là con số hoang đường.

Chiến thắng Hoài Đức, ý nghĩa đáng ghi nhận là: đánh giá đúng địch, nắm được chỗ yếu, những sơ hở chủ quan của địch, kịp thời chớp lấy thời cơ, tận dụng thời cơ, có quyết tâm cao đã làm nên chiến thắng ấy. Còn tầm mức của nó đến đâu còn phụ thuộc vào cái tiếp sau, cái sai, cái đúng ở trong lãnh đạo, mà sự thực diễn biến tiếp sau, cần được phản ánh trung thực, khách quan.

Mục đích hội thảo là để bồi đắp thêm truyền thống cách mạng cho Bình Thuận, và cũng để ghi chiến công của những người làm nên thắng lợi của trận đánh, ghi nhớ công ơn của cơ sở của đồng bào, của những người đã hy sinh góp phần vào thắng lợi đó. Trong quá trình hội thảo, tùy chỗ đứng của mỗi người mà nhìn về chi tiết có mức này, mức khác; nhưng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lúc bấy giờ, mình làm được đến đâu thì cùng nhau nhận đến đó, chính đó là khoa học; không nên coi những ý kiến trong hội thảo là đúng cả, là sự công nhận mà trước đây lãnh đạo chưa thấy.

Phía tây Bình Thuận, Ninh Thuận là những dãy núi B'sar, Bi Đúp, Lang Biang cao ngút trời mây, núi non trùng điệp, địa thế hiểm trở. Vùng đất này ta xây dựng thành công căn cứ địa thì thế đứng của cách mạng vững chắc biết dường nào. Ở đó là nơi sinh sống của các bộ tộc Xê-tiêng, Chu, Mạ, Mơ nông, K'ho. Tại những vùng cao, ít ai lạ mặt dám bén mảng đến, kể cả người Pháp hay người Kinh. Có những vùng, suốt gần một thế kỷ đô hộ, thực dân Pháp cũng không thể nào đặt được ách thống trị của chúng lên đầu, lên cổ nhân dân. Họ sống tự do, tự trồng lúa, bắp, khoai, sắn để ăn, dệt vải để mặc, không ai chịu cúi đầu lập tề, nộp thuế, không chịu dẫn đường cho Pháp lên núi dày xéo buôn làng. Ở đó, trong chín năm kháng chiến chống Pháp, có những vùng cán bộ cách mạng cũng chưa đặt chân tới, một vài nơi đến được thì sau đó cũng mất liên lạc hàng chục năm trời.

Cái cảm nang giúp cho việc tổ chức cơ sở chính trị,

xây dựng căn cứ ở miền núi vẫn là vận dụng chính sách dân tộc của Đảng, tin vào quần chúng, làm cho quần chúng hiểu rõ đường lối của Đảng, cùng nhau đoàn kết, chiến thắng kẻ thù. Cái cốt lõi của chính sách dân tộc là nắm vững quan điểm giai cấp, dựa vào quần chúng cơ bản nhất là thanh niên mà giáo dục; cải tạo, tranh thủ các tầng lớp trung gian, kể cả tề, ngụy, tổng, lý. Sau khi quần chúng được phát động, cụm núi nào cũng từng bừng mở đại hội đoàn kết dân tộc, quyết tâm đánh đổ Mỹ - Diệm, giành quyền làm chủ núi rừng.

Để xây dựng thối liên hoàn mở rộng căn cứ miền núi, đầu năm 1960 liên tỉnh thành lập hai đội võ trang công tác, phát triển cơ sở lên Tuyên Đức. Một đội do đồng chí Đinh Sĩ Uẩn (Thiệp) làm đội trưởng đứng ở Phước Bình (Bắc Ai tây) tiến lên Lạc Dương. Một đội do đồng chí Nguyễn Lâm (Ứng) làm đội trưởng, đứng ở Gia Hoa, huyện Anh Dũng (Ninh Thuận) tiến lên M'lon - huyện Đơn Dương. Sau bốn tháng, đội đồng chí Lâm không lên được, liên tỉnh rút về nhập vào đội của đồng chí Uẩn, tập trung sức mở cơ sở lên hướng Lạc Dương để bắt liên lạc với Quảng Đức của liên tỉnh 4. Cuối năm 1960, đội đã phát triển được cơ sở từ Đồng Mang, Đa Tro, Đa Cháy lên đến Đầm Ròn. Ngày 28 tháng 12 năm 1960, đội bắt được liên lạc với tổ đặc công của liên tỉnh 4 tại buôn K'long La Heur. Sau đó theo chỉ thị của anh Trần Lê và anh Bùi San, đồng chí Uẩn lên gặp anh Bùi San nhận chỉ thị. Sau khi làm việc với anh Bùi San và anh Ba Bang (Nguyễn Khắc Tính) tại Đắc Min, trở về lại Đầm Ròn đứng ngày

mùng 1 Tết âm lịch. Cùng thời gian này, bộ phận đồng chí Lâm (Ứng) phát triển phong trào qua Đắc R-Măng, Pang Thang, R'Nốt. Ở đây đã có đội công tác của liên tỉnh 4 hoạt động, quay về Pang Tin Đồn trên đường 21 kéo dài, gần sông Krông Nô gặp đội võ trang công tác của Liên tỉnh 4 do đồng chí Nguyễn Xuân Khanh làm đội trưởng cũng đến đó. Đồng chí Uẩn về gặp anh Trần Lê báo cáo; sau đó đội công tác đồng chí Uẩn đưa anh Trần Lê lên Đắc Mìn làm việc với anh Bùi San. Như vậy là những vùng mới mở giữa hai liên tỉnh đã nối liền, đường liên lạc giữa hai liên tỉnh đã được khai thông, tạo điều kiện đi đến thành lập khu Sáu.

Để mở cơ sở lên hướng Lâm Đồng, theo chỉ thị của liên tỉnh 3, tháng 11 năm 1960 Bình Thuận thành lập ba đội võ trang công tác, lúc đầu mỗi đội bốn, năm đồng chí, đa số cán bộ là người dân tộc. Đội Hoàn Sơn do anh Nguyễn Xuân Du, ủy viên ban cán sự miền núi Bình Thuận làm trưởng đoàn đứng ở Con Rùm tiến lên các xã Đinh Trang Hạ, Đinh Trang Thượng huyện Di Linh, để bắt liên lạc với đội võ trang công tác của tỉnh Quảng Đức phát triển xuống vùng Kin Đạ. Đội Nam Sơn do đồng chí Nam làm đội trưởng đứng ở Tố La tiến lên B'Lao, sau ba tháng đội này chưa lên được, nên hợp nhất vào đội Hoàn Sơn, giao địa bàn này cho đội Hoàn Sơn phụ trách luôn. Đội Tây Sơn do đồng chí Trần Tích làm đội trưởng đứng ở Bờ Gia tiến lên B'Sar, Đạ Gùi. Đến cuối năm 1960, đội Hoàn Sơn đã phát triển được cơ sở ở 24 buôn của xã Đinh Trang Hạ, tám

buôn ở xã Tân Lú (nam đường 20) và một phần xã Liên Dầm, Gung Ré để làm bàn đạp đầu năm 1961 tiến lên bắc đường 20. Nhờ khả năng đi lại công khai hợp pháp của một số cán bộ người dân tộc, biết khai thác và vận dụng những mối quan hệ của cốt cán, cơ sở ở vùng căn cứ với bà con, người thân ở vùng địch tạm chiếm, dùng cơ sở, cốt cán mới, phát triển cơ sở, nên việc mở cơ sở có phần thuận lợi.

Ngày 25 tháng 5 năm 1961, tổ của đồng chí Thuận, đội Hoàn Sơn đi hợp pháp lên thẳng xã Đình Trang Thượng, tìm đến rẫy Gung Răng Gia, ở đây bắt gặp được cơ sở đầu mối liên lạc của đội võ trang công tác của tỉnh Quảng Đức; đồng chí Thuận viết thư để lại hẹn ngày và địa điểm để đại diện đội Hoàn Sơn lên gặp đội võ trang công tác Quảng Đức. Ngày 10 tháng 8 năm 1961, Hoàn Sơn cử đồng chí Hà Huy Do lên gặp đội công tác Quảng Đức. Ngày 29 tháng 8 năm 1961, đồng chí Nguyễn Xuân Du lên gặp đồng chí Trần Quang Sang (Ma Thọ) đội trưởng đội công tác Quảng Đức, hai bên trao đổi tình hình để chuẩn bị hợp nhất hai mảng nam, bắc đường 20. Ngày 31 tháng 8 năm 1961, đồng chí Bùi San thay mặt Thường vụ Liên khu ủy 5 công bố quyết định hợp nhất hai mảng nam, bắc đường 20 thành lập B7 để thống nhất chỉ đạo. Từ đây đường liên lạc giữa nam bắc đường 20 cũng là đường liên lạc giữa ba tỉnh Bình Thuận, Lâm Đồng, Quảng Đức được bắt đầu nối liền. Thường vụ Liên khu ủy 5 chỉ định Ban cán sự Đảng B7 gồm các đồng chí: Trần

Quang Sang, Bí thư và hai ủy viên là Nguyễn Xuân Du và Lê Đạo (Ma Nhao). Ban cán sự B7 có nhiệm vụ tiếp tục mở rộng diện phát triển cơ sở, nối liên lạc với C200 đội võ trang công tác của miền Đông Nam Bộ phát triển từ vùng Cát Tiên ra, chuẩn bị thành lập tỉnh Lâm Đồng; giữ vững đường dây liên lạc.

Đầu tháng 8 năm 1961, Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận bổ sung cho Hoàn Sơn năm cán bộ huyện ủy và tương đương, và 5 thanh niên cơ sở mới rút lên. Có thêm cán bộ, Hoàn Sơn chia thành ba đội công tác mỗi đội tám đồng chí, phụ trách từ thị trấn Di Linh lên đèo B'Lao, dài hơn 50 ki-lô-mét, chia làm ba đoạn, mỗi đội công tác phụ trách một địa bàn (đoạn). Sau hơn một tháng hoạt động, ba đội đã võ trang tuyên truyền xây dựng cơ sở trong công nhân các sở trà: Tứ Quý, Ngô Văn, Lê Văn Phước, Mạc Phen, Công Gò, Bu Bê, Huỳnh Hòa, Thanh Được... và nhà máy chế biến trà Lê Minh Sanh; xây dựng cơ sở các ấp, xã Tứ Quý, Trảng Bia, Tân Lạc đến Lam Sơn, Tân Bùi, Đa Lào. Từ tây đèo B'Lao đến Ma Đa Gui, đội công tác Tây Sơn đã xây dựng được cơ sở ở các xã B'sar, Ma Đa Gui, Đa Huoai... Đồng chí Nguyễn Xuân Du, tỉnh ủy viên Bình Thuận nay là ủy viên Ban cán sự B7 phụ trách toàn mảng phía nam đường 20. Sau khi thành lập B7 Ban cán sự tăng cường cho phía nam đường 20 một số cán bộ và một đội đặc công. Thành lập huyện Di Linh (K3) và thị xã B'Lao (T29). Từ tây đèo B'Lao xuống Ma Đa Gui thành lập đội công tác K4. Ngày 1 tháng 2 năm 1962 thống nhất B7

và C200 thành lập tỉnh Lâm Đồng trực thuộc khu 10.

Tháng 11 và 12 năm 1962, Bình Thuận tiếp tục đưa lên Lâm Đồng một số cán bộ, một trung đội tân binh đã được huấn luyện quân sự và một trung đội thanh niên (nam, nữ) để bảo đảm các trạm trên đường hành lang.

Để hỗ trợ cho các đội võ trang công tác mở phong trào sâu vào nam Tây Nguyên, đầu tháng 5 năm 1961, Liên tỉnh 3 chỉ đạo lực lượng võ trang của liên tỉnh và của Bình Thuận tiến đánh hai quận lỵ Di Linh và Đờ Răn (Dran). Đây là hai cái chốt chi khu quân sự quan trọng của địch nằm trên đường 20 và 11.

Thị trấn Đờ Răn (Dran) thuộc quận Đơn Dương tỉnh Tuyên Đức, ở phía đông cao nguyên Lang Biang. Chi khu quận lỵ Đờ Răn đồn bót khá kiên cố, nằm trên ngọn đồi ngã ba đường 11 và đường 21 kéo dài (nay là đường 27) khống chế toàn bộ khu vực Đờ Răn. Ngoài chi khu, địch còn đóng một đồn cấp trung đội bảo an giữ đập Đa Nhim, một trung đội công binh làm đường, một đại đội cộng hòa đóng ở đồi "Sáu Nhà" cách chi khu khoảng 1,5 ki-lô-mét. Tiểu đoàn 120 thiếu (có một đại đội đặc công, một đại đội bộ binh, một trung đội trinh sát thông tin) của liên tỉnh 3 do đồng chí Phạm Văn Hược, Trưởng ban quân sự liên tỉnh và đồng chí Nguyễn Cảnh (Bảy Thành) cán bộ quân sự Liên tỉnh 3 chỉ huy. Từ Bác Ái hành quân lên, phải vượt sông cái và nhiều núi cao. Đêm 15 tháng 5 năm 1961, tấn công diệt gọn chi khu quận lỵ và tất cả các mục

tiêu khác làm chủ chiến trường, bắt tù binh có tên quận trưởng Trần Lưu Dư, thu trên 100 súng có 12 trung liên. Sau khi các bộ phận đánh điểm tổ chức rút ra, thì địch từ Đà Lạt xuống chi viện bị ta đánh thiệt hại một đại đội. Kết quả chúng ta diệt hai đại đội địch, ba trung đội, đánh thiệt hại một đại đội, loại khỏi vòng chiến đấu 250 tên.

Thị trấn Di Linh thuộc huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, trước là tỉnh lỵ Đồng Nai Thượng. Chi khu, quận lỵ Di Linh bây giờ là tiểu khu quân sự Đồng Nai Thượng cũ, chiếm một khu vực rộng, đồn bót khá kiên cố, nằm ở ngã tư đường 20 và đường 8 (nay là đường 28). Lực lượng võ trang Bình Thuận chỉ có hai tiểu đội đặc công, một trung đội bộ binh (531 và 529) và đội võ trang công tác Hoành Sơn năm đồng chí. Cùng đêm 15 tháng 5 năm 1961, ta tấn công diệt gọn bót cảnh sát ở ngã ba Di Linh, diệt một trung đội, làm chủ, thu vũ khí, đánh thiệt hại chi khu, gây cho địch nhiều tổn thất, nhưng ta không kiểm soát được; đồng chí Tâm trung đội phó đặc công hy sinh không tìm được. Đội võ trang công tác vào được khu bệnh viện làm chủ hai tiếng đồng hồ, tập hợp được y, bác sĩ hộ lý tuyên truyền đường lối và chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng, thu một bộ trung phẫu và 12 mang thuốc chiến trường.

Hai trận đánh chi khu, quận lỵ Đờ Răn và Di Linh đã tác động mạnh đến cả vùng Tuyên Đức, Lâm Đồng. Địch báo động đề phòng, bọn tề, dân vệ trong các buôn, ấp dao động co lại, tạo thuận lợi cho các đội võ trang công tác phát triển nhanh lên phía bắc Lâm Đồng và Tuyên Đức.

*

* *

Đưa hoạt động võ trang xuống đồng bằng.

Năm 1960, vùng đồng bằng các tỉnh đã rút được một số cán bộ chuyển ra hợp pháp trở về, rút một số cốt cán bị lộ ra thoát ly, cùng một số cán bộ tập kết trở về, tỉnh nào cũng thành lập thêm một số tổ võ trang công tác; mỗi tổ hai, ba cán bộ phụ trách một hoặc hai xã, nhờ đó phong trào có nhích lên, nhưng địa bàn có cán bộ phụ trách còn hẹp, nhiều vùng chưa có cán bộ phụ trách. Cuối năm 1960, ta đưa hoạt động võ trang xuống đồng bằng lực lượng còn ít, nên phải chia nhiều bộ phận phối hợp với tổ công tác mở rộng võ trang tuyên truyền diệt ác, hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh tạo thuận lợi cho các tổ công tác hoạt động. Lực lượng võ trang cũng có đánh một số trận tốt như đánh trụ sở xã, phá khu trừ mật, đánh đồn bót nhỏ, đánh viện quân, mở màn. Nhưng còn nặng nề nổi, lướt qua, chủ yếu hoạt động về đêm, phải rút ra rừng trước sáng. Sau khi lực lượng võ trang ta rút địch trở lại đóng đồn, bọn tề, ác ôn, đêm đi tránh lánh, ban ngày trở về làm việc, kìm kẹp, khống chế quần chúng, khủng bố các gia đình có người thoát ly, các gia đình đón tiếp mỗi khi ta về làng. Nhân dân có phần khởi nhưng vẫn còn sợ địch.

Ngày 11 tháng 11 năm 1960, nhân vụ Nguyễn Chánh Thi đảo chánh Ngô Đình Diệm; đại đội 120 của liên tỉnh do các đồng chí Phan Văn Hược, Bùi Đức

Thành, Vũ Tấn Hát chỉ huy, sử dụng 40 đồng chí chia làm ba bộ phận: một bộ phận bảy đồng chí cải trang lính cộng hòa do đồng chí Võ Văn Đẩu (tức Quý) đóng vai thiếu úy, đột vào thị trấn Ba Ngòi (Cam Ranh – Khánh Hòa) giữa ban ngày ra lệnh cho bọn tề, dân vệ tập hợp trước trụ sở, sau khi chê trách, quát mắng về tội tham gia đảo chánh và xử bắn mấy tên tề ác, rồi ung dung đi ra, bọn địch cứ tưởng quân của trên xuống trừng trị bọn theo quân đảo chánh. Bộ phận thứ hai đột nhập khu Bầu Hùng diệt một trung đội địch, đốt trụ sở, giải tán hội tề. Bộ phận thứ ba chặn đánh thiệt hại một đại đội địch viện từ Nha Trang vào. Tiếp đó, chín đồng chí của đại đội 120, cải trang người đi làm rẫy về, giấu súng trong bó củi, đi ngang qua trụ sở xã Suối Dầu (nam Diên Khánh) bất ngờ nổ súng đánh địch diệt nhiều tên, số sống sót chạy tán loạn, ta chiếm trụ sở, giải tán hội tề, rồi rút quân an toàn.

Tháng 12 năm 1960, đại đội 120 chuyển vào hoạt động ở vùng I, bắc Ninh Thuận. Đơn vị tổ chức hai bộ phận: bộ phận thứ nhất có 20 đồng chí do hai đồng chí Bùi Xuân Dũng, Phan Văn Công (tức Chín) chỉ huy, cải trang dùng xe khách đột vào đánh đồn và trụ sở xã Mỹ Tường giữa ban ngày, diệt một trung đội bảo an, một trung đội dân vệ bị đánh tan, bắt 17 tên, thu toàn bộ vũ khí. Cùng một lúc, bộ phận thứ hai gồm 11 đồng chí do đồng chí Võ Văn Đẩu chỉ huy, cải trang dùng xe khách đột nhập trụ sở xã Phương Cựu, bắt ba tên biệt kích, thu ba tiểu liên và chặn đánh quân tiếp viện. Đầu năm

1961, đồng chí Võ Văn Đầu chỉ huy nhóm bảy đồng chí, cải trang phụ nữ đi chợ, và người đi mua trâu đột nhập ấp Xóm Bằng diệt một trung đội dân vệ thu 20 súng giữa ban ngày. Sau đó đại đội 120 tiếp tục đột nhập các ấp Vĩnh Hy, Thái An, Mỹ Hòa, Bình Nghĩa, v.v... diệt ác, giải tán hội tề, phát động quần chúng xây dựng các thôn này thành vùng giải phóng và tranh chấp. Những hoạt động chiến đấu trên, làm cho địch khiếp sợ, nhân dân phấn khởi, động viên hơn 20 thanh niên nhập ngũ. Nhưng khi bộ đội rút đi thì địch trở lại chiếm đóng kìm kẹp quần chúng. Cùng thời gian này, ở phía nam Ninh Thuận, bộ đội tỉnh cùng các tổ công tác, tiếp tục mở rộng võ trang, tuyên truyền, diệt ác trên nhiều xã, phát động quần chúng, xây dựng cơ sở.

Ở Bình Thuận cũng cuối năm 1960, đơn vị 2 - 9 bộ đội tỉnh chia ba bộ phận, mỗi bộ phận trên 10 đồng chí. Bộ phận thứ nhất do hai đồng chí Nguyễn Lâu và Nguyễn Hội chỉ huy, xuống Hàm Thuận cùng các tổ công tác mở rộng võ trang tuyên truyền, diệt ác, giải tán hội tề; đội công tác của đồng chí Nguyễn Nhẫn võ trang tuyên truyền phá khu trù mật ấp Bầu Ruộng, quần chúng bung về vườn đất cũ. Sau đó địch thường cho biệt kích lên hoạt động, một hôm, một bộ phận của 2-9 đánh biệt kích lên Bầu Ruộng, không may đồng chí Lua trung úy, chỉ huy phó đơn vị hy sinh. Bọn tề, ác ôn, đêm xuống Mương Mán, ngày lên làm việc, ban đêm dân làm chủ. Bộ phận thứ hai hoạt động ở Hòa Đa, ngày 9 tháng 12 năm 1960, nhóm chín đồng chí của 2-9 do các đồng

chí Phạm Hoài Chương, Hồ Hồng, Nguyễn Minh quyết chỉ huy, trưa hôm ấy cải trang dùng xe khách đột nhập đánh đồn Bầu Trắng, trụ sở xã Nhơn Thiện, nhưng lính trong đồn đã ra hết ngoài rừng; đánh trụ sở xã diệt tên Tư trưởng nha Thiên Phú và tên Lâu thư ký xã, bắt tám tên, thu bảy súng. Chiều ta họp mít tinh quần chúng, vận động được một số thanh niên thoát ly, ta rút ra rừng trước sáng. Hôm sau, lính trở về đồn, bọn tề còn lại tiếp tục hoạt động. Bộ phận thứ ba do hai đồng chí Nguyễn Thanh Đức và Nguyễn Hữu Ích chỉ huy, cùng đội võ trang công tác của đồng chí Nguyễn Định (Giáp, Sáu Uẩn) tháng 12 năm 1960 ra hoạt động ở Phan Lý và Tuy Phong; võ trang tuyên truyền vào khu đồn dân Cà Lon và hai ấp Xuân Quang (Phan Lý), Vĩnh Hảo (Tuy Phong) đánh 3 trung đội dân vệ, thu vũ khí, giải tán hội tề. Sau khi lực lượng võ trang rút về, khoảng tháng 1 đầu tháng 2 năm 1961, đội công tác đồng chí Định bị địch đánh, không còn một đồng chí nào trở về, nên không biết đội bị địch đánh ở đâu và ngày tháng nào. Ba huyện phía bắc tỉnh còn là vùng trắng.

*

* *

Tôi về Bình Thuận.

Vào một ngày giữa tháng 5 năm 1961, sau khi thông qua kế hoạch đánh chi khu, quận lỵ Đờ Răn, tôi theo giao liên lên đường vào Bình Thuận. Đến Anh Dũng, tôi dừng lại, đến thăm các anh Tỉnh ủy Ninh

Thuận, hôm sau tiếp tục lên đường. Đường vào Bình Thuận còn đi trên cao, phải tránh các khu tập trung dân La Bá, Cà Lon, Láng Cốc (Gia Lê) qua đường 8 phải đi đêm, để phòng bọn thám báo trà trộn vào dân đi làm ăn phát hiện. Trạm tổng phát hành đóng cách cơ quan tỉnh một ngày đường.

Ngày 20 tháng 5 năm 1961, giao liên văn phòng Tỉnh ủy đến trạm tổng phát hành, hôm sau dẫn tôi về cơ quan. Lâu ngày gặp lại các anh Sáu Tú, Tám Triều trong Ban thường vụ, anh Tiềm (tức Tiên) tỉnh ủy viên chánh văn phòng và anh em cán bộ nhân viên trong văn phòng. Tôi vừa mừng, vừa xúc động, thấy các anh già đi nhiều, anh nào cũng gầy, anh Tiềm thì lắm bệnh. Nghe anh Từ và anh Chương đi đánh chi khu Di Linh đã về, nhưng chưa tới cơ quan. Bữa cơm chiều hôm đó, tôi cùng anh em trong cơ quan ăn bữa cháo loãng, tiếp mấy ngày sau ăn bột xà bu, khoai rừng, rau rừng, đọt mây, lá bép. Lúc đó, ở đồng bằng đã có chuyển biến, thu mua được gạo, nhưng không nhiều, vận chuyển lại khó khăn. Từ cơ quan xuống nơi ở của đội thu mua, đi về mất bốn ngày. Thỉnh thoảng có một số đồng bào ở gần vào cơ quan xin muối, trông ai cũng gầy guộc, xanh xao.

Sau năm ngày làm việc với Thường vụ và văn phòng nghe tình hình các mặt, các vùng, tôi xin đi xuống một huyện đồng bằng, một huyện miền núi, vài xã và đơn vị 2-9 lực lượng vũ trang của tỉnh.

Cơ quan tỉnh đóng ở Pô Cao¹, tôi thấy xa đồng bằng nơi đông dân, nhiều cửa và tình hình ở đó đang có nhiều chuyển biến. Từ tỉnh đi huyện Hàm Thuận hai ngày, đi Miền A, Hàm Tân, thị xã ba ngày, đi Hòa Đa bốn ngày, liên lạc giữa tỉnh và các huyện, thị 5 ngày một chuyến. Tình hình xảy ra ở cơ sở thường phải 10 đến 15 ngày mới có báo cáo lên tỉnh. Tôi đề nghị Thương vụ nên dời cơ quan xuống gần đồng bằng hơn.

Đầu tháng 6 năm 1961, tôi xuống Hàm Thuận gặp anh Võ Khánh Tồn (Sáu Trung) Bí thư huyện ủy và anh Trần Như Khuôn (Năm Lực) nguyên ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy đi tập kết về lại đầu tháng 1 năm 1960 được bổ sung vào thường vụ tỉnh, xuống theo dõi tình hình giúp Hàm Thuận. Làm việc ở huyện xong, tôi xuống ấp Bầu Ruộng nắm tình hình và làm việc với đội công tác anh Nguyễn Nhân. Ấp Bầu Ruộng thuộc xã Mương Mán, địch dồn dân các xóm Bầu Muống, Ruộng Vỡ, Suối Chinh, Cà Găng lập khu “trù mật”, ấp ở gần rừng. Tháng 11 năm 1960, đội công tác đồng chí Nhân võ trang tuyên truyền phát động quần chúng nổi dậy phá khu “trù mật” bung về vườn đất cũ. Khi tôi đến, tình hình Bầu Ruộng, ban ngày bọn tề từ Mương Mán lên làm việc, chiều lại về Mương Mán, ban đêm nhân dân làm chủ. Tiếp giáp với ấp Bầu Ruộng là ấp Văn Phong – toàn dân Thiên chúa giáo di cư vào năm 1954; bọn phản động ở đây chống ta quyết liệt, cũng là chỗ dựa của bọn biệt kích để đánh phá Bầu

1. Pô Cao là dãy núi cao thuộc địa bàn Di Linh - Lâm Đồng.

Ruộng, đội công tác thường đứng ở mỏm núi Cà Găng.

Tôi đến thăm đơn vị 2-9 (2 tháng 9) lực lượng võ trang của tỉnh tổng quân số là 47 đồng chí gồm hai đơn vị nhỏ: trung đội đặc công (531) thiếu có 15 đồng chí do đồng chí Nguyễn Hội (tức Ánh) chỉ huy, trung đội bộ binh (529) có 30 đồng chí, Ban chỉ chung có ba đồng chí: thượng úy Nguyễn Lâu chỉ huy trưởng, trung úy Nguyễn Minh Quyết và Nguyễn Hội chỉ huy phó. Đa số là cán bộ tập kết trở về chất lượng cao. Năm 1960 đầu năm 1961, Trung ương mới cho về lẻ tẻ từng tốp năm, bảy đồng chí. Tháng 3 năm 1961, Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định Ban quân sự tỉnh có ba đồng chí, anh Phạm Hoài Chương làm Trưởng ban và hai ủy viên Nguyễn Thanh Đức và Nguyễn Hữu Ích; ban quân sự ở chung với cơ quan Tỉnh ủy. Một số huyện mới có một cán bộ phụ trách quân sự thường là trung úy có chân trong ban cán sự đảng huyện.

Tháng 7 năm 1961, tôi xuống huyện Tánh Linh gặp anh Nguyễn Thiết Hoàng (tức Bái) Bí thư; cơ quan đóng ở La Ngâu bên bờ suối, gia đình anh cũng ở gần đó. Năm 1957 dịch đồn dân ba xã La Dạ, La Ngâu, Mang Tố xuống các khu tập trung Đồng Kho, Tà Pao, Bác Núi, Bác Ruộng, gia đình vợ anh ở lại trên núi. Anh quê Kiến An - Hải Phòng. Trước cách mạng tháng Tám anh làm công nhân đồn điền cao su; khi cách mạng tháng Tám thành công, anh tham gia công tác ở Tánh Linh. Trong kháng chiến chống Pháp anh công tác ở vùng dân tộc bị địch tạm chiếm phụ trách 3 xã La Dạ,

La Ngâu, Mang Tố, anh đã từng chịu đựng và vượt gian khổ thử thách kiên trì bám địa bàn, bám dân, học và nói thạo tiếng dân tộc, được dân tin, dân thương. Vợ anh là người dân tộc. Chị Ấn, một cán bộ phụ nữ, một đảng viên có uy tín trong vùng. Năm 1957, anh được Tỉnh ủy chỉ định làm Bí thư Ban cán sự huyện, anh nói với tôi: do thiếu cán bộ nên huyện Tánh Linh bao gồm cả huyện Hoài Đức, một huyện địch mới thành lập năm 1957, địa bàn rộng, dân đông, phức tạp, nhưng ta chỉ có cán bộ bám xây dựng cơ sở trong đồng bào miền núi bị dồn về ba khu tập trung: Tà Pao, Bác Núi, Bác Ruộng (bắc sông La Ngà) số cơ sở ở các xã phía nam sông La Ngà đứt liên lạc từ năm 1956. Đồng bào Kinh trong các dinh điền chưa liên lạc được. Chiến thắng Bác Ruộng, Hoài Đức, nhân dân nổi dậy phá khu tập trung kéo về núi khoảng ba ngàn người ⁽¹⁾ trong đó có dân các xã Cà Dòn (Di Linh) Tố La (Bảo Lộc) Bác Ruộng, La Dạ, La Ngâu (Tánh Linh) dân xã Mang Tố còn ở lại khu tập trung, họ không về, số dân La Dạ bị dồn về Đồng Kho, Đồng Me (nam sông La Ngà) cũng chưa về được. Đồng bào bị dồn, nhất là các xã bị dồn từ năm 1957, về lại buôn làng cũ của cải không còn gì. Vì chưa được chuẩn bị, nên hết số lương thực ở khu tập trung mang về, đồng bào sống nhờ vào khoai rừng, bột xà bu, măng, lá bép, đọt mây, v.v... nhưng rồi những thứ này cũng hết. Đồng bào đói nặng, đau bệnh nhiều nhưng không có lương thực, thuốc men,

1. Như Tỉnh ủy Bình Thuận đã báo cáo

nhiều người chết. Trước tình cảnh như vậy, nhưng nhiều người quyết tâm bám núi rừng, thà chết ở đây chứ không về lại khu tập trung. Nhưng cũng có nhiều người không chịu nổi, phải tìm đường về lại các khu tập trung như: La Ngâu về núi 400 đã có 300 người về lại khu tập trung; 60 dân La Dạ và 100 dân Bác Ruộng đã về lại khu tập trung trong những ngày đầu; lai rai cũng còn tiếp tục đi. Điều đáng mừng là số người về lại các khu tập trung thoát nạn đói, và vẫn tìm liên lạc lại với đội công tác, nhận nhiệm vụ và ủng hộ cách mạng.

Lợi dụng tình hình dân đói, đau bệnh, dịch cho tên Đem đại diện xã La Dạ, tên Diêm cảnh sát xã, bí mật về các buôn dụ dỗ, lôi kéo trên 600 dân La Dạ và Tổ La về lại Bác Ruộng, nhưng ta phát hiện kịp thời, chặn diệt tên Diêm, bắn bị thương tên Đem, đón đường giữ đồng bào lại, nhưng sau đó cũng có số người tìm đường lên Bảo Lộc.

Trong vụ xuân, đồng bào có cố gắng phát dọn đất ven hai bờ suối trồng rau, sắn, bắp ngăn ngày; nay đang lo sản xuất vụ mùa, nhưng vì đói, đau bệnh kéo dài, sức khỏe giảm sút đã hạn chế đến sản xuất, và tham gia dân quân du kích, bố phòng bảo vệ sản xuất, và bảo vệ căn cứ.

Đồng chí Hoàng nói tiếp: ba buôn Ten Làng, Tổ Nữ, Núi Nhùm, xã Bờ Gia không chấp nhận lời khuyên của cán bộ “phải giữ thể hợp pháp” tháng 2 năm 1960 họ kéo nhau vào rừng sâu, núi cao, bố phòng canh gác

bảo vệ nhau, quyết chống không để địch dồn xuống bằng, nhờ vậy mà địch càn không gom được họ. Nếu lãnh đạo ta sớm chuyển thế đấu tranh bất hợp pháp cho dân thì không thể có tình hình tháng 5 năm 1960, địch càn còn gom được hơn 2.000 dân.

Để tiếp tục phá khu tập trung đồng bào dân tộc, mở rộng căn cứ miền núi, tháng 8 năm 1961, Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương đánh đồn Gia Bát hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy phá khu tập trung Gia Bát trở về buôn làng cũ. Đêm 15 tháng 8 năm 1961, đặc công đánh diệt đồn Gia Bát làm chủ, thu vũ khí, nhưng khu tập trung không phá được, ngược lại có một số dân chạy lên Di Linh; sau đó địch đóng lại đồn giữ khu tập trung.

Hạ tuần tháng 8 năm 1961, tại buôn Xa Lôn, Tỉnh ủy họp kiểm điểm tình hình từ sau chiến thắng Hoài Đức và bàn công tác bốn tháng cuối năm. Hội nghị đánh giá tình hình miền núi: sau khi đưa dân về núi, đồng bào Cà Dồn cùng với số còn ở lại và ba buôn của Bờ Gia, đời sống còn nhiều khó khăn, trận địch càn vào Con Sỏ (từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 11 năm 1960) đã phá hơn một phần ba lúa rẫy, gặt và phá sạch lúa ruộng, làm cho đời sống nhân dân khó khăn thêm; nhưng ở đây nhân dân còn của ăn tích cực sản xuất, tham gia dân quân du kích, bố phòng. Tổ La, La Dạ, La Ngâu dân còn đói và đau bệnh kéo dài làm hạn chế sản xuất và tham gia công tác. Miền núi huyện Phan Lý và Tuy Phong sau khi đội vũ trang công tác do đồng chí Nguyễn Định, ủy viên ban cán sự miền tây là đội trưởng bị tổn thất, chưa

có cán bộ phụ trách, dân còn ở các khu tập trung. Các đội võ trang công tác tiến lên đường 20 có được bổ sung cán bộ, và phát triển tương đối thuận lợi, đã bắt được liên lạc với đội võ trang công tác của Quảng Đức xuống bắc đường 20.

Ở đồng bằng diện võ trang tuyên truyền diệt ác được mở rộng, lực lượng võ trang của tỉnh cùng bộ đội địa phương huyện đánh được mấy trận tốt như: cải trang tập kích vào nhà Thiện Phú và trụ sở xã Nhơn Thiện giữa ban ngày; trận đánh tiểu đội biệt kích và đại đội bảo an 442 ở Bình An (ngày 2 tháng 3 năm 1961) có ảnh hưởng chính trị rộng rãi trong nhân dân và trong hàng ngũ địch. Nhân dân phấn khởi, địch dao động nhất là tề xã và dân vệ. Nhưng nhìn chung địch vẫn kiểm soát, kìm kẹp khống chế nhân dân. Một số huyện và thị xã, cơ sở có được khôi phục, phát triển nhưng không đều, tương đối khá là Hàm Thuận, nam Hòa Đa, bắc Hàm Tân, mở được thế tranh chấp ở ấp Bầu Ruộng (xã Mương Mán). Rút được một số cơ sở, thanh niên thoát ly, xây dựng thêm một số tổ, đội công tác, trung bình mỗi đội ba, bốn người. Bộ đội địa phương huyện Hàm Thuận có một trung đội (thiếu) 18 người, Hòa Đa một tiểu đội 10 người, Miền A một tiểu đội 8 người, Hàm Tân một tiểu đội 10 người. Vùng chưa có cơ sở và cũng chưa có cán bộ phụ trách còn rộng như: từ Phú Long đến Mũi Né (của Miền A), từ Chợ Lầu đến Duồng (Hòa Đa) các huyện Phan Lý, Hải Ninh, Tuy Phong, các khu dinh điền của hai huyện Tánh Linh, Hoài Đức đều

còn “trắng”. Đội công tác và bộ đội vào ấp ban đêm, phải rút ra rừng trước khi trời sáng, chưa bám được dân, chưa giải phóng được xã nào.

Đồng bằng là nơi đông dân nhiều của; địch đang ra sức vơ vét, bóc lột dân, bắt thanh niên đi lính. Mở được vùng giải phóng đồng bằng, ta sẽ động viên được sức người sức của ở đây để phát triển nhanh lực lượng nhất là lực lượng vũ trang, hạn chế được âm mưu vơ vét, bóc lột, bắt thanh niên đi lính của địch. Hội nghị đánh giá tình hình đã cho ta có thể mở vùng giải phóng ở đồng bằng, nên Tỉnh ủy hoàn toàn nhất trí với chủ trương. Còn mở ở đâu và bằng cách nào mở ra và giữ được thì giao cho Thường vụ Tỉnh ủy nghiên cứu quyết định.

Thường vụ Tỉnh ủy chọn hai trọng điểm: thứ nhất là vùng Lê Hồng Phong; thứ hai là vùng bắc Hàm Thuận, trên đường sắt. Mở trọng điểm thứ nhất trước, tiếp theo mở trọng điểm thứ hai, yêu cầu quét sạch bộ máy kìm kẹp của địch ở thôn, xã; phát động quần chúng quyết tâm đứng lên giành và giữ quyền làm chủ. Lực lượng vũ trang phải bám dân, bám địch, tập trung, phân tán linh hoạt, thực hiện tốt phương châm “lấy ít đánh nhiều”, “lấy chất lượng thắng số lượng” kết hợp ba mũi giáp công “diệt địch để giành quyền làm chủ, giành quyền làm chủ để diệt địch”. Đối tượng tác chiến là lực lượng kìm kẹp quần chúng và lực lượng bảo an cơ động đi giải tỏa, cứu viên, càn quét; tạo thế hỗ trợ cho nhân dân đấu tranh.

Trọng điểm thứ nhất: lực lượng tham gia gồm: đơn vị 2-9 của tỉnh, ngày ra quân được 30 đồng chí, một phần ba là đặc công, hai phần ba là bộ binh, cùng bộ đội địa phương và các đội công tác hai huyện Hòa Đa và Miền A. Ban chỉ huy gồm ba đồng chí trong Ban quân sự tỉnh: Lê Văn Hiến, Bí thư Tỉnh ủy, trưởng ban quân sự tỉnh là chỉ huy trưởng; hai đồng chí Nguyễn Thanh Đức, Nguyễn Hữu Ích là chỉ huy phó. Đảng ủy gồm năm đồng chí, ba đồng chí trong Ban chỉ huy và Bí thư Ban cán sự Hòa Đa là Lê Thanh Hải (Mười Râu), Bí thư Ban cán sự Miền A là Nguyễn Ngô (Sáu Ninh) do đồng chí Lê Văn Hiến làm Bí thư.

Đêm 9 tháng 9 năm 1961, Ban chỉ huy cùng đơn vị 2-9 vượt đường 8, quốc lộ 1A, đến Triền dừng lại giấu quân nghỉ. Sáng ngày 10 tháng 9 năm 1961, tôi làm việc với anh Sáu Ninh và thượng úy Hồ Hồng (Mười Danh) phổ biến nhiệm vụ và bàn kế hoạch hợp đồng. Tối hôm đó chúng tôi cắt rừng ra Hòa Đa, lúc này vẫn còn giữ phương châm “đi không dấu, nấu không khói, nói đủ nghe”. Sáng 11 tháng 9, tôi làm việc với anh Lê Thanh Hải. Để giữ bí mật, ở đây, bộ đội chưa được đi lấy nước, chỉ nhờ vào máy phuy nước của huyện giấu lâu ngày trong rừng, nước đã ngả màu vàng đậm, hôi mùi lá ú, để nấu ăn và uống.

Mở màn, đêm 12 tháng 9 năm 1961, đặc công đánh diệt gọn đồn Trường Bia - Lương Sơn, do một trung đội bảo an đóng giữ, thu toàn bộ vũ khí, bắt tù binh. Cùng lúc, bộ đội của tỉnh và bộ đội địa phương Hòa Đa tấn

công vào ấp Lương Trung (xã Lương Sơn) đánh tan một trung đội dân vệ, truy bắt tề điệp, làm chủ ấp cho đến gần sáng. Cán bộ chia ra tập hợp dân từng nhóm nhỏ, giáo dục, xây dựng cơ sở mật tại chỗ. Vận động nhân dân ủng hộ và mua hơn một tấn gạo và thực phẩm, vận động chủ xe tải chở vào rừng, để bộ đội có ăn hoạt động dài ngày. Sáng ngày 13 tháng 9, địch cho đại đội bảo an cơ động huyện Hòa Đa lên thu dọn số lính chết, bị thương ở đồn Trường Bia, rồi cùng dân vệ theo dấu truy kích ta; 13 giờ địch xuống đến dốc Xe Lương, vọng gác bộ đội ta phát hiện địch trước. Ta chủ động triển khai chiến đấu. Bị đánh thiệt hại đau, địch phải tháo chạy. Bộ đội ta truy kích địch hơn một ki-lô-mét, giải thoát được số đồng bào bị địch bắt, trong đó có đồng chí Tạo giao liên của huyện bị địch bắt trên đường đi công tác.

Nghe ta diệt đồn Trường Bia, đánh, truy kích địch ở Xe Lương, địch ở nha Thiện Phú¹, và tề, vệ hai xã Nhơn Thiện, Thiên Nghiệp rút chạy về quận Hải Long (ở Mũi Né). Nhơn Thiện, và Thiên Nghiệp có 9 thôn: Hưng Long, Bình Nhơn, Bình Thiện, Bầu Thiệu, Rừng Ngang, Bầu Tàng, Bầu Me, Bầu Ron, Bầu Sen, được hoàn toàn giải phóng; huyện và bộ đội vào tiếp quản. Tối 13 tháng 9, ta tập hợp quần chúng làm mít-tinh tại xã Nhơn Thiện, mừng giải phóng. Sau đó, ta bố trí cán bộ xuống từng thôn bám dân phát động quần chúng truy bắt tề điệp còn lẩn trốn, đưa đến chỗ tập trung

1. Thiện Phú là nha hành chánh.

cải tạo. Tập hợp những gia đình có người làm cho địch, giải thích chủ trương, chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng, giao cho họ nhiệm vụ vận động người thân trở về với cách mạng. Tập hợp quần chúng giáo dục, tổ chức mặt trận, các đoàn thể, tổ chức chính quyền tự quản, tổ chức thôn đội và dân quân du kích, khẩn trương huấn luyện và trang bị cho du kích, có kế hoạch hướng dẫn bố phòng, canh gác báo tin, chống địch đột kích cần quét; vận động thanh niên tòng quân. Lực lượng võ trang có kế hoạch chống biệt kích, chống cần quét tái chiếm, làm nòng cốt cho nhân dân phát triển phong trào du kích chiến tranh, kết hợp ba mũi tấn công địch giữ vùng giải phóng. Đồng thời có kế hoạch phối hợp với các đội công tác tấn công vào các ấp Long Phú, Long Hoa, Long Thạnh, Xa Ra, Tùy Hòa, Bàu Óc, Lương Sơn... phát động quần chúng đưa lên thế tranh chấp tiếp tục võ trang tuyên truyền diệt ác phá tề làm lỏng rã kìm các ấp: Hiệp An, Hiệp Bình, Hiệp Hòa, Hiệp Thành (xã Hồng Thái) và các ấp xã Thiện Khánh.

Đêm 25 tháng 9, ta võ trang tuyên truyền vào Rạng, xã Thiện Khánh (nay là Hàm Tiến) đánh tan một trung đội dân vệ, sau khi được tuyên truyền giáo dục có hai dân vệ mang súng xin theo cách mạng. Sáng ngày 26 tháng 9, địch dùng một đại đội bảo an quận Hải Long, một đại đội bảo an của tiểu khu và dân vệ theo dấu truy kích ta. Đúng 13 giờ trưa hôm ấy, địch đến ấp Bàu Tàng. Ta phát hiện địch trước, triển khai lực lượng

chiến đấu; bị đánh thiệt hại, cả hai đại đội đều tháo chạy. Đêm 27 tháng 9, ta vào ấp Long Hoa (trên quốc lộ 1A) trong lúc cán bộ đang giáo dục, phát động quần chúng, bộ đội gác trên đường phát hiện đoàn xe quân sự chở tiểu đoàn thủy quân lục chiến từ Nha Trang vào Phan Thiết để chuẩn bị đánh vào vùng ta mới giải phóng. Chúng tôi lệnh cho bộ đội để đoàn xe qua gần hết, còn vài xe đi sau mới cho nổ súng, kết quả ta bắn cháy hai xe, diệt một trung đội. Ngày 4 tháng 10 tiểu đoàn thủy quân lục chiến cùng bảo an, dân vệ càn vào xã Thiện Nghiệp vùng mới giải phóng, tại bến Ngạch, bộ đội tỉnh và bộ đội địa phương Miền A đánh tiểu đoàn thủy quân lục chiến diệt gần 100 tên, địch phải rút bỏ cuộc càn, ta hy sinh hai đồng chí bộ đội địa phương do bắn nhầm.

Ta sử dụng một số cơ sở ở vùng giải phóng đi móc nối và phát triển một số cơ sở ở thôn Xuân Quang (Phan Lý) Chợ Lầu, Phan Rí, Duồng (Hòa Đa), Vĩnh Hảo (Tuy Phong).

Để phù hợp với khả năng quản lý của cán bộ và để sát dân, vùng mới giải phóng thành lập sáu xã: Hồng Thắng, Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Thịnh. Mỗi xã đều có chính quyền, các đoàn thể, công an, xã đội, mỗi xã có một đến hai tiểu đội du kích chiến đấu được huấn luyện và trang bị, và tổ chức dân quân rộng rãi. Quan hệ giữa vùng giải phóng và vùng địch tạm chiến giữ được bình thường.

Cuối tháng 9 năm 1961, Quân khu bổ sung cho

Bình Thuận một khung cán bộ đại đội 20 đồng chí do thượng úy Võ Hòa Tương làm đại đội trưởng, trung úy Trần Cung (tức Sung) làm chính trị viên. Vì trên căn cứ không có gạo nên giao liên đưa thặng xuống chiến trường. Tại vùng mới giải phóng Ban quân sự chúng tôi nhập lực lượng bộ binh (529) của đơn vị 2 - 9 vào khung cán bộ đại đội thành lập đại đội bộ binh thiếu mang tên đại đội Hoàn Sơn. Tách trung đội đặc công thiếu (531) thành lập đơn vị riêng trực thuộc Ban quân sự tỉnh với tên gọi đơn vị Đại Dương. Cuối đợt hoạt động tân binh đã được huấn luyện cấp tốc, bổ sung cho đại đội Hoàn Sơn đủ 130 người; do thượng úy Võ Hòa Tương làm đại đội trưởng, thượng úy Nguyễn Lâu làm chính trị viên. Bổ sung đồng chí Trần Cung về Ban cán sự Hòa Đa phụ trách quân sự; thượng úy Hồ Hồng bổ sung vào Ban cán sự Miền A phụ trách quân sự. Bộ đội địa phương Hòa Đa và Miền A được bổ sung mỗi huyện một trung đội đủ 30 người, các đội công tác cũng được bổ sung và thành lập thêm.

Ngày 6 tháng 10 đợt hoạt động trọng điểm thứ nhất kết thúc, kết quả ta diệt một đồn cấp trung đội, bức rút nha Thiện Phú và bộ máy tề hai xã; đánh thiệt hại 3 đại đội bảo an, một tiểu đoàn thủy quân lục chiến, đánh tan rã nhiều trung đội dân vệ, thu gần 100 súng. Võ trang tuyên truyền nhiều lần vào 13 ấp, bắt giáo dục cải tạo hơn 100 tề, điệp, giải phóng hoàn toàn hai xã gần 10 ngàn dân, đưa lên tranh chấp bốn ấp hơn 5.000 dân, phá lỏng rã kìm 9 ấp. Động viên trên 200 thanh

niên tòng quân, đặc biệt mỗi thanh niên tòng quân khi lên đường được gia đình cho 20 ki-lô-gam gạo, hai bộ quần áo, một vông, một đôi dép cao su, một tấm ni lon che mưa, một nón, nhờ đó mà ta có điều kiện mở lớp huấn luyện tân binh ngay tại vùng mới giải phóng kịp bổ sung quân số cho các đơn vị võ trang và đội công tác. Toàn đợt chỉ hy sinh có hai chiến sĩ.

Chuyển qua trọng điểm thứ hai – bắc huyện Hàm Thuận. Đợt này lực lượng tham gia có khá hơn, đại đội Hoàn Sơn đầy đủ quân số, đơn vị Đại Dương, bộ đội huyện một trung đội 18 đồng chí, các đội võ trang công tác, và đã có một số kinh nghiệm. Ban chỉ huy gồm ba đồng chí trong Ban quân sự tỉnh: Lê Văn Hiền, Nguyễn Thanh Đức, Nguyễn Hữu Ích. Đảng ủy ngoài ba đồng chí trong Ban chỉ huy còn có đồng chí Võ Khánh Tôn (Sáu Trung), Bí thư huyện ủy Hàm Thuận. Diện là vùng Tam Giác (Hàm Thuận) và vùng ven phía bắc thị xã Phan Thiết. Mở màn, đêm 10 tháng 10 đại đội Hoàn Sơn và đơn vị Đại Dương tấn công các ấp Tân Lâm, 16, 18 ... trên đường 8 phía bắc chi khu Thiện Giáo, đánh tan lực lượng dân vệ và bộ máy tề, hỗ trợ nhân dân các ấp Phú Sơn, Phú Minh, Phú Điền, Phú Lập (xã Hàm Phú) và Hàm Trí bung về lại vườn đất cũ. Tiếp theo ta đánh địch phản kích từ chi khu Thiện Giáo (Ma Lâm) ra và từ tiểu khu lên. Vừa đánh địch phản kích, vừa tổ chức đánh phá các khu tập trung Cỏ Mồm đưa dân về Đăng Già, Hàm Cẩn; khu tập trung Gia Le (Láng Cốc) đưa dân về Đồng Tiến, đưa lực lượng võ trang lên đánh đồn Gia Bát và

phá khu tập trung, nhưng khi bộ đội lên thì địch bỏ đồn rút chạy về Di Linh, ta phá đồn, phá khu tập trung Gia Bát đưa dân về xã Sơn Điền (nay thuộc huyện Di Linh, Lâm Đồng). Giải phóng ấp Long Hoa trên quốc lộ 1A giáp với xã Hàm Trí. Cũng như các xã vùng Lê Hồng Phong, nhân dân ở đây sau khi về lại thôn xóm cũ họ tích cực đấu tranh vừa giữ thế hợp pháp, vừa bất hợp pháp, tham gia dân quân du kích, canh gác, bố phòng thôn nào cũng thành lập chính quyền, mặt trận, các đoàn thể, thôn đội.

Như vậy là ta đã mở thêm vùng giải phóng bắc huyện Hàm Thuận gồm hai xã Hàm Phú, Hàm Trí; đưa ấp Bầu Ruộng tranh chấp lên giải phóng và thành lập xã Hàm Thạnh; phá ba khu tập trung đưa dân về miền núi xây dựng ba xã: Hàm Cần (thuộc Hàm Thuận) Sơn Điền, Đông Tiến, (Di Linh). Các xã giải phóng bắc Hàm Thuận nối liền với các xã giải phóng ở Lê Hồng Phong. Nối liền vùng giải phóng đồng bằng với căn cứ miền núi; cắt đứt giao thông trên đường 8 từ Ma Lâm đi Di Linh (đường 20). Ở diện, bộ đội địa phương huyện và các đội công tác liên tục võ trang tuyên truyền, diệt ác phá tề ở các xã Hàm Chính, Hàm Liêm, Mương Mán, Phú Hội và vùng ven phía bắc thị xã Phan Thiết. Chiều ngày 17 tháng 10 đại đội Hoàn Sơn đánh thiệt hại nặng một đại đội bảo an càn vào xóm Cà Găng: đêm hôm đó, chúng tôi cho Đại Dương đánh thiệt hại nặng quận lỵ Hàm Thuận, (nằm ở phường Phú Trinh- Phan Thiết) buộc địch phải rút cuộc càn dài ngày ở vùng mới giải

phóng. Đợt này ta động viên gần 300 nam nữ thanh niên thoát ly.

Đến thời điểm này, lực lượng thoát ly tương đối đông, mà lương thực thì thiếu, đồng bào miền núi vẫn đói kéo dài. Chúng tôi chủ trương đánh xe lửa để lấy lương thực, và cho cán bộ đi chuẩn bị chiến trường. Ngày 22 tháng 10 năm 1961, chúng tôi sử dụng đại đội Hoàn Sơn đánh đoàn tàu lửa từ Sài Gòn ra ở đoạn Suối Vắn đi Mường Mán, diệt và bắt gọn lính hộ tống, thu nhiều lương thực, thuốc men. Nhờ đó kịp thời giải quyết lương thực cho các đơn vị và cơ quan, dành một phần cứu đói, cứu đau cho đồng bào căn cứ. Trận này cũng kết thúc đợt hoạt động từ ngày 12 tháng 9 đến ngày 22 tháng 10 năm 1961.

Nhìn chung, qua 40 ngày hoạt động ở đồng bằng, quân và dân Bình Thuận đã diệt gọn 1 đồn cấp trung đội, đánh thiệt hại 4 đại đội bảo an, 1 tiểu đoàn thủy quân lục chiến, đánh thiệt hại nặng quận lỵ Hàm Thuận, bức rút nha Thiện Phú, đánh tan rã và tước vũ khí trên 20 trung đội dân vệ, bắt cải tạo trên 200 tề điệp, thu trên 100 súng, giải phóng chín xã đồng bằng khoảng hai vạn dân, phá ba khu tập trung đưa trên ba ngàn đồng bào dân tộc về núi, mở rộng vùng căn cứ, làm chủ đường 8 từ ki-lô-mét 25 đến ki-lô-mét 41 (Gia Bát) hình thành thế ba vùng rõ rệt: căn cứ giải phóng, tranh chấp, tạm bị chiếm. Vùng giải phóng đã có chính quyền, mặt trận, các đoàn thể, phát triển trên 200 du kích chiến đấu được huấn luyện và trang bị, các xã đều bắt đầu bố phòng, xây dựng làng, xã chiến đấu. Động viên hơn 500 nam nữ thanh

niên thoát ly, bổ sung và phát triển thêm đội công tác; bổ sung cho bộ đội địa phương huyện và tỉnh. Kết thúc đợt hoạt động, ta đánh một đoàn tàu hỏa, diệt và bắt sống lực lượng hộ tống của địch, thu vũ khí và thu nhiều lương thực, thuốc men, v.v...

Tháng 11 năm 1961, quân khu chỉ viện một khung cán bộ đại đội thứ hai do đồng chí Tuy thượng uỷ làm đại đội trưởng, đồng chí Sơn trung uỷ làm chính trị viên. Trên cơ sở khung cán bộ này, ta bổ sung tân binh đã huấn luyện thành lập đại đội bộ binh thứ hai (thiếu) quân số 70 đồng chí, mang tên Lê Hồng Phong. Đại đội Lê Hồng Phong bố trí đứng ở khu Lê Hồng Phong, hoạt động từ Miền A ra Hòa Đa, Phan Lý. Đại đội Hoàn Sơn đứng ở Hàm Thuận hoạt động từ Hàm Thuận, ven thị xã Phan Thiết vào Hàm Tân, Tánh Linh.

Phát huy chiến thắng, tháng 11 và 12 năm 1961, đại đội Hoàn Sơn và Đại Dương hoạt động vào bắc Hàm Tân cùng bộ đội địa phương và đội công tác mở vùng giải phóng Kim Bình, và vùng tranh chấp Tiến Lợi, Phú Sung.

Cuối năm 1961, cơ quan Ban quân sự tỉnh được thành lập, tôi (Lê Văn Hiến) Bí thư Tỉnh uỷ kiêm Trưởng ban quân sự tỉnh, đồng chí Phạm Hoài Chương Phó trưởng ban quân sự phụ trách Trưởng ban chính trị; đồng chí Nguyễn Thanh Đức phụ trách Trưởng ban tham mưu, đồng chí Nguyễn Hữu Ích phụ trách Trưởng ban hậu cần. Cơ quan đóng gần khu rẫy Mắc Cỡ, dưới dèo Nam.

Chương 4

Bám trụ kiên cường

Giữa năm 1961, dưới chân dãy núi Chư Yang Sin, khu vực hữu ngạn sông Krông Nô, thuộc B5 - nam Đắk Lắk, nơi đây được chọn làm căn cứ của cơ quan lãnh đạo Khu ủy khu Sáu đồng thời là chỗ đứng chân của Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 6. Để giữ bí mật, cơ quan Khu ủy được đặt tên “Bác Tí” và cơ quan Quân khu là “Bác Sửu”. Hai cơ quan luôn luôn đóng cạnh nhau.

Cũng tại đây, vùng rừng Đắk Trêpun, đầu năm 1962 vào dịp tết Nhâm Dần, giữa tiết xuân sang, chúng tôi họp Khu ủy mở rộng phiên đầu tiên để quán triệt nhiệm vụ chiến lược của Trung ương giao và xác lập thế trận đánh bại “quốc sách áp chiến lược” của địch ở chiến trường rừng núi này.

Anh Trần Lê, Bí thư Khu ủy chủ trì hội nghị. Tham dự phiên họp có các anh: Bùi Định (tức Nguyễn Mô, Tư Khiêm) Phó Bí thư Khu ủy, chính ủy Quân khu; Mai Dương (Sáu Xuân), Thường vụ Khu ủy, phụ trách tuyên huấn; Vũ Anh Ba, khu ủy viên phụ trách kinh tài; Lê Văn Hiến, khu ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận; Nguyễn Khắc Tính (Ba Bang) khu ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Đức; Nguyễn Văn Nguyên (Bốn Đạo) khu ủy viên, chánh văn phòng Khu ủy.

Đại biểu Quân khu ủy có các anh: Y Blok Eban, Phó Tư lệnh quyền Tư lệnh Quân khu; Nguyễn Trọng Xuyên (Sáu H; sau là Sáu Phúc) Tham mưu trưởng; Phan Văn Hược (Mười Trung) Chủ nhiệm Chính trị; Trần Phòng (Bảy Biên) Chủ nhiệm Hậu cần.

Cấp tỉnh có các anh: Trần Đệ (Ba Công) Bí thư Tỉnh ủy Ninh Thuận; Tô Văn Ôn (Sáu Ngô) Phó Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa; Huỳnh Minh Nhựt (Huỳnh Trung, Bằng) Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Đức; Đào Tấn Ngoạn (Ama Lộc) Bí thư Tỉnh ủy B5 (nam Đắk Lắk); Ama Tranh, Bí thư B6 (Thị xã Buôn Ma Thuột); R'Chom Thép, Phó Bí thư Tỉnh ủy B3 (bắc Đắk Lắk).

Đầu năm 1963, Đại tá Nguyễn Minh Châu (Năm Ngà) cán bộ quân sự của cục Nam Trung Bộ trong kháng chiến chống Pháp, được Trung ương điều về khu Sáu, bổ sung vào Khu ủy, nhận chức Tư lệnh Quân khu. Và anh Nguyễn Gia Tú, Phó Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận cũng được bổ sung vào Khu ủy.

Trở lại cuộc họp Khu ủy trên, tôi thấy trong lòng mình ấm áp giữa một tập thể cùng một chí hướng, một tấm lòng gánh vác nhiệm vụ của Đảng trên địa bàn khu Sáu này. Những ngày hội nghị, chúng tôi quây quần dưới những bóng cây kơnia, chụm đầu quanh tấm bản đồ trải rộng, cùng nghiên cứu tìm hiểu đặc điểm tình hình chiến trường và quán triệt nhiệm vụ Trung ương giao. Khu Sáu nằm giữa khu Năm, bắc Tây Nguyên và Nam Bộ, rộng khoảng 36.000 ki-lô-mét vuông. Vùng rừng núi chiếm bốn phần năm diện tích, có những đỉnh núi cao ngất trời mây như ngọn Lang Biang, Chuyangxin. Vùng đồng bằng hẹp trải dài theo bờ biển, có nhiều con đường chiến lược quan trọng như đường số 1, đường sắt Bắc Nam, đường 14, đường 20, đường 21, đường 11. Trên địa bàn khu, có thành phố Buôn Ma Thuột, Nha Trang, Đà Lạt, cảng Cam Ranh là những vị trí có tầm quan trọng. Cũng phải kể đến những con sông có lưu lượng nước lớn như sông La Ngà, sông Đồng Nai Thượng, sông Sêrêpok...

Vấn đề cơ bản cần quán triệt là: Nhận thức cho rõ vị trí chiến lược của khu Sáu, vì chiến trường này có tác dụng chia cắt địch khá lợi hại, nhất là chia cắt Sài Gòn với miền Trung và Tây nguyên, lại là địa bàn cao, dựa vào rừng núi hiểm trở nên có lợi thế đặc biệt làm bàn đạp để tiến công Sài Gòn từ nhiều hướng. Tiến hành xâm lược nước ta, trước kia thực dân Pháp và sau này đế quốc Mỹ đều tìm mọi cách để khống chế địa bàn này. Binh lực chúng chốt ở đây thường là hơn lực lượng ta

gặp nhiều lần.

Nhưng khu Sáu có những khó khăn phải ra sức khắc phục: đất rộng, rừng núi nhiều, dân ít và thưa (khoảng hơn một triệu người), gồm nhiều thành phần dân tộc. Trong những năm 1959, 1960, dịch còn chuyển khoảng 50.000 dân các nơi đến thành lập các khu định điền. Đời sống nhân dân, bộ đội gặp nhiều khó khăn mà trước hết là thiếu gạo, thiếu muối ăn, thiếu quần và cả vũ khí đạn dược để đánh giặc.

Lại còn những khó khăn khác, khu Sáu xa sự chỉ đạo của Trung ương cũng như Trung ương Cục. Mọi nẻo đường đến khu Sáu, ngoài Bắc vào, trong Nam ra, hành quân trên đường hiểm trở, xa xôi không phải chỉ tính một tuần, hai tuần, mà phải tính đến một tháng, hai tháng. Đây là chưa kể lúc chiến tranh ác liệt, chiến trường dễ bị chia cắt, trở thành “địa bàn độc lập” không nối được với miền Đông Nam Bộ và bắc Tây Nguyên.

Bấy giờ trong cuộc đối đầu với đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai – một kẻ thù hung hãn nhất, xảo quyệt nhất, có tiềm lực quân sự, kinh tế lớn nhất, đòi hỏi khu Sáu phải vươn lên về mọi mặt mới trụ vững và hoàn thành nhiệm vụ trên địa bàn chiến lược này. Chúng tôi nhất trí: cần phát huy cao độ tư tưởng tiến công, ý chí cách mạng, truyền thống tự lực tự cường của cục Nam Trung Bộ. Và cần xây dựng căn cứ vững chắc, tạo thêm lực lượng, ra sức tăng gia sản xuất, dự trữ lương thực: lúa, bắp, khoai lang và mì để chiến đấu lâu dài.

Xét về tương quan địch – ta, chúng tôi nhận thấy sau thời kỳ đồng khởi, phong trào cách mạng khu Sáu đã tạo được thế đứng khá vững chắc. Nơi đây đã hình thành ba vùng chiến lược: rừng núi, đồng bằng và đô thị. Ta cũng đã xây dựng được cái thế ba vùng xen kẽ, hỗ trợ cho nhau khi tiến công địch; vùng căn cứ giải phóng, vùng tranh chấp và vùng bị chiếm.

Nhận định trên đây được thể hiện rõ nét khi nhìn vào nam Tây Nguyên. Ở đây trước là vùng trắng, ta mới mở ra sau thời kỳ đồng khởi. Đến cuối năm 1961, nam Tây Nguyên đã xây dựng được nhiều cơ sở vững chắc. Vùng làm chủ ở bắc đường 21 có 300.000 dân, ở nam đường 21 có 50.000 dân. Một số buôn, làng giải phóng đang chuyển lên thế làm chủ, và tuy là bước đầu, nhưng ta đã huy động được sức người sức của phục vụ cho kháng chiến. Đây là bước phát triển đáng mừng mà hình ảnh tiêu biểu là vùng căn cứ Đăk Trêpun – Yong Hát. Chính vì vậy, những ngày họp Khu ủy ở đây đã để lại trong tôi những kỷ niệm sâu sắc về chiến trường khu Sáu kiên trung.

Đăk Trêpun - Yong Hát là vùng căn cứ của Khu ủy và Quân khu ủy. Trên vùng đất này, một dãy núi điệp trùng, sừng sững, rất hiểm trở, bình độ cao hơn mặt biển 2.000 mét. Buổi sáng sương mù và hơi đá phủ trắng xóa, nhiều lúc tưởng con người như trôi bập bênh giữa biển mây. Buổi trưa, lúc mặt trời đứng bóng thì nóng như thiêu đốt. Ban đêm sương muối xuống đầm đìa, khí lạnh tê buốt, phải treo võng xung quanh đồng

lửa hoặc nằm úp thìa trên lá ủ, truyền cho nhau hơi ấm.

“Đại bản doanh” của Khu ủy, Quân khu ủy là những cái chòi không phen, không vách dựng ở đầu nguồn các khe suối nhỏ. Bàn làm việc và ghế ngồi, làm bằng những thanh nứa buộc bằng sợi dây rừng. Theo đường chim bay, căn cứ này cách sào huyết địch ở Lắc, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt hơn một buổi đường. Nếu theo đường 21 kíp, chúng có thể cơ động tiến hành càn quét khá nhanh. Tuy vậy, giặc chưa đủ các yếu tố để hành quân sâu vào vùng căn cứ của ta lúc này.

Mùa xuân đã đến – xuân Nhâm Dần 1962, tết này gia đình “Bác Tí”, “Bác Sửu” tổ chức ăn tết cũng khá thịnh soạn. Mừng 1 tết, được ăn ba bữa cơm không độn. Thức ăn có cá sông Krông Nô và thịt nai rừng xào với cải bẹ trắng, bẹ xanh do anh em trồng. Lại có bánh kẹo, thuốc lá thơm đồng bào gửi cho. Mỗi người còn được một đòn bánh tét gói rất khéo tay. Ngày mồng 2, mồng 3 được ăn một bữa cơm, còn lại là một bữa bắp ăn với muối ớt và măng rừng. Ăn tết xong, lại lo đi tải lương thực, thực phẩm – chủ yếu là gạo, bắp và muối để chuẩn bị cho lâu dài.

Lúc bấy giờ, mỗi lần về họp, chúng tôi đều thăm cảm ơn dòng sông Krông Nô – một dòng sông đẹp, nước trong veo, loang loáng một màu xanh chỗ đậm chỗ nhạt, uyển chuyển lượn theo chân đèo, vách núi và còn mang nét hoang sơ. Hình như chưa có ai buông câu, thả lưới, nên cá nhiều và rất dạn người. Từng đàn cá chép, cá

neoh bơi lội tung tăng. Mỗi mẻ lưới thả xuống, lúc kéo lên đều khá nặng tay. Do vậy, lượng cá phơi khô dự trữ được rất nhiều. Cùng với cá khô còn có thịt rừng phơi khô đủ loại, nhiều nhất là voi, min, nai, đỏ. Ngoài ra còn có các thứ rau rừng, đây là nguồn thực phẩm dồi dào quanh năm.

Từ mùa hè năm 1961 đến mùa thu năm 1962, có thể nói thời gian này đời sống ở chiến trường tương đối dễ chịu. Chúng tôi được Trung ương giao nhiệm vụ đón luật sư Nguyễn Hữu Thọ từ Phú Yên về căn cứ Miền nhận chức Chủ tịch Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Hôm Luật sư đến, ông mặc bà ba đen, đội mũ tai bèo, chân đi dép cao su, tay chống gậy mây. Nhìn ông giản dị như một cán bộ đang hoạt động nơi chiến trường, tất cả anh em chúng tôi đều có cảm tình.

Do vừa mới thoát cảnh ngục tù của Mỹ - Diệm, nên luật sư còn yếu. Để bảo đảm sức khỏe của ông, anh em đã khéo bố trí phương tiện: đường bằng thì đi ngựa, đường dốc thì nằm vồng. Giữa núi rừng của căn cứ khu Sáu này, chúng tôi đã mời luật sư ăn những bữa cơm với canh cải, thịt rừng, có bữa ăn bắp nếp. Thật là đơn sơ mà ấm cúng, giản dị mà thân tình. Sau này gặp lại Luật sư ở Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, ông xúc động nhắc lại những kỷ niệm cũ ở chiến trường nam Tây Nguyên.

Cuộc họp Khu ủy mở rộng đầu tiên kết thúc.

Chúng tôi chia tay nhau trở về những địa bàn chiến đấu được phân công với quyết tâm mới. Nhiệm vụ đã được khẳng định rõ ràng: tiếp tục mở rộng phong trào vào vùng sâu nam Tây Nguyên, xây dựng và củng cố nam Tây Nguyên vững mạnh, bảo đảm hành lang chiến lược thông suốt, đồng thời tiếp tục phát triển xuống đồng bằng tạo thế liên hoàn vững chắc giữa đồng bằng và miền núi nhằm mục tiêu đánh bại “quốc sách áp chiến lược” của địch. Cuộc đấu tranh chắc chắn còn nhiều khó khăn, gian khổ, nhưng đã có cơ sở để cho chúng tôi tin là có khả năng đẩy phong trào tiến lên đúng như ý đồ chỉ đạo của Trung ương.

Theo đường Quảng Đức xuống Kìn Đa, Lâm Đồng, tôi về căn cứ Bình Thuận ở vùng Ara Xalôn. Năm ấy, ở Bình Thuận mùa mưa đến sớm. Mới tháng tư, tháng năm mà các sườn núi đã phủ cỏ xanh non. Từng bầy chim bay liệng, hót líu lo khắp cánh rừng. Địch đang phải đối phó ở đồng bằng, nên mức độ đánh phá có giảm, chúng tôi bàn với nhau: phải tranh thủ xây dựng căn cứ để mở rộng phong trào đồng bằng và góp phần chi viện cho nam Tây Nguyên. Cần chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang với mức độ và tình hình cho phép. Còn phải đẩy mạnh việc tăng gia sản xuất. Ở chiến trường này, phải luôn luôn nghĩ đến việc tích trữ lương thực, vì một lẽ đơn giản là “Thực túc binh cường” có đủ gạo ăn mới nói đến xây dựng phát triển lực lượng ngày càng lớn.

Hướng đi đã vạch, nên từ Ara Xalôn các cơ quan

của tỉnh triển khai xuống vùng Mắc Cỡ – tức thôn Hải, thôn Thuận thuộc đông Tánh Linh giáp với Hàm Cần, tây Hàm Thuận (nay là Hàm Thuận nam) nằm dưới đèo Nam. Đất vùng này rất tốt, vỡ đất trồng, chẳng mấy chốc đã biến thành rẫy lúa, nương ngô, vườn rau xanh mướt. Gần đấy, có một khu rừng bằng phẳng, một cây chò cao vút, tán lá tỏa rộng bên cạnh đường giao liên. Có chiến sĩ nào đã khắc vào thân cây một khẩu hiệu ngắn gọn, sắc như nét dao: *đả đảo Mỹ – Diệt!* Về sau này, đã thành thói quen, cán bộ chiến sĩ thường gọi là “cây đả đảo”. Khẩu hiệu đó đi vào lịch sử chống Mỹ của quân và dân Bình Thuận như một điểm chuẩn ở căn cứ miền núi phát triển xuống đồng bằng.

Lúc này, vùng căn cứ Bình Thuận trở thành một trung tâm kháng chiến sôi nổi. Bên cạnh Tỉnh ủy, có Ban quân sự tỉnh cùng các cơ quan chuyên môn: tham mưu, chính trị, hậu cần, an ninh, kinh tài, hành lang, xưởng quân giới, xưởng dệt, nhà in, bệnh xá cùng đóng trong vùng này. Đường hành lang ngược xuôi tấp nập, nhất là ban đêm. Trên đường đông nhất là nữ thanh niên, họ từ đồng bằng lên tham gia phục vụ cách mạng.

Trên bước đường đi lên của Bình Thuận phải kể đến đại đội bộ binh Hoàn Sơn và đại đội đặc công Đại Dương, là hai đơn vị bộ đội tập trung đầu tiên của Bình Thuận phát triển từ đơn vị vũ trang 2-9 bé nhỏ ra đời từ ngày 2 tháng 9 năm 1959, với khung chỉ huy là các đồng chí cán bộ nòng cốt cũ của Trung đoàn 812 ở lại và từ miền Bắc trở về. Với hai cái tên Hoàn

Sơn và Đại Dương, chúng tôi muốn nói lên một hàm ý: Chiến sĩ vũ trang cách mạng Bình Thuận tung hoành giữa núi cao và biển cả, không sợ đèo cao, dốc hiểm, sóng to, gió lớn.

Cùng với việc xây dựng lực lượng tập trung tỉnh, chúng tôi đã chăm lo xây dựng bộ đội địa phương huyện và du kích xã – mỗi huyện có một đến hai trung đội, đại đội, có huyện hai đại đội, mỗi xã giải phóng có từ một đến hai tiểu đội du kích và dân quân rộng rãi; vùng tranh chấp, vùng kìm thì tổ chức du kích, tự vệ mật. Nhờ vậy, trên địa bàn khu Sáu - Bình Thuận là một trong những tỉnh đã hình thành ba thứ quân tương đối hoàn chỉnh đều khắp; và tuy vùng giải phóng căn cứ, địch dùng phi pháo bắn phá, B52 rải thảm, rải chất độc hóa học phá hoa màu, dùng cơ giới càn quét xúc dân, có lúc dân vùng giải phóng bị gom hàng chục ngàn người, nhưng vùng giải phóng vẫn giữ vững và ngày càng được mở rộng. Trong tay có lực lượng, chúng tôi liên tiếp mở những đợt hoạt động tập trung, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch; vũ trang phá ấp, phá kìm ở vùng địch kiểm soát, đánh địch càn quét, gom dân ở các vùng ta làm chủ. Trên các hướng trọng điểm, bộ đội tập trung của tỉnh đánh được những trận tiêu diệt tốt, có tác dụng làm đòn bẩy cho phong trào du kích chiến tranh và hỗ trợ tốt cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Đánh vào giao thông của địch là những đòn đánh hiểm của bộ đội Bình Thuận. Tuyến đường sắt giữa

Mương Mán – Sông Phan xuyên qua nhiều khu rừng, địch đã giăng một hệ thống bảo vệ khá dày, và hàng ngày đều có lính tuần tiểu, hộ tống bằng xe nổi đồng. Loại xe này còn được gọi là *bù lu* Mã Lai do đế quốc Anh chế tạo (đã một thời họ sử dụng để chống du kích Mã Lai), nay được Mỹ đưa vào miền Nam Việt Nam để bảo vệ những đoàn tàu vận tải quân sự trên đường sắt. Xe có lớp vỏ bảo vệ dày, trang bị hỏa lực mạnh, sức cơ động nhanh, không phát ra tiếng động lớn như xe lửa, với đội hình mỗi tổp ba chiếc, đi cách nhau khoảng 100 mét, chúng thực sự là những công sự lưu động vững chắc làm nhiệm vụ hộ tống rất có hiệu lực.

Chúng tôi quyết đánh tuy chưa có kinh nghiệm, nhưng cần phải bẻ gãy thủ đoạn chiến thuật lợi hại này của địch, và nếu đánh tốt, thì đây là nguồn tiếp tế lương thực, vũ khí địch cho ta. Trận đánh xe nổi đồng đầu tiên diễn ra ngày 29 tháng 3 năm 1962 tại khu vực Giếng Cỏ đoạn đường sắt Mương Mán - Ma Lâm. Kết quả ta diệt một chiếc, bắn bị thương một chiếc khác. Chiếc này cùng với chiếc còn lại bắn xối xả để chạy thoát. Hơn hai tháng sau đó, ta đánh trận thứ hai vào ngày 5 tháng 6, tại khu vực Suối Vắn, đoạn Sông Phan – Mương Mán. Trận này tuy diệt được ít sinh lực địch, nhưng thu được nhiều vũ khí, đạn dược, lương thực địch chở trên đoàn tàu. Dân công ta huy động quá ít nên vận chuyển không hết.

Hai trận ra quân đầu tiên đã cho chúng tôi một số kinh nghiệm để hạ quyết tâm đánh một trận tiêu diệt thứ ba. Ngày 22 tháng 6 năm 1963, một trận phục kích

được bố trí ở một địa hình có lợi thế. Dân công phục vụ trận này tới 500 người, phải huy động tất cả cán bộ, nhân viên cơ quan. Khi đoàn tàu quân sự địch lù lù lọt vào trận địa, đồng chí Tự, cán bộ công binh xưởng Cao Thắng cho nổ mìn. Một bụng khói lửa bùng lên bao phủ đoàn tàu. Đại liên, trung liên, súng trường của ta bắn xối xả. Ba chiếc xe nổi đồng nằm chết dí trên đường. Đoàn tàu địch chở rất nhiều gạo, bột mỳ, bột sữa, bắp hạt, đậu nành, thuốc tây, bông băng, bia, nước ngọt, có đến hàng trăm tấn. Chúng tôi bố trí chặn viện hai đầu để đoàn dân công thu chiến lợi phẩm. Vì số chiến lợi phẩm quá nhiều, chúng tôi phải cho liên lạc chạy hỏa tốc về Hàm Thạnh huy động xe bò, xe trâu ra tận trận địa thu dọn chở về căn cứ. Chỉ một trận này, chúng tôi đủ “trang trải” lương thực, thực phẩm cho lực lượng vũ trang toàn tỉnh trong ba tháng.

Xe *bù lu* Mã Lai hết tác dụng. Địch sử dụng lại xe lửa bọc thép như thời kỳ Pháp để hộ tống các đoàn tàu chở hàng, loại xe này còn gọi là Raphano 1, bộ đội ta đặt tên là “Xe lửa một”, xe ngắn, có bốn toa bọc thép (Vagon escorte) quân số là một đại đội giao thông thiết lộ, trang bị mạnh (trong kháng chiến chống Pháp chúng tôi chưa đánh được loại xe này). Sau hơn bốn tháng nghiên cứu, ngày 30 tháng 10 năm 1963, chúng tôi đánh diệt được “Xe lửa một” hộ tống bốn đoàn tàu chở hàng từ Sài Gòn ra. Sau gần 30 phút chiến đấu quyết liệt, ta đánh hỏng đầu máy, đánh bung các toa xe, diệt 80 tên, bắt sống 6 tên, thu 80 súng có tám đại liên, một cối 81,

một cối 60, còn là trung liên, tiểu liên, súng trường, nhiều đạn và chất nổ, có trên 200 đạn cối, nhiều quân trang, quân dụng và lương thực. Từ đó “chiến thuật xe nổi đồng”, “xe lửa bọc thép” bị loại hẳn và xe lửa của địch cũng ngừng vận chuyển. Ta hoàn toàn làm chủ đoạn đường sắt Gia Huỳnh – Sông Mao cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Đánh địch ở đồng bằng Bình Thuận vào thời kỳ này còn có một trận then chốt nữa cũng thật đáng ghi nhớ, ấy là trận tiêu diệt chi khu quận lỵ Hàm Tân. Tháng 8 năm 1962, Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương mở đợt hoạt động ở miền Trung huyện Hàm Tân để phá áp chiến lược, mở phong trào. Mục tiêu là diệt chi khu quận lỵ Hàm Tân, diệt bộ máy kìm ở các ấp chiến lược, diệt viện quân từ tiểu khu Bình Tuy lên, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy đấu tranh. Lực lượng tham gia gồm: hai đại đội bộ binh Hoành Sơn (486) Lê Hồng Phong (489) và đơn vị đặc công Đại Dương (481) của tỉnh cùng với đại đội bộ đội địa phương (460) của huyện. Ban chỉ huy gồm: Lê Văn Hiền, trưởng ban quân sự làm chỉ huy trưởng; ủy viên ban quân sự Nguyễn Thanh Đức; tham mưu trưởng Nguyễn Cang. Cuộc hành quân vào đợt hoạt động này rất gian khổ, cả buổi chiều và suốt một đêm đi giữa mưa gió, vượt qua đường sắt, quốc lộ 1A, đường ruộng trơn như đổ mỡ, mương, suối, sinh lầy ngập tới bắp chân. Đồng chí Nương, giao liên dẫn đường bị nước ăn chân nặng phải khiêng ngổl trên vông chỉ đường cho tổ trinh sát đi trước, một số khác chân cũng bị loét

nặng phải nhờ đồng đội dìu theo để khỏi bị rớt lại, quyết cùng tham gia trận đánh quan trọng này. Vì vậy mà cuộc hành quân bị chậm lại, dù trời đã hùng sáng mà mới chỉ vượt qua được quốc lộ 1, đoàn quân chưa vào hết trong rừng.

Chi khu Hàm Tân là cụm cứ điểm tương đối lớn, lại ở vùng sâu dưới quốc lộ 1 gần biển, địch có nhiều lợi thế về phòng thủ và chi viện khác với các cứ điểm ở vùng rừng núi hẻo lánh xa xôi. Phải đánh như thế nào để bảo đảm bất ngờ, nhanh gọn, chắc thắng với kẻ địch cố thủ trong công sự vững chắc, được phi pháo các nơi chi viện, địa hình xung quanh lại trống trải. Muốn vậy, cần có thời gian chuẩn bị và cũng cần để bộ đội nghỉ vài hôm cho lại sức. Phải tìm ra một cách đánh thích hợp để bảo đảm khi nổ súng là thắng lợi nắm chắc trong tay. Sau khi nghiên cứu, chúng tôi quyết định phải lợi dụng khoảng thời gian ngắn ngủi địch tắt điện, toàn chi khu chìm trong bóng tối, ta tranh thủ bí mật cắt rào, gỡ mìn tiếp cận rồi hành động chớp nhoáng, tiến công quyết liệt với tinh thần dũng cảm và ý thức hiệp đồng thật chặt chẽ.

Lực lượng tham gia trận đánh, gồm đặc công 481 và một trung đội của 486 đều quán triệt và thông suốt với cách đánh này. Đối với người chỉ huy trận đánh và tham mưu trưởng cùng đi, thì đây là những giờ phút sung sướng nhất. Bởi không có gì hạnh phúc bằng trước giờ xung trận, trí tuệ và quyết tâm của tập thể được phát huy cao độ, những thắc mắc, phân vân được giải

quyết triệt để, mỗi người bước vào trận đánh gay go ác liệt với tư thế thanh thần, nhẹ nhàng.

Đêm ấy, 4 tháng 8 năm 1962, mưa rơi, gió lạnh, mây đen nghịt bầu trời. Đèn điện phụt tắt, bóng đêm sập xuống thêm, trời tối mịt mù. Quân ta bất ngờ đồng loạt nổ súng, vừa bắn vừa xông vào những điểm đã chọn. Địch hoảng hốt, náo loạn không kịp đối phó. Sau 28 phút chiến đấu, ta làm chủ trận địa, liên lạc đưa tôi và đồng chí Cang vào đồn. Trong lúc dân công chưa vào kịp, bộ đội vừa giải quyết thương vong vừa thu chiến lợi phẩm. Trận này ta diệt 136 tên địch, bắt sống 9 tù binh, diệt gọn một đại đội bảo an, một trung đội dân vệ, một số bọn nguy quyền đầu sỏ ác ôn, thu trên 100 súng các loại, một máy 15W, hai Ragono, 6 máy bộ đàm PRC 10 Mỹ mới trang bị cho nguy. Phía ta hy sinh hai đồng chí, bị thương nhẹ ba. Trong ngọn lửa bốc cháy ngùn ngụt, bộ đội ta nhanh chóng thu dọn chiến lợi phẩm. Cách mạng còn nghèo, mỗi cây súng, băng đạn thu được đều phải tính bằng giá máu của cán bộ, chiến sĩ ta. Vì thế mà, từ chỉ huy cao nhất đến người chiến sĩ đều cố sức mang vác hết chiến lợi phẩm. Nhanh chóng rút khỏi trận địa, người nào người nấy đều mang vác nặng. Khi lui quân, ta cho một trung đội bộ binh ém lại trong chi khu. Mờ sáng, đại đội biệt kích do tên Tâm Bô chỉ huy đi lòng bên ngoài tưởng bộ đội ta rút hết, mò vào bị ta tiêu diệt thêm một số, bọn sống sót tháo chạy tán loạn.

Cùng trong đêm, phối hợp với tấn công chi khu,

một trung đội của đại đội 460 bộ đội địa phương huyện tấn công đồn dân vệ xã Tân Hiệp (nay là Tân Thuận) gây cho địch một số thương vong. Một trung đội khác của 460 cùng du kích xã tấn công khu đồn dân Văn Mỹ, diệt và đánh tan rã bộ máy kìm kẹp, giải phóng gần 2.000 dân, đưa 600 dân về xây dựng căn cứ giải phóng ở gần núi Bà Đặng, nối liền với xã giải phóng Kim Bình.

Sáng ngày 5 tháng 8 năm 1962, dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Thanh Đức, đại đội 489 tăng cường một trung đội của 486 tổ chức phục kích ở Hiệp An (Bầu Dồi). Hơn 8 giờ, viện quân của tiểu khu Bình Tuy lên lọt vào trận địa phục kích, ta diệt gần 100 tên, số sống sót tháo chạy về lại tiểu khu, mãi tới chiều tối hôm ấy, viện quân của tiểu khu mới đến được Hàm Tân để giải quyết hậu quả.

Đêm ngày 5 tháng 8, lực lượng võ trang của ta vào các ấp của xã Tân Hiệp, tập hợp quần chúng mít-tinh mừng chiến thắng và vận động quần chúng phá banh các ấp chiến lược. Ở đây, tôi nhờ cán bộ địa phương dẫn tới nhà mẹ vợ anh Nguyễn Minh Châu. Tôi đến thăm và chuyển nguyện vọng của vợ chồng anh Châu xin bà cho chúng tôi dẫn hai con trai của anh chị lên căn cứ gặp cha, nhưng bà cụ giấu không cho gặp.

Phát huy thắng lợi, trong đợt này kết hợp với hoạt động võ trang, quần chúng nổi dậy phá banh nhiều ấp chiến lược, giải phóng gần 2.000 dân Văn Mỹ, mở vùng tranh chấp mới ở ba xã Tân Hiệp, Tam Tân và Hiệp An.

Phong trào Bình Thuận đang có đà tiến về phía trước. Trong bước đi lên ấy, không thể không nói tới xưởng quân giới Cao Thắng. Cơ ngơi không lớn, công nhân không nhiều, máy móc còn thô sơ, nhưng với tinh thần lao động sáng tạo, xưởng đã cung cấp được nhiều loại vũ khí thô sơ cho phong trào chiến tranh du kích như: *lựu đạn, mìn muối, đập lôi, trái nổ*. Ở đây có bom không nổ, pháo tịt ngòi là anh em xông tới đem về. Mỗi lần thăm xưởng, tôi càng xúc động, thấu hiểu thêm giá trị những giọt mồ hôi lao động của anh em. Lò rèn lửa đỏ rực cháy, máy tiện hồi hả quay vòng, tiếng búa kêu chan chát. Không có máy phát động lực, tất cả đều làm bằng tay. Giữa rừng sâu, sức lao động của anh em đổ ra đã góp phần làm nên chiến thắng. Tôi đặc biệt cảm kích và nhớ ơn các liệt sĩ đã ngã xuống trong công việc đầy hiểm nguy khi cửa bom lấy thuốc nhồi vũ khí tự tạo. Có những trường hợp bất thần bom nổ, thân thể anh em tan biến, không sao nhặt được xác để quy tụ về nghĩa trang liệt sĩ.

Xưởng dệt nằm heo hút một góc rừng sâu, với vài ba cái xa quay, năm bảy cái khung cửi nhỏ, lạch xạch, lách cách đơn điệu, âm trầm giữa tiếng gió xào xạc với tiếng suối chảy gần xa. Từ nguyên liệu là bông xơ trồng trên rẫy kéo thành sợi, dệt ra vải hoàn toàn bằng thủ công, sản phẩm chỉ là những chiếc khăn, tấm áo tuy chưa đẹp nhưng ấm áp tình người.

Ban tuyên huấn Tỉnh ủy có trong tay xưởng in chữ chì. Kỹ thuật còn thô sơ, lạch hậu, nhưng vẫn in báo,

truyền đơn, lại in cả sách nữa. Những ấn phẩm này góp phần đắc lực vào việc tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng trong nhân dân.

Đối với xây dựng căn cứ, ngoài lương thực, muối là mặt hàng chiến lược có ý nghĩa sống còn. Thiếu muối, lạt muối, đồng bào các dân tộc bị đủ các thứ bệnh: mờ mắt, mỏi gối, phù chân, bấu cổ, v.v... Các em nhỏ nhiều khi khóc thét lên, không đòi bú, đòi ăn, mà chỉ đòi muối. Thiếu muối đồng bào phải dùng tro tranh thay vào hoặc nấu canh bằng lá đu đủ để nuốt đắng cho đỡ nhớ mặn.

Cuối năm 1962, “vấn đề muối” trở nên cấp bách. Tôi trao đổi với anh Sáu Tú - Phó Bí thư Tỉnh ủy, tổ chức một cuộc hội nghị bàn giải quyết việc này. Do địch kiểm soát gắt gao, cơ sở của ta trong các ấp chiến lược không đủ sức cung cấp muối ra cho cả căn cứ. Hội nghị bàn mãi mà vẫn chưa tìm được lối thoát. Cuối cùng thì chúng tôi cùng đều nghĩ đến biển. Nước biển với độ mặn cao có thể nấu thành muối nhanh. Ta có vùng biển giải phóng ở Hàm Tân, Khu Lê. Hội nghị giao cho đồng chí Ba Bình, Bí thư huyện ủy Hàm Tân phụ trách việc nấu nước biển ra muối cung cấp cho hai huyện Hoài Đức, Tánh Linh. Đồng chí Lê Thanh Hải, Bí thư huyện Hòa Đa chịu trách nhiệm cung cấp cho đồng bào Di Linh. Tuy nhiên, biện pháp này chưa phải có hiệu lực ngay tức khắc đối với nạn đói muối đang diễn ra hết sức ngặt nghèo. Không còn cách nào khác, chúng tôi phải tính đến cách đánh địch để lấy muối trong kho tại đồng

ruộng muối của chúng. Đại đội Hoàn Sơn được giao nhiệm vụ nặng nề, khó khăn là bảo đảm an toàn cho đoàn quân vào Sở muối Phan Thiết để lấy muối. Đoàn quân làm nhiệm vụ đông tới 1.200 người, cả bộ đội, dân quân, du kích, cán bộ cơ quan và đồng bào căn cứ. Vũ khí không chỉ có súng, lựu đạn, mà còn có gùi mây, bông vải đeo sau lưng. Cuộc hành quân giữa mùa khô. Bầu trời cao, sáng, thỉnh thoảng vài ba trái pháo sáng phụt lơ lửng trên không. Dưới ánh pháo sáng, những đồng muối cao ngệu, trắng bạc nổi lên như những quả núi. Với lòng dũng cảm và sự thèm khát muối, được bộ đội yểm trợ, đồng bào ta nhất là bà con người dân tộc, hết sức nhanh nhẹn xúc muối đầy gùi, đầy bông, đầy xà bớ¹, lại còn lấy khăn túm lại từng túm buộc lên gùi, quần ngang hông. Trên đường về mang nặng, nhưng ai nấy hối hả cất bước, mong sao đưa được muối về Căn cứ an toàn. Hai tháng sau, chúng tôi tổ chức đi lấy chuyến muối thứ hai, kết quả mỹ mãn. Tính chung cả hai chuyến, vùng căn cứ Bình Thuận có đủ muối dùng trong ba, bốn năm.

Vùng căn cứ đã có bề thế, chúng tôi quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết tháng 2 năm 1962 của Khu ủy; phát triển xuống đồng bằng, tập trung sức vào nhiệm vụ trung tâm đánh phá ấp chiến lược – cái xương sống của “Kế hoạch Stalây - Taylo”. Suốt mấy tháng ròng, cùng với các đồng chí Tư Thanh, Mười Lang, Sáu

1. Một loại gùi lớn

Nam, chúng tôi luôn bám sát chiến trường. Lúc vòng vô Hàm Tân rồi ngược ra Tam Giác, khi thì xuôi xuống Thuận Phong rồi ra Hòa Đa, Phan Lý. Tuy gian khổ, hiểm nguy, nhưng tôi hiểu địch hơn, thấy rõ thêm sức mạnh của ta trong cuộc đấu tranh quyết liệt giữa ta và địch. Tình hình luôn luôn đặt ra những vấn đề nóng hổi, cấp bách. Đây là cuộc đấu trí, đấu lực giữa ta với địch hết sức căng thẳng. Trước cao trào cách mạng của ta, kẻ địch cay cú, thẳng tay dùng những biện pháp tàn bạo để gom dân lập ấp chiến lược, khủng bố quần chúng như mổ bụng moi gan, đốt phá, cướp sạch, nhiều vùng nông thôn hoang tàn xơ xác. Ở Hàm Thạnh, các xã giải phóng Khu Lê, địch dùng cả xe vận tải cơ giới, trực thăng để xúi dân đưa về xây dựng các ấp chiến lược ở Mương Mán, trên trục đường số 1. Vùng biển Kim Bình, Bình Thiện, La Gàn địch dùng hải thuyền bắt dân lìa bỏ quê cũ. Phần lớn bà con huyện Hàm Thuận, nhất là vùng Tam Giác và vùng ven bắc Phan Thiết bị kìm kẹp chặt trong các ấp chiến lược, hình thành một dải liên hoàn dài 24 ki-lô-mét từ Lại An, Kim Ngọc vòng qua Tân Điền, Xung Phong, Đại Năm, đến hồ Me Ba, Phú Phong A.

Để bắt dân phải quay lưng với cách mạng, kẻ địch buộc mỗi gia đình phải có đủ bốn loại “dụng cụ”: *đèn, cây, dây, mác*, trực tiếp tham gia phòng thủ, canh gác ấp chiến lược. Hễ thấy khả nghi thì gõ mõ, gõ thùng, báo động inh ỏi. Ở ấp chiến lược Lương Sơn, một ấp “kiểu mẫu” của địch, chính Mac Namara đã hai lần đến

kiểm tra, khích lệ. Bọn tay sai Trần Lệ Xuân rồi Ngô Đình Nhu cùng tên tướng Trần Tử Oai đã đến thị sát tại chỗ. Định quyết “ăn thua” với ta trên địa bàn xã ấp tại chiến trường Bình Thuận nói riêng và khu Sáu nói chung, với quốc sách “áp chiến lược” chúng hy vọng tách cá ra khỏi nước. Thời kỳ này, cán bộ muốn tiếp xúc với cơ sở và quần chúng, phải vượt qua nhiều tuyến vành đai bảo vệ, nhiều lớp chông mìn của địch. Nhiều lần đội công tác vô đến ấp thì trời đã sắp sáng, lại phải nhanh chóng trở ra. Bị địch kìm kẹp chặt, có cán bộ vào được nhưng bà con không dám gặp, chỉ đứng xa ngoảnh mặt lau nước mắt. Kẻ địch dùng mọi cách để cố tách quần chúng đông đảo ra khỏi vòng tay cách mạng. Tôi đã cùng một số cán bộ nhiều lần mò mẫm vô ấp, nghiên cứu cách phá âm mưu xây ấp chiến lược của địch. Chúng tôi nhất trí biện pháp tốt nhất vẫn là phát động quần chúng nổi dậy kết hợp với vai trò đòn xeo của lực lượng vũ trang. Bài bản không có gì mới, vấn đề là ở chỗ phải kiên trì bám trụ, bám dân, tuyên truyền giác ngộ quần chúng, vạch mặt kẻ thù tàn bạo, làm cho mọi người căm thù chúng, thề không đội trời chung với bọn Mỹ - ngụy.

Với lòng tin dân, tin vào sức mạnh của quần chúng, chúng tôi tổ chức nhiều đợt hoạt động liên tục, làm cho địch phải lúng túng đối phó ở nhiều nơi. Phát động quần chúng nổi dậy đấu tranh ở Hàm Tân, Tam Giác, Hòa Đa, Phan Lý, Phan Thiết. Đánh diệt bọn bảo an, dân vệ hỗ trợ phong trào quần chúng phá ấp chiến lược ở Văn Mỹ, Hiệp An (Bầu Dồi), Tam Tân, Tân Hiệp.

Cùng nhân dân vừa bố phòng vừa đánh địch càn quét gom dân ở Hàm Thanh, Hàm Phú, Hàm Trí, Nhơn Thiện, Thiện Nghiệp, Kim Bình, v.v... Vô trang tuyên truyền, tổ chức mít-tinh ở Gộp (Long Hoa) ngay trên đường số 1, giữa ban ngày có hàng ngàn người dự. Cuộc mít-tinh đã gây được tiếng vang vào tận vùng sâu. Bộ đội cơ động đánh tan đại đội biệt kích ở Tam Giác, bắn cháy một máy bay, rồi bất ngờ đột nhập vào Phan Thiết diệt bọn cảnh sát ác ôn.

Vừa tích cực tiến công địch bằng quân sự, vừa kết hợp với đấu tranh chính trị, vừa đánh địch phía trước, vừa chống càn quét phía sau, chúng tôi đã giành được thắng lợi lớn. Đánh hơn 360 trận, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.200 tên, làm tan rã 400 tên, thu hơn 200 súng, đánh phá 8 đầu máy và đoàn tàu quân sự địch.

Qua đợt hoạt động, ta đã đánh xoạc được cái vỏ mạnh áp chiến lược của địch. Khi đồng bào nhất tề nổi dậy thì như đồng than âm ỉ nhanh chóng bốc thành ngọn lửa thiêu cháy áp chiến lược, thiêu cháy cả kẻ thù. Có những áp chiến lược như Văn Mỹ, Bình Mỹ Thuận, Tân Phú Xuân, Long Phú, v.v... đồng bào phá đi, phá lại nhiều lần bung về vùng đất cũ. Có nơi như ấp Đá Mài, hàng rào cọc gỗ đan liên nhau như một bức thành, đồng bào hè nhau lay đổ, nhổ bật để giành lại cuộc sống tự do. Đồng bào Ma Lâm, Phú Trinh mặt giáp mặt với kẻ địch, đấu lý, đấu lẽ buộc chúng phải mở cổng ấp để bà con ra ruộng, ra vườn, rẫy làm ăn. Ở chợ Lầu, Lương Sơn, bà con bảo nhau trì hoãn việc nộp công, dây kềm

gai theo quy định. Đồng bào Cửa Cạn thì chặt vụn hàng rào làm củi chum. Quần chúng ở Lại An, Kim Ngọc đánh chết bọn chỉ huy ác ôn, cảnh cáo chúng không được thúc ép bà con đi lao động khổ sai.

Mỗi nơi mỗi cách, mỗi vùng mỗi kiểu, khí thế nổi dậy và hình thức đấu tranh sinh động, phong phú vô cùng. Nơi nào đồng bào lấn tới, nơi ấy kẻ địch phải lui, dù chúng hung bạo, giở trò khủng bố. Mặc dù kẻ địch điên cuồng đánh phá chà đi xát lại nhiều lần, bà con ta vẫn bám trụ kiên cường, giữ vững quyền làm chủ ở 18 xã vùng đồng bằng nhiều cửa, đông dân.

Nhiều xã đã chuyển lên thế đấu tranh quân sự, chính trị song song. Hàm Thanh xây dựng tuyến bố phòng để đánh địch càn quét. Như Thiệu cải tạo địa hình chống biệt kích, thám báo, ngăn cản và đánh diệt xe cơ giới địch. Văn Mỹ tổ chức đội du kích thoát ly làm nhiệm vụ tuần tra canh gác, trinh sát, bám đánh địch bảo vệ nhân dân. Vùng làm chủ ở đồng bằng, quần chúng còn tổ chức hậu cần tại chỗ, hăng hái đóng góp lúa, bắp, tiền bạc nuôi dưỡng cán bộ như hồi kháng chiến chống Pháp. Điều làm chúng tôi cảm động nhất là xóm Xẩm, xóm Bầu Thiệu chỉ có 500 dân, tuy nghèo nhưng bà con vẫn nuôi dưỡng, đùm bọc gần 30 cán bộ, du kích thoát ly hơn nửa năm ròng.

Phong trào được mở ra, mối quan hệ gắn bó và tình nghĩa quân dân ngày càng bền chặt. Địch ra sức "tát nước bắt cá" nhưng chúng tôi vẫn đi lại hoạt động

trong sự che chở, đùm bọc bởi bao nhiêu tấm lòng yêu nước, tin tưởng Đảng của nhân dân vùng đồng bằng. Tôi còn nhớ những đêm trăng sáng, mỗi lần từ Triền, giếng Chanh xuống Xa Ra, Tùy Hòa, mỗi khi dừng chân được bà con cho ăn bún với mắm nêm, tráng miệng bằng trái thơm. Có lúc qua vùng Tam Giác nghỉ đêm, được bà con cho ăn cá nục với bánh tráng. Đơn sơ như vậy mà nặng tình nặng nghĩa, chúng tôi nhớ đời.

Sau đợt hoạt động ở Hàm Tân, tôi trở về cơ quan Tỉnh ủy vào lúc súng địch nổ vang ở căn cứ. Kẻ thù sử dụng lực lượng quy mô sư đoàn, từ các căn cứ xuất phát Ma Lâm, Mương Mán, Tánh Linh, tiếp giáp với căn cứ ta, có phi pháo yểm trợ, máy bay tiếp tế. Địch mở cuộc càn quét lớn mang tên “Sơn Dương” nhằm diệt lực lượng chủ lực và cơ quan “đầu não” của địa phương. Từ Hàm Tân, Đảng Gia lên đến Ara Xalôn và dọc theo nam bắc sông La Ngà chỗ nào cũng có địch. Giặc kết hợp cả mấy chiến thuật “phượng hoàng vô mối”, “trên đe dưới búa”, “bủa lưới phóng lao”, quyết thực hiện bằng được âm mưu của chúng.

Đi chiến trường lâu ngày mới về ngôi trong chiếc lều lợp lá trung quân của cơ quan Tỉnh ủy, dưới tầm pháo địch nổ ùng oàng từng chập, anh em lãnh đạo chúng tôi suy nghĩ, bàn bạc cách giáng đòn vào kẻ địch, đánh bại cuộc càn quét “Sơn Dương”. Giặc đã đổ quân gần cơ quan Tỉnh ủy, chúng bắn vào những rừng tranh khô khốc, ngọn lửa bốc lên khét lẹt. Chúng tôi quyết định tổ chức lực lượng vừa đánh địch vừa di chuyển,

vượt qua nhiều khu rừng rậm, bãi tranh để thoát khỏi vòng vây quét của chúng đến địa điểm đã định, đặc biệt bảo đảm an toàn cho cơ quan. Cuộc càn quét lớn của địch kết thúc mà không đạt được mục tiêu như chúng muốn, ngược lại còn bị tiêu hao sinh lực, hàng trăm tên chết và bị thương. Cùng với Ninh Thuận, Khánh Hòa, chúng tôi vẫn giữ vững được căn cứ và hành lang trên địa bàn miền núi các tỉnh cực Nam Trung Bộ.

Cùng thời gian, địch mở chiến dịch “An Lạc” chọc những mũi thọc sâu vào căn cứ của cơ quan Khu ủy và Quân khu ủy ở lưu vực sông Krông Nô. Bảy tiểu đoàn cùng máy bay, đại bác tiến hành một cuộc càn rộng rãi 4 tháng trời từ tháng 9 cho đến hết năm 1962. Nhưng địch đã “vô” trượt, mặc dù dấu giày của chúng ken kín cả sườn đồi, bờ sông và trắng cỏ. Một số lớn đồng bào đã sơ tán vào rừng sâu, trừ số còn lại bị địch bắt gom vào ấp chiến lược. Chỉ có rẫy đang độ lúa chín bị chúng đốt phá sạch. Chúng muốn triệt nguồn lương thực, đẩy cán bộ và đồng bào ta vào nạn đói.

Quyết tâm bám trụ bảo vệ căn cứ, anh Trần Lê cùng cán bộ lãnh đạo không rời bỏ địa bàn, tổ chức việc bố phòng, đánh địch. Nhiệm vụ được phân công rõ ràng: anh Vũ Anh Ba chỉ huy một cánh quân đi về hướng núi Pang Xin, tỉnh Tuyên Đức, làm nhiệm vụ suốt lúa - những rẫy lúa chín vàng - để không rơi vào tay địch. Và 500 tấn lúa đã được bứt suốt, xay giã để nuôi quân lâu dài. Anh Sáu Phúc, anh Mười Trung trực tiếp chỉ huy chống càn.

Anh Trần Lê giải thích: “Trong lịch sử, từ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đến giờ, biết bao nhiêu đồng chí đã hy sinh và ta phải mất biết bao công sức mới giành được địa bàn chiến lược quan trọng này, nay đang xây dựng thành căn cứ chiến lược theo chỉ đạo của cấp trên, nếu ta bất đi nơi khác để địch chiếm lại thì biết bao giờ ta mới giành được và nhiệm vụ đến lúc nào mới hoàn thành, do vậy ta phải kiên quyết trụ lại đánh địch bảo vệ căn cứ, hành lang”.

Vậy là trừ số đau ốm, bộ phận mặt, nặng nề phải di chuyển tránh lánh, còn đại bộ phận cán bộ chiến sĩ đều trụ lại cùng nhau bố phòng, đánh địch bảo vệ dân, giúp các trạm trên hành lang cắt đường đưa đón khách, vận chuyển hàng hóa, thu hoạch cất giấu lúa. Bên tả ngạn sông Krông Nô là cụm cứ điểm hành quân Đầm Ròn của địch. Từ cứ điểm này, ngày đêm đại bác địch nã tới tấp vào căn cứ của ta, yểm trợ cho biệt kích lùng sục. Phải đánh ngay vào căn cứ hành quân Đầm Ròn, đập nát sở chỉ huy hành quân, đập nát các trận địa pháo lợi hại đó để bảo vệ căn cứ. Với quyết tâm ấy, vào đêm 4 rạng ngày 5 tháng 12 năm 1962, bộc phá, lựu đạn và các cỡ súng của quân ta nổ rung trời, toàn bộ cứ điểm chìm trong khói lửa và số phận của nó đã được kết thúc.

Tiểu đoàn 186 là một trong những đơn vị nổi tiếng của khu Sáu. Cán bộ đều là những đồng chí đi tập kết trở về, đa số chiến sĩ quê từ các tỉnh Nam Bộ, tham gia từ đồng khởi, tình nguyện ra khu Sáu chiến đấu. Tiểu đoàn được tỉnh hội phụ nữ Bến Tre đỡ đầu. Anh em đã

góp phần giáng những đòn mạnh vào cuộc càn “An Lạc” của địch. Trong những ngày quần nhau với địch ở sông Krông Nô, chỉ có lá bép cùng với măng le, trái gấc và củ mài, tiểu đoàn đã lập công xuất sắc ở buôn Liên Trang, diệt gọn một đại đội ngụy. Từ đây, đơn vị mang cái tên đầy tự hào “Tiểu đoàn Lá Bép”. Cũng cần nói về cuộc hành quân cấp tốc của tiểu đoàn 840 từ Khánh Hòa lên vùng sông Krông Nô để tham gia đánh càn. Trên đường hành quân, cả tiểu đoàn hết lương thực. Rừng vàng đã cứu mang, cứu sống anh em bằng cây xà bu cao vút giữa rừng. Hạ một cây, dùng lõi bên trong thân cây đem giã thành bột mịn. Bột này làm bánh, nấu cháo, hấp xôi ăn vào no lâu lại vừa ngon vừa bổ, hành quân khỏe. Chỉ cần một cây, số bột của nó cũng đủ cho một gia đình ba, bốn người ăn gần một tháng.

Nhắc lại những hình ảnh bám trụ kiên cường ở địa bàn chiến lược nam Tây Nguyên, chúng tôi không thể nào quên thành tích xuất sắc của hai trung đội người dân tộc Re và Ba Na - đơn vị được Liên khu ủy 5 điều từ bắc Tây Nguyên tăng cường cho khu Sáu ngay từ những ngày đầu mới thành lập. Anh em đã đánh nhiều trận hay, bảo vệ an toàn cho cơ quan Khu ủy và Quân khu ủy. Chúng tôi cũng bồi ngùi thương nhớ đồng chí Năm Lao (Tên thật là Lương Văn Năm), đại đội trưởng đại đội 2 tiểu đoàn 186, người con ưu tú của mảnh đất Tam Giác (Hàm Thuận – Bình Thuận). Gọi là Năm Lao bởi đặc điểm: khi gặp địch, có lệnh là anh lao tới tiến công, không một chút chần chừ do dự. Trên người anh mang

nhieu vết thương, dấu tích của hai thời chống Pháp và chống Mỹ. Anh Năm có mặt và lập công suất xắc trong trận phá cuộc càn “An Lạc”. Năm 1972, anh hy sinh tại quê hương Tam Giác, trong lúc mở màn đợt tiến công chiến lược. Sau này anh Năm được truy tặng danh hiệu *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*.

Bám trụ ở vùng sông Krông Nô, cán bộ chiến sĩ sống với nhau trong những ngày vô cùng gian khổ, ác liệt nhưng cũng tràn đầy tình thương yêu đồng đội. Mọi người đùm bọc nhau trong chiến đấu, lúc ốm đau và trong các công việc nặng nhọc. Hai đồng chí Ma Ty và Ma Chô ở cơ quan Khu ủy và Quân khu nổi tiếng tải hàng khỏe một cách kỳ lạ. Khi gò lưng leo dốc núi, anh em không thấy người mà chỉ thấy những bông gạo và bắp cao to như cái bồ di chuyển lẹ làng qua khe, qua suối. Ai yếu mệt, họ đều giúp đỡ mang gói, không kể nặng nhẹ hay sớm tối.

Anh Trần Như Khuôn (Năm Lực), phó trưởng ban tuyên huấn, bị bệnh sốt rét dai dẳng, người gầy, nhưng anh không chịu nằm yên mà xin nhận giữ rẫy, đồng nghĩa với việc phải đuổi chim, đuổi khỉ để bảo vệ rẫy lúa đang vào độ chín vàng. Thật không đơn giản. Từng bầy chim kết từ trên cao lao xuống, từng đàn khỉ từ vách núi tràn vô rẫy phá hoại. Để xua đuổi chúng, anh đã làm một dây mō tre, chiếc nọ nối chiếc kia và khi kéo mạnh dây mō phát tiếng kêu lóc cóc liên tục làm lũ chim và khỉ sợ không dám đến.

Bám trụ vùng sông Krông Nô hồi ấy còn có nhà thơ Giang Nam. Anh là cán bộ hoạt động hợp pháp của Khánh Hòa, tôi tổ chức đưa anh ra chiến khu giữa năm 1959. Nơi đây, những bài thơ hay của anh được thai nghén từ vùng đất gian khổ này. Anh là nhà thơ và cũng là người chiến sĩ, nhưng nói cho đúng hơn thì anh là chiến sĩ - nhà thơ.

Cuộc họp Khu ủy cuối năm 1963, ở bắc Tà Gộc - một vùng giáp ranh B5 và Khánh Vĩnh (tây Khánh Hòa) chúng tôi vẫn ăn bắp là chính, cùng quây quần trong túp lều, nhìn những dãy núi cao vời vợi ở phía tây mà nhắc lại cuộc càn "An Lạc". Anh Trần Lê nói với tôi:

- Anh Tư à! Kể ra thắng địch nó đánh cũng rất thật! Mấy cha mình muốn rút thật xa để đỡ bom pháo, nhưng rút đi đâu? B3 thì chúng mở chiến dịch "An Hòa", "Dân Thắng". Ở Khánh Hòa địch mở chiến dịch "Thiểm Đầu Thủy". Riêng ở Bình Thuận, bọn ngụy tổ chức càn "Sơn Dương 1", "Sơn Dương 2". Càn vào rừng núi, phi pháo địch bị hạn chế nhiều. Còn chịu đựng gian khổ thì nó chịu sao bằng anh em ta. Chẳng những thế chúng ta còn nện cho chúng những đòn đau ở Hăng Tơ, đường 21 kép và Ea Na nữa...

Lúc này chiến trường khu Sáu có sự điều chỉnh. Các tỉnh Khánh Hòa, Đắk Lắk về khu Năm. Nhập hai tỉnh Phước Long, Lâm Đồng về khu Sáu. Cơ quan Khu ủy và Quân khu ủy lại băng rừng, vượt suối đến vùng căn cứ mới. Tôi dẫn một cánh đi đường dưới, anh Trần Lê và

anh Nguyễn Minh Châu dẫn một cánh đi đường trên. Hai cánh hội nhập ở bãi Cát Tiên trên bờ sông Đồng Nai Thượng và đóng tại đây cho đến cuối mùa mưa năm 1966.

Thời kỳ này, cùng với toàn Miền, khu Sáu đang ráo riết chuẩn bị một bước nhảy vọt mới: đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Chương 5

Bước nhảy vọt mới

Bước vào năm 1964, những cánh mai vàng của một mùa xuân mới đã nở rộ khắp núi rừng. Cách mạng miền Nam đang đà phát triển đi lên, cho dù còn gặp rất nhiều khó khăn, gian khổ, nhưng cuộc chiến tranh nhân dân trên địa bàn khu Sáu đã vượt qua được những bước thử thách và ngày càng vững vàng. Tất nhiên, cái giá của chiến thắng không chỉ tính bằng mồ hôi, mà còn phải trả bằng cả máu, xương của các chiến sĩ và đồng bào ta.

Với địch, kế hoạch Stalây - Taylo dù đã hai lần điều chỉnh vẫn không tránh khỏi phá sản hoàn toàn. Mỹ buộc phải thay ngựa giữa dòng. Chúng loại bỏ Diệm-Nhu (tháng 11 năm 1963) đưa Dương Văn Minh rồi Nguyễn Khánh lên thay, hòng thay đổi thế cờ đang

khôn quần, mong gỡ thế bí trên toàn bộ chiến trường khiến nội bộ nguy quyền mâu thuẫn, cấu xé lẫn nhau.

Cùng với chiến trường toàn Miền, quân và dân Bình Thuận, một tỉnh đông dân của Quân khu 6, gắng sức đẩy mạnh cuộc tiến công, phá áp chiến lược, mở rộng phong trào, đánh gần 60 trận lớn nhỏ, diệt và làm bị thương gần 2.500 tên địch (có 15 cố vấn Mỹ), bắn hạ 22 máy bay các loại. Đây là một thắng lợi lớn của ta và là đòn khá đau đối với địch.

Kế hoạch Mac Namara – Nguyễn Khánh, nhằm thực hiện âm mưu “bình định nông thôn có trọng điểm” ở miền Nam được Mỹ-ngụy bắt đầu tiến hành. Nhằm giáng những đòn mở đầu vào âm mưu của địch, 6 tháng đầu năm 1964, trên chiến trường Bình Thuận, tiếng súng của quân ta nổ ran ở khắp vùng. Với 350 trận đánh lớn nhỏ, ta loại khỏi vòng chiến đấu hàng mấy trăm tên địch trong đó có 11 tên cố vấn Mỹ. Hoạt động hết đợt này đến đợt khác của đội võ trang tuyên truyền, đã hỗ trợ cho quần chúng phá tan âm mưu củng cố hệ thống áp chiến lược của địch.

Năm 1963, khu Sáu giao Khánh Hòa và Đắk Lắk cho khu Năm, nhận thêm Phước Long, Lâm Đồng. Một bộ phận của Khu ủy về đứng chân ở Lâm Đồng, một bộ phận của Quân khu đóng tại La Dạ, Bình Thuận. Xưởng quân giới của Quân khu nhập về xưởng Cao Thắng, Bình Thuận. Đầu năm 1964, thì cả Khu ủy và Quân khu ủy đều về hết Lâm Đồng ở khu vực bãi Cát Tiên.

Tháng 6 năm 1964, Khu ủy họp bàn chủ trương mở đợt hoạt động đông xuân 1964 – 1965 và hè năm 1965, trong đó có cả vấn đề xây dựng và phát triển lực lượng. Khu ủy họp lần này không có anh Sáu Xuân, anh Mười Nguyên (cả hai anh có quyết định về lại khu Năm công tác). Khu ủy được bổ sung thêm các anh: Đỗ Quang Thắng phụ trách chánh văn phòng, Phạm Thuần (Chín Cán) Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng, Đỗ Văn Nuông (Tư Nguyên) Bí thư Tỉnh ủy Phước Long, Nguyễn Tuấn (Ba Đảng) Chủ nhiệm hậu cần Quân khu thay anh Trần Văn Phòng (Bảy Biên) đi làm Bí thư Quảng Đức. Bên Quân khu, anh Y Blok Êban về lại Quân khu 5, anh Sáu Phúc đi miền Bắc chữa bệnh. Khi bàn đến vấn đề xây dựng lực lượng, tôi nhớ lại khi anh Nguyễn Chí Thanh vào chiến trường đã góp ý kiến với Trung ương Cục là cần phải nhanh chóng xây dựng nắm đấm chủ lực để khi có thời cơ, ta có lực lượng sẵn sàng giành thắng lợi quyết định. Cuộc họp này, sau khi thảo luận cận kề và cân nhắc các yếu tố chủ quan, khách quan, Khu ủy nhất trí đề ra nhiệm vụ: *“Tranh thủ thời cơ thuận lợi hiện nay và sắp tới để đưa phong trào cách mạng toàn khu tiến lên một bước mới, chủ yếu là phong trào vùng địch, đẩy mạnh đấu tranh chính trị và vũ trang, đập tan các âm mưu địch, nhất là âm mưu củng cố lại hệ thống áp chiến lược, đánh phá căn cứ, cắt đứt hành lang, mở rộng diện làm chủ và diện tranh chấp trên đại bộ phận nông thôn, củng cố và mở rộng căn cứ, thu hẹp vùng kiểm soát của địch, đáp ứng nhiệm vụ hành lang trước*

mất và nhiệm vụ chiến lược sau này” và “Nhanh chóng khẩn trương xây dựng và phát triển lực lượng ta về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng chung sắp tới”¹.

Để phối hợp, những đợt hoạt động đông xuân 1964 - 1965 và hè 1965 với toàn Miền, Khu ủy và Quân khu ủy chọn Phước Long là trọng điểm một, Bình Thuận là trọng điểm hai. Bộ chỉ huy Miền sẽ đưa chủ lực ra cùng tiểu đoàn 840 của Quân khu mở địa bàn Phước Long. Đối với Bình Thuận trọng điểm hai, thì Quân khu sẽ tăng cường tiểu đoàn 186 để mở Tánh Linh, Hoài Đức.

Họp xong, về tỉnh, tôi họp Thường vụ Tỉnh ủy và Ban cán sự Tỉnh đội. Chúng tôi nhất trí là chọn điểm Tánh Linh, Hoài Đức để mở màn đợt hoạt động đông xuân. Tôi được phân công chỉ đạo công tác chuẩn bị cho đợt hoạt động này. Một bộ phận đặc công được chọn đi chuẩn bị chiến trường. Các chiến sĩ đặc công Bình Thuận có trình độ kỹ thuật tốt, có kinh nghiệm chiến đấu, được thử thách dày dạn, có ý chí chiến đấu cao. Đây là một đơn vị rất đáng tin cậy. Trong công tác chuẩn bị chiến trường, cũng cần lưu ý một điều: trong các dinh điền người Kinh chưa có cơ sở, còn các cơ sở người dân tộc thiểu số sẵn có đã đóng góp phần mình

1. Nghị quyết Hội nghị Khu ủy mở rộng lần thứ 3 (tháng 6 năm 1964 của Khu ủy khu Sáu)

khá đặc lực. Đồng bào trong các khu tập trung Đồng Kho, Đồng Me, Tà Bao, Xã Dú đã giúp đỡ tận tình cho anh em bằng cách chỉ dẫn đường đi lối lại, chuẩn bị tiếp tế, tìm cách bảo vệ anh em, tất cả đều nhờ cậy vào lòng yêu nước, tin tưởng cách mạng của đồng bào.

Kế hoạch cụ thể trong tác chiến là: phải đánh mạnh vào lực lượng kìm kẹp ở các ấp, các dinh điền, trụ lại cho vững phát động quần chúng, gài diệt lực lượng địch đi giải tỏa nhiều cấp, hỗ trợ đặc lực cho đồng bào vùng dậy phá ấp chiến lược trở về vùng đất cũ làm ăn. Cũng phải đánh diệt một số cứ điểm then chốt để tạo đà cho toàn bộ đợt hoạt động phát triển tốt đẹp.

Hai huyện Tánh Linh, Hoài Đức có 25 dinh điền và ấp chiến lược với trên 5 vạn dân Kinh, Thượng, Chăm. Hệ thống chi khu, ấp chiến lược của địch được xây dựng hoàn chỉnh, có mạng giao thông nối liền nhau và nối với chi khu, tiểu khu. Mỗi ấp và dinh điền đều có từ một đến hai trung đội bảo an, dân vệ đóng giữ, không kể hệ thống đồn bót trên các trục đường số 2, số 3 khống chế từng khu vực.

Từ đầu năm 1964, các đội võ trang của hai huyện đã bám và hoạt động tuyên truyền vào một số ấp, xây dựng một số cơ sở chính trị ở bên trong, nhưng phần nhiều dinh điền chưa có cơ sở.

Tham gia đợt hoạt động đông xuân có tiểu đoàn 186 của Quân khu, lực lượng võ trang của tỉnh (C486 và C481) và của hai huyện. Ban chỉ huy có ba đồng chí: Phan Văn

Hược, Chủ nhiệm chính trị Quân khu làm chỉ huy trưởng; Trường Sơn, tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 186 làm chỉ huy phó và tôi - Lê Văn Hiến - làm chính ủy. Đảng ủy có năm đồng chí, gồm ba đồng chí trong Ban chỉ huy và hai đồng chí Bí thư của hai huyện là Nguyễn Thiết Hoàng, Lê Khắc Thành, do tôi làm Bí thư.

Chúng tôi chia đợt hoạt động làm hai bước. Bước một: từ ngày 10 tháng 11 năm 1964 đến cuối tháng 12 năm 1964. Trận mở màn vào đêm 10 tháng 11 năm 1964, sử dụng một trung đội của đại đội 2, tiểu đoàn 186 đột nhập vào ấp Mê Pu đánh tan trung đội dân vệ ở đây, rồi tổ chức công sự chiến đấu trụ lại trong ấp, hỗ trợ và cùng đội võ trang công tác của huyện Hoài Đức phát động quần chúng bắt bọn tề điệp, kêu gọi dân vệ ra hàng nộp súng, huy động nhân dân phá ấp chiến lược. Sáng ngày 11 tháng 11 năm 1964, tên quận trưởng Hoài Đức chỉ huy một đại đội bảo an cơ động và một trung đội dân vệ lên chi viện cho Mê Pu. Khi chúng lọt vào trận địa phục kích, quân ta đồng loạt nổ súng xung phong, diệt và bắt sống 63 tên, thu 18 súng các loại. Tên quận trưởng và số còn lại tháo chạy về chi khu. Thừa thắng, ta phát triển đánh chiếm dinh điền Nghi Đức. Lực lượng dân vệ ở đây, một số bỏ chạy về chi khu, một số ra hàng và nộp cho ta hàng chục khẩu súng.

Đêm 11 tháng 11 năm 1964, đại đội 2 cùng đội võ trang công tác đột nhập vào ấp Bắc Ruộng thượng (đồng bào dân tộc) sát phía bắc chi khu, tước súng dân vệ, phát động quần chúng phá banh rào, đốt trụ sở ấp, đồng thời

ta dùng cối 81 tập kích chi khu, gây hoang mang cho địch.

Trong đêm 10 tháng 11 năm 1964, phía Tánh Linh (nam sông La Ngà) đại đội 486 của tỉnh cùng bộ đội địa phương huyện và đội võ trang công tác đột nhập vào các ấp Đá Mài, Sông Phan, Sông Dinh, Suối Kiết, Gia Huỳnh, bắt một số tề điệp, đốt trụ sở ấp. Lực lượng địch ở các ấp này bỏ chạy, ta huy động quần chúng phá ấp chiến lược.

Chúng tôi nhận định: mở đầu hoạt động trên hai huyện đủ làm áp lực buộc tiểu khu Bình Tuy phải đưa quân lên cứu viện. Đêm 11 tháng 11 năm 1964, chúng tôi sử dụng đại đội 1 tiểu đoàn 186 phối hợp với đại đội 486 tăng cường có một phân đội hỏa lực trực tiếp chi viện, dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Cang, Tham mưu trưởng Tỉnh đội Bình Thuận, tổ chức trận địa phục kích đoạn Láng Gòn - suối Đá Mài, đón đánh quân chi viện của tiểu khu.

Sáng ngày 12 tháng 11 năm 1964, tiểu khu Bình Tuy cho 20 xe quân sự chở một đại đội biệt động quân, một đại đội biệt kích bảo an và một trung đội công vụ cùng hai khẩu pháo 105 ly, có chi đội thiết giáp dẫn đầu. Vào 8 giờ ngày 12 tháng 11 năm 1964, bộ phận đi đầu đã đến chốt chặn đầu của ta, nhưng phần sau vẫn còn ngoài trận địa. Lực lượng ta nổ súng chặn đứng địch lại, nhanh chóng xung phong, bao vây chia cắt tiêu diệt địch. Sau 30 phút chiến đấu quyết liệt, ta diệt gọn đại đội biệt kích bảo an, hai trung đội biệt động, một trung

đội công vụ và một chi đội xe bọc thép. Bọn sông sót rút chạy về tiểu khu. Kết quả ta loại khỏi vòng chiến đấu 130 tên (có 2 cố vấn Mỹ), phá hủy 10 xe quân sự (có 4 xe bọc thép), thu 57 súng các loại (4 đại liên, 1 cối 60 ly) và nhiều đồ dùng quân sự khác.

Đề cứu vãn tình hình, chiều cùng ngày, địch dùng trực thăng chở một tiểu đoàn cộng hòa (thiếu) của vùng 3 chiến thuật đổ xuống giữ chi khu Hoài Đức, đồng thời cho máy bay oanh tạc vùng phụ cận chi khu, hòng đẩy lực lượng ta ra xa, giải tỏa áp lực cho chi khu. Lúc này, ta chỉ để một bộ phận nhỏ tiếp tục vây lỏng chi khu Hoài Đức. Đặc công tỉnh tiếp tục chuẩn bị đánh chi khu quận lỵ Tánh Linh và cao điểm Lô Ổ. Đại bộ phận lực lượng phân tán từng trung đội phối hợp cùng bộ đội huyện và đội công tác tấn công các ấp, các dinh điền như: Sùng Nhơn 1, Sùng Nhơn 2, Tà Pao, Huy Khiêm, Tê Lễ (Hoài Đức), tiếp tục tấn công các ấp Suối Kiết, Gia Huỳnh, Bà Tá, Quang Hà, Già An (Tánh Linh). Nhân dân trong các dinh điền là những người bị gom, xức, từ các vùng tự do Liên khu Năm trong thời kỳ chống Pháp, nên bà con nhanh chóng nổi dậy phối hợp cùng bộ đội để tự giải phóng mình, kêu gọi dân vệ đầu hàng cách mạng, nộp vũ khí. Nhờ đó chỉ trong đêm ba ngày, bộ đội và nhân dân đã làm chủ phần lớn các ấp, các dinh điền ở nam và bắc sông La Ngà.

Sau khi hỗ trợ nhân dân giành quyền làm chủ, một bộ phận bộ đội cùng cán bộ chính trị của xã, huyện và cán bộ tỉnh đưa xuống đã khẩn trương phát động quần

chúng, xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng dân quân du kích, mặt trận, các đoàn thể trong từng ấp, từng dinh điền và chuyển lên thế bố phòng chống địch. Do đó, khi lực lượng cộng hòa bung ra giải tỏa thì không còn chỗ dựa, bị ta bằm đánh tiêu hao nên chúng chỉ lướt qua một số ấp rồi bí mật cắt rừng về lại chi khu.

Đến ngày 12 tháng 12 năm 1964, ta kết thúc bước một. Trong vòng một tháng hoạt động, ta đã xoay chuyển được tình hình trên một vùng rộng lớn có lợi cho cách mạng, đẩy địch vào thế bị động đối phó. Với hai trận phục kích đánh hai cánh quân tiếp viện của chi khu Hoài Đức và tiểu khu Bình Tuy, diệt và bắt sống 193 tên, thu 85 súng các loại, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch. Trong hoạt động nhỏ lẻ tiếp theo, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 85 tên địch, đánh tan hơn chục trung đội dân vệ, thu hơn 100 súng, bắt cải tạo hàng trăm tề điệp. Hàng trăm nam nữ thanh niên thoát ly tham gia kháng chiến và gia nhập quân giải phóng. Hoài Đức và Tánh Linh, mỗi huyện phát triển được một trung đội bộ đội địa phương, lực lượng dân quân du kích cũng được phát triển đều ở các ấp và các dinh điền mới giải phóng.

Ta mua được nhiều lương thực trong dân, vừa có ăn, lại có dự trữ khá. Ta còn giữ được quan hệ kinh tế giữa vùng mới giải phóng và vùng tạm chiếm. Các xe tải, xe khách từ La Gi, Phan Thiết, Sài Gòn vẫn đi lại bình thường ở vùng mới giải phóng, nên địa phương vẫn mua được các nhu yếu phẩm phục vụ cho đời sống nhân dân,

cho các cơ quan kháng chiến và lực lượng võ trang.

Ngày 15 tháng 12 năm 1964, lực lượng võ trang của Quân khu và tỉnh cho dừng các hoạt động để học tập và củng cố, chỉ để lại mỗi huyện một bộ phận nhỏ cùng bộ đội địa phương và đội võ trang công tác giữ vững vùng giải phóng và đẩy thế tranh chấp ở các ấp, các dinh điền còn lại. Địch tiếp tục tăng lực lượng cho chi khu Hoài Đức, ráo riết chuẩn bị cho việc chiếm lại các ấp, các dinh điền đã mất.

Đầu tháng 1 năm 1965, bước hai bắt đầu. Đêm 4 tháng 1 năm 1965, đại đội 1 tiểu đoàn 186 tập kích áp chiến lược Đồng Kho diệt một trung đội bảo an, đánh tan một trung đội bảo an khác, hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy phá ấp chiến lược.

Ngày 17 tháng 1 năm 1965, chi khu Hoài Đức huy động đại đội bảo an 515, bốn trung đội dân vệ, một đoàn binh định nông thôn, một toán tâm lý chiến, tất cả có 300 tên do quận trưởng cùng hai cố vấn Mỹ chỉ huy hành quân định chiếm lại các xã Mê Pu, Sùng Nhơn.

Nắm được ý đồ của địch, tiểu đoàn 186 đã vận dụng cách đánh chốt chặn, nhử địch vào tròng, vận động bao vây tiến công tiêu diệt. Ta sử dụng một trung đội cùng du kích chốt chặn tại cổng chào xã Mê Pu để nhử địch. Vào 6 giờ 30 ngày 17 tháng 1 năm 1965, địch bắt đầu vào đến cổng chào, bị hỏa lực ta ở chốt chặn lại. Sau ba đợt tấn công không thành lại bị thương vong nhiều, địch lùi ra và gọi trực thăng bắn phá. Khoảng 9

giờ, tiểu khu Bình Tuy cho hai trực thăng chở tên tiểu khu phó và một số sĩ quan tùy tùng lên thị sát tình hình, động viên binh lính, lấy thương, lấy tử. Vừa bay đến nơi chưa kịp bắn phá đã bị hỏa lực ta bắn trúng một chiếc, giết chết tên tiểu khu phó, cả hai trực thăng hoảng hốt tháo lui. Để nhử địch vào khu vực đã chọn, ta cho lực lượng chốt bí mật rút, thả cồng cho địch vào. Khoảng 10 giờ, địch vào được ấp, tên quận trưởng lập tức báo về tiểu khu là đã chiếm được Mê Pu và cho lính nghỉ ngơi ăn trưa. Giữa lúc ấy, đúng 11 giờ, hỏa lực ta bắn dồn dập vào đội hình địch, diệt sở chỉ huy. Ngay loạt đạn đầu, địch đã rối loạn, các mũi xung kích của ta tấn công mạnh vào chính diện và hai bên sườn thành thế bao vây. Đại bộ phận địch bị diệt, bị thương và bị bắt, một số sống sót cùng tên quận trưởng cất rừng chạy về chi khu. Quân ta làm chủ hoàn toàn trận địa. Kết quả ta diệt đại đội 515, một đoàn bình định, một toán chiến tranh tâm lý và gần hết 4 trung đội dân vệ. Địch chết 101 tên (có 2 cố vấn Mỹ), bị thương 109 tên, bắt sống 29 tên, thu nhiều vũ khí đạn dược.

Thấy bộ đội anh dũng chiến đấu diệt địch giữa ban ngày, nhân dân vô cùng phấn khởi. Trận đánh vừa kết thúc, già trẻ gái trai đều ra giúp bộ đội thu dọn chiến trường, khiêng thương binh, tử sĩ về phía sau, và dẫn đường cho bộ đội truy bắt tàn binh. Đây là một trận quyết chiến, có ý nghĩa quyết định đối với toàn đợt hoạt động trên địa bàn Hoài Đức và người dân coi đây là một sự kiện lịch sử của địa phương Mê Pu.

Phát huy thắng lợi, tiểu đoàn 186 tổ chức một bộ phận cùng với địa phương làm công tác phát động quần chúng, tiếp tục truy quét bọn tề điệp, ác ôn còn lẩn trốn. Trong vòng 10 ngày tại các ấp Mê Pu, Nghị Đức, Sùng Nhơn, ta đã bắt cải tạo 169 tề điệp và 22 tù binh, vận động nhiều thanh niên gia nhập Quân giải phóng, xây dựng cho huyện một đại đội địa phương đủ quân số.

Phía Tánh Linh, bộ đội đặc công tỉnh đã chuẩn bị xong chi khu quận lỵ Tánh Linh và cao điểm Lô Ổ. Nhưng tháng 1 năm 1965, Quân khu chỉ đạo cho tiểu đoàn 186 đưa đại đội đặc công lên Lâm Đồng chuẩn bị chiến trường cho hoạt động hè, nên kế hoạch đánh chi khu, quận lỵ Tánh Linh không thực hiện được. Đêm 7 tháng 2 năm 1965, đại đội 481 đặc công của Bình Thuận đánh cứ điểm Lô Ổ - một điểm cao bảo vệ chi khu Tánh Linh, diệt một đại đội biệt kích và một trung đội pháo 105 ly, làm chủ trận địa, thu toàn bộ vũ khí, phá hỏng hai pháo 105 ly, đồng thời ta dùng hỏa lực tập kích đánh thiệt hại chi khu quận lỵ Tánh Linh. Cùng đêm, một bộ phận của đại đội 486 và bộ đội huyện đột kích ấp Đồng Me đánh tan một trung đội dân vệ, phá banh ấp chiến lược, đưa hơn 1.000 đồng bào dân tộc trở về buôn làng cũ, giải phóng ấp Đồng Kho lần thứ hai. Một bộ phận của đại đội 1, tiểu đoàn 186 cùng địa phương đột nhập vào ấp Giã An đánh tan một trung đội dân vệ, hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá ấp chiến lược giành quyền làm chủ.

Ngày 22 tháng 2 năm 1965, tiểu đoàn 186 đánh

giải phóng hai ấp chiến lược cuối cùng của Hoài Đức: Tà Pao và Bác Núi, giải trang 5 trung đội dân vệ, thu trên 100 súng các loại, làm chủ khu vực này, đẩy chi khu Hoài Đức vào thế bị bao vây uy hiếp nặng, chúng liên tục kêu cứu lên cấp trên. Tiểu khu Bình Tuy không có khả năng chi viện, khu chiến thuật 33 (thuộc vùng chiến thuật 3) phải điều một tiểu đoàn cộng hòa từ suối Râm (Bà Rịa) bằng trực thăng đến tăng cường cho Hoài Đức. Ngay chiều hôm ấy địch mở cuộc tấn công vào Bác Núi để giải tỏa cho chi khu. Nhưng chúng vừa đặt chân đến Bác Núi đã bị quân ta chặn đánh quyết liệt, diệt 65 tên, số còn lại rút chạy về chi khu.

Đêm 22 rạng 23 tháng 2 năm 1965, chi khu Hoài Đức và tiểu đoàn cộng hòa phải bỏ chi khu, quân ly bằng đồng chạy về Võ Đắc (Tánh Linh). Sáng 23 tháng 2, quân ta tiến vào chi khu, quân ly thu toà. bộ kho tàng của địch.

Hoài Đức, quận đầu tiên của Bình Thuận cũng là quận đầu tiên của khu Sáu được giải phóng hoàn toàn. Thừa thắng, tiểu đoàn 186 phát triển về phía nam sông, đánh giải phóng các ấp Võ Xu, Chính Đức, Trà Tân 1, Trà Tân 2, huyện Tánh Linh. Địch chỉ còn giữ được hai thị trấn là Võ Đắc và Lạc Tánh nhưng ở trong thế bị bao vây uy hiếp.

Lực lượng võ trang, chính trị của Bình Thuận mà tập trung ở hai huyện Tánh Linh, Hoài Đức, được tăng cường tiểu đoàn 186 của Quân khu, sau gần 4 tháng

hoạt động liên tục đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên giao, giải phóng huyện Hoài Đức và phần lớn huyện Tánh Linh, mở ra một vùng rộng lớn với trên ba vạn rưỡi dân, và là vùng giàu có nổi tiếng “lúa Đồng Kho, cá biển Lạc” nối liền với vùng căn cứ nam Lâm Đồng, tây Bình Thuận, với vùng giải phóng của Long Khánh, Bà Rịa về phía nam. Phối hợp tốt với chiến dịch Bình Giã của Miền, kéo một phần lực lượng cơ động của khu chiến thuật 33 về Hoài Đức, đồng thời góp phần thực hiện ý định của Quân ủy Miền mở rộng hành lang xuống phía đông miền Đông Nam Bộ.

Chiến dịch Bình Giã kết thúc, Trung đoàn 2 của Miền phát triển hoạt động ra phía Hàm Tân. Đêm 23 tháng 2 năm 1965, trung đoàn tổ chức một bộ phận nhỏ phối hợp với đội công tác đánh diệt một trung đội dân vệ ở ấp Hiệp Hòa (nay là Tân Thăng) trụ lại vận động quần chúng phá ấp chiến lược. Sáng hôm sau, trung đoàn diệt gọn 2 đại đội bảo an của tiểu khu Bình Tuy từ La Gi tăng viện vào, giải phóng ấp Hiệp Hòa trên hai ngàn dân.

Trong khi tích cực mở mang ở Hoài Đức, Tánh Linh thì nhiều nơi trong tỉnh, phong trào phá ấp chiến lược, mở thêm vùng giải phóng cũng được đẩy mạnh. Ở Thuận Phong, bộ đội địa phương tập kích ấp chiến lược Tà Nung, diệt gọn một trung đội bảo an, đánh tan một trung đội dân vệ. Sau đó quân ta tập kích ấp Long Hoa nằm bên quốc lộ 1A, diệt gọn một đại đội bảo an, một trung đội dân vệ, giải phóng ấp Long Hoa (lần 2) và

toàn xã Hồng Sơn. Ở Hàm Thuận ta đánh vào các ấp Bình Lâm, An Phú, Tân An, An Hòa, Kim Ngọc. Trên địa bàn Hàm Tân, lực lượng võ trang hoạt động mạnh ở các ấp Cây Găng, Tân Hiệp, Cửa Cạn, Gò Đình. Ở Hòa Đa, Phan Lý các điểm Chợ Lầu, Phú Hải, Bầu Óc, Châu Hanh cũng bị ném đòn. Ở Tuy Phong, bộ đội địa phương và đội công tác đánh vào Tuy Tịnh Phú Điền.

Những hoạt động trên tuy không lớn, nhưng kẻ địch bị giáng những đòn liên tiếp. Vừa đánh nơi này ta đã nện đòn nơi khác, đánh đêm rồi đánh ngày buộc chúng phải lúng túng bị động đối phó. Vừa diệt sinh lực địch vừa giải phóng dân, ta vừa chiếm giữ địa bàn vừa mở rộng hoạt động, phong trào chiến tranh du kích đang trên đà phát triển.

Một nét phát triển mới đáng chú ý là ở huyện Hòa Đa, kết hợp hai mũi tiến công quân sự và binh vận đã thu được kết quả tốt. Đồng chí Bảy Khanh, phó ban binh vận tỉnh, một người hăng say công tác được anh em đặt cho cái tên vừa hay vừa ngộ nghĩnh “Ông súng Mỹ lòng ta”. Trong trận đánh ấp Bầu Óc, anh Bảy Khanh, đồng chí Sáu Tình bí thư huyện ủy và đồng chí Đài cán bộ binh vận huyện đã làm công tác thuyết phục, vận động được toàn bộ trung đội dân vệ số 31 mang theo vũ khí về với cách mạng. Trận đánh nổ súng ít mà thu được kết quả nhanh gọn.

Tôi cũng được thông báo tình hình diễn biến và kết quả đợt hoạt động Đông Xuân 1964 - 1965 ở trọng

điểm số một của khu - Phước Long. Lực lượng tham gia ở đây gồm có tiểu đoàn bộ binh 840, tiểu đoàn trợ chiến 145 của Quân khu và lực lượng của huyện, tỉnh do đồng chí Nguyễn Minh Châu, Tư lệnh Quân khu trực tiếp chỉ đạo.

Đầu tháng 11 năm 1964, trên đường 10 Phước Long, ta bắt đầu hoạt động. Mở màn, tiểu đoàn 840 sử dụng một đại đội đánh chiếm ấp Bù Bông và phục kích đánh một đại đội bảo an từ chi khu Đức Phong (Bù Đăng) đến tăng viện, diệt một bộ phận, bắt 7 tù binh thu vũ khí. Hai ngày sau, ta bao vây đánh ấp chiến lược Bom Ría có một đại đội bảo an và hai trung đội dân vệ đóng giữ. Trận này do ta bao vây không chặt nên địch cắt rừng rút chạy. Ta chiếm ấp, phát động quần chúng xóa bỏ kìm kẹp, lập chính quyền cách mạng.

Sau đó tiểu đoàn 840 đánh vào Bù Xia, Đức Hạnh giữa ban ngày, địch tháo chạy, chỉ diệt được một số, ta chiếm dinh điền, phát động quần chúng phá kìm và bố trí đánh viện quân từ tiểu khu đến. Tại đây, tiểu đoàn 840 đánh 2 trận liên tiếp làm thiệt hại nặng 2 đại đội bảo an, 2 đại đội của tiểu đoàn 34 biệt động quân, đánh bật đại đội thám kích lọt xuống sông Đức Hạnh, bắn cháy 2 xe bọc thép và 2 máy bay. Tuy diệt địch không gọn, nhưng đây là trận đánh có ý nghĩa trong việc mở mang giải phóng ấp trên đường 10. Phát huy thắng lợi ta tiếp tục phá các ấp Bù Yêm, Bù Gia Phúc, Khắc Khoan. Đến tháng 1 năm 1965, ta giải phóng gần hết các ấp trên đường 10 và làm chủ con đường này, đưa thế

tranh chấp vào các ấp xung quanh chi khu, quận lỵ Đức Phong trên đường 14.

Các lực lượng tỉnh, huyện cũng phá lỏng rã kìm các ấp Bù Na, Phước Liễu, Phú Văn.

Tiểu đoàn 840 để một đại đội cùng địa phương xây dựng và bảo vệ các ấp giải phóng, chủ yếu khu Bù Xia, Đức Hạnh.

Tháng 2 năm 1965, giữa lúc chủ lực Miền thắng lớn ở Bình Giã, đặc công tiểu đoàn 840 diệt gọn chi khu quận lỵ Đức Phong, làm chủ chiến trường thu vũ khí. Bộ đội tỉnh, huyện thừa thắng phát triển tấn công giải phóng các ấp Bù Na, Đức Bốn, Phước Liễu, Vĩnh Thuận và một phần ấp Đạo Nghĩa. Động viên được nhiều thanh niên tòng quân bổ sung cho các đội công tác và bộ đội địa phương. Toàn bộ các ấp chiến lược dọc đường 10 được giải phóng, hành lang được mở rộng, vùng giải phóng của ta nối liền từ đường 10 đến đường 14, tiếp giáp căn cứ khu, tạo thuận lợi cho công tác chuẩn bị mở chiến dịch hè năm 1965.

Hoạt động hè năm 1965, Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Quân giải phóng Miền mở chiến dịch trên địa bàn Phước Long và Bình Long, mang tên chiến dịch Đồng Xoài, hướng chính là Phước Long trọng điểm của Quân khu 6. Yêu cầu tiêu diệt một bộ phận quân tinh nhuệ của địch, kết hợp phá hệ thống ấp chiến lược, mở rộng căn cứ, hành lang. Thời gian từ tháng 5 đến tháng 7 năm 1965, chia làm 3 đợt. Lực lượng sử dụng trên

hướng chính gồm 3 trung đoàn chủ lực của Miền, tiểu đoàn 840 của Quân khu và lực lượng của tỉnh Phước Long. Nhiệm vụ của Quân khu là phối hợp với Miền trong việc chuẩn bị chiến trường và tham gia hoạt động trong chiến dịch. Đồng thời đẩy mạnh hoạt động ở hướng diện chính là Lâm Đồng - đường 20, và các hướng khác trong khu, cố gắng giải phóng và tranh chấp được hai phần ba ấp chiến lược còn lại, cắt đứt giao thông.

Ngay từ đầu năm, Quân khu 6 đã lo chuẩn bị chiến trường, tích cực chuẩn bị mọi mặt để bảo đảm cho chiến dịch thành công.

Đầu tháng 5 năm 1965, bước vào chiến dịch Đồng Xoài đợt 1. Ở hướng chính, Bộ Tư lệnh chiến dịch sử dụng tiểu đoàn 840, tiểu đoàn 1 của trung đoàn 1, hai trung đội đặc công, tám đại đội hỏa lực đánh vào thị xã Phước Long. Tiểu đoàn 1 tăng cường của trung đoàn 2 đánh chi khu Phước Bình. Trung đoàn 2 (thiếu) và trung đoàn 3 đánh viện đổ bộ đường không từ thị trấn Phước Bình đến thị xã Phước Long. Trung đoàn 1 (thiếu) làm dự bị chiến dịch. Đồng chí Nguyễn Minh Châu, Tư lệnh Quân khu 6 làm Tư lệnh phó chiến dịch trực tiếp chỉ huy cánh quân đánh vào thị xã Phước Long, yêu cầu đánh chiếm hoặc gây thiệt hại nặng và trụ lại buộc chủ lực địch phải chi viện, tạo điều kiện cho trung đoàn 2 (thiếu) và trung đoàn 3 đánh diệt sinh lực địch.

Kết quả trong đêm 10 tháng 5 năm 1965, tại thị xã Phước Long ta đánh chiếm khu thông tin, khu công an

cảnh sát, phá hủy trận địa pháo, chi đội thiết giáp, đánh thiệt hại nặng khu trung tâm huấn luyện nghĩa quân, đồn biệt động quân, đồn bảo an, khu cư xá Mỹ, dinh tỉnh trưởng, đốt cháy kho xăng địch. Chi khu Phước Bình bị ta tiêu diệt gọn, thu toàn bộ chiến lợi phẩm.

Sáng ngày 11 tháng 5 năm 1965, tiểu đoàn 840 và tiểu đoàn 1 của trung đoàn 1 bám trụ các mục tiêu đã chiếm trong đêm, tổ chức đánh lui 6 đợt phản kích, diệt hai đại đội của tiểu đoàn 36 biệt động quân, bắn rơi 13 máy bay, bắn hỏng một xe bọc thép. Buộc địch phải chi viện bằng đồ bộ đường không: một tiểu đoàn xuống Hiếu Phong, một tiểu đoàn xuống Phước Bình, nhưng chủ lực Miền không diệt được viện. Đến trưa đã có một bộ phận địch lọt vào thị xã phối hợp với lực lượng còn lại tại chỗ phản kích. Các lực lượng ta đánh trả quyết liệt, nhưng về chiều, đạn dược cạn kiệt, thương vong tăng lên. Ta vừa đánh vừa chuyển thương binh, tử sĩ. Tối 11 tháng 5, được lệnh trên, lực lượng ta rút khỏi thị xã, tổ chức đưa thương vong và các lực lượng qua sông an toàn.

Kết thúc đợt một, tiểu đoàn 840 phát triển qua Phước Bình tiếp tục đánh địch, vây ép thị xã cùng lực lượng địa phương giải phóng các ấp Phước Tín, Phước Quả, Hiếu Phong, Lệ An.

Vào đợt hai của chiến dịch, ngày 10 tháng 6, chủ lực Miền diệt chi khu Đồng Xoài và đánh tiểu đoàn 7 dù đồ bộ đường không xuống dinh điền Thuận Lợi. Tiểu đoàn 840 đánh vào chi khu Phước Bình lưu vọng ở Sơn

Giang, pháo kích vào thị xã, diệt đài quan sát truyền tin ở núi Bà Rá, làm chủ thị trấn Phước Bình, cùng địa phương phá banh hệ thống ấp chiến lược trên đường liên tỉnh 2 của Phước Long.

Vào đợt 3, chủ lực Miền tấn công Bù Đốp, địch hấp tấp tháo chạy rút bỏ Bù Gia Mập. Thế là cả một vùng tuyến biên giới giáp Cam-pu-chia được giải phóng.

Kết thúc chiến dịch Đồng Xoài, đại bộ phận nông thôn tỉnh Phước Long được giải phóng và làm chủ với 56.000 dân (tổng số 67.000), địch chỉ còn 3 cụm là: thị xã Phước Long nối liền với quận lỵ Phước Bình mới, cụm Bù Đốp và chi khu quận lỵ Đức Phong. Ta vận động được 350 thanh niên tòng quân, cắt đứt con đường chiến lược 14 và khai thông được các cửa khẩu biên giới với Cam-pu-chia.

Khi tổng kết chiến dịch, tiểu đoàn 840 được vinh dự thay mặt lực lượng võ trang Quân khu 6 tham gia chiến dịch đón nhận Huân chương Quân công Giải phóng hạng Ba do Bộ chỉ huy Quân giải phóng Miền Nam trao tặng.

Các buôn vùng căn cứ K58 thuộc Phước Long, nơi đứng chân của các lực lượng chiến dịch, đồng bào đã góp nhiều công sức phục vụ chiến đấu. Bản nhạc "*Tiếng chày trên sóc Bom Bo*" của nhạc sĩ Xuân Hồng cũng bắt nguồn từ cuộc sống sôi động đó, thể hiện được tình cảm cao đẹp của đồng bào với cách mạng, với kháng chiến.

Phối hợp với chiến trường trọng điểm của khu, đầu

tháng 5 năm 1965, Tỉnh ủy Bình Thuận quyết định chọn điểm của đợt hoạt động hè là Thuận Phong, từ Phú Long ra Thiện Khánh (Rạng), diện trực tiếp là Hòa Đa, từ Lương Sơn đến Chợ Lầu. Yêu cầu tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá ấp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng, tạo thế liên hoàn giữa các huyện, đưa phong trào chiến tranh nhân dân trong tỉnh lên đồng đều.

Tôi được phân công trực tiếp chỉ đạo và cùng đồng chí Lê Đình Nguyên, Tỉnh đội trưởng chỉ huy đợt hoạt động này. Điều tôi quan tâm là lần hoạt động này nằm trong kế hoạch phối hợp chung với chiến dịch của Miền nên cần nghiên cứu kỹ tình hình địch ta thật sâu sắc, làm sao giành được thắng lợi mà lực lượng ta ít bị thương vong.

Từ căn cứ Mắc Cở, tôi cùng các đồng chí Lê Đình Nguyên (Chín Bền) Tỉnh đội trưởng, Phạm Hoài Chương (Sáu Nam) chính trị phó Tỉnh đội, Nguyễn Văn Lâu (Mười Lạng) tham mưu phó Tỉnh đội, đưa các đại đội 486, 487, 488 và đơn vị đặc công 481 hành quân sang Thuận Phong. Đi giữa đội hình hành quân chiến đấu, tôi vừa tự hào, vừa tin tưởng ở lực lượng sẵn có trong tay. Hai lần trước tôi đến Thuận Phong và Hòa Đa, lúc ấy mới bắt đầu chuyển thế đấu tranh vũ trang, mở vùng giải phóng đồng bằng, ta giành giật quyết liệt với địch từng tấc đất, từng lối mòn. Kết quả ta giải phóng được một số xã: Hồng Thắng, Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Thanh (Hòa Đa), Hồng Trung, Hồng Thịnh (Thuận

Phong). Hồi đó, lực lượng chúng tôi có hạn. Ra quân đầu tiên chỉ có 30 tay súng chiến đấu. Nay lực lượng võ trang đã lớn mạnh hơn, vũ khí trang bị tốt hơn và nhất là kinh nghiệm chiến đấu dày dặn hơn. Tình hình cơ sở chính trị cũng đổi mới có lợi cho cách mạng. Nhiều ấp chiến lược đã sụp đổ như Bình Lâm, Bình An (trên đường 8 - vùng Tam Giác), Tùy Hòa, Xa Ra, Tà Nung (Long Phú), Long Hoa (Gộp) trên quốc lộ 1A. Nhưng các ấp chiến lược Lương Sơn, Giồng Thầy Ba, Bà La, Rạng, v.v... còn là những “điểm cứng”. Lần này về Thuận Phong, Hòa Đa, chúng tôi quyết tâm làm chuyển biến vùng đất cát này. Phải tạo được thế liên hoàn với Hàm Thuận, Hàm Tân để vây ép thị xã Phan Thiết.

Để giữ bí mật việc chuyển một lực lượng từ núi sang, anh em phải hành quân vất vả suốt một đêm dài. Chạng vạng tối mới vượt qua đường sắt để xuống Tam Giác. Chỉ một đêm thôi mà phải qua được đường số 8, sông Hội Nhơn, rồi vượt quốc lộ 1A để vào động cát. Lại phải qua hết các rẫy thorn trước khi trời sáng thì mới không bị lộ lực lượng. Chúng tôi động viên nhau vừa đi vừa chạy, không để lại dấu vết khi vượt qua lộ, qua bên sông lúc vào động cát không để rơi rớt một thứ gì trên đường hành quân. Trời vừa sáng, chúng tôi đã đến vị trí đóng quân trên Triền. Nơi đây không khí thật trong lành. Rừng cây trải dài tít tắp, xanh mát. Gió ban mai nhè nhẹ, làm dịu đi nỗi nhọc nhằn, vất vả suốt một đêm hành quân căng thẳng. Lâu lắm rồi, chúng tôi lại được nghe nhiều tiếng chim đang líu lo, đơn vị phần đông là

chiến sĩ trẻ, rất yêu đời, nhiều đồng chí tay gõ nhẹ vào báng súng khe khẽ hát theo tiếng chim ca.

Để tiện làm việc với địa phương, tôi cùng liên lạc và bảo vệ vào cơ quan huyện ủy Thuận Phong gặp anh Nguyễn Ninh, Bí thư huyện ủy và mời anh Trần Văn Tình, Bí thư huyện ủy Hòa Đa, cùng huyện đội trưởng của hai huyện đến họp bàn kế hoạch hoạt động trên địa bàn hai huyện. Các anh ấy đều vui vẻ và phấn chấn, bởi chưa bao giờ địa phương mình lại được chi viện một lực lượng lớn như lần này. Vấn đề là làm sao phát huy được cả sức mạnh quân sự, chính trị để mở phong trào thêm rộng, thêm mạnh, tạo thế thuận lợi trên địa bàn hai huyện.

Chúng tôi bàn và đi tới nhất trí: trước hết phải ăn chắc một ấp, gây tiếng vang rồi từ đó phát triển ra bề rộng. Mở màn, chúng tôi sử dụng lực lượng đặc công 481 và đại đội 486 của tỉnh, đánh đòn đầu tiên vào ấp Giồng Thầy Ba - một ấp chiến lược nằm giáp ranh căn cứ thuộc xã Thiện Nghiệp. Ấp này địch phòng thủ khá cứng, xung quanh có hào sâu, chông mìn dày đặc. Để hỗ trợ và phát triển thanh thế, chúng tôi sử dụng các đại đội 489, 488 của tỉnh và 440 của Hòa Đa đánh các ấp Bà La, Rạng (xã Thiện Khánh) rồi tổ chức phục kích diệt viện của chi khu Hải Long từ Mũi Né lên và diệt viện của tiểu khu từ Phan Thiết ra, gắng kìm chân địch ở vùng Rạng để có đủ thời gian đưa khoảng 5.000 đồng bào ở Giồng Thầy Ba về lại đất cũ.

Các đồng chí Dũng, Phước chỉ huy khu vực Bà La, Rạng. Các đồng chí Mười Lang, Nguyễn Hội chỉ huy khu vực Giồng Thầy Ba. Tôi cùng các đồng chí Chín Bền, Sáu Nam, Tư Thanh chỉ huy chung. Vào trận, ta nhanh chóng làm chủ ấp Giồng Thầy Ba, đưa hết dân về đất cũ theo kế hoạch.

Bị đòn hiểm, địch phản ứng mạnh. Lúc đầu, chi khu Hải Long điều 2 đại đội bảo an cơ động đến chi viện, bị ta phục kích đánh ở Rạng diệt gần hết, chúng hoảng hốt yêu cầu tiểu khu Bình Thuận ứng cứu. Cũng thời gian này, địch điều đến Phan Thiết 2 tiểu đoàn biệt động quân và thủy quân lục chiến để chuẩn bị càn vùng Tam Giác. Chúng vội đưa 2 tiểu đoàn này ra phản kích hòng đẩy ta ra khỏi Rạng và chiếm lại ấp Giồng Thầy Ba.

Trận đọ súng hết sức quyết liệt. Anh em ta trụ vững, đánh suốt từ trưa đến chiều, diệt hàng trăm tên địch, nhưng ta cũng bị thương vong trên 30 đồng chí. Bị đòn đau, đến chiều địch rút hết về Mũi Né và Phan Thiết, kết thúc cuộc phản kích. Ta giữ vững xã Thiện Khánh mới giải phóng và có thêm 5.000 dân mới vừa phá ấp bung ra.

Để triển khai hoạt động được rộng và dài ngày, chúng tôi đã chuẩn bị chiến trường ở nhiều hướng. Một bộ phận trình sát đặc công do anh Sáu Nam phụ trách đi chuẩn bị khu vực Lương Sơn, Chợ Lầu, Tịnh Mỹ, v.v... Anh Mười Lang phụ trách một bộ phận đi chuẩn bị Phú Long, Kim Ngọc, Phước Thiện Xuân.

Trận đánh ấp Giồng Thầy Ba và Rạng tuy thu được kết quả khá, nhưng chưa đủ gây chấn động lớn. Năm được sơ hở của địch ở Phú Long, nơi tiếp giáp các xã giải phóng Tuy Hòa, Xa Ra về phía bắc với vùng tạm chiếm Kim Ngọc, Phước Thiện Xuân về phía nam, chúng tôi quyết định đánh vào thị trấn Phú Long giữa ban ngày, làm chủ để chặn diệt quân tiếp viện từ Phan Thiết lên. Trận đánh sẽ gây được ảnh hưởng chính trị lớn vào vùng ven và thị xã Phan Thiết.

Chiều 17 tháng 5, các đại đội 486, 488, cùng một phân đội trinh sát của tỉnh và 450 của Thuận Phong, dùng hai xe lam chở hai trung đội cải trang thành những phụ nữ đi chợ, những thanh niên đi Phan Thiết, chạy từ Tuy Hòa chạy thẳng đến cổng gác Phú Long. Do nắm vững quy luật canh gác và kiểu cách ăn nói, sinh hoạt trong vùng địch, nên chiếc xe vừa tới cổng, Mai và Tín, hai trinh sát cải trang, lập tức xuống xe xáp vào hai tên dân vệ gác cổng, sừng sộ:

“Đ... mẹ! Làm gì mà tụi mày đóng cổng không cho người ta đi Phan Thiết? Dở cổng ra !”.

Miệng nói, tay xô cổng, chiếc xe lam đi đầu vọt qua cổng gác. Mai rút súng ngắn bắn chết ngay tên dân vệ, cùng lúc Tín cũng bắn gục tên kia. Số dân vệ trên chòi gác bắn xả xuống làm Mai hy sinh. Tín chộp ngay khẩu tiểu liên của tên dân vệ vừa bị bắn chết quét một loạt đạn dài, cả 3 tên nhào xuống chết. Chiếc xe thứ hai ập đến đổ quân. Trung đội đồng chí

Văn Minh Trường cũng vừa đến kịp thời nổ súng tiến công đồng loạt. Bọn địch bị bất ngờ nên rơi vào thế bị động. Chúng chạy nháo nhào, ta bắn diệt từng tên, từng tốp và chiếm ngay trụ sở. Chỉ trong mấy phút trận đánh đã kết thúc nhanh gọn, ta chiếm cầu, bố trí trận địa đón đánh viên tù thì xả lên. Bộ phận chính trị tranh thủ làm công tác tuyên truyền, phát tán truyền đơn. Ban đầu, đồng bào còn có phần sợ sệt do quá ngỡ ngàng, nhưng khi biết chắc là bộ đội cách mạng thì đồng bào vô cùng phấn khởi, liền vui vẻ, niềm nở chào đón và giúp đỡ các anh giải phóng.

Một giờ sau, tiểu khu Bình Thuận đưa 5 xe bọc thép và hai đại đội bảo an từ Phan Thiết lên tiếp viện, chúng bắn dữ dội và định tràn qua cầu. Ta chặn đánh quyết liệt buộc địch phải lui lại Kim Ngọc. Sau đó đại đội bảo an 441 tổ chức vượt sông sang Phú Long. Bảy đợt địch vượt sông, cả bảy đợt chúng đều bị đánh tơi tả. Thấy đội hình địch rối loạn, đồng chí Văn Minh Trường nắm thời cơ tổ chức vượt sông truy kích. Cả trung đội, súng lấp lánh lưỡi lê, lựu đạn rút chốt, dũng mãnh xông thẳng vào đội hình địch. Trung đội trưởng Văn Minh Trường súng cắcbin khoác vai, tay ôm trung liên dẫn đầu đơn vị, vừa bắn quét vừa hô lớn: “Hàng sống, chống chết, giơ tay lên!” Địch lúc nhúc bỏ súng đầu hàng. Ta bắt sống 17 tên, thu 2 trung liên, 1 đại liên và 1 cối. Cuộc chiến vẫn tiếp tục. Đại đội trưởng Lương Văn Hà cho lệnh vượt sông, dẫn đại đội diệt tiếp những tên còn lại. Đại đội bảo an

887, dựa vào lô cốt cũ của Pháp ở Kim Ngọc bắn trả dữ dội. Khi đồng chí Triêm vòng sau lô cốt xả đạn vào lưng giặc diệt tên Thịnh chỉ huy thì tất cả số còn lại buông súng đầu hàng. Đến đây thì cả hai đại đội bảo an đi cứu viện đều bị xóa sổ.

Chiến thắng Phú Long, Kim Ngọc làm náo động cả thị xã Phan Thiết. Địch điều tiểu đoàn cộng hòa lên giải nguy, nhưng chúng chỉ dám đến cầu Bến Lội, dàn quân nằm lì ở đó. Đêm ấy, công binh ta dùng một lượng thuốc nổ khá lớn đánh sập cầu Phú Long và làm chủ từ đầu cầu trở lên trong một thời gian dài.

Sau chiến thắng Phú Long, anh Chín Bền và anh Sáu Nam đi họp hội nghị quân chính Quân khu.

Phú Long, Kim Ngọc trở thành cái bẫy nhử địch, chúng thua đau nên càng cay cú. Năm ngày sau, tức ngày 22 tháng 5, địch cho một tiểu đoàn biệt động quân và một tiểu đoàn thủy quân lục chiến phản kích vào vị trí đóng quân của đại đội 486. Anh em bố trí sẵn sàng chờ địch đến gần mới đánh. Sau đợt bắn mãnh liệt, đơn vị xung phong cướp được hai khẩu trung liên của bọn biệt động. Lính thủy quân lục chiến kéo đến, đại đội 486 một lần nữa tỏ rõ là một đơn vị thiện chiến bề gây cuộc tiến công của địch. Sau 4 giờ đồng hồ đổ súng, bọn địch rút chạy bỏ lại trận địa 150 xác chết, có 4 tên cố vấn Mỹ. Một tốp máy bay "Thần sấm" của Mỹ ập đến ném bom và bắn phá, nhưng các chiến sĩ ta vẫn trụ vững trên trận địa trong tư thế

tiến công.

Ta tiếp tục đánh các ấp chiến lược Phước Thiện Xuân, Phú Hải gây cho địch một số thiệt hại. Sau đợt hoạt động này, các xã Phú Long, Phước Thiện Xuân, Phú Hải, Thiện Khánh đều được giải phóng. Đường từ Phú Hải đi Mũi Né ta làm chủ một thời gian dài. Quận lỵ Hải Long đóng tại Thạch Long, Mũi Né hoàn toàn bị cô lập, địch phải dùng hải thuyền để tiếp tế cho Hải Long. Như vậy, vùng giải phóng của huyện Thuận Phong được mở rộng và nối liền từ Thiện Khánh vào Phú Long lên các xã Tuy Hòa, Xa Ra, Hồng Sơn, Hồng Liêm giáp với thôn giải phóng Bầu Ốc của Hòa Đa.

Phối hợp với chiến thắng Phú Long, tại thị xã Phan Thiết đã diễn ra một trận đánh đáng chú ý. Ta bất ngờ thọc vào nội ô diệt gọn bót “Cổng chữ Y” làm thương vong trên 30 tên địch, gây ảnh hưởng tốt trong nhân dân thị xã.

Kết thúc thắng lợi lớn ở Thuận Phong, chúng tôi liền chuyển lực lượng ra Hòa Đa. Các đơn vị 486, 487, 489 lại lên đường hành quân. Có thử thách liên tục trong chiến đấu, mới thấy rõ sức chịu đựng bền bỉ, dẻo dai của bộ đội, đặc biệt là tinh thần tiến công và ý chí quyết thắng của cán bộ, chiến sĩ.

Ở Lương Sơn, hai đại đội 489 và 440 dùng pháo kích vây ép đồn 39 và Trường Bia, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược Lương Sơn. Đây là ấp chiến lược do tên thiếu tướng Trần Tử Oai đích thân chỉ

đạo xây dựng làm “kiểu mẫu” từ năm 1962. Hơn 5.000 dân đã bung về vườn cũ xây dựng làng chiến đấu, giữ vững vùng giải phóng. Tiếp theo, ta tấn công giải phóng các ấp chiến lược Cầu Queo, Hiệp An, Hiệp Bình, Hiệp Hòa (nay là xã Hồng Thái) diệt 2 trung đội dân vệ. Phá banh các ấp chiến lược Tịnh Mỹ, Châu Hanh, Mai Lãnh, Cảnh Diễn, Trí Thái, Thanh Khiết (của Phan Lý), bức rút đồn Phú Hải (tây thị trấn Phan Rí cửa).

Hai huyện Thuận Phong, Hòa Đa, các xã căn cứ được củng cố và giữ vững, vùng mới giải phóng được mở rộng nối liền từ Hồng Thái (tây Chợ Lầu) vào đến Phú Long và đoạn đường quốc lộ 1A này được nhân dân làm chủ trong thời gian dài. Nhìn lên bản đồ, mọi người đều cảm nhận một niềm vui. Nhưng chúng tôi cũng phải chịu những tổn thất đau xót. Một số cán bộ, chiến sĩ đã ngã xuống trong một đợt dài hoạt động, trong đó có đồng chí Mười Lang. Trong trận đánh vào thị trấn Chợ Lầu, trên đường lui quân băng qua đồng trống, tránh pháo sáng của địch, anh nép vào bờ ruộng, không may, một nòng pháo sáng đã rút trúng cột sống làm anh hy sinh. Là tỉnh ủy viên, tham mưu phó Tỉnh đội, đã tham gia chiến đấu hàng trăm trận, nay anh Mười Lang ngã xuống để lại niềm tiếc thương đau đớn cho tất cả chúng tôi.

Cùng hòa vào tiếng súng tấn công của ta ở Thuận Phong, Hòa Đa là tiếng súng rất danh thép của tiểu đoàn 186. Vào hè 1965, theo lệnh của Quân khu, tiểu đoàn 186 để lại một đại đội cùng lực lượng võ trang

địa phương bảo vệ vùng giải phóng Hoài Đức, chuyển đại bộ phận lên đánh cắt đường 20 từ nam đèo Bảo Lộc đến Thọ Lâm để phối hợp với Lâm Đồng hoạt động ở đông bắc Bảo Lộc và bắc Di Linh, phối hợp với chiến dịch Đồng Xoài – Phước Long.

Từ đêm 3 tháng 5 đến ngày 12 tháng 5 năm 1965, tiểu đoàn đã đánh 5 trận đánh cứ điểm ngã ba B'sar, diệt đại đội bảo an 545 đóng giữ và bọn tàn quân của đại đội 343 bảo an ở đồn B'sar chạy về đây; bức rút 2 đồn, 2 bót; đánh sập hai cầu (Đa Mré và Đa Huoai); tiêu diệt 2 đại đội và 2 trung đội bảo an, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội thám kích của tiểu khu Lâm Đồng đi cứu viện, phá hủy hàng chục xe quân sự, thu hàng trăm súng các loại, giải phóng các ấp từ nam đèo Bảo Lộc đến Thọ Lâm. Huy động nhân dân vùng giải phóng Hoài Đức phá hoại, cắt đứt đường 20, làm cho lưu thông giữa Sài Gòn - Đà Lạt bị gián đoạn hàng tháng. Nối liền vùng giải phóng Hoài Đức với vùng giải phóng bắc đường 20 của K4 - Lâm Đồng. Mở rộng hành lang qua quốc lộ 20, tạo thuận lợi cho Lâm Đồng mở cửa khẩu thu thuế, thu mua lương thực và nhu yếu phẩm dự trữ cho cuộc kháng chiến của địa phương.

Giữa tháng 5 năm 1965, tiểu đoàn 186 chuyển một bộ phận về Hoài Đức để hỗ trợ địa phương chống càn quét, lấn chiếm. Đêm 17 tháng 5, tiểu đoàn tập kích tiêu diệt đại đội bảo an 510 lấn chiếm chốt tại ấp Võ Xu, buộc địch phải rút bỏ cuộc càn quét lấn chiếm, ta khôi phục lại vùng giải phóng.

Đợt hoạt động mùa khô năm 1964 - 1965 kết thúc thắng lợi, ta thu được kết quả lớn, và những kinh nghiệm quý báu. Trước hết, chúng tôi dựa vào khả năng hiện có, đánh giá đúng thực lực của mình đánh giá đúng địch, đồng thời tranh thủ sự chi viện của Quân khu, của Miền, đã mở rộng hoạt động trên địa bàn đã được chuẩn bị. Chúng tôi đã đẩy tiến công liên tục, đều khắp, phối hợp kịp thời, chặt chẽ với đợt hoạt động của khu, với chiến dịch của Miền, tạo nên thế tiến công rộng lớn, góp phần đánh bại cuộc chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ đang được đẩy lên đỉnh cao nhất.

Nhìn chung đợt hoạt động dài ngày này, quân và dân Bình Thuận đã đánh 840 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 4.000 tên địch, bắt sống hơn 500 tên, làm tan rã hơn 1.200 tên địch, thu được nhiều súng ống, đạn dược. Chúng tôi đánh giá cao đợt hoạt động đã đạt được yêu cầu chủ yếu: kết hợp tác chiến với đấu tranh chính trị, hỗ trợ quần chúng nổi dậy phá ách kìm kẹp, giành quyền làm chủ 126 ấp chiến lược đã bị phá banh, 102.000 dân được giải thoát khỏi sự kìm kẹp của Mỹ-ngụy. Vùng giải phóng được mở rộng, huyện Hoài Đức được giải phóng hoàn toàn, góp phần tạo thành thế liên hoàn mở rộng căn cứ của khu từ vùng giáp biên giới Cam-pu-chia xuống tới đồng bằng Bình Thuận ra giáp biển.

Đối với chiến trường Bình Thuận, những kết quả thu được như trên đã làm cho chúng tôi vui mừng. Chiến trường này phải thường xuyên giành giật với địch, phải

táo bạo luôn sâu đánh hiểm, giáng những quả đấm bất ngờ phải kiên trì bám trụ vận động giác ngộ quần chúng, coi trọng kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và công tác binh vận. Các lực lượng võ trang của ta đã thực sự trở thành nòng cốt đẩy mạnh cuộc chiến tranh nhân dân ở địa phương ngày càng được thử thách dạn dày. Ăn còn đói, mặc còn rách, sự hy sinh không ai tính được, nhưng chúng tôi đã vượt qua tất cả. Mũi súng luôn hướng về phía trước, bước chân hành quân hối hả bất kể nắng mưa, băng qua núi cao rừng rậm, sông sâu, suối lớn, ngay trước mặt đồn địch, để tới đích như ý đồ chỉ đạo.

Từ trong chiến đấu gian khổ mà trưởng thành, khôn lớn, đó cũng là một điều dễ hiểu. Ngày 20 tháng 10 năm 1965, tiểu đoàn 482 của Bình Thuận được thành lập, đây là tiểu đoàn tập trung đầu tiên, gồm 3 đại đội bộ binh (486, 488, 489), 1 đại đội trợ chiến (487), quân số gần 600 người, do Nguyễn Hội (*Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*) làm tiểu đoàn trưởng, Đỗ Ngọc Thạch làm chính trị viên, Nguyễn Bình Phước làm tiểu đoàn phó, Nguyễn Thanh Đồng làm chính trị viên phó. Sự ra đời của tiểu đoàn 482 đánh dấu một nét mới: trên chiến trường cực Nam Trung Bộ, bộ đội địa phương đã và đang trưởng thành. Bộ đội địa phương tỉnh, huyện đều được bổ sung, phát triển; lực lượng du kích tỏa ra thành một mạng lưới khá rộng với trên 2.000 chiến sĩ “bộ đội của thôn xã” có thêm vũ khí, có thêm những trận đánh hay được bà

con tin cậy. Lại còn lực lượng dân quân rộng rãi, ngoài việc sẵn sàng phục vụ tác chiến, bản thân mỗi đơn vị cũng có thể tạo ra những trận đánh ngay tại xóm thôn mình. Chúng tôi còn bổ sung cho Quân khu một đại đội bộ binh hơn 100 cán bộ chiến sĩ được trang bị đầy đủ, là những anh em từng dạn dày trong chiến đấu trong bám trụ móc nối cơ sở xây dựng phong trào.

Tuy Phong là huyện yếu nhất của tỉnh, đầu năm 1965 mới thành lập cơ quan lãnh đạo, và phong trào mới bắt đầu khôi phục ở một số xã. Sau khi thành lập tiểu đoàn 482, Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương đưa tiểu đoàn ra hoạt động mở mảng Duồng (Hòa Đa) ra Tuy Phong để phá ấp chiến lược, mở phong trào, xây dựng thực lực chính trị, vũ trang tại chỗ, đưa phong trào ở đây theo kịp các huyện khác trong tỉnh.

Trước khi mở đợt hoạt động ở Tuy Phong, tỉnh được Quân khu cho biết là Miền sẽ đưa một sư đoàn ra đứng ở Hoài Đức – Tánh Linh để giữ vùng giải phóng này.

Đầu tháng 11 năm 1965, tôi cùng các đồng chí Nguyễn Cang tham mưu trưởng và Nguyễn Thanh Đức đưa tiểu đoàn 482 và một trung đội đặc công của 481 ra Tuy Phong. Sau khi kiểm tra công tác chuẩn bị và làm việc với lãnh đạo huyện, chúng tôi nhất trí: mở màn ta tấn công cứ điểm Duồng có một đại đội bảo an và hai trung đội dân vệ đóng giữ hai ấp chiến lược Hà Thủy, Hiệp Đức, bố trí đánh viện từ chi khu Hòa Đa đến. Trận diệt cứ điểm Duồng và đánh quân tiếp viện

không gọn, ta chỉ đánh thiệt hại nặng 2 đại đội bảo an, diệt 2 trung đội dân vệ, phá banh 2 ấp chiến lược Hiệp Đức và Hà Thủy. Đồng chí Phước tiểu đoàn phó hy sinh. Tiếp đó, tiểu đoàn đánh giải phóng các ấp La Gàn (xã Bình Thạnh), Phú Điền, Tuy Tịnh, Vĩnh Hảo, diệt và quét sạch bộ máy kim kẹp ở các ấp này, nhân dân được làm chủ. Đợt hoạt động mới đến đây thì chúng tôi nhận được điện của Thường vụ Tỉnh ủy cho biết: ngày 21 tháng 11 năm 1965, địch đã mở cuộc càn lớn khoảng 8.000 quân có 2 tiểu đoàn lính Mỹ thuộc lữ đoàn 173 tham gia với nhiều pháo, máy bay, xe bọc thép đánh chiếm vùng giải phóng Hoài Đức - Tánh Linh. Chủ lực Miền chưa đến.

Nhận được điện, chúng tôi cho kết thúc đợt hoạt động, đưa tiểu đoàn 482 về thẳng Hoài Đức. Nhưng về đến Hoài Đức thì cuộc càn đã chấm dứt, địch đã bắt hơn 10.000 dân dồn về nam sông La Ngà, đốt nhiều nhà của dân, cướp đi và đốt nhiều thóc lúa, bắn giết nhiều trâu, bò, heo, gà... Tôi gặp các đồng chí lãnh đạo huyện bàn việc triển khai bộ đội địa phương lập các đội võ trang công tác bám theo số dân bị dồn, móc nối cơ sở vận động lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Tiểu đoàn 482, sau khi giúp số đồng bào còn lại thu hoạch lúa ngoài đồng, cất giấu tài sản, tổ chức canh gác bố phòng chống biệt kích, thám báo thì hành quân về Hàm Thuận tiếp tục hoạt động.

Thời gian chuẩn bị mở đợt hoạt động Hoài Đức - Tánh Linh thì xảy ra một chuyện. Ấy là đồng chí Tám,

đội trưởng đội công tác Huy Khiêm (Hoài Đức) một cán bộ chịu khó lặn lội. Một hôm, anh đi gặp cơ sở, bị cơ sở phản bội dẫn địch phục bắn chết anh. Đồng chí Tám ngã xuống là cái tang và nỗi đau chung của chúng tôi. Kẻ địch đã lợi dụng cái chết này để thực hiện một âm mưu xấu xa. Đó là, chúng cho chụp hình đồng chí Tám rồi đăng báo la lối rùm beng rằng chúng đã bắn chết “đại tá Tám Hiền, chính trị viên Tỉnh đội Bình Thuận”. Theo đó các đài phươg Tây cũng đưa tin này, khiến nhiều anh em lúc đó có phần lo ngại, sợ tôi bị rủa ro vì biết tôi đang công tác ở khu vực đó. Rồi tin đó loan tới quê tôi. Gia đình đã cho người vào tận nơi để hỏi rõ tình hình và nhận người thân, nhưng kẻ địch trả lời: “người chết đã chôn rồi, không còn xác nữa”. Sau này thì mọi người đều hiểu rõ âm mưu thâm độc của giặc, chúng định đánh đòn chiến tranh tâm lý nhưng đã bị thất bại. Còn tôi vẫn cùng đồng đội, cùng anh em tiếp tục cuộc chiến đấu của mình.

Chương 6

Mùa xuân năm 1968

Những thắng lợi to lớn chung của quân dân toàn Miền đã làm thất bại thảm hại chiến lược “*chiến tranh đặc biệt*” của đế quốc Mỹ. Chúng buộc phải ồ ạt đưa lực lượng chiến đấu của Mỹ và chư hầu vào miền Nam, để cứu nguy cho bọn nguy, đồng thời tiến hành cuộc leo thang chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ngày càng ác liệt đánh vào hậu phương miền Bắc.

Với chiến trường khu Sáu, quân Mỹ vào chậm hơn so với các nơi khác. Nhưng lực lượng chiến đấu Mỹ đã cùng số quân nguy được tăng cường, tiến hành càn quét, bắn phá, đẩy mức độ ác liệt của chiến tranh lên cao hơn bất kỳ thời nào.

Cùng với việc triển khai vào đứng chân ở Đà Lạt, Phan Thiết, ngày 24 tháng 8 năm 1965, Mỹ đổ quân vào Phan Rang - Tháp Chàm, Thành Sơn khoảng 900 tên. Sau đó, tháng 10, tháng 11 cùng năm, 800 quân Mỹ thuộc lữ dù 101 và một tiểu đoàn của Nam Triều Tiên thuộc lữ đoàn Rừng Xanh kéo đến, chúng mở rộng sân bay Thành Sơn và cảng Ninh Chữ, biến khu vực này thành vị trí tiền tiêu bảo vệ căn cứ hải quân Cam Ranh. Tại Bình Thuận, trong vòng 20 ngày cuối tháng 11 năm 1965, Mỹ dùng trực thăng đổ 2 tiểu đoàn xuống Nghi Đức, Chính Đức tiếp theo đưa đến toàn bộ lữ đoàn 173. Quân Mỹ cùng với 4 tiểu đoàn của sư đoàn 10 ngụy, mở cuộc càn quét dài ngày ở Tánh Linh, Hoài Đức, đánh phá và tái chiếm vùng nam sông La Ngà, quyết đóng lại chi khu Hoài Đức.

Theo kế hoạch hiệp đồng với Miền, thì Sư đoàn 5 của ta sẽ có mặt ở Tánh Linh, Hoài Đức trong thời gian này, vừa để xây dựng vừa kết hợp bảo vệ vùng giải phóng. Khi địch tiến hành cuộc càn, Sư đoàn 5 chưa về kịp đứng chân ở đây, chỉ có bộ đội địa phương huyện và du kích. Lúc này, lực lượng bộ đội tập trung của tỉnh đang hoạt động ở Tuy Phong.

Ở Tánh Linh, Hoài Đức, bộ đội địa phương huyện và du kích đã tự mình đánh trả lại 8.000 quân Mỹ-ngụy trong một thời gian dài. Anh chị em đã chiến đấu với tinh thần *"mỗi người là một dũng sĩ"*, *"mỗi đơn vị là một tập thể kiên cường"*. Quần nhau với giặc, đánh đêm rồi đánh ngày, những dũng sĩ của ta hạ hơn 300 tên

giặc, bắn rơi năm máy bay, bắn cháy một số xe tăng. Cuộc độ súng đầu tiên như vậy mặc dù không cân sức nhưng có thể nói lực lượng tại chỗ đánh khá tốt. Nhưng vì quân địch đông, máy bay và xe tăng nhiều, chúng cần quét khốc liệt, ta lại còn kết hợp đấu tranh hợp pháp cho dân tản cư ngược về thị trấn Võ Đắc, Tánh Linh, nên địch đã gom được hơn 10.000 dân của vùng giải phóng Hoài Đức ở bắc sông, đưa về lập các khu tập trung dân ở vùng nam sông La Ngà. Số địch bị diệt phần lớn là quân ngụy, còn quân Mỹ thì chưa bị một trận nào đau vì lực lượng ta bị hạn chế, lại chưa nắm được tình hình, thủ đoạn tác chiến cụ thể của chúng.

Cùng với toàn miền Nam quyết tâm đánh bại cuộc phản công mùa khô lần thứ nhất của Mỹ-ngụy, trên địa bàn khu Sáu, các hoạt động quân sự được đẩy mạnh và đều hơn. Tháng 9 năm 1965, được bổ sung thêm quân từ miền Bắc vào. Khu Sáu xây dựng Trung đoàn 346 chủ lực, quân số trên 2.000 người với tiểu đoàn 840 làm nòng cốt. Các đồng chí Phạm Văn Kha, Trần Văn Chúng, Phạm Hoài Chương được điều về làm Trung đoàn trưởng, Trung đoàn phó và Phó chính ủy trung đoàn. Có lực lượng tập trung, Quân khu mở chiến dịch đông bắc Phước Long, Trung đoàn 346 (thiếu) của khu và Trung đoàn 16 của Miền tham gia chiến dịch. Đòn đánh đầu tiên, ta diệt 2 cứ điểm quan trọng: Bù Prăng và Tuy Đức, giải phóng hoàn toàn tuyến biên giới từ tây Đức Lập đến đông Bù Đốp, tạo địa bàn thuận lợi và hành lang an toàn của cửa khẩu dọc biên giới Cam-pu-chia. Đường 14, từ tây nam Đức Lập đến

sát Kiến Đức, Gia Nghĩa, mở ra thế tranh chấp các khu vực Đạo Nghĩa, Nhân Cơ.

Ở Bình Thuận, tranh thủ thời cơ, phối hợp với các chiến trường khác, lực lượng võ trang ra sức hoạt động, đẩy quân nguy lún sâu vào thế tan rã khi quân Mỹ chưa kịp ra tay yểm trợ. Ngày 21 tháng 2 năm 1966, bằng một trận phục kích vận động, tiểu đoàn 482 cùng đại đội 430 bộ đội địa phương Hàm Thuận và du kích bốn xã Hàm Liên, Hàm Chánh, Hàm Thắng, Hàm Phong đã tiêu diệt gọn 1 đại đội bảo an và 6 trung đội dân vệ của quận đi mở đường hộ tống đoàn xe tiếp tế từ Phan Thiết lên Ma Lâm. Một tiểu đoàn cộng hòa, một đại đội bảo an từ Phan Thiết lên ứng cứu, bị đánh tơi tả, gần 200 tên bị diệt, hơn 100 tên bị bắt tại trận. Tên thiếu tá quận trưởng quận Thiện Giáo và tên chỉ trưởng công an quận đã phải đền tội. Đây là trận phục kích vận động giữa ban ngày trên địa bàn trống trải, bộ đội ta vượt qua “*bom dây, pháo bẫy*” dũng cảm tiếp cận tiêu diệt quân địch.

Chỉ 10 ngày sau trận đánh trên, tiểu đoàn 482 lại tập kích vào ấp Tầm Hưng, diệt gọn 2 đại đội bảo an, 2 trung đội dân vệ, bắt 75 tên, thu hơn 100 súng. Đây là ấp thuộc đồng bào thiên chúa giáo miền Bắc di cư vào năm 1954. Lần đầu tiên tiếp xúc với bộ đội giải phóng, sau khi được giải thích, hiểu rõ chính sách của cách mạng, đồng bào đã giúp đỡ anh em bộ đội tận tình.

Trận đánh ấp Bình An là một trận đánh táo bạo,

có hiệu quả cao. Để gỡ thế bị uy hiếp cho chi khu Thiện Giáo, địch liều lĩnh và bất ngờ cho trực thăng đổ bộ 1 tiểu đoàn quân cộng hòa xuống ấp Bình An, xây dựng công sự. Được du kích mật báo cáo đầy đủ tình hình, đêm 18 tháng 6 năm 1966, tiểu đoàn 482 tập kích phủ đầu quân nguy. Cả tiểu đoàn quân cộng hòa bị diệt, ta bắt 12 tù binh.

Tân Điền là ấp chiến lược nằm trong vùng sâu, chỉ cách thị xã Phan Thiết khoảng 5 ki-lô-mét. Địch chủ quan thường chơi bời, đá bóng, tán gái. Tiểu đoàn 482 lại đánh một trận táo bạo vào sào huyệt này. Chỉ trong vòng 30 phút, 2 đại đội bảo an thám báo bị loại khỏi vòng chiến. Đường số 8, một trong những con đường huyết mạch của địch, trở thành *“con đường rực lửa”*, *“đường số 8 đầy máu và nước mắt”* như kẻ địch đã phải cay đắng thừa nhận.

Ở thị xã Phan Thiết, bộ đội địa phương 480 đã quật cho địch mấy đòn liên tiếp ở cây cầu số 5, Giồng Táo, Đất Đỏ. Kẻ địch hoảng sợ, không thể ngờ rằng trong lòng thị xã, trên các đường phố, các cửa ô, tiếng súng cách mạng đã vang lên và ngọn lửa đã bốc cháy. “Tiểu khu cứng rắn” của nguy tiên thực tế đã và đang bị uy hiếp từ ba phía: đường số 8, đường số 1 và đường sắt Phú Hội - Đại Năm. Thế là quân Mỹ nhảy vào. Ngày 27 tháng 8 năm 1966, một lữ đoàn thuộc sư đoàn kỵ binh bay, một lữ đoàn dù của sư đoàn 101 được Mỹ cấp tốc ném vào Bình Thuận. Chúng đóng quân từ lâu Ông Hoàng đến Camp Esêpic và đóng các chốt ngoài thị xã:

Bà Gò, Tân Nông, Hồ Chùa, nông Cà Tang, Mương Mán. Pháo 105, 155, 175 ly ghéch nòng bắn phá điên loạn. Xe tăng, xe bọc thép dàn ra, lăn bánh xích lấn tới. Trục thăng, kỳ đà, cán gáo bay đen một góc trời. Ngày và đêm, bom đạn Mỹ trút xuống không thể nào đếm xuể. “Chiến tranh cục bộ” đã thực sự diễn ra với tất cả sự hùng hổ, ác liệt của quân đội viễn chinh Mỹ.

Ở Lâm Đồng, cuộc chạm súng với Mỹ cũng quyết liệt như ở Bình Thuận. Tiểu đoàn 186 và các lực lượng địa phương tiếp tục đánh địch, mở rộng phong trào xung quanh B’Lao, đường 20 tây Di Linh. Quân Mỹ đang càn quét đánh phá hành lang của khu từ Lâm Đồng về Bình Thuận, đã bị chặn đánh, chúng đã phải trả giá, nhiều tên đã ngã gục trên dọc đường hành lang.

Trong lúc đó, khu chuyển hẩn tiểu đoàn 186 về phía đông Di Linh với nhiệm vụ mở rộng mảng ấp từ đông Di Linh lên giáp Tuyên Đức và giải phóng vùng Mou-xa-ra, La Hoang... một địa bàn quan trọng tiếp giáp bốn tỉnh: Lâm Đồng, Tuyên Đức, Ninh Thuận, Bình Thuận. Tháng 11 năm 1967, tiểu đoàn 186 đã đánh một số trận trên đường 20, diệt 3 đại đội bảo an và 1 tiểu đoàn quân cộng hòa, bắn rơi 3 trục thăng. Sau đó, đánh diệt gọn đồn Tà In, rồi bám trụ ở núi Pô đánh quân Mỹ càn quét giải tỏa, giải phóng vùng Mou-xa-ra, La Hoang (đặt tên K67) nối liền hành lang giữa Quân khu và Tuyên Đức.

Các tỉnh Ninh Thuận, Tuyên Đức và phía bắc Bình Thuận, bộ đội tỉnh, huyện và du kích đột áp đánh địch,

diệt ác, phá kìm, đánh sâu vào thị xã, thị trấn, hậu cứ.

Nhìn chung toàn khu, trong những ngày độ sức đầu tiên với đội quân viễn chinh Mỹ, lửa chiến tranh nhân dân vẫn ngày càng lên cao, phong trào tiếp tục có đà vươn tới, mặc dù kẻ địch điên cuồng cố gỡ thế bị động lúng túng trên chiến trường.

*

* *

Tôi đang ở cơ quan thì nhận được thư báo của các anh Lê Đình Nguyên - Tỉnh đội trưởng, Phạm Hoài Chương - Chính trị viên phó Tỉnh đội ở Hàm Thuận gửi về cho biết: quân Mỹ vào địa bàn hoạt động của ta rất đông. Chúng tràn từ vùng Tam Giác lên phía bắc đường sắt, gần cơ quan huyện Hàm Thuận, phía Hàm Thuận cũng có quân Mỹ. Đường xuống Tam Giác cũng bị đứt. Pháo bắn như đổ đạn và nhiều nhất là trực thăng vũ trang và trực thăng đổ quân quần đảo suốt ngày đêm. Tiểu đoàn 482 đang đứng chân ở suối Tam Nhang, mấy hôm nay chưa đánh Mỹ được một trận nào.

Chiến trường này chuẩn bị đánh Mỹ đã lâu, bây giờ quân Mỹ đã đến, nhưng cả tuần trôi qua mà bộ đội tỉnh, huyện và du kích đều chưa đánh được địch. Chúng tôi bàn và phân công anh Lê Khắc Thành (Ba Thành) ở nhà trực, tôi xuống ngay Hàm Thuận xem xét tình hình và cùng các anh đó bàn cách đánh Mỹ.

Đánh Mỹ! Hai tiếng gọn gàng, danh thép cất lên

như một mệnh lệnh thiêng liêng đối với quân dân khu Sáu, nhưng cũng là một câu hỏi lớn: làm thế nào để đánh được? Để chuẩn bị cho cuộc chạm trán nảy lửa này, chúng tôi đã nghiên cứu, học tập cách đánh Mỹ ở các chiến trường khác và hạ quyết tâm: *“chiến trường khác đánh Mỹ được, chúng ta cũng đánh Mỹ được”*. Trước tiên là phải dăm đánh, rồi rút kinh nghiệm thành công cũng như không thành công, rồi sẽ có nhiều cách đánh tốt.

Trước thực tiễn nóng bỏng đang đòi hỏi sự giải đáp đúng đắn, phải dựa vào trí tuệ tập thể. Trước khi xuống chiến trường, tôi gửi thư mời các anh tỉnh đội, huyện đội Hàm Thuận, Ban chỉ huy tiểu đoàn 482, Bí thư huyện ủy, về tại cơ quan huyện ủy Hàm Thuận để cùng bàn bạc. Trong thư tôi nêu một số vấn đề để các anh suy nghĩ chuẩn bị: Mỹ lên Hồ Chùa, Hàm Thạnh là vùng rừng núi, ta có lợi thế sao không đánh được? Ban ngày cứ cho là khó đi nhưng ban đêm, mà đặc công cũng chưa đánh được, không đánh được Mỹ trong hành quân, đến khi nó đóng chốt, đóng dã ngoại cũng không đánh được. Ta có mìn, có vũ khí chống tăng mà cũng chưa diệt được chiếc xe tăng nào, chưa diệt được trận địa pháo nào, chưa bắn được máy bay... Đây là những vấn đề chúng tôi sẽ cùng nhau bàn, từ thực tiễn tìm ra cách đánh, tìm ra cách diệt Mỹ ngay trên chiến trường Bình Thuận này.

Tôi suy nghĩ về hai đơn vị “át chủ bài” từng giáng cho quân nguy nhiều đòn đau, đó là tiểu đoàn bộ binh

482 và đơn vị đặc công 481. Đối với Mỹ, vì sao các đơn vị đó cũng chưa ra tay được?

Sau khi cùng nhau trao đổi bàn bạc, để tìm ra lời giải đáp thiết thực nhất là phải dám đánh, quyết đánh, xáp vô đánh nhỏ trước, rồi rút kinh nghiệm, sẽ có nhiều cách đánh tốt, sẽ “làm ăn” lớn hơn. Áp sát quân Mỹ mà đánh sẽ đỡ bom dây, pháo bầy. Lúc này Mỹ còn đang ở vòng ngoài, ta giáng đòn vào phía trong, vào tận hang ổ giặc, sẽ có tác dụng về tâm lý rất lớn. Chúng tôi quyết định tiến công tiêu diệt chi khu Thiện Giáo, nơi quân nguy đóng, đồng thời, đánh Mỹ nếu chúng chi viện. Nhiệm vụ đánh Thiện Giáo được giao cho anh Phạm Hoài Chương chỉ huy. Lực lượng gồm: tiểu đoàn 482, đại đội đặc công 481, đại đội bộ binh 430 và du kích hai xã Hàm Phú, Hàm Trí cùng phối hợp chiến đấu.

Đêm 14 tháng 10 năm 1966, trận đánh bắt đầu. Vẫn với tác phong “lính chiến khu Sáu” vừa nổ súng vừa đánh tới, đánh quyết liệt, áp đảo, quân ta chiếm lĩnh gần hết chi khu, chỉ còn lại một lô cốt mẹ giữa đồn chưa hạ được. Trận đánh quả là ác liệt, quân ta một số bị thương vong, nhưng ta thu hơn 30 khẩu súng, có cả trung liên, đại liên, cối 81 ly. Quân Mỹ không đến chi viện, nhưng khi ta di chuyển bị lộ, Mỹ dùng trực thăng đổ quân đánh vào đội hình phía sau, gây cho ta một số tổn thất. Khi đơn vị chuyển quân về Khu Lê, đóng quân ở đồi 102 trong rừng xã Hồng Liêm; phát hiện được nơi ta đóng quân, Mỹ lại dùng trực thăng đổ chụp xuống đội hình của tiểu đoàn 482. Lần đầu tiên (sáng ngày 22 tháng 11 năm 1966) bị

đánh bất ngờ, đại đội 2 hoảng sợ bung chạy, tiểu đoàn phó Trần Việt Tân liền củng cố các đơn vị còn lại kiên quyết đánh trả. Giữa vòng vây dày đặc của kẻ thù, bằng một loạt trung liên, chiến sĩ Bờ bắn rơi tại chỗ 1 trực thăng “cán gáo”. Sau gần 1 giờ chiến đấu ác liệt, ta vẫn giữ vững trận địa diệt tại chỗ 30 tên Mỹ. Nhưng ta cũng hy sinh 23 chiến sĩ và 8 bị thương.

Sau trận đánh nhau ở đồi 102, tôi xuống nơi tiểu đoàn đóng quân, nắm tình hình và động viên đơn vị. Do công sự mới đào nguy trang không kỹ, máy bay trinh sát phát hiện được, địch đổ quân trùm lên đội hình của tiểu đoàn. Sau trận đánh nhau ở đồi 102, tiểu đoàn chuyển ra phía đông bắc Bầu Trắng (Hòa Đa), ở đây đơn vị tiếp tục bị tổn thất, một trung đội bị ngộ độc thực phẩm, phải đưa đi bệnh xá. Lúc này, sức chiến đấu của tiểu đoàn bị giảm sút nhiều, nên tôi cho đơn vị về căn cứ củng cố.

Bọn Mỹ củng cố các chốt đóng quân rồi lần dần ra Cỏ Mồm, cua Bà Phán, điểm cao Tà Dôn. Chúng dùng trực thăng nhảy cóc, đổ chụp các nơi nghi có lực lượng ta, dùng cơ giới càn quét, rồi đóng dã ngoại nhiều ngày ở vùng Tam Giác, hỗ trợ cho bọn nguy tập trung binh định các xã bên trong. Mặc dù đã chạm trán với quân Mỹ, nhưng ta chưa đánh thắng được trận nào. Ta vẫn bị động và lúng túng, chưa tìm được cách đánh có hiệu quả.

Quyết trừng trị bọn Mỹ ngay tận sào huyệt của

chúng để hỗ trợ cho đồng bào đấu tranh chống càn thẳng lợi. Chúng tôi sử dụng một lực lượng tinh, gọn gồm các cán bộ, chiến sĩ được lựa chọn trong các đơn vị: trinh sát, đặc công, hỏa lực do cơ quan tác chiến của tỉnh đội tổ chức tập kích diệt chi đoàn xe bọc thép Mỹ trú quân dã ngoại tại Tân Điền (đông đường 8, cách Phan Thiết khoảng 5 ki-lô-mét).

Vào 1 giờ ngày 14 tháng 2 năm 1967, sau hơn 10 phút chiến đấu, các chiến sĩ đặc công, trinh sát, B40, ĐKZ đã bắn cháy, đánh hỏng 14 xe bọc thép. Chỉ còn hai chiếc bị thương nhẹ chạy về Phan Thiết. Một chi đoàn xe M113, M118 Mỹ đã bị diệt, gần 100 tên Mỹ đã dền tội. Đây là một trận đánh tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ đầu tiên ở vùng đất Tam Giác anh hùng.

Cùng lúc ở Tân Điền nổ súng, một bộ phận công binh dùng mìn ĐH10 tập kích vào trận địa pháo Mỹ ở Bà Gò, diệt 50 tên Mỹ, phá hủy 3 pháo 105 ly, phá hỏng một khẩu khác.

Phản ứng những đòn trừng trị trên đây, cuối tháng hai năm 1967, địch mở cuộc càn quét lớn ở khu Lê Hồng Phong (thuộc hai huyện Hòa Đa và Thuận Phong) gồm 6 tiểu đoàn Mỹ và Nam Triều Tiên. Đã được chuẩn bị tốt về tư tưởng, bộ đội ta thể hiện quyết tâm đánh Mỹ rất cao trong cuộc chống càn này. Một tiểu đội của đại đội 440 (Hòa Đa) bám theo một cụm quân Mỹ tại xã Hồng Liêm, bắn chết 3 tên rồi trụ lại,

phục tại chỗ. Địch ra lấy xác, quân ta đánh tiếp, chúng chết thêm mấy tên nữa. Sau cùng, bọn Mỹ hoảng hốt bỏ đồng đội tháo chạy. Khi ta bám sát Mỹ, thì phi pháo của chúng cũng mất tác dụng. Quân ta lại thông thạo địa hình, chịu quần bám nên bọn chúng không làm được gì. Ta diệt được Mỹ và bảo vệ được lực lượng. Khẩu hiệu “bám thắt lưng địch mà đánh” ở chiến trường Đông Nam Bộ quả là có sức thuyết phục.

Từ một tiểu đội đánh Mỹ được, ngay hôm sau cả đại đội 440 bung ra bám chặt các cánh quân Mỹ nổ súng liên tục cho đến khi chúng không thể “chịu” được nữa, phải rút quân, bỏ dở cuộc càn. Lần đầu tiên, bộ đội địa phương và du kích vùng Lê Hồng Phong (thuộc Hòa Đa) đánh Mỹ thắng lợi, làm thất bại cuộc càn của địch, diệt 280 tên, phá hủy 2 xe M113, bắn rơi 2 máy bay, thu 2 súng. Anh em rất phấn khởi và rút ra kết luận “*đánh Mỹ cũng không khó lắm, cứ xáp vô là đánh được*”. Có đồng chí đã kể lại là bọn Mỹ khi bị ta đánh, có đứa còn khóc như trẻ con (!)

Ở nam Lê Hồng Phong (thuộc huyện Thuận Phong) bộ đội địa phương huyện dùng súng trường bá đồ (K.44) bắn đạn khoan diệt 3 chiếc M113, địch phải bỏ xác xe lại trên trận địa.

Cùng thời gian này, ở Phú Sung thuộc xã Hàm Kiệm, gần quốc lộ 1A, đại đội địa phương 460 của Hàm Tân đã anh dũng trụ lại trận địa, diệt gọn 1 tiểu đội Mỹ khi chúng dùng trực thăng đổ chụm trên đội hình. Ta

bắn rơi 2 máy bay trực thăng.

Ở phía bắc Bình Thuận, từ tháng 2, tháng 3 năm 1967, tiểu đoàn 840 chủ lực của khu đã có một số bộ phận nhỏ nổ súng đánh Mỹ như: tổ trinh sát của trung đội phó Trần Ngời bám địch ở Tuy Tịnh (Tuy Phong) gặp trực thăng xoáy vào bụi cây Tam Lang, đồng chí trụ lại nổ súng bắn rơi 1 chiếc rồi rút an toàn. Tổ trinh sát của tiểu đội trưởng Lê Minh Huấn bám địch ở Bầu Vua (Tuy Phong) bắn rơi 1 trực thăng rồi rút về ẩn nấp dưới cống đường sắt, 2 trực thăng khác phát hiện, kẹp 2 đầu cống và đổ quân chặn đường rút của tổ này. Sau 15 phút chiến đấu, tổ này đã bắn rơi thêm 1 trực thăng rồi rút ngược ra mé biển. Tổ trinh sát Hội Tâm (Tuy Phong) gặp trực thăng ngăn chặn đã bắn rơi 1 chiếc. Đây là những trực thăng đầu tiên bị tiểu đoàn bắn rơi trên chiến trường bắc Bình Thuận.

Đêm ngày 10 tháng 3 năm 1967, tiểu đoàn tổ chức một đội đặc công và trinh sát tập kích trận địa pháo quân Mỹ ở cống Long Hương phá hỏng 4 pháo và diệt nhiều quân Mỹ.

Tuy có một số trận đánh Mỹ, nhưng tiểu đoàn chưa giải quyết được vấn đề bám trụ để đánh gãy một số thủ đoạn trực thăng đổ chup. Vì vậy, tiểu đoàn bí mật và công phu xây dựng một trận địa theo kiểu phòng ngự điểm tựa, cụm điểm tựa nằm phía bắc, tây bắc áp Tuy Tịnh 1,5 ki-lô-mét (còn gọi Láng Thi dưới chân dốc 12) với ý định là lấn dần ra phía trước, nếu không được thì ít ra cũng tạo

được thế bám trụ ở đây làm bàn đạp, nơi xuất phát các hoạt động hỗ trợ phong trào. Công sự được cấu trúc bằng gỗ, đất khá vững chắc, có đầy đủ hầm chiến đấu, nối liền chiến hào, giao thông hào, có nắp âm 1,5 đến 1,6 mét, liền với dáng đất, nguy trang kín đáo, đi sát đến nơi mới có thể phát hiện đó là công sự chiến đấu. Mặc dầu vậy, nhưng nhiều ngày ta ra vào hoạt động, mang tải lương thực, nước uống nhất là những lần đi ấp thu mua, chuyển tải lương thực, ta có sơ hở, nên địch dò la đoán biết khu vực đứng chân của tiểu đoàn, chúng tìm cách đánh phá.

Ngày 5 tháng 4 năm 1967, tiểu đoàn 3 trung đoàn 44 nguy ở Sông Mao kéo ra, chia hai cánh đi vào trước trận địa đại đội 2 của tiểu đoàn 840, ở đây cùng đại đội 2, còn có một bộ phận đặc công trinh sát. Biết địch sắp vào trận địa, đại đội trưởng và chính trị viên cho đơn vị sẵn sàng chiến đấu. 8 giờ 40 phút, trận chiến đấu bắt đầu. Sau 40 phút chiến đấu, cả hai cánh quân của địch đều bị chặn lại. Địch lùi về phía sau và chuẩn bị hỏa lực, hết pháo đến máy bay oanh kích, rồi hai cánh quân ô ạt xung phong lần thứ hai, lần này địch bị ghìm trước trận địa ta 30 mét.

Đến 12 giờ sáng cùng ngày, lữ đoàn 506 kỵ binh không vận Mỹ từ Camp Esêpic – Phan Thiết ra tham chiến. Chúng đổ quân xuống phía tây ấp Tuy Tịnh, tạo thành thế bao vây trận địa của đại đội 2, các loại máy bay thi nhau trút bom đạn xuống trận địa. Sau hơn 1 giờ dùng hỏa lực chuẩn bị; từ hai mặt: tiểu đoàn 3 trung đoàn 44 nguy phía tây bắc, tiểu đoàn 3 lữ 506

phía nam, đông nam tấn công mạnh vào trận địa đại đội 2. Lần này tấn công chủ yếu là Mỹ, vì tiểu đoàn ngụy đã mất sức chiến đấu, thương vong đang nổi dài trước trận địa đại đội 2.

Cách đánh của lữ 506 chủ yếu là dùng máy bay các loại bắn chuẩn bị dữ dội, sau đó bộ binh hiệp đồng với máy bay đánh chiếm từng mục tiêu. Trực thăng (tàu rọ còn gọi là tàu cán gáo) bay thấp, lượn lách tránh hỏa lực ta, chỉ điểm cho trực thăng phóng pháo từ xa dùng tốc độ nhanh đột kích bất ngờ cạy nắp hầm của bộ đội ta, nhờ vậy mà đại đội 2 bắn rơi được nhiều trực thăng. Do ta ghìm giữ được bộ binh Mỹ ở cự ly gần nên hạn chế rất nhiều hỏa lực địch; cứ một vài tên Mỹ bị thương vong thì hai, ba tên khác lên đưa chúng ra, ta bắn tiếp số đó, cứ thế mà bộ binh càng lên thì thương vong càng nhiều, và cuối cùng, máy bay Mỹ vẫn phải bắn lên xác lính Mỹ.

Trận đánh càng về chiều trở nên ác liệt. Ban chỉ huy tiểu đoàn tăng cường cho đại đội 2 một tiểu đội trinh sát để giữ vững trận địa; điều 2 khẩu đội cối 82 từ phía sau ra đánh vào khu vực tập kết của quân Mỹ; và điều đại đội 1 từ phía bắc ra đường sắt đánh vào sau lưng địch, nhưng đại đội 1 không sao vượt qua các tuyến hỏa lực ngăn chặn của máy bay địch.

Càng chiều tối, sức tiến công của bộ binh Mỹ và ngụy yếu dần, nhưng các loại máy bay địch thì nhau trút bom đạn xuống trận địa đại đội 2. Lợi dụng trời

nhá nhem tối và khói đạn mịt mù, bộ binh Mỹ tháo chạy ra khỏi trận địa, và nhiều tốp trực thăng hốt hả hốt quân Mỹ về Camp Esêpic – Phan Thiết, bỏ mặc xác lính Mỹ tại trận địa; và tiểu đoàn 3 trung đoàn 44 nguy còn lại cũng rút chạy dưới sự yểm trợ hỏa lực ngăn chặn của trực thăng.

Ta vẫn dựa vào công sự thu dọn chiến trường và đến 4 giờ ngày 6 tháng 4 mới rời trận địa. Sáng hôm sau, lữ 506 kỵ binh không vận Mỹ mới trở lại thu dọn xác lính Mỹ và xác trực thăng. Trận Láng Thi, tây bắc ấp Tuy Tịnh, bé gây cuộc tiến công của tiểu đoàn 3 lữ đoàn 506 kỵ binh không vận Mỹ, đánh thiệt hại nặng 2 đại đội cộng hòa, 1 đại đội Mỹ, thu 35 súng, bắn rơi và bắn bị thương 7 máy bay. Ta hy sinh chín đồng chí và bị thương bảy.

Trận này đã nói lên: một đại đội tăng cường đứng ở một địa hình không lấy gì làm ưu thế, và ở thế phòng ngự cũng có thể đánh bại một lực lượng Mỹ-ngụy mạnh gấp nhiều lần, một đối thủ đã từng làm mưa, làm gió trên chiến trường này.

Những tháng đầu đánh Mỹ, so với các tỉnh trong quân khu, Ninh Thuận là nơi quân Mỹ và chư hầu đến sớm nhất và nhiều nhất. Cảng Ninh Chữ đã xây xong. Sân bay Thành Sơn, sân bay chiến lược quan trọng có diện tích 20 ki-lô-mét vuông, gồm 3 đường băng, mỗi

đường dài 2.800 mét, rộng 40 mét¹.

Tháng 4 năm 1966, sau khi đại đội đặc công 311 được bổ sung và củng cố; đơn vị xuất kích lập công đầu bằng trận tập kích vào cảng Ninh Chữ, đánh sập 3 dãy nhà, bắn cháy 2 xe GMC, phá hủy 2 trạm xăng dầu, diệt 20 tên Mỹ, 1 trại chó béc-giê. Đây là trận thọc sâu, đánh Mỹ đầu tiên, có hiệu suất cao của lực lượng võ trang Ninh Thuận, có tác dụng giải tỏa tâm lý “sợ Mỹ” “đánh Mỹ khó”.

Những tháng đầu quý 2 năm 1966, để ngăn chặn ta ở vòng ngoài, yểm trợ cho nguy bên trong củng cố các ấp chiến lược, Mỹ dùng máy bay ném bom, bắn phá dữ dội, đánh các vùng căn cứ, các bàn đạp giáp ranh.

Sau khi mở lớp tập huấn bắn máy bay, tổ chức bắn thí điểm có kết quả, bắn rơi 1 máy bay L19 tại Phước Đại, hai huyện Bác Ái Đông và Bác Ái Tây phát động phong trào thi đua bắn máy bay Mỹ. Trẻ, già, trai, gái đều hăng say luyện tập và tham gia bắn máy bay.

Riêng Bác Ái Đông, từ tháng 4 năm 1966 đến tháng 5 năm 1967, bắn rơi 46 máy bay các loại, thu 4 khẩu súng 20 ly và 3.000 viên đạn, bắn bị thương nhiều chiếc khác, địch chết và bị thương 107 tên. Trong chiến công đó, nổi lên là các xã Phước Nghĩa, Phước Trung, Phước Lâm. Đồng chí Chamaléa Nhớ, xã đội trưởng

1. Theo tài liệu ta thu được trong một máy bay của địch bị ta bắn rơi tại giếng Cà Tiêu, huyện Thuận Nam

Phước Lâm đã bắn rơi 6 máy bay và bắn bị thương 2 chiếc khác. Đồng chí Chamaléa Châu, xã đội trưởng Phước Trung bắn rơi 7 máy bay các loại.

Để thực hiện mục tiêu “tìm diệt” lực lượng võ trang và các cơ quan lãnh đạo, ngày 27 tháng 1 năm 1967, địch huy động một lực lượng lớn gồm: lữ dù 101 Mỹ, trung đoàn Bạch Mã - Nam Triều Tiên và hơn 1.000 lính cộng hòa, bảo an, biệt kích, kết hợp máy bay các loại, kể cả B52, pháo tầm xa từ hạm đội 7. Đây là cuộc hành quân có quy mô lớn, tấn công trên một diện rộng gồm ba huyện: Anh Dũng, Thuận Nam, An Phước. Trọng điểm là Anh Dũng, nơi có cơ quan lãnh đạo tỉnh, thứ đến là chiến khu 35 và chiến khu 7 nơi có cơ quan hai huyện Thuận Nam và An Phước.

Ngày 27 tháng 1 năm 1967, vào lúc 8 giờ, sau những đợt rải thảm của B52 xuống vùng suối Giá, địch dùng máy bay, pháo bắn dọn đường, sau đó lính Mỹ, lính Nam Triều Tiên từ ba cánh càn vào vùng căn cứ Anh Dũng.

Ta cho sơ tán đồng bào, thương bệnh binh, các bộ phận công tác mật vào rừng sâu, phải bảo vệ cho bằng được. Lực lượng võ trang, dân quân du kích phân tán nhỏ. Quân, dân huyện Anh Dũng dựa vào các tuyến bố phòng đánh địch. Có ngày quân Mỹ chỉ tiến được khoảng 500 mét, tối đến, phải co cụm lại đào hầm ẩn nấp. Tại Là A, quân Mỹ bị du kích bám đánh suốt cả ngày lẫn đêm, gây cho chúng nhiều thương vong. Sau bốn ngày quân Mỹ và Nam Triều Tiên mới đến Vùng Giá, Rồ Ôn, ở đây nhân

dân đã rút vào rừng sâu tránh càn.

Trong khi địch càn vào căn cứ, ta sử dụng một đội đặc công của đại đội 311 phối hợp với đại đội biệt động thị xã, thọc sâu vào Phan Rang tập kích đại đội quân cảnh Mỹ, diệt và làm bị thương 120 tên. Các huyện khác, ta cũng đẩy mạnh tấn công vào các ấp chiến lược diệt ác, đánh tan rã bộ máy kìm.

Bị tấn công ở căn cứ, ở thị xã và các ấp chiến lược, buộc địch phải rút ngắn cuộc hành quân càn quét.

Trận càn này địch bị diệt khoảng 200 tên (một nửa là Mỹ và chư hầu) bắn rơi 8 máy bay. Nhân dân vùng căn cứ an toàn, nhưng bị địch rải chất độc phá hoại, nhiều hoa màu trên các rẫy bị hư hại.

Từ ngày 24 tháng 6 đến 2 tháng 7 năm 1967, Bác Ái lại tiếp tục đánh bại cuộc đổ quân càn quét của trên 4.000 quân Mỹ và Nam Triều Tiên với hàng trăm lượt máy bay, hàng chục đại bác yểm trợ, đã diệt 170 tên, làm bị thương 333 (phần lớn bằng vũ khí thô sơ, hầm chông, cạm bẫy) bắn rơi 30 máy bay các loại, bắn bị thương 10 chiếc khác.

Những tháng cuối năm 1967, ở Bàu Ốc, cách thị xã Phan Thiết 34 ki-lô-mét về hướng đông bắc, địch bắt đầu xây dựng cứ điểm hành quân, làm nơi tung quân ra càn quét, đánh vào các căn cứ du kích, giải tỏa giao thông trên quốc lộ 1A và đường sắt từ Phan Thiết đi Ninh Thuận.

Phải bẻ gãy ý đồ của địch ngay từ đầu. Nhiệm vụ được giao cho tiểu đoàn 840 là chuẩn bị trận đánh tiêu diệt cứ điểm hành quân Bàu Ốc ngay trong khi chúng đang xây dựng và tập kết quân.

Sau khi chuẩn bị chu đáo các mặt và phương án tác chiến đã được xác định. Tiểu đoàn được tăng cường đại đội 450 của Thuận Phong, và lực lượng phục vụ gồm cán bộ chiến sĩ trường Quân chính Quân khu và lực lượng sản xuất phía sau. Đêm 7 rạng ngày 8 tháng 11 năm 1967, quân ta tập kích cứ điểm hành quân Bàu Ốc. Trận đánh quyết liệt, nhanh gọn, tiêu diệt nhiều sinh lực địch gồm: 1 tiểu đoàn bộ binh, 1 chi đoàn cơ giới 47 xe tăng và xe bọc thép, 5 đại đội lẻ, bắn rơi 4 trực thăng, loại khỏi vòng chiến đấu trên 700 tên, buộc địch phải bỏ cứ điểm hành quân Bàu Ốc và bỏ cuộc càn vùng Hàm Trí. Tiểu đoàn được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhì.

Chiến thắng Bàu Ốc vang dội, nhưng chúng tôi vẫn còn một băn khoăn là chưa bẻ gãy chiến thuật “trực thăng đổ chụp” của Mỹ. Đã nhiều lần chúng nhảy cóc đổ chụp quân ngay trên đầu quân ta. Chúng tôi kiên trì nghiên cứu, nắm chắc quy luật của địch giăng bẫy quyết chop lại chúng bằng tổ chức một trận đánh thật công phu. Lực lượng sử dụng trong đợt hoạt động này gồm tiểu đoàn 482, một đại đội tăng cường của tiểu đoàn 840. Đại đội 430 của Hàm Thuận và du kích hai xã Hàm Phú và Hàm Trí, do Ban chỉ huy tiền phương trực tiếp chỉ huy. Trung tá Phạm Văn Kha, tỉnh đội trưởng và

đồng chí Lê Văn Hiến, chính trị viên tỉnh đội Bình Thuận chỉ huy với sự tham gia của trung tá Phan Văn Hược, chủ nhiệm chính trị Quân khu và thiếu tá Dương Phước Tường, tham mưu phó Quân khu.

Theo kế hoạch, ngày 22 tháng 11, tiểu đoàn 482 và đại đội 430 phục kích đánh chi đoàn tăng trên đường 8 (bắc thị trấn Ma Lâm), đại đội tăng cường của tiểu đoàn 840 bố trí đánh trực thăng đổ chụp chặn đường lui của quân ta tại Phú Sơn (xã Hàm Phú) nhưng chi đoàn tăng không đi. Ta kiên trì ém quân, phục và tổ chức nghi binh nhử địch. Ngày 23 tháng 11 năm 1967, tiểu đoàn 3 kỵ binh không vận Mỹ đã mắc mưu, hung hãn đổ quân xuống Phú Sơn, nơi ta đã tổ chức trận địa sẵn.

Với quyết tâm và lòng tự tin, toàn đơn vị nổ súng chiến đấu kiên cường, đánh gãy nhiều đợt trực thăng đổ quân tập kích của địch cả về phía trước và phía sau. Cứ sau mỗi đợt thất bại, chúng lại lùi ra dùng nhiều tốp trực thăng và phản lực thả bom, thả đạn cối, bắn rốc két vào trận địa ta, rồi lại đổ quân thêm xông lên, nhưng đều bị ta đánh quyết liệt, đến chiều tối phải rút lui. Ta diệt gọn 1 đại đội Mỹ, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội Mỹ khác và 1 đại đội ngụy, diệt tại chỗ 180 tên, bắn rơi 8 máy bay trực thăng. Ta hy sinh ba đồng chí vì bom rơi trúng hầm.

Sau trận Phú Sơn, lực lượng ta phát triển chiến đấu xuống vùng Tam Giác.

Mỹ bị một đòn đau, cay cú, chúng phản ứng mạnh,

ỷ vào sức mạnh binh khí kỹ thuật. Vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 9 tháng 12 năm 1967, Mỹ dùng trực thăng đổ quân xuống đồi Trúc, một điểm cao của dãy núi bắc Hàm Thuận (trên đường sắt), để chiếm cao điểm rồi đánh xuống các đơn vị ta đóng quân bên dưới. Nhưng chúng đã sa vào trận địa cảnh giới của một trung đội (thuộc đại đội 3 tiểu đoàn 840). Quân ta đã “đón tiếp” lính Mỹ với đầy đủ “nghĩ thức”, với hệ thống công sự trận địa bố trí sẵn, chờ máy bay dọn bãi đổ quân xuống hẳn hoi, trung đội trưởng mới ra lệnh nổ súng đồng loạt, cả B40, thủ pháo, lựu đạn, đã phá hủy 4 trực thăng và diệt gần 1 đại đội Mỹ.

Sau hai trận này, chúng tôi tiếp tục tổ chức nhiều trận địa ở vùng sâu Tam Giác gửi đánh quân trực thăng đổ chụp, nhưng bọn Mỹ thận trọng hơn, không còn hung hăng như trước. Với Bình Thuận nói riêng và khu Sáu nói chung, chúng tôi đã rút ra được những bài học thiết thực trong đánh Mỹ, đánh cả bọn bộ binh cơ giới lẫn chiến thuật “trực thăng nhảy cóc” của chúng. Bọn địch đã không đạt được các mục tiêu “bình định và tìm diệt” ngược lại còn bị tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực, phương tiện vũ khí.

Đầu năm 1968, tôi đang công tác ở Hàm Thuận thì nhận được điện của anh Trần Lê mời về họp Thường vụ Khu ủy gấp. Chắc mùa khô này có tình hình gì đặc biệt đây, tôi nghĩ thế và hối hả lên đường. Cuộc phản công mùa khô lần thứ hai của địch bị thất bại nặng nề hơn lần trước. Quân và dân toàn Miền đã đập tan các cuộc

hành quân lớn của Mỹ: Át-tơn-bo-rơ, Xê-đa-phôn và nhất là Gian-xơn Xi-ti.

Tình hình địa phương vào cuối năm 1967 sang đầu năm 1968 này cũng đã có bước phát triển mới. Lực lượng vũ trang của ta đã đánh những trận gây chấn động lớn như Bàu Ốc, Phú Sơn, bể gậy chiến thuật “trục thăng nhẩy cóc” của Mỹ, vì vậy đã hạn chế được nhiều hoạt động của chúng. Dân quân du kích hoạt động khá, đánh nhỏ, lẻ đều khắp, nhất là du kích các vùng Tam Giác, Lê Hồng Phong. Anh em đánh mìn rất giỏi, diệt được nhiều xe tăng, xe bọc thép địch. Phong trào bắn máy bay rất mạnh, từ vùng cát Lê Hồng Phong, căn cứ Cà Lon miền núi Phan Lý, sang đồng bằng Hàm Thuận, Hàm Tân. Nhiều loại máy bay của địch đã bị bắn hạ, trục thăng, phản lực, B57, cả loại trinh sát OV.10 hai thân, v.v... đều gãy cánh, rơi rụng.

Do tình hình biến chuyển có lợi cho ta, chúng tôi đã đưa các đơn vị đặc công, biệt động xuống đứng ém lút ở vùng sâu Tam Giác và ven thị xã Phan Thiết, ngay sau lưng chốt Mỹ. Chúng tôi còn đưa được cả vũ khí, đạn dược, lương thực xuống vùng ven, cất giấu để sử dụng cho sau này. Qua thử thách đối với “chiến tranh cục bộ” phong trào cách mạng của địa phương ngày càng phát triển vững chắc hơn.

Tình hình trên của địa phương cũng phù hợp với nhận định trong nghị quyết của Bộ Chính trị tháng 12 năm 1967 về tình hình miền Nam. “*Chúng ta đã thắng*

địch cả về chiến lược và chiến thuật, lực lượng quân sự và chính trị của ta ở miền Nam đã lớn mạnh hơn bất cứ thời kỳ nào trong lịch sử chiến tranh giải phóng của ta. Tình hình ấy cho phép ta có thể chuyển cuộc chiến tranh cách mạng của ta sang một thời kỳ mới; thời kỳ giành thắng lợi quyết định như các hội nghị Trung ương lần thứ 12 và 13 đã đề ra”.

Đường về cơ quan Khu ủy không xa, nhưng căn cứ bị địch càn, chúng tôi vừa trình sát vừa cắt rừng mà đi, nên không nhanh được. Về gần đến cơ quan thì gặp anh Tám Kiến Quốc¹ đang trên đường trở về Miền, chỉ được bắt tay chúc mừng sức khỏe và tạm biệt anh rồi tôi về cơ quan. Anh Tám Kiến Quốc là Phó Tư lệnh Miền, anh ra đây phổ biến mệnh lệnh đợt hoạt động mới cho Quân khu Sáu. Anh Trần Lê, Bí thư Khu ủy và anh Nguyễn Minh Châu, Tư lệnh Quân khu trực tiếp nhận mệnh lệnh. Vì tình hình khẩn trương nên truyền đạt xong, anh trở về ngay, hôm ấy là ngày 8 tháng 1 năm 1968. Anh Trần Lê cũng phải lên đường đi Tuyên Đức một cách gấp rút, nên anh giao anh Nguyễn Minh Châu truyền đạt lại mệnh lệnh và ý kiến của các anh cho tôi.

Lúc ấy, Bộ Tư lệnh Miền mới chỉ thị: phải chuẩn bị sẵn sàng về mọi mặt để nhận lệnh hoạt động, thực hiện theo tinh thần nghị quyết tháng 12 năm 1967 của Bộ Chính trị, chứ chưa cho thời gian cụ thể.

1. Đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên.

Đối với khu Sáu, qua trao đổi với anh Tám Kiến Quốc, Bí thư Khu ủy và Tư lệnh Quân khu nhận nhiệm vụ giải quyết hai trọng điểm: Phan Thiết là trọng điểm một (A), Đà Lạt là trọng điểm hai (B). Các thị xã, tỉnh lỵ khác là hướng phát triển tiếp theo. Tinh thần cơ bản phải quán triệt: đánh chiếm thị xã, giải phóng hoàn toàn, lập chính quyền cách mạng, đây là một khả năng. Nếu không đạt được khả năng này, thì cũng đánh sâu vào thị xã, diệt sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng nông thôn, lập chính quyền cách mạng.

Anh Vũ Anh Ba (Ba Hồng Ưng) ủy viên Thường vụ Khu ủy và anh Lê Thành Cọng (Mười Cọng) Phó Tư lệnh Quân khu phụ trách mặt trận Đà Lạt - Tuyên Đức (tiền phương B). Anh Nguyễn Minh Châu (Năm Ngà) Tư lệnh Quân khu và tôi phụ trách mặt trận Phan Thiết - Bình Thuận (tiền phương A). Lực lượng sử dụng đánh vào Đà Lạt gồm tiểu đoàn 186, tiểu đoàn 145 của Lâm Đồng và bộ đội của Tuyên Đức và thị xã Đà Lạt. Lực lượng sử dụng đánh vào thị xã Phan Thiết gồm tiểu đoàn 840 và bộ đội Bình Thuận.

Tôi khẩn trương trở về lại tỉnh. Lúc này Tỉnh ủy, tỉnh đội đã dời về chỗ mới. Một khu vực có đỉnh cao rộng rãi và bằng phẳng, vừa mát mẻ, vừa kín đáo, anh em thường gọi “khu nhà lầu”. Từ đây, đi Thuận Phong, Hàm Thuận, Phan Thiết, Hàm Tân đều nhanh và thuận lợi. Chúng tôi họp và phân công đi chuẩn bị chiến trường. Anh Nguyễn Cang (Đặng) Tham mưu trưởng tỉnh đội dẫn một bộ phận cán bộ và đặc công chuẩn bị

nắm một số mục tiêu ở phía hữu ngạn sông Cà Ty. Phía tả ngạn sông Cà Ty, do anh Phạm Văn Kha, Tỉnh đội trưởng và anh Phạm Hoài Chương, Chính trị viên phó Tỉnh đội tổ chức cán bộ đi chuẩn bị. Nhiệm vụ rất nặng nề vì đây là những trận đánh lớn theo yêu cầu chỉ đạo, nên đòi hỏi sự nỗ lực vượt bậc của bản thân để thực hiện cho bằng được. Tuy vậy, anh em đều tỏ ra rất phấn khởi và tin tưởng ở cấp trên.

Chưa biết lúc nào trên ra lệnh, để chủ động, chúng tôi cho bộ đội ăn tết trước và chuẩn bị sẵn sàng, không ai được đi đâu nếu không có lệnh. Anh Năm Ngà dự định ăn tết xong, nếu chưa có lệnh trên về đợt hoạt động mới, thì sử dụng tiểu đoàn 840 đánh yếu khu Sông Lũy. Gần tết, Bộ Tư lệnh Miền ra lệnh cho các quân khu, tỉnh đội phải mở đài canh trực suốt đêm ngày.

Vì anh Trần Lê đi Tuyên Đức dài ngày, nên phân công anh Năm Ngà vừa trực bên Bộ Tư lệnh Quân khu, vừa trực bên Thường vụ Khu ủy (hai cơ quan gần nhau).

Đêm 28 tháng 1 năm 1968, bộ phận cơ yếu nhận lệnh của Trung ương Cục trong lúc anh Năm Ngà đang đi công tác ở Bắc Bình¹ và tiểu đoàn 840. Trong đêm, liên lạc phải đi hơn ba tiếng đồng hồ xuống cơ quan Tỉnh ủy Bình Thuận báo cho tôi về cơ quan Khu ủy nhận lệnh. 5 giờ ngày 29 tháng 1 năm 1968 lệnh của Miền mới chuyển xuống các tỉnh và đơn vị. 14 giờ ngày

1. Lúc này, Bắc Bình là một tỉnh trực thuộc khu Sáu.

29 tháng 1, anh Năm Ngà về đến cơ quan, kế hoạch cụ thể mới được bắt đầu triển khai.

Do được trên truyền đạt chậm (8 tháng 1 năm 1968), thời gian chuẩn bị ít, nên việc triển khai các mặt rất cấp rập. Công tác chuẩn bị chiến trường chưa kịp, chưa có kế hoạch, phương án tác chiến cụ thể và dân chủ thảo luận nên khi nhận lệnh phải đánh theo yêu cầu. Sau khi trao đổi với anh Năm Ngà về kế hoạch và hiệp đồng trên bản đồ, tôi về ngay Bình Thuận để triển khai các hoạt động.

Trước khi về, tôi đã diện triệu tập Thường vụ Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội. Quá nửa đêm tôi về đến cơ quan và cuộc họp cũng bắt đầu. Dưới ánh đèn dầu, chúng tôi tập trung trao đổi về nhiệm vụ trên giao. Có thể nói đây là nhiệm vụ lịch sử kể từ ngày chúng tôi bám trụ trên chiến trường cực Nam Trung Bộ, nam Tây Nguyên này. Chúng tôi hoàn toàn nhất trí khi phân tích về thời cơ, yếu tố bất ngờ, chủ động, về sức mạnh to lớn và sự hiệp đồng của toàn Miền, cũng như sự chỉ đạo sâu sát của trên. Các đồng chí dự họp đã xác định được quyết tâm cao, nguyện xả thân hy sinh để giành cho được thắng lợi to lớn trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy phối hợp chung toàn Miền. Chúng tôi hẹn gặp nhau trên đường phố thị xã Phan Thiết.

15 giờ ngày 30 tháng 1 năm 1968 (tức mùng 1 tết âm lịch) anh Năm Ngà và tôi cùng toàn bộ cơ quan sở chỉ huy mặt trận hành quân với tiểu đoàn 482 xuống

chiến trường. 17 giờ, trước khi qua đường sắt xuống vùng Tam Giác, chúng tôi dừng lại nghỉ giải lao. Trời chiều, nắng dịu, gió thoang, không khí dễ chịu vô cùng. Bầu trời trong xanh yên tĩnh, không có một tiếng pháo bắn. không một cánh máy bay quần đảo. Năm nay, lệnh ngừng bắn 7 ngày đã thực thi được 3 ngày, tình hình êm ả. Cho đến giờ phút này, chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng cho trận bão táp mùa Xuân 1968.

Bỗng anh Phạm Hoài Chương lên tiếng:

- Báo cáo anh Năm, anh Tám, ở khu Năm đã đánh từ hôm qua rồi. Đài giải phóng đang đưa tin chiến thắng. Anh giờ cao chiếc đài nhỏ trước mặt và vận to hơn để mọi người cùng nghe. Quân ta đã hoàn toàn làm chủ thành phố Huế và đang đánh Đà Nẵng, Đắc Tô, Tân Cảnh, Quy Nhơn, Nha Trang, thắng lợi to lắm rồi.

Chúng tôi cùng nín thở lắng nghe, vừa mừng, vừa lo. Mừng vì ở các chiến trường đã đánh và thắng to. Nhưng không thể không lo vì yếu tố bất ngờ không còn nữa đối với khu Sáu, thẳng địch nhất định phải đề phòng.

Mặt trời khuất dần sau dãy núi Đăng Gia. Đơn vị dồn đội hình lên tăng tốc độ hành quân. Có tiếng máy bay rồi một tốp 3 chiếc trực thăng vũ trang bay đến chỗ chúng tôi. Chúng quần đảo thả pháo sáng để tìm mục tiêu. Chúng tôi ra lệnh cho anh em không được nổ súng, tuyệt đối giữ bí mật. Một lúc sau, có lẽ không phát hiện được gì nên chúng bay đi.

Trước mặt chúng tôi là thị xã Phan Thiết, những quảng điện sáng hắt lên trên nền trời đen. Từ sở chỉ huy, tôi và anh Năm Ngà căng mắt nhìn vào cái thị xã nằm bên dòng sông Cà Ty, nơi quân ta sắp nổ súng, tràn vào.

2 giờ sáng, tiếng súng nổ dữ dội ở Trinh Trường. Tiếng đạn cối rất đanh và gọn. Cánh hai đã đánh rồi. Tiếp theo cánh ba cũng đã tiến công, nhưng cánh một thì chưa thấy động tĩnh gì. Chúng tôi pháp phòng chờ đợi.

Đến sáng bọn Mỹ ở đồn núi Hố Chùa thọc xuống phía sau lưng sở chỉ huy. Anh em cảnh giác, bố trí tuần tra xung quanh nên kịp thời nổ súng đánh địch. Ở cánh hai, cuộc chiến đấu để mở đường vào thị xã rất quyết liệt. Máy bay Mỹ đến dội bom ngay đồn Trinh Trường. Đã có cán bộ thương binh đưa ra. Chúng tôi lần dần đến cầu Xuân Phong thì gặp anh Phạm Hoài Chương và anh Nguyễn Văn Bốn. Nghe báo cáo tình hình, biết việc đánh đồn Trinh Trường đang gặp khó khăn, Tư lệnh chỉ thị phải diệt cho bằng được đồn Trinh Trường để lấy bàn đạp tiến vào Phan Thiết, bắt liên lạc với tiểu đoàn 840.

Trong hiệp đồng chiến đấu đã gặp trục trặc, nên không phát huy được sức mạnh ngay từ đầu. Cánh một, lực lượng chủ yếu là tiểu đoàn 840, do hành quân về núi Lá để chuẩn bị đánh Sông Lũy, đến khi nhận được lệnh cấp tốc trở lại Thuận Phong thì đã trễ mất một ngày. Trên Đà Lạt cũng thế, tiểu đoàn 186 ăn tết giữa vùng giải phóng Tà In, khi nghe đài, biết các nơi

đã nổ súng, hành quân cấp tốc đến chiến trường cũng đã trễ mất hai ngày.

Đến trễ một ngày nhưng tiểu đoàn 840 đánh rất mạnh, anh em tràn vào thị xã như nước vỡ bờ, đè bẹp tất cả bọn dân vệ, bảo an ở vòng ngoài, chọc thẳng vào nội ô, đánh vào cơ quan tiểu khu, tòa hành chính tỉnh, chiếm được các khu vực xung quanh từ ty canh nông, ty mục súc, ty chiêu hồi, ty lâm vụ đến khu vực trường Phan Bội Châu, chùa Giác Hoa, làm chủ khu vực này, đánh thiệt hại nặng tiểu khu. Đến 16 giờ địch dùng máy bay thả bom xăng hủy diệt để giải tỏa áp lực của ta.

Cùng lúc, tiểu đoàn 482 tiếp tục đánh vào trại Đình Công Tráng, diệt nhiều địch trong đó có tên đại úy chỉ huy trưởng chi khu Châu Thành. Cả ngày 4 tháng 2, lực lượng ta trụ lại khu phố 30 căng, địch cố thủ không dám bung ra phản kích.

Cánh ba, ta đánh vào vào Camp Esêpic, hậu cứ chiến đoàn 3/506 Mỹ, bót cổng chữ Y diệt một số tên, bắn cháy kho xăng làm tê liệt hoạt động của Camp Esêpic. Sau đó trụ lại ấp Phú Phong đánh địch phản kích diệt 1 trung đội Mỹ, bắn rơi 2 trực thăng. Đêm 3 rạng 4 tháng 2, ta tiếp tục tấn công chi cảnh sát xã Châu Thành, trụ sở phường Đức Nghĩa, lữ quán Anh Đào, cơ quan MAAG Mỹ và trụ lại khu vực này. Địch cho máy bay trinh sát và dùng trực thăng đánh vào các chốt của quân ta, đồng thời cho xe bọc thép và bộ binh vào phản kích, ta vừa chữa cháy cho dân, vừa bắn máy

bay và đánh trả quyết liệt, đẩy lùi các đợt phản kích bằng bộ binh cơ giới của địch, giữ vững trận địa. Tối đến, ta rút ra vùng ven, giải quyết thương vong và chuẩn bị cho đợt tiến công tiếp.

Đặc biệt là trung đội thiếu sinh quân, các em nhất mực xin các anh, các chú chỉ huy được đi chiến đấu diệt Mỹ-ngụy, không chịu công tác ở phía sau. Được bổ sung trong đội hình chiến đấu của tiểu đoàn 482, ngày 3 tháng 2 quân Mỹ lần ra ấp Xuân Phong, trung đội thiếu sinh quân chiến đấu rất dũng cảm, diệt gọn một trung đội Mỹ, thu 20 súng.

Anh Trần Lê đi Tuyên Đức về, đêm ngày 3 tháng 2, anh xuống tiền phương làm việc với Đảng ủy. Chúng tôi nhất trí nhận xét: đợt một đánh chưa có kết quả, hiệp đồng còn trục trặc. Tuy yếu tố bất ngờ không còn, nhưng sĩ khí quân ta rất hăng hái, địch lại đang bị động, hoang mang, ta cần củng cố, bổ sung lực lượng đánh tiếp đợt hai.

Ngày 17 tháng 2 năm 1968, đợt hai bắt đầu. Lần này công tác chuẩn bị và tổ chức có chu đáo hơn. Lực lượng được điều chỉnh, bổ sung, được tăng thêm vũ khí, đạn dược, được động viên khí thế với quyết tâm cao, và công tác tổ chức hiệp đồng chiến đấu được chặt chẽ hơn.

Cánh một, cánh chủ yếu, tiểu đoàn 840 được tăng cường đại đội 3 của tiểu đoàn 482 và đại đội 30 trợ chiến của Quân khu, đánh vào khu trung tâm gồm tiểu khu, tòa hành chính, tỉnh đoàn bảo an, đập nát đầu sở

nguy quyền, nguy quân.

Cánh hai với tiểu đoàn 482 còn lại, cùng hai đại đội đặc công của thị xã và một đại đội của huyện Hàm Thuận (c1/430) bỏ qua mấy đồn ngoài đánh thẳng vào biệt khu quân sự Bình Lâm¹ chiếm cầu Phan Thiết, bắt liên lạc với cánh một và cánh ba.

Cánh ba, lực lượng của thị xã được tăng cường đại đội bộ binh 489 của Bắc Bình, đánh chiếm khu hữu ngạn thị xã, pháo kích Camp Esêpic.

Lối đánh này tạo nên sức mạnh lớn. Cánh một, cánh hai chiếm giữ hầu hết các mục tiêu quan trọng ở tả ngạn sông Cà Ty, làm chủ các phường Phú Trinh, Phú Thủy, Bình Hưng, Hưng Long, phá nhà lao giải thoát hơn 700 tù chính trị. Đánh thiệt hại nặng và vây ép tiểu khu, tòa hành chính, ty công an, biệt khu Bình Lâm. Tên Trương Quang Ân, đại tá tư lệnh vùng chiến thuật 23 đi trực thăng trực tiếp chỉ huy trung đoàn 44 nguy, cùng lực lượng Mỹ phản kích mạnh. Ta bám trụ trên các đường phố, đánh địch phản kích, giữ vững trận địa suốt bốn ngày đêm giữa lòng thị xã.

Tùng tốp máy bay bổ nhào, những đám khói đen nghịt bốc lên và những tiếng nổ rền vang suốt từ sáng sớm đến tối mịt. Hàng chục cụm pháo từ Camp Esêpic, Mương Mán, Kim Ngọc, lầu Ông Hoàng, hạm đội 7

1. Cơ quan chỉ huy hành quân trên hai tỉnh Bình Thuận, Lâm Đồng.

ngoài biển bắn tới tấp vào khu vực ta chiếm giữ. Nhưng xác giặc đã rải khắp phố phường. Các chiến sĩ dựa vào công sự, bám từng gốc cây, góc nhà bắn trả địch. Tuy vậy, ta vẫn chưa dứt điểm được thị xã. Cánh ba không đánh chiếm được phía hữu ngạn sông Cà Ty, nên địch lấy đó làm bàn đạp đổ quân phản kích.

Sau bốn ngày chiến đấu quyết liệt, chúng tôi lệnh cho tất cả các đơn vị ra đứng ở vùng ven Xuân Phong, Đại Tài, Đại Nẫm, Hàm Thắng tạo thế vây ép thị xã, đánh địch lán ra. Tại đây, bộ đội ta tiếp tục đánh địch bung ra, diệt nhiều sinh lực địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh. Kẻ địch đã phải thừa nhận: *Phan Thiết là một trong những điểm chúng chịu tổn thất nặng nề về sinh lực trên chiến trường toàn Miền.*

Tháng 3 tiếp theo, bộ đội tập trung của tỉnh, lực lượng đặc công tiếp tục đánh vào thị xã: pháo kích căng, đốt cháy nhiều kho xăng, nhiều xe cộ, làm nổ tung nhiều kho đạn của địch. Vòng ngoài, bộ đội huyện và du kích đánh phá giao thông trên quốc lộ 1, đường số 8, bao vây đồn bót, kết hợp quần chúng vận động binh sĩ ngụy, bức rút hàng chục lô cốt, giải phóng hàng chục ấp.

Ở tiền phương B, tại trọng điểm Đà Lạt, như trên đã nói, tiểu đoàn 186 bước vào chiến đấu trễ mất hai ngày. Tuy vậy, quân và dân ở đây đã khắc phục nhiều khó khăn, đánh địch rất quyết liệt.

Lực lượng vũ trang ta tiến công từ ba phía: tây nam, tây bắc và đông, đánh vào tiểu khu, tỉnh đoàn

bảo an, dinh tỉnh trưởng, tòa thị chính, ty cảnh sát, trường chiến tranh chính trị, gây cho địch nhiều thiệt hại nặng nề. Bộ đội trụ tại khu chợ Hòa Bình, Dinh 3, Hàm Đá, các ấp Nam Thiên, Du Sinh, lãnh địa Đức Bà, Saint Jean, v.v... đánh địch phản kích.

Cuộc chiến đấu đã kết hợp với sự nổi dậy của quần chúng trong nội thị. Các khu phố 3, 5 và một số phường thuộc các khu phố 2, 4, 7, 9 lập được chính quyền cách mạng lâm thời, làm chủ trên 10 ngày.

Vào đợt hai, ở hướng chủ yếu tây bắc, theo kế hoạch là đánh vào trung tâm thị xã, nhưng quân ta vào đến khu vực Vạn Kiếp thì bị địch ngăn chặn, nên phải trụ lại đánh địch phản kích ở khu vực này và Kim Thạch, diệt gần 400 tên, bắn cháy 2 máy bay. Ở hướng tây nam, bộ đội ta chỉ đánh chiếm được các ấp Du Sinh, Saint Jean và khu nhà đèn. Ở hướng đông, dùng hỏa lực pháo kích vào trường võ bị, bộ đội địa phương các huyện Đức Trọng, Đơn Dương đánh vào các ấp, bám địch đánh trên đường 20, 21, 11, ngăn chặn quân địch tiếp viện cho Đà Lạt.

Cũng như ở Phan Thiết, các chiến sĩ đánh vào Đà Lạt đã bám từng góc phố, cột đèn, nổ súng đánh địch phản kích. Hơn 2.700 tên giặc đã bị diệt tại Đà Lạt và cả Tuyên Đức nói chung, trong số này có hơn 170 tên thuộc trường võ bị quốc gia và 200 sinh viên trường chiến tranh chính trị của địch. Trong thành phố Đà Lạt bà con chỉ mặt bọn ác ôn, tề điệp để bộ đội bắt, chia

nhau săn sóc thương binh. Nhiều nữ du kích cải trang đi theo bộ đội đánh địch. Một số em nhỏ hăng hái làm trinh sát, liên lạc. Nhiều cụ già không chịu rời khỏi nhà, ở lại làm công tác phục vụ chiến đấu cho bộ đội.

Trong 45 đêm ngày chiến đấu căng thẳng, tôi không sao quên được tinh thần chiến đấu anh dũng kiên cường, sẵn sàng xả thân của cán bộ, chiến sĩ các đơn vị, của tự vệ, dân quân du kích; không sao quên được tinh thần hăng hái, tích cực tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu của các tầng lớp nhân dân, những tấm lòng tốt đẹp, những sự chăm sóc tận tình của bà con đối với các đơn vị tham gia đợt tiến công và nổi dậy lịch sử này. Hàng ngàn dân công tuyến lửa, tải đạn, tải thương và mang vác chiến lợi phẩm. Nhiều nơi, cứ tối đến bà con gánh cơm vắt, nước uống đến sát trận địa phục vụ anh em. Một số lớn du kích, thanh niên đã xung phong gia nhập quân đội, kịp thời bổ sung cho các đơn vị những tay súng vững vàng. Ngoài việc bảo đảm cơm nước hàng ngày, bà con Phan Thiết, Đà Lạt còn đưa cả bàn ghế, giường ván và góp công cùng bộ đội làm công sự, cản bước tiến của giặc. Nhiều hầm hố kiên cố đã được đào đắp với thời gian nhanh nhất ngay trong lòng thị xã. Chiến đấu trong vùng sâu, đánh địch giữa lòng địch, tôi càng thấm thía chân lý vĩ đại mà đơn giản: *"Nhân dân là gốc, là nền, biết dựa vào sức dân, mọi việc ắt thành công"*.

Ở Ninh Thuận, vào Mậu Thân, đại đội đặc công 311, đột nhập sân bay Thành Sơn diệt nhiều máy bay. Sau đó, ta dùng pháo liên tục đánh phá sân bay, phá đường ống

dẫn đầu ở Ninh Chữ, có nhiều ngày sân bay gần như tê liệt, các loại máy bay không cất cánh. Bộ đội địa phương và dân quân du kích phá sập 25 cầu cống, đường 11 và đường sắt từ Tháp Chàm đi Đà Lạt bị cắt đứt 20 ngày đêm liên tục. Tiểu đoàn 610 của tỉnh liên tục đánh địch mở phong trào ở vùng nông thôn đồng bằng.

Tính chung, trong đợt cao điểm xuân Mậu Thân, từ 31 tháng 1 đến 13 tháng 3 năm 1968, khu Sáu đã loại khỏi vòng chiến đấu 11.000 tên địch. Trong đó, có hơn 1.000 lính Mỹ và chư hầu, hơn 2.000 tên đào ngũ, bức hàng 2 đồn, bức rút 37 đồn, bót, ấp chiến lược. Bắn rơi và phá hủy trên 30 máy bay các loại, trên 100 xe tăng và xe bọc thép, bắn cháy và nổ tung nhiều kho đạn và xăng dầu. Quân chúng đã nổi dậy giải phóng 20 xã, 102 ấp, khoản hơn 50.000 dân được giải phóng và chuyển hơn 53.000 dân từ thế tranh chấp lên làm chủ thật sự. Hơn 800 thanh niên tình nguyện nhập ngũ.

Chúng tôi nhất trí nhận định: trong chiến đấu, đã thực hiện được theo yêu cầu, đưa thế chủ động tiến công lên một bước nhảy vọt, phối hợp nhịp nhàng với cao trào tổng tiến công và nổi dậy toàn Miền. Tuy vậy, việc chuẩn bị để bước vào đợt đánh lớn này, chúng tôi đã phạm nhiều khuyết điểm như: được truyền đạt chủ trương quá chậm, nhưng chưa khẩn trương tập trung chuẩn bị các mục tiêu ở hai thị xã, chuẩn bị cơ sở vật chất. Chưa mở rộng dân chủ bàn bạc, xây dựng kế hoạch tiến công và phương thức tác chiến, khi trên phát lệnh thì thủ trưởng Quân khu

không có mặt ở cơ quan, gần một ngày sau mới về nên triển khai cấp rập, hiệp đồng không chặt chẽ trong quá trình chiến đấu, tổ chức thông tin liên lạc thường trực trắc, do đó đã làm hạn chế thắng lợi. Việc chỉ đạo đánh phá ấp chiến lược, mở vùng giải phóng nông thôn chưa đặt ra kịp thời, nhất là trong lúc địch tập trung lo đối phó ở đô thị.

Sau thất bại đau đớn trong dịp tết Mậu Thân, địch thực hiện chiến lược “quét và giữ”, bố trí lại phòng thủ, tập hợp nắm lại bọn nguy quân, nguy quyền đã tan rã. Từ tháng 4 năm 1968, địch tăng cường tổ chức lực lượng phòng vệ dân sự, đào thêm giao thông hào, xây thêm công sự, đặt chướng ngại vật. Hồ Thiện Ngôn, trung tá tỉnh trưởng Bình Thuận đích thân đốc việc phòng thủ thị xã Phan Thiết và từng bước cho quân lấn dần ra vùng ven: Đại Năm, Tân An, Tân Điền, Phú Thọ, Lại An... Bọn bình định, cảnh sát, mật vụ, phượng hoàng, tề điệp sống sót sau tết Mậu Thân bắt đầu hoạt động, chúng đi với bọn bảo an, dân vệ lần ra các vùng giáp ranh gần căn cứ ta. Chúng tăng cường lực lượng không quân, pháo binh bắn bừa bãi vào các khu dân cư với tính chất hủy diệt, vừa khủng bố trả thù, vừa đẩy lực lượng ta ra xa.

Trung đoàn 44 nguy, được chiến đoàn kỵ binh không vận 506 Mỹ dùng trực thăng chi viện, mở cuộc hành quân vào căn cứ miền núi Hàm Thuận, Di Linh. Các hoạt động trên nhằm bảo vệ các vùng chiếm đóng của chúng, nhất là các thị trấn, thị xã, bảo vệ các

đường giao thông quan trọng, nhưng nhìn chung địch đang bị động đối phó mà vẫn nơm nớp lo sợ bất thành linh ta lại giáng đòn vào tận sào huyệt của chúng.

Căn cứ vào chỉ thị của Khu ủy, tiền phương chúng tôi nghiên cứu và đề ra phương hướng hoạt động thời gian này. Toàn bộ lực lượng của ta phải thực hiện để đạt được các mục tiêu: tiếp tục tiến công tiêu diệt sinh lực địch, phá hoại nhiều phương tiện chiến tranh của chúng; đánh sâu vào hậu cứ, kho tàng, tạo thêm thế vây ép, làm rối loạn hậu phương của kẻ thù; mở rộng vùng giải phóng của nông thôn mà trọng điểm ở Bình Thuận là Hàm Thuận, Thuận Phong, Hòa Đa; triệt phá các đường giao thông số 1, số 8 làm gián đoạn, tiến tới cắt đứt dài ngày.

Để căng địch và mở rộng vùng giải phóng nông thôn Hòa Đa, Phan Lý, chúng tôi điều tiểu đoàn 840 ra đây cùng lực lượng địa phương hoạt động, tiểu đoàn 482 bám Tam Giác và vùng ven thị xã, đồng thời sử dụng bộ đội đặc công, biệt động luồn vào thị xã tập kích một số mục tiêu quan trọng.

Tháng 5 năm 1968, tiểu đoàn 840 cùng bộ đội địa phương Hòa Đa, Phan Lý, liên tục tấn công vào thị trấn Chợ Lầu, Phan Rí Cửa và các ấp Hiệp Hòa, Long Lễ, Hội Tâm (trên quốc lộ 1) Xuân Quang, Hậu Quách, v.v... đánh tan rã nhiều trung đội nghĩa quân và bộ máy kìm kẹp, diệt các đại đội bảo an của chi khu đi tiếp viện, giúp nhân dân giành quyền làm chủ và phá banh, phá rã nhiều ấp. Địch phải đưa tiểu đoàn 3 của lữ 506 kỵ

binh không vận Mỹ ra tiếp viện để giải tỏa áp lực đối với các thị trấn Chợ Lầu, Phan Rí, và đoạn đường quốc lộ 1 từ Hòa Đa đi Ninh Thuận đang bị uy hiếp. Thế là tiểu đoàn 840 giáp chiến quyết liệt với tiểu đoàn 3 lữ đoàn 506 ở Bầu Mặn, Tầm Vu. Đợt hoạt động này bộ đội ta diệt 1.200 tên địch, có 200 tên Mỹ, diệt và đánh thiệt hại nặng 7 đại đội, có 2 đại đội Mỹ, mở rộng vùng làm chủ và tranh chấp ở nông thôn phía bắc tỉnh.

Cuối tháng 5 năm 1968, địch sử dụng xe tăng M41, M48 trong các cuộc càn quét lấn chiếm ở Tam Giác. Bộ đội và du kích lo hỏa lực B40, B41 không chống được loại tăng này. Đầu trung tuần tháng 6, chúng tôi điều tiểu đoàn 840 về lại chiến trường Tam Giác cùng tiểu đoàn 482 chống địch lấn chiếm. Tư lệnh tiền phương và cán bộ tác chiến trực tiếp phân tích và hướng dẫn cách đánh xe tăng M41, M48. Qua hai trận đánh địch nống ra lấn chiếm của tiểu đoàn 840 và 482 ở khu vực Tân Điền, Tân An, bầu Cây Bông (Phú Bình) ngày 18 và 20 tháng 6, diệt được nhiều sinh lực địch, lần đầu tiên tiểu đoàn 840 bắn cháy tại chỗ 2 xe tăng M41. Chiến thắng này tạo được niềm tin cho bộ đội và du kích là: B40, B41 bắn cháy được xe tăng M41, M48 của địch.

Ở Đà Lạt, Tuyên Đức, tháng 3 năm 1968, tiền phương chuyển 2 tiểu đoàn 186, 145 xuống hoạt động trên đường 21 kéo dài thuộc huyện Đức Trọng để diệt địch, phá ấp, phá kìm mở phong trào nông thôn.

Đêm 5 tháng 3, đội đặc công của tiểu đoàn 186 diệt

đồn Kim Phát do 1 trung đội bảo an đóng giữ. Cùng lúc, bộ đội địa phương, đội công tác đột vào ấp Thanh Bình¹ giải trang thanh niên chiến đấu, bắt tề giáo dục, mít-tinh quần chúng, tuyên truyền chủ trương chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng, tiếp tục hoạt động ở các khu trong ấp. Sáng ngày 6 tháng 3, hai đại đội bảo an từ chi khu đến giải tỏa. Vừa đến cổng gác, bộ phận chốt của ta nổ súng, bị đánh bất ngờ địch hoảng hốt chạy lùi về ấp Đạ Me². Quân ta truy theo đến bìa ấp gặp hệ thống rào khá vững chắc; phải đưa bộc phá lên mở cửa; lực lượng xung kích tràn vào đánh diệt từng ổ đề kháng của địch, có bộ phận đánh giáp lá cà với chúng. Cuộc chiến đấu kéo dài trong 3 giờ đồng hồ mới kết thúc. Ta diệt gọn 2 đại đội bảo an, 2 trung đội dân vệ, thu nhiều vũ khí. Địch cho pháo và máy bay bắn phá, ném bom vào ấp Đạ Me, giết hại cả dân thường.

10 ngày sau, ngày 16 tháng 3, tiểu đoàn 186 lại tập kích diệt đồn Kim Phát mới xây dựng lại do một đại đội bảo an đóng giữ để bảo vệ khu vực Kim Phát, Thanh Bình, Gia Thạnh. Địch đến tiếp viện bị ta diệt tiếp 4 đại đội bảo an. Ngày 4 tháng 4 tại khu 8 ấp Thanh Bình, tiểu đoàn 186 diệt 1 tiểu đoàn biệt động quân số 11, và 1 đại đội trinh sát. Trận này tiểu đoàn được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba.

1. Thanh Bình là ấp đồng bào Thiên chúa giáo di cư năm 1954.

2. Đạ Me là ấp chiến lược người dân tộc thiểu số theo đạo Tin lành.

Ngày 14 tháng 4, tiểu đoàn 186 tấn công áp chiến lược Khout, một ấp nằm sâu trong vùng ta, cách xã Phú Sơn trên đường 21 kéo dài 3 ki-lô-mét về phía đông nam, do 2 trung đội dân vệ đóng giữ, với nhiều lớp rào vững chắc. Ta đánh tan lực lượng dân vệ và bộ máy kìm kẹp, tổ chức trụ lại trong ấp và các cao điểm xung quanh đón đánh địch giải tỏa. Qua 3 ngày đánh địch đến giải tỏa ta đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn cộng hòa và 2 đại đội bảo an. Ngày thứ 4, địch cho máy bay đến ném bom hủy diệt ấp. Cuối tháng 3 năm 1968, tiểu đoàn 145 về lại Lâm Đồng. Đại đội 810 được Quân khu bổ sung quân số thành lập tiểu đoàn 810 cho Tuyên Đức.

Vào hè, tiền phương sử dụng tiểu đoàn 186, 810 và các đại đội biệt động của thị xã tấn công vào Đà Lạt.

Đêm 5 tháng 5, tiểu đoàn 186 đánh sâu vào sân bay Cam Ly, phá hủy 1 L19, 1 C 47, đốt cháy 1 bãi xe quân sự, sau đó phát triển về hướng đường Trần Bình Trọng bắt liên lạc với tiểu đoàn 810 tấn công từ xóm Kim Thạch vào. Đến khu vực này, địch đưa cả liên đoàn biệt động quân và 1 tiểu đoàn cộng hòa được phi pháo yểm trợ ra đánh ngăn chặn ta. Lực lượng ta chuyển sang lâm thời phòng ngự đánh lui nhiều đợt phản kích của địch, gây cho chúng nhiều thương vong. Đêm 7 tháng 5, theo lệnh của Bộ chỉ huy tiền phương, lực lượng ta lui ra đứng ở bắc sân bay Cam Ly 1 ki-lô-mét. Tại đây, mỗi tiểu đoàn chỉ để lại 1 đại đội cùng với đại đội biệt động 860 của thị xã, còn thì đi vận chuyển lương thực.

Địch cho tiểu đoàn biệt động quân nông ra thăm dò, gặp đại đội 1 của tiểu đoàn 810 đánh chặn. Lực lượng ta tổ chức đánh địch. Sau gần 2 giờ chiến đấu quyết liệt, quân ta diệt gần hết tiểu đoàn biệt động quân số 23. Trận này tiểu đoàn 810 được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba. Đến đây, đợt hoạt động hè ở Đà Lạt cũng được kết thúc.

Tiểu đoàn 145 cùng bộ đội địa phương Lâm Đồng đánh được một số trận trên đường 20, đánh quân Mỹ nông ra càn quét, gây thiệt hại nặng 4 đại đội địch.

Ở Ninh Thuận, ta nhiều lần giáng đòn vào “dạ dày” của địch, phá ống dẫn dầu từ Ninh Chữ đi Thành Sơn, gây cháy trên 5 triệu lít xăng.

Sau đợt hè, địch tăng cường lực lượng, đưa đến Lâm Đồng và Tuyên Đức 1 tiểu đoàn quân Mỹ - tiểu đoàn 3/503, thành lập trung đoàn 53 thuộc sư 23 ngụy, đứng ở Di Linh; xây dựng thêm lực lượng bảo an và ghép các đại đội bảo an thành liên đội làm nhiệm vụ cơ động đánh phá bên ngoài. Tăng lực lượng cảnh sát, bình định, phát triển phòng vệ dân sự để giữ ấp. Đẩy mạnh “quét giữ” tập trung ở vùng ven thị xã. Quanh Phan Thiết địch xây dựng các “khu chung cư” có hàng rào với nhiều chương ngại, hầm hào và nhiều tháp canh, được canh gác chặt chẽ. Mở chiến dịch “phượng hoàng đồng tiến” truy phá các cơ sở cách mạng tại chỗ.

Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địch tích cực mua chuộc, sử dụng. Ở Tuyên Đức, chúng xây dựng lực

lượng biệt kích người Thượng mang phù hiệu “Nhà Sàn”. Ở Ninh Thuận, bọn phản động Fulro vận động đồng bào Chăm tổ chức “đêm khóc mất nước”, khơi lại mối hận thù dân tộc, đưa thanh niên sang Cam-pu-chia học và cử người đi họp với Fulro người Thượng ở Buôn Ma Thuột.

Sau hai đợt xuân hè, Quân khu có tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm về vận dụng cách đánh. Tuy còn có ý kiến khác nhau, nhưng do tình hình thúc bách lúc bấy giờ, nên hội nghị thống nhất vẫn chỉ đạo cho các đơn vị và địa phương tiếp tục trụ đánh địch phản kích và đánh địch trong công sự vững chắc kể cả bằng sức mạnh (công kiên).

Tháng 6 năm 1968, hội nghị Trung ương Cục lần thứ 7 đánh giá: *“Mặc dù ta còn khuyết, nhược điểm nhất định, nhưng sau hai đợt thế và lực ta đều mạnh lên, chúng ta đang đứng trước thời cơ lớn, có nhiều điều kiện đánh địch, làm cho chúng suy sụp hơn nữa, nhằm giành thắng lợi quyết định”*.

Hội nghị đề ra phương hướng nhiệm vụ tiếp theo: phải làm cho toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân nhận rõ thắng lợi sau hai đợt tấn công và nổi dậy của toàn Miền, nhất là ở hướng trọng điểm, nhận rõ thất bại và suy sụp mới của địch, nhanh chóng củng cố, phát triển lực lượng ta, liên tục tiến công và nổi dậy ở đô thị cũng như ở nông thôn, tiếp tục đánh địch những cú nặng hơn¹.

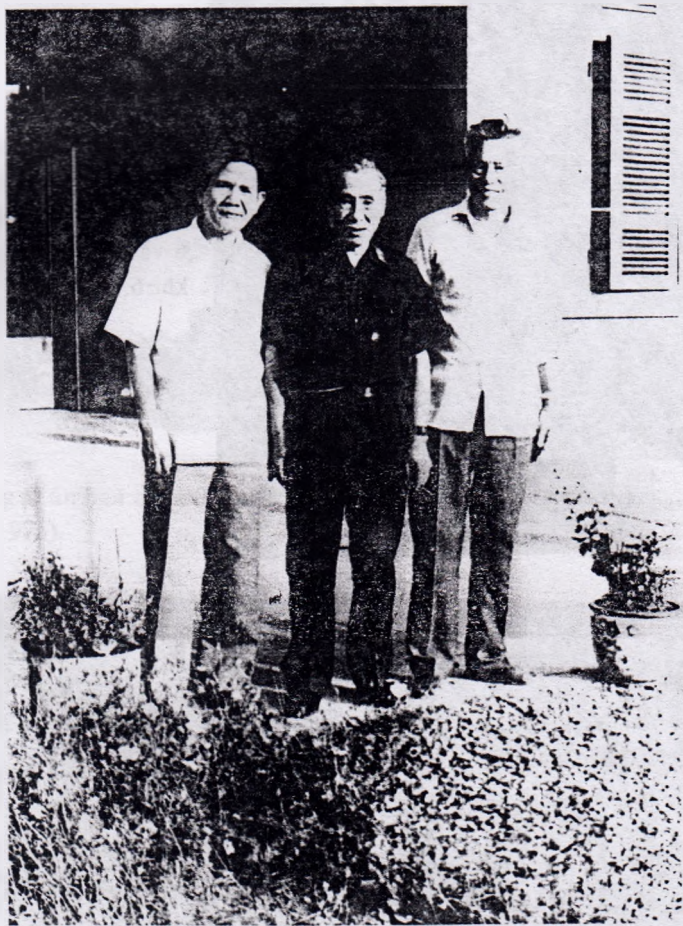
1. Trích Nghị quyết Trung ương Cục lần thứ 7 (6-1968).



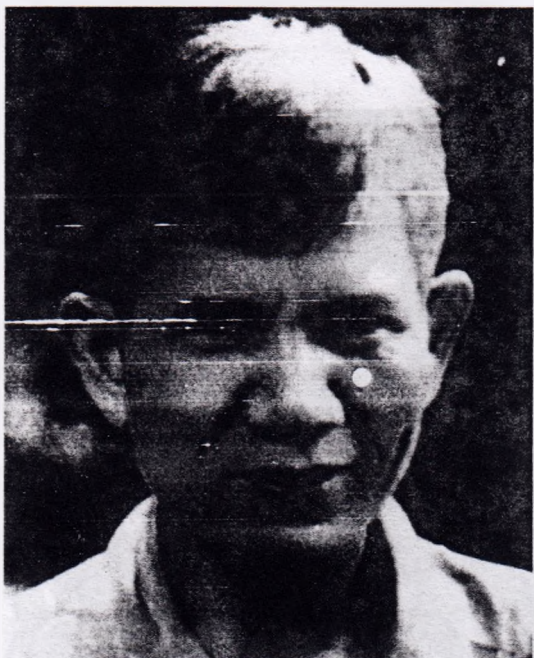
Ban Chấp hành Khu ủy Khu 6. Hàng trước (từ trái sang): Vũ Anh Ba, Trần Lê, Lê Văn Hiến, Lê Thứ; hàng sau (từ trái sang): Phạm Thuần, Trần Ngọc Trác, Trần Đệ, Đỗ Quang Thắng, Nguyễn Trọng Xuyên (tháng 2 năm 1974).



Với đồng chí Hào Cạn, một cốt cán người Chăm, quê ở huyện An Phước, tỉnh Ninh Thuận.



Gặp lại Thượng tướng Nguyễn Minh Châu (Năm Ngà), nguyên Tư lệnh Quân khu 6 (1963-1969) và đồng chí Trần Đệ, nguyên Chánh Văn phòng Khu ủy Khu 6.



Đồng chí Lê Văn Hiền,
trong thời gian phụ trách
Quyền Bí thư Khu ủy Khu
6 và Quân khu ủy Quân
khu 6.



Trong ngày đoàn tụ cùng vợ Nguyễn Thị Thanh Tâm và con gái Lê Thị Bích
Thuận tại Hà Nội tháng 11 năm 1975.



Xe tăng ta án ngữ trước Tòa An - đường Trần Hưng Đạo, thị xã Phan Thiết (19-4-1975).



Đồng chí Hoàng Văn Thái (bên trái) - nguyên Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam làm việc với đồng chí Lê Văn Hiền (giữa) sau ngày giải phóng.



Các đại biểu dự Hội nghị thông qua *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước Quân khu 6*.



Tại Đại hội Cựu chiến binh tỉnh Bình Thuận lần thứ nhất.



Đồng chí Lê Sỹ, nguyên Tư lệnh Sư đoàn 6 và đồng chí Lê Văn Hiến, nguyên Quyền Chính ủy Quân khu 6, là Chỉ huy trưởng và Chính ủy Chiến dịch Tánh Linh - Hoài Đức (từ 10/12/1974 đến 10/1/1975).



Họp mặt kỷ niệm ngày truyền thống 11-11-1960. Từ trái sang: Thiếu tướng Phùng Đình Ấm, Nguyễn Xuân Du - nguyên Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng, Lê Văn Hiến, Mai Chí Thọ.

Tháng 8 năm 1968, Miền quyết định mở đợt ba (đợt thu), thời gian được ấn định là từ 17 tháng 8 đến cuối tháng 9.

Chấp hành nghị quyết Trung ương Cục và hướng dẫn thực hiện của Bộ chỉ huy Miền, sau đợt hè, Quân khu 6 một mặt khẩn trương củng cố bộ đội, chuẩn bị cho đợt ba, mặt khác tranh thủ đẩy mạnh hoạt động thường xuyên để hỗ trợ phong trào, kìm giữ địch ở vùng ven thị xã.

Ở Bình Thuận vào giữa tháng 7, hai tiểu đoàn 840 và 482 cùng bộ đội địa phương Thuận Phong, đánh ép địch ở đông bắc Phan Thiết, đánh thiệt hại nặng 2 đại đội cộng hòa, 1 đại đội Mỹ và 4 trung đội dân vệ, bắn rơi 5 trực thăng, giữ vững thế làm chủ và tranh chấp từ Phú Long, Phước Thiện Xuân đến Tuy Hòa.

Ở Ninh Thuận, tháng 7 hoạt động khá hơn, vừa đánh vào nội thị Phan Rang, đánh kho xăng dầu và khu nhà Mỹ ở cảng Ninh Chữ, pháo kích sân bay Thành Sơn, vừa đánh phá kìm vừa giải phóng xã Thuận Diêm.

Lúc này, ở Tuyên Đức hết sức khó khăn về lương thực. Tiểu đoàn 186 lùi về phía sau để củng cố. Tiểu đoàn 810 và các đội biệt động tiếp tục đánh nhỏ vào một số mục tiêu vùng ven và trong Đà Lạt, nhưng không mạnh nên địch bung ra đánh phá các bàn đạp.

Đầu tháng 8, Quân khu được trên bổ sung tiểu đoàn 200C đặc công (thiếu).

Được trên đồng ý, tháng 8 năm 1968, giải thể tỉnh Bắc Bình, đưa các huyện Hòa Đa, Tuy Phong, Phan Lý (cả huyện Hải Ninh) trở về Bình Thuận. Đưa huyện K67 về Tuyên Đức, đồng thời thành lập tỉnh mới tỉnh Bình Tuy (theo hệ thống hành chính của địch) trực thuộc khu, gồm các huyện Hàm Tân, Tánh Linh, Hoài Đức tách ra khỏi Bình Thuận.

Vào đợt ba, tiền phương B sử dụng tiểu đoàn 186, tiểu đoàn 145 và lực lượng địa phương tỉnh Lâm Đồng, diệt chi khu, quận lỵ Di Linh, trong phạm vi chi khu còn có khu công binh Mỹ, và trận địa pháo 105 và 155 ly. Đánh xong, ta trụ lại đánh địch phản kích và hỗ trợ quần chúng nổi dậy phá kim kẹp, giành quyền làm chủ. Đêm 28 tháng 8, quân ta nổ súng tấn công, các đơn vị chiến đấu rất dũng cảm nhưng không dứt điểm. Tiểu đoàn 186 diệt được chi khu, nhưng bị hỏa lực tầm cao của khu hành chánh không chế nên không phát triển được. Tiểu đoàn 145 đánh hỏng trận địa pháo nhưng không làm chủ được. Đặc công đánh chiếm ba phần tư khu công binh Mỹ, diệt gần hết chi đội xe M113, còn 1 chiếc thoát được chạy ra ngoài dùng súng máy trên xe chặn đường tiến công của ta. Gần sáng, ta bị thương vong nhiều, không còn đủ sức phát triển và trụ lại đánh phản kích nên phải rút ra.

Trận đánh chưa đạt yêu cầu, nhưng đã diệt nhiều sinh lực và phương tiện của địch. Gần 340 tên Mỹ-ngụy đền tội; phá hỏng 4 pháo 150 ly và 155 ly, 5 xe M113 và 9 xe quân sự khác. Hàng ngũ địch ở đây dao

động mạnh.

Tiền phương A, mở đầu đợt hoạt động ba, 2 tiểu đoàn 840, 482 và lực lượng thị xã đánh vào một số ấp chiến lược địch mới củng cố trên vành đai phòng thủ thị xã Phan Thiết

Đêm 20 tháng 8, tiểu đoàn 840 tập kích địch ở khu tập trung Xuân Phong, nhưng không dứt điểm, nên chuyển qua bao vây, đánh quân đến giải tỏa, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội Mỹ, diệt 1 xe tăng M41, bắn rơi 1 trực thăng.

Ngày 25 tháng 8, tiểu đoàn 840 và tiểu đoàn 482 đánh chiếm khu chung cư Chang Chang và trụ lại đánh phản kích suốt ngày với 1 tiểu đoàn cộng hòa và một số đại đội bảo an có quân Mỹ hỗ trợ. Địch dựa vào xe tăng và xe bọc thép xông vào trận địa chốt của ta. Trung đội trưởng Nguyễn Trọng Nghĩa (thuộc tiểu đoàn 840, sau này được tuyên dương *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*) vừa bình tĩnh chỉ huy đơn vị đánh trả, vừa một mình bí mật áp sát chiếc xe tăng đi đầu, địch phát hiện định cho xe tăng lao tới nghiền nát đồng chí, nhưng không kịp, một tiếng nổ của thủ pháo và tiếp theo là nhiều tiếng nổ rất đanh của lựu đạn, chiếc xe tăng M41 bị khựng lại và bốc cháy. Bộ binh địch thấy vậy vội vàng tháo chạy bỏ lại xác xe tăng và nhiều xác chết trước trận địa ta. Qua một ngày chiến đấu, ta diệt 350 tên, đánh thiệt hại nặng 2 đại đội nguy, 1 đại đội Mỹ, bắn rơi 2 máy bay, đánh cháy 1 xe tăng.

Cùng thời gian, các đội đặc công diệt các lô cốt mới xây trên vành đai phòng thủ Phan Thiết, pháo kích vào Camp Esêpic, phá hủy kho tàng, máy bay, diệt một số lính Mỹ. Bộ đội địa phương và du kích các huyện quần bám suốt ngày đêm đánh địch lấn chiếm, nhất là Hàm Thuận và Thuận Phong, tích cực tranh chấp với địch các khu vực bắc và đông bắc Phan Thiết.

Đối với tiểu đoàn 200C phải đánh thắng trận đầu để xây dựng truyền thống cho đơn vị, ngoài việc chuẩn bị chiến trường chu đáo, vũ khí đầy đủ, còn được tăng cường một số đặc công của tiểu đoàn 840 làm nòng cốt. Đêm ngày 12 rạng ngày 13 tháng 9 năm 1968 tiên phong sử dụng tiểu đoàn tấn công chi khu quân lý Hòa Đa. Sau 40 phút chiến đấu, ta diệt gọn chi khu và quận lý, diệt 300 tên, bắt sống 25 tên, phá hủy 5 xe quân sự, làm chủ chiến trường thu vũ khí. Cùng lúc, bộ đội địa phương và đội công tác tấn công vào thị trấn và các ấp Long Lễ, Liêm Bình đánh tan rã bộ máy kìm kẹp, phá ban chấp hành chiến lược.

Ở Đà Lạt - Tuyên Đức: tiểu đoàn 810 và các đội biệt động liên tục bám địa bàn ven Đà Lạt, đánh một số mục tiêu trong thị xã, tập kích hỏa lực gây thiệt hại cho quân Mỹ đóng ở đồi Nam Thiên.

Lúc này, Quân khu tăng cường cho tỉnh tiểu đoàn 240, từng lúc cùng bộ đội địa phương Đức Trọng đánh địch, phá kìm ở Tùng Nghĩa, Phú Hội, nhưng chủ yếu là xây dựng, củng cố đơn vị và chống càn ở căn cứ.

Hạ tuần tháng 10 năm 1968, tiểu đoàn 186 đánh đồn Quảng Hiệp (thuộc Đức Trọng) diệt gọn 1 đại đội bảo an, 1 trung đội thám kích, làm chủ đồn thu toàn bộ vũ khí và san bằng đồn. Sau khi đồn Quảng Hiệp bị diệt, địch phản công, đầu tháng 11, Mỹ đổ quân càn vào căn cứ Đơn Dương, tiểu đoàn 186 đánh gây thiệt hại nặng một cánh quân Mỹ.

Do không còn lương thực và có thương binh, nên tiểu đoàn rút xuống Lung Bá kiểm mẫn rừng cho đơn vị ăn; sau xuống Ma Nhông (giáp căn cứ Anh Dũng - Ninh Thuận). Vì Tuyên Đức quá khó khăn về lương thực, nên tháng 12 năm 1968, Quân khu rút tiểu đoàn về Bình Thuận.

Ninh Thuận tiếp tục pháo kích sân bay Thành Sơn, đánh phá đường ống dẫn dầu gây cho địch nhiều thiệt hại. Tiểu đoàn 610 và bộ đội địa phương đánh vào các thị trấn Krông Pha, Phú Quý phá một số ấp chiến lược trên quốc lộ 1 và đường 11, đánh địch bung xia lẫn chiếm.

Tuy mới thành lập, nhưng tỉnh Bình Tuy cũng đã cố gắng hoạt động phối hợp chiến trường chung, đánh trên 50 trận, diệt trên 200 tên địch, thu 13 súng.

Ba tỉnh Bình. Thuận, Ninh Thuận, Lâm Đồng đã có hàng chục cuộc đấu tranh của quần chúng với hàng chục ngàn người tham gia kéo lên quận, tỉnh phản đối địch phá hoại hoa màu, bắn pháo vào làng gây chết người, đòi chúng chấm dứt và bồi thường cho dân; đòi thả chồng, con, anh, em bị bắt đi lính, đòi được nhận xác

của người thân tử trận, chống gom dân, rào ấp, chống khùng bố bắt bố; đồng bào dân tộc đòi bán gạo, bán muối, v.v... Có cuộc đấu tranh kéo dài cả tháng, buộc địch phải nhượng bộ, cam kết hứa thực hiện.

Ở các thị xã, nổi lên phong trào bàn về thời sự, công khai chống Mỹ và Thiệu - Kỳ, đòi chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình. Trong thanh niên, học sinh, sinh viên có phong trào chống văn hóa nô dịch, chống lệnh tổng động viên, đòi chủ quyền dân tộc dưới hình thức mở hội thảo, ra kiến nghị.

Ở vùng căn cứ, giải phóng, cuộc vận động xây dựng chính quyền cách mạng được nhân dân tham gia sôi nổi, có 82 xã và trên 300 thôn với trên 50 nghìn dân, lập Ủy ban cách mạng xã, thôn, lập chính quyền huyện. Có tác dụng động viên, thúc đẩy quần chúng thực hiện tốt các công tác kháng chiến, củng cố nâng cao lòng tin của quần chúng, đồng thời cũng có tác động đối với những người trong hàng ngũ địch.

Âm vang của sự kiện lịch sử xuân Mậu Thân còn vọng mãi trên địa bàn toàn Miền, trên chiến trường khu Sáu. Thắng lợi của cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt đánh dấu bước thất bại nặng nề của Mỹ-ngụy, càng làm sáng chói thêm trang sử chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta.

Chương 7

Thế trận ba vùng

Suốt hai đợt tấn công vào Phan Thiết, cơ quan tiền phương bám trụ vùng ven sát thị xã cùng các đơn vị vũ trang liên tục tấn công địch. Sau đó, cơ quan lùi về trên đường sắt, thỉnh thoảng anh Năm Ngà và tôi phải về cơ quan giải quyết công việc rồi xuống lại. Tháng 8 năm 1968, anh Nguyễn Gia Tú (Sáu Tú) Khu ủy viên về làm Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận thay tôi, anh Lê Thư (Mười Bắc) Khu ủy viên là Phó Bí thư Tỉnh ủy. Tôi về cơ quan khu ủy làm thường trực nhưng vẫn kiêm Bí thư Đảng ủy tiền phương A cùng anh Năm Ngà hoạt động cho đến tháng 6 năm 1969 mới kết thúc.

Sau Mậu Thân 1968, ta và địch vào cuộc đọ sức mới. Bị thâm đôn tấn công và nổi dậy của ta trên chiến trường toàn Miền, đế quốc Mỹ buộc phải chuyển hướng chiến lược, thực hiện “phi Mỹ hóa” và tiếp theo là chuyển sang “Việt Nam hóa chiến tranh”. Mỹ-ngụy chủ trương lấy binh định làm xương sống, được hỗ trợ bằng các cuộc oanh tạc của không quân Mỹ hết sức ác liệt.

Riêng trên chiến trường khu Sáu, địch tăng cường các hệ thống phòng thủ các thị xã nhất là Đà Lạt, Phan Thiết, mặt khác, chúng ra sức đánh phá đẩy lực lượng ta ra xa. Đế quốc Mỹ và ngụy quyền tập trung vào thực hiện kế hoạch bình định cấp tốc, bằng nhiều biện pháp thâm độc và hết sức tàn bạo. Ở chiến trường trọng điểm, mức độ ác liệt ngày càng tăng lên. Bom đạn, chết chóc, hy sinh diễn ra hàng ngày, cộng với gian khổ, thiếu thốn, đói lạnh làm cho chúng ta phải suy nghĩ, đối phó căng thẳng. Lòng tin, sự kiên định trước tình hình mới lại rất cần với mọi người.

Tôi còn nhớ trong thời kỳ khó khăn ấy, nhất là từ mùa xuân 1969 trở đi, không khí bi quan nảy sinh trong một bộ phận nhân dân vùng giải phóng và cả trong một số cán bộ, chiến sĩ, nhân viên. Họ nói “cấp trên cay đắng đồ chiến thắng”. Thời cơ tết Mậu Thân đã qua rồi. Địch phản kích dữ dội. Vừa rút khỏi vùng ven, chúng tôi đã gặp ngay những cuộc càn quét ác liệt mang tên chiến dịch “toàn thắng” của A.Bram - tên tướng vừa thay Oét-mo-len - đứng đầu đội quân viễn chinh Mỹ ở Miền Nam.

Trên chiến trường Bình Thuận, lữ đoàn 506 của Mỹ đánh phá từ sông La Ngà, Ara Xalôn, Cà Tót, rồi đi tắt qua đường 8 bắc Sông Mao. Ở Lâm Đồng, Tuyên Đức, chiến đoàn 503 Mỹ, đánh phá vùng căn cứ bắc Lâm Đồng (K1), dọc sông Đồng Nai Thượng đến đường 21 kéo dài. Bằng cách ấy, quân Mỹ đánh phá vùng ngoài, yểm trợ cho chủ lực quân ngụy đánh phá vùng giữa, và cảnh sát, ác ôn, bình định, mật vụ cùng lực

lượng bảo an đánh phá, truy diệt cơ sở cách mạng ở bên trong. Dần dần, địch chiếm lại những vùng đã mất, ta phải dạt ra xa, bật khỏi những vùng đông dân, nhiều cửa. Nhiều cơ quan chỉ đạo bị đẩy trở lại núi cao với cảnh “muối trường kỳ, mì chiến lược” có khi thiếu hụt. Gay go nhất là các đồng chí trên địa bàn Tuyên Đức. Sau hai đợt tấn công vào Đà Lạt, các cơ quan lãnh đạo tỉnh rút về căn cứ Đơn Dương, ở đây xa thành phố Đà Lạt, việc đi lại bị đường 21 kéo dài và đường 20 ngăn cách, thực lực căn cứ Đơn Dương chưa có gì. Do vậy, nên khu ủy chỉ đạo cho tỉnh rút về vùng Hòn Nga thuộc huyện Đức Trọng. Ở đây có thể dựa vào sự chi viện của vùng căn cứ bắc Lâm Đồng, và tương đối gần đường hành lang chiến lược, cách Đà Lạt khoảng 20 ki-lô-mét về phía tây bắc. Hòn Nga, một ngọn núi cao hơn mặt biển 1.850 mét. Nơi đây rừng dày, cây to, quanh năm lạnh lẽo, xung quanh không một bóng xóm làng. Từ đây đi Đức Trọng, Đà Lạt nhanh, băng qua vùng căn cứ bắc Lâm Đồng cũng thuận. Khi hết lương thực, anh em ta phải sử dụng đủ loại rau rừng, củ rừng có thể ăn được để lấy sức chiến đấu.

Cơ quan Tỉnh ủy Bình Thuận thì lui về đèo Gió Lạnh, rồi lên vùng Hàm Cần. Từ trên cao nhìn xuống, ban đêm có thể thấy rõ ánh điện thị xã Phan Thiết. Cuộc sống ở đây không đến nỗi cạn kiệt, song cũng rất khó khăn.

Cơ quan Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu có thời gian phải ngược vùng đèo Sông De, Quan Hân, Yên Ngựa, suối Bom Bi, rồi trở lại vùng Con Hai, Con Sỏ,

đồi Trung Quân heo hút của Di Linh (Bình Thuận) gần giáp ranh giới Lâm Đồng; cũng có lúc phải chuyển ra vùng Cà Lon, Sông Lũy. Ở những vùng đồi núi này, suối khe thăm thẳm, khi gùi nước ăn phải trèo hàng trăm bậc thang bập vào vách núi. Cũng có thời gian do báo động B52, cơ quan phải dời chỗ đóng quân liên tục, lúc thì trụ ở đồi Gáo Xoáy thuộc vùng núi La Dạ, khi thì ém trong khu rừng Đom Đóm ở đầu suối Tà Mao miền tây huyện Phan Lý hoặc chân núi Sao Mai giáp vùng La Hoang (K67).

Những cuộc di chuyển này vô cùng vất vả, hành quân đến đâu phải đào hầm ngay đến đó. Hễ thấy loại máy bay A37 đảo vài vòng thì ngay sau đó, B52 trút bom xuống như mưa ban đêm ánh chớp sáng lóe từng vệt dài ở một góc trời. Còn pháo tầm xa 175 ly mà địch gọi là “vua chiến trường” đặt ở nông Cà Tang, cũng bất thành lính đội tới tấp. Lắm khi pháo bắn liên tục, hầm hào chưa xong, chúng tôi đành phải phơi mình trên mặt đất, thi gan với “vua chiến trường”.

Vùng căn cứ Lâm Đồng, K1, K4, K3 rừng rậm, núi cao, trập trùng hiểm trở, phong trào nhân dân du kích mạnh, sức bung duỗi của địch có hạn, nên yên ổn hơn. Muối thiếu, nhưng có nguồn mì, bắp đáng kể. Trong những ngày gian khổ ác liệt này, một số cơ quan của khu Mười, của Tuyên Đức, khách trên hành lang, phải dựa vào bắp, mì ở đây để cầm hơi.

Ở phía trước, bộ đội và các đội công tác phải

chiến đấu trong điều kiện hết sức căng thẳng. Địch gài mìn dày đặc quanh ấp, khắp các lối mòn, và hiểm ác hơn, có khi chúng vào sát đến chân núi, tận căn cứ của ta để gài mìn. Không phải loại mìn đơn, mìn chiếc, mà là mìn dây, mìn dây, lớp lớp, tầng tầng. Mỗi bước đi về vùng sâu, nhất là khi sát ấp, là mỗi bước thương vong. Không phải một, hai người mà có khi cả tổ, cả đội; không phải một chốn, một nơi mà hầu khắp các địa bàn. Nếu trong chiến tranh cục bộ, anh em ta thử thách với tọa độ lửa của “dàn nhạc đại hợp xướng Tân Tây Lan” thì, bây giờ đương đầu với chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, anh em ta thử thách với trận địa mìn dây, mìn dây của bọn lính chư hầu Úc. Sự hy sinh của anh em, có trường hợp rất đau xót. Có đồng chí vướng phải mìn địch, thi thể không còn nguyên vẹn. *

Không chỉ ngăn ta bằng bom đạn, mìn, địch còn tăng cường sử dụng trực thăng để phát hiện lực lượng ta. Bọn tàu gáo hoành hành rất ngạo mạn. Chúng bay vè vè và lòng sục khắp ruộng đồng, rừng núi, quần đảo những cửa rừng, ngã đường, men theo các dòng suối. Gặp người nào khả nghi, nó “neo” tàu sát đất, bắt lật nón và ngửa mặt lên trời cho nó xem, hoặc dùng cánh quạt “thổi” tung các mái lá, ngọn cây, để phát hiện kho tàng, trại sản xuất, chỗ đóng quân của ta.

Anh em ta đã một thời vất vả, lao đao với tàu gáo. Hành quân qua một bãi trống, phải đảo mắt trông trước ngó sau, gióng tai lên nghe cho thính, rồi vượt qua bãi

trống thật nhanh. Xế chiều, chờ mặt trời gần khuất núi, mới thả bò, vác cuốc lên rẫy, ra đồng. Khu rừng vùng La Ngâu, La Dạ, nơi cơ quan Khu ủy chuyển đến đóng quân, có ngọn núi được đặt tên là “đồi Gáo Xoáy”. Dưới sự yểm trợ của trực thăng “cá lẹp” bay trên cao, không mấy ngày là không có bọn tàu gáo ập đến, chong chóng xoay tít như một trận cuồng phong, mạnh đến nỗi nhiều nữ nhân viên, chiến sĩ nấp dưới hầm sâu mà mái tóc vẫn bị sức gió cuốn tung lên, nhưng chúng vẫn không phát hiện được gì vì càng ngày ta càng có kinh nghiệm đối phó với chúng.

Nhưng không chỉ có thế, vừa đánh phá ác liệt, địch vừa tiến hành chiến tranh tâm lý. Địch đưa những tên phản bội, cho chúng “cưỡi” máy bay, chơ loa xuống đất nói những lời lừa mị, hù dọa, chiêu hồi rất trắng tráo. Trong đó có tên Th. bí thư thị xã B’Lao, vì không chịu nổi sự gian khổ, ác liệt đã chạy theo địch, tự biến mình thành tên tay sai cho Mỹ. Trong thời kỳ này cũng cần nói thêm ở một số vùng giáp ranh heo hút trong rừng sâu, lác đác xuất hiện những xóm nhà “tự do” của những người “tụt tụt”, họ không chạy theo địch nhưng mất tinh thần, mất lòng tin, rời bỏ đội ngũ đi tạo lập cuộc sống riêng tư.

Có một điều cần được khẳng định: trong bất cứ tình hình nào, dù âm mưu thủ đoạn nào của địch xảo quyệt đến đâu, chúng tôi vẫn giữ vững tư tưởng cách mạng tiến công, tự lực, tự cường của khu Sáu kiên trung bất khuất. Địch có võ quýt dày, chúng tôi có móng tay nhọn. Dần dần từ kinh nghiệm thực tế, từ

thực tiễn xương máu, chúng tôi càng củng cố được thế trận của ba thứ quân, ba vùng, ba mũi ngày càng vững chắc. Nhờ vậy, ở tất cả các thời điểm, nhịp độ chiến trường khu Sáu vẫn sôi động hiệp đồng chung với chiến trường toàn Miền.

Chuẩn bị cho các đợt hoạt động tiếp theo chúng tôi gặp phải một số khó khăn. Qua 9 tháng chiến đấu liên tục, ác liệt, các đơn vị quân số giảm nhiều mà chưa bổ sung, rút thanh niên được quá ít, chiến trường Tuyên Đức vấn đề lương thực hết sức khó khăn. Để có sức chiến đấu được dài hơi, chúng tôi tranh thủ huấn luyện bộ đội, vừa hoạt động, vừa tranh thủ học tập, xây dựng, nâng cao chất lượng nhất là chuyển mạnh tư tưởng lấy ít thắng nhiều, lấy chất lượng thắng số lượng, phát huy sở trường đánh đặc công, và xây dựng được nhiều đơn vị bộ binh biết đánh đặc công. Xây dựng cho du kích biết đánh đặc công và công binh. Huấn luyện cho các đội công tác và giao liên biết rà gỡ mìn và gài mìn đánh lại địch. Rút thanh niên ở các cơ quan, ở các đội sản xuất, ở hành lang bổ sung cho đơn vị chiến đấu, thay chị em đảm nhiệm. Các tỉnh đều thành lập các trung đội nữ pháo binh, nữ công binh, nữ thông tin, đội công tác nữ. Quân khu thành lập đại đội 115 bộ binh nữ. Đào tạo nhiều nữ y tá, y sĩ cho các đơn vị chiến đấu. Ở vùng căn cứ đẩy mạnh sản xuất của nhân dân, sản xuất tự túc của các đơn vị và tích cực bảo vệ sản xuất.

Đông Xuân 1968 -1969, mặc dù lực lượng có hạn, chúng tôi vẫn tác chiến liên tục. Năm nay, Quân khu

tập trung các tiểu đoàn chủ lực của khu về chiến trường Bình Thuận. Điều tiểu đoàn 145 từ Lâm Đồng lên phối thuộc cho Tuyên Đức.

Vào đông xuân, Ban chỉ huy tiền phương A, tổ chức đặc công, kết hợp pháo, cối đánh căn cứ Sông Mao có diện tích rộng. Ở đây thường có sở chỉ huy sư đoàn nhẹ và trung đoàn 44 (sư đoàn 23), một đoàn cố vấn Mỹ, 1 đến 2 tiểu đoàn bộ binh, 1 chi đoàn tăng 4/8, 1 đại đội thám kích, 1 tiểu đoàn pháo (thiếu), tiểu đoàn huấn luyện tân binh.

Đêm 25, rạng 26 tháng 11 năm 1968, sau 40 phút chiến đấu quyết liệt, dũng mãnh, ta đánh dứt điểm các khu vực, các đội, mũi nhanh chóng tảo trừ, thu dọn, rút lui an toàn. Ngay từ đầu, ta đánh sở chỉ huy, khu thông tin, cắt đứt liên lạc mọi hướng, căn cứ Sông Mao tê liệt; địch ở Phan Thiết không kịp phản ứng trong đêm. Ta diệt trên 600 tên địch; bên ta, 9 đồng chí bị thương nhẹ, không có hy sinh.

Đêm 25 rạng ngày 26 tháng 11 năm 1968, đài kỹ thuật của Quân khu bắt được tin địch thú nhận: *"0 giờ 30 phút ngày 26 tháng 11 năm 1968, Việt cộng tiến công tràn ngập căn cứ trung đoàn 44 (sư đoàn 23) Sông Mao. Thiệt hại được coi là nghiêm trọng, tiểu đoàn một bộ binh, sở chỉ huy trung đoàn 44, chi đoàn 4/8, trận địa pháo bị thiệt hại nặng nề, 700 quân huấn luyện biến mất"*.

Chiến thắng Sông Mao còn có ý nghĩa quan trọng

là giải quyết tư tưởng cho bộ đội, rút kinh nghiệm về chỉ đạo tác chiến dùng chiến thuật đánh đặc công, với lực lượng ít, tinh nhuệ, có thể đánh địch trong công sự khá vững chắc, kết hợp với dùng hỏa lực pháo cối, kiểm chế những mục tiêu sâu mà ta không đánh tới, nhất là các hậu cứ lớn của địch.

Trận đánh đã được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhì.

Tiếp theo, ngày 8 tháng 1 năm 1969, hai tiểu đoàn 186 và 240 phục kích đánh thiệt hại 2 đại đội biệt kích Lương Sơn. Ngày 18 tháng 1 năm 1969, hai tiểu đoàn 840, 482 và bộ đội huyện Hàm Thuận đánh phá ấp Bình An, đánh thiệt hại 2 đại đội bảo an đi giải tỏa. Ngày 12 tháng 2 năm 1969, hai tiểu đoàn 840 và 186 cùng bộ đội địa phương huyện Thuận Phong đánh cứ điểm Bã Hòe, ven quốc lộ 1A cách Phan Thiết về hướng đông bắc 10 ki-lô-mét và đánh quân cứu viện diệt 1 đại đội Mỹ, đánh thiệt hại nặng 2 đại đội bảo an, đánh hỏng 2 xe M41.

Tháng 1 năm 1969, ở Tuyên Đức, bộ đội đặc công tập kích đánh thiệt hại 1 tiểu đoàn của trung đoàn 53 tại Liên Khương; tập kích yếu khu M'Lon, Suối Thông A trên đường 21 kéo dài (Đức Trọng) gây cho địch nhiều thiệt hại. Ở Lâm Đồng, bộ đội địa phương pháo kích gây hại hậu cứ tiểu đoàn 3/503 Mỹ. Ở Ninh Thuận, bộ đội đặc công đánh vào sân bay Thành Sơn, kết hợp pháo kích bằng đạn hỏa tiễn H12, cối 82, gây thiệt hại lớn, phá hủy 24 máy bay, gây cháy nổ kho xăng, kho đạn,

sân bay bị tê liệt trong 2 ngày.

Các tỉnh, bộ đội địa phương, đội công tác, du kích đều tập trung đánh phá bộ máy kìm kẹp ở xã, ấp, diệt ác ôn, diệt bọn hỗ trợ kìm, bước đầu làm chững lại âm mưu bình định cấp tốc của địch.

Vào cao điểm xuân 1969, phối hợp với toàn Miền, trong các ngày 22, 23 tháng 2 năm 1969, các địa phương, các đơn vị trong Quân khu đã đánh trên 100 mục tiêu, ở cả nông thôn, thị xã và căn cứ, kho tàng, đường giao thông.

Ở Bình Thuận, dưới sự lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp của Đảng ủy và Ban chỉ huy tiền phương A, các lực lượng của khu và tỉnh gài thế trận liên hoàn, đánh nhiều trận tiêu diệt nhiều sinh lực, nhiều phương tiện chiến tranh của địch trong thời gian ngắn. Mở màn hoạt động, ta sử dụng đặc công, kết hợp hỏa lực đánh căn cứ của tiểu đoàn 3/506 kỵ binh không vận Mỹ ở Camp Esêpic. Nằm trên đồi cát cao, sát biển, gần quốc lộ 1, địa hình trống trải, căn cứ có hệ thống đèn điện, có 4 lớp rào, bên trong có chiến hào, có hệ thống lô cốt bao quanh cách 50 mét một cái. Ban đêm cứ 10 đến 15 phút, trực thăng lại cất cánh rọi đèn pha xung quanh và hỏa lực bắn cầm chừng đề phòng ta tiến công.

Đêm 21 rạng 22 tháng 2 năm 1969, quân ta tấn công đánh thiệt hại nặng căn cứ tiểu đoàn 3/506 kỵ binh không vận Mỹ, hàng trăm tên Mỹ bị chết, bị thương, 13 máy bay, 12 khẩu pháo, 12 xe tăng, xe bọc

thép và nhiều nhà cửa, lô cốt bị phá hủy, nhiều kho đạn, kho xăng, dầu bị nổ, cháy nhiều giờ, cả căn cứ bị chìm trong biển lửa. Đây là trận thắng rực rỡ của quân và dân Bình Thuận và cũng là chiến thắng lớn trong Quân khu 6 được Bộ chỉ huy Miền tặng Huân chương Quân công hạng Nhì.

Sáng ngày 22 tháng 2 năm 1969, hai tiểu đoàn 840, 482 và bộ đội địa phương Hàm Thuận đánh phá ấp Bình Lâm trên đường số 8 đánh bọn đi giải tỏa, diệt và đánh thiệt hại nặng 2 đại đội bảo an, 1 tiểu đoàn cộng hòa và một bộ phận quân Mỹ đánh hỏng 2 xe M41, bắn rơi 2 máy bay. Buổi chiều cùng ngày, địch phải điều tiểu đoàn 2 trung đoàn 44 và chi đoàn thiết kỵ 4/8 từ Sông Mao vào ứng cứu. Đến Bàu Sen trên quốc lộ 1, đông bắc Phan Thiết 30 ki-lô-mét, địch lọt vào trận địa phục kích của tiểu đoàn 186 và tiểu đoàn 240. Trận đánh diễn ra quyết liệt kéo dài suốt buổi chiều. Địch bị đánh thiệt hại nặng: trên 400 tên chết và bị thương, 33 xe quân sự bị đánh hỏng, trong đó có 5 xe tăng M41, 2 máy bay bị bắn rơi.

Liên tiếp những ngày sau đó, ta pháo kích vào tiểu khu, tòa hành chính tỉnh, Camp Esêpic, các trận địa pháo Mỹ ở Tân Nông, nông Cà Tang. Bộ đội địa phương, đội công tác và du kích toàn tỉnh Bình Thuận và Bình Tuy phối hợp hoạt động đều khắp, liên tục tiêu hao, tiêu diệt bọn cảnh sát, ác ôn, bình định giữ ấp; đánh bọn địch bung xĩa ra các vùng ven, đánh phá giao thông.

Các tỉnh trong khu đều phát huy cách đánh đặc công và pháo kích đánh vào các thị trấn, thị xã, sân bay, kho tàng, đồn bót của địch. Đặc biệt, Ninh Thuận nhiều lần dùng hỏa tiễn H12, cối 82 pháo kích vào sân bay Thành Sơn, phá hủy 18 máy bay diệt nhiều địch, đánh phá cảng Ninh Chữ, phá ống dẫn dầu; diệt cứ điểm Đồng Mé (trên đường 11). Ở Đà Lạt, đặc công và biệt động đánh vào khách sạn Duy Tân, diệt 68 tên Mỹ; đánh hỏng nặng sân bay Cam Ly. Các tiểu đoàn 810, 145 kết hợp giữa bộ binh và đặc công đánh diệt một số đại đội bảo an, đoàn binh định, trung đội dân vệ chốt giữ ấp trên trục đường 20 và 21 kéo dài. Tháng 4 năm 1969, lực lượng võ trang Lâm Đồng tập kích đánh thiệt hại nặng 1 đại đội của tiểu đoàn 3/503 Mỹ.

Đông xuân 1968 - 1969, các tỉnh đã nỗ lực tiến công địch tương đối đều ở cả ba vùng, đã chuyển được về tư tưởng và cách đánh (lấy ít thắng nhiều, lấy chất lượng thắng số lượng) diệt được nhiều địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh. Tính chung, từ tháng 11 năm 1968 đến tháng 4 năm 1969, ta loại khỏi vòng chiến đấu 17.895 tên địch (có nhiều tên Mỹ) phá hủy và bắn rơi 120 máy bay, gần 200 xe quân sự (trong đó có 50 xe tăng và xe bọc thép) làm cháy nổ nhiều kho đạn và xăng dầu, thu gần 300 súng các loại¹. Về tác chiến, các lực lượng quân đội có chuyển biến trong nhiệm vụ đánh phá kế hoạch bình định của địch, đã chú trọng

1. Theo số liệu báo cáo của Phòng Tham mưu Quân khu 6.

đánh vào bọn bình định nông thôn, sơn thôn, bọn cảnh sát, bọn tề vệ ở xã, ấp, vừa đánh địch, vừa phát động quần chúng nổi dậy phá các hình thức kìm kẹp, xây dựng thế đấu tranh hai chân ba mũi, nhưng nhìn chung chuyển biến chưa mạnh.

Vào hoạt động hè, ở trọng điểm Bình Thuận, đêm 11 rạng 12 tháng 5 năm 1969, ta đánh căn cứ sông Mao lần thứ hai, diệt trên 400 tên. Sau đó, các tiểu đoàn 840, 186, 240 đánh địch đi giải tỏa, đánh thiệt hại tiểu đoàn 2 trung đoàn 44; 2 đại đội bảo an, bắn hỏng 5 xe tăng, bắn rơi 1 trực thăng.

Ngày 27 tháng 5, hai tiểu đoàn 840, 240 bố trí phục kích vận động ở Dốc Cúng trên quốc lộ 1, giữa Phan Rí và Liên Hương (Tuy Phong) đánh thiệt hại nặng nề chi đoàn thiết kỵ Mỹ, phá hỏng 13 xe có 5 tăng M41. Ngày 7 tháng 7, đặc công tập kích đánh vào căn cứ biệt kích Lương Sơn, diệt 350 tên địch, phá hỏng 12 xe bọc thép trong đó có 4 tăng M41, 1 pháo 105 ly, bắn rơi 1 trực thăng.

Ngày 20 tháng 7, tiểu đoàn 840 bố trí phục kích vận động ở dốc Hội Long (xã Hòa Minh - Tuy Phong) trên quốc lộ 1, đánh diệt nhiều sinh lực địch, phá hủy 27 xe quân sự, trong đó có 4 tăng M41. Trên đường ta rút lui, địch dùng trực thăng đuổi theo và đổ quân, đồng thời xe tăng từ Sông Mao ra, ta đánh trả quyết liệt bắn rơi 3 trực thăng, bắn cháy 2 xe tăng M41.

Phối hợp với hoạt động của các tiểu đoàn chủ lực

của khu; bộ đội tỉnh, huyện liên tiếp tấn công vào các ấp, các thị trấn đánh bọn kìm kẹp, hỗ trợ nhân dân đấu tranh bung về vườn, đất cũ; nhiều gia đình bám lại ruộng vườn bắt chấp bom, pháo bắn phá. Ngày 15 tháng 7 năm 1969, địch cho một đoàn xe địch ủi phá cánh đồng thôn một xã Hồng Sơn. Chị Nguyễn Thị Bính, phó bí thư chi bộ dẫn đầu một đoàn gồm 50 chị em giăng hàng ngang chặn xe địch. Trước tình thần dũng cảm và những lời lẽ đầy thuyết phục, có lý, có tình, bọn Mỹ đành quay đầu xe trở về căn cứ. Ông Bảy Hiệu ở Hàm Chính nằm chặn đầu đoàn xe bọc thép Mỹ chạy băng qua cánh đồng lúa của bà con, buộc đoàn xe phải quay lại.

Các tỉnh Tuyên Đức, Lâm Đồng, Ninh Thuận và Bình Tuy cũng phát triển tiến công địch đều và mạnh hơn. Nhiệm vụ đánh phá bình định có nhiều chuyển biến tiến bộ.

Kết thúc đợt hoạt động hè năm 1969, cũng là lúc kết thúc nhiệm vụ của Bộ chỉ huy và Đảng ủy tiền phương A Quân khu 6. Lúc này, cấp trên điều anh Năm Ngà về Miền; Thượng tá Nguyễn Trọng Xuyên, nguyên phó chỉ huy trưởng Quân khu 10 về thay anh Năm Ngà.

Sau khi anh Năm Ngà về Miền, theo đề nghị của Khu ủy, Bộ chỉ huy Miền có quyết định bổ nhiệm Thượng tá Phan Văn Hược làm Phó Chính ủy kiêm Chủ nhiệm chính trị Quân khu; tôi (Lê Văn Hiền) Phó Chính ủy thứ nhất Quân khu. Lúc bấy giờ, Bộ chỉ huy Quân

khu có 5 người: anh Trần Lê, Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy; Nguyễn Trọng Xuyên, Phan Văn Hược, thượng tá Lê Thành Cọng, Phó chỉ huy trưởng kiêm Tham mưu trưởng và tôi. Đảng ủy Quân khu gồm: anh Trần Lê - Bí thư Khu ủy kiêm Bí thư Đảng ủy, tôi - Phó Bí thư và các ủy viên: Nguyễn Trọng Xuyên, Lê Thành Cọng, Phan Văn Hược và trung tá Lê Cật - Chủ nhiệm Hậu cần.

Vào thu, phát huy thắng lợi hè, đêm 11 tháng 8 năm 1969, đặc công của các tiểu đoàn của khu, đánh căn cứ Sông Mao lần ba, địch chết và bị thương 450 tên, ta đánh thiệt hại nặng 3 đại đội và sở chỉ huy trung đoàn 44, đánh sập 6 lô cốt, 3 hầm ngầm, phá hủy 2 pháo 105 ly, đánh hỏng 6 xe quân sự có 3 xe tăng, đốt 4 tấn đạn, thu 34 súng các loại. Ngày 15 tháng 8, hai tiểu đoàn 186, 240, vây đồn Bàu Ốc, kéo địch đi giải tỏa, đánh thiệt hại nặng 2 đại đội biệt kích và chi đoàn xe bọc thép 2/8, diệt hơn 100 tên; phá hủy 11 xe bọc thép, có 4 xe tăng M41. Tiếp theo, đêm 21 tháng 8, đặc công đánh bồi vào căn cứ Sông Mao lần thứ tư, đánh thiệt hại nặng 2 đại đội và trận địa pháo diệt 150 tên địch.

Ngày 3 tháng 9, tin Bác Hồ qua đời - một tổn thất lớn lao của dân tộc, của đất nước đến với Đảng bộ và quân dân khu Sáu. Từ cơ quan đến đơn vị, từ vùng căn cứ giải phóng đến vùng tạm chiếm, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, đồng bào đều vô cùng thương tiếc Bác kính yêu, không sao cầm được nước mắt. Khu ủy mở đợt sinh hoạt chính trị trong Đảng, trong các lực lượng vũ trang và trong các tầng lớp nhân dân, biến đau

thương thành sức mạnh, xây dựng quyết tâm vượt mọi khó khăn, thực hiện lời dạy của Bác “*Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào*” để xứng đáng với muôn vàn tình thương yêu của Người.

Ngày 5 tháng 9, hai tiểu đoàn 840 và 240 phục kích đánh giao thông trên quốc lộ 1 ở khu vực Bàu Đá (gần Dốc Cúng, giữa xã Hòa Minh và Liên Hương) diệt tiểu đoàn 1 (thiếu) của trung đoàn 44, phá hủy 25 xe quân sự có 7 xe bọc thép, bắn rơi 3 trực thăng. Đêm 6 tháng 9, tiểu đoàn 186 diệt yếu khu Sông Lũy thu toàn bộ vũ khí. Bộ đội địa phương, du kích, đội công tác các huyện của Bình Thuận liên tục tấn công lực lượng kìm kẹp, phá lỏng rãi nhiều ấp chiến lược, phát động quần chúng đấu tranh chính trị và binh vận.

Ở Lâm Đồng, đêm 11 tháng 9, tiểu đoàn 200C phối hợp với địa phương tấn công chi khu Di Linh và căn cứ trung đoàn 53 diệt khoảng 700 tên. Tấn công đồn và ấp Đình Trang Hạ, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội bảo an, 1 đoàn binh định thu vũ khí.

Ở Tuyên Đức, đêm 5 rạng 6 tháng 9, ta đánh thiệt hại nặng trung tâm huấn luyện cảnh sát dã chiến, diệt gần 600 tên và đánh một số mục tiêu khác. Ninh Thuận cũng đánh một số mục tiêu trong thị xã Phan Rang, pháo kích sân bay Thành Sơn; đánh vào ấp Phước Lập, diệt 1 trung đội bảo an và 1 trung đội dân vệ.

Sau ngày Bác Hồ đi xa, tôi về cơ quan Quân khu nhận nhiệm vụ. Đầu tháng 9, chúng tôi họp Đảng ủy và

Bộ chỉ huy để triển khai kế hoạch thu đông năm 1969.

Về địch, để bảo đảm giao thông trên quốc lộ 1 từ Bình Tuy ra Ninh Thuận, đây cũng là đoạn đường huyết mạch giữa hai vùng chiến thuật 2 và 3, hè năm 1969, chúng đưa đến Bình Thuận 2 tiểu đoàn thiết kỵ Mỹ: tiểu đoàn 1/50 đứng ở chân núi Tà Dôn, tiểu đoàn 2/1 đứng ở căn cứ Sông Mao. Tháng 8 năm 1969, địch rút tiểu đoàn 3/503 Mỹ ở Lâm Đồng; đến tháng 11 chúng rút tiểu đoàn 3/506 ở Bình Thuận, thay vào đó là hai trung đoàn 44 và 53 (sư đoàn 23). Lúc này, địch vẫn đẩy mạnh bình định cấp tốc.

Nhiệm vụ thu đông theo nghị quyết Khu ủy là: *“Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đánh tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, đánh bại về cơ bản kế hoạch “bình định cấp tốc” của chúng, đồng thời ra sức xây dựng phát triển lực lượng ta về mọi mặt, làm chuyển biến cục diện chiến trường có tính chất nhảy vọt”*

Để căng kéo địch, và hỗ trợ cho phong trào địa phương, Quân khu bố trí hai tiểu đoàn 186 và 240 đứng hoạt động ở phía bắc Bình Thuận; điều tiểu đoàn 840 ra Ninh Thuận; tiểu đoàn 200C tiếp tục hoạt động ở Lâm Đồng. Ở Bình Tuy, theo điện của Bộ chỉ huy Miền thì đầu tháng 10, tiểu đoàn 1 của trung đoàn 33 từ Long Khánh ra, phối hợp với địa phương hoạt động và chuẩn bị chiến trường cho trung đoàn ra đứng chân hoạt động. Bộ chỉ huy phân công anh Xuyên xuống Bình Thuận chỉ

đạo các tiểu đoàn của khu và lực lượng tinh hoạt động; anh Hược ra chỉ huy mặt trận Ninh Thuận, tôi đi Bình Tuy chỉ đạo trung đoàn 33 phối hợp với lực lượng tinh hoạt động. Anh Lê Thành Cọng ở tiền phương B mới về, được phân công thường trực và theo dõi chỉ đạo hai tỉnh Tuyên Đức, Lâm Đồng. Đầu tháng 10 anh Hược và tôi lên đường, thì một tổn thất đau thương xảy ra. Trên đường ra Ninh Thuận, khi đi qua suối Cà Dây (ở đoạn Mù U) thuộc huyện Phan Lý, bất ngờ gặp cơn lũ quét. Anh Hược và một chiến sĩ bảo vệ bị nước cuốn trôi. Là một cán bộ trung kiên, gương mẫu, anh Phan Văn Hược chiến đấu trên chiến trường khu Sáu từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, anh vào chiến trường cuối năm 1959. Được tin anh hy sinh, cán bộ chiến sĩ trong Quân khu đều thương tiếc. Trước tình hình đó, Quân khu cử Trung tá Phạm Văn Kha, Tham mưu phó Quân khu ra thay.

Trong đợt hoạt động đông ở Bình Thuận đầu tháng 11, tiểu đoàn 186 tập kích cụm cơ giới Mỹ ở Tà Nung, bắn cháy 17 xe tăng và xe bọc thép; sau đó chuyển ra phía bắc tỉnh cùng tiểu đoàn 240 và lực lượng địa phương đánh phá các ấp chiến lược ven đường số 1 từ Hòa Đa đến Tuy Phong, và đánh phá giao thông gây cho địch nhiều thiệt hại. Ở phía nam, tiểu đoàn 482 và bộ đội địa phương đánh phá các ấp ven thị xã và trên đường 8, nhiều lần pháo kích vào tiểu khu, tòa hành chính, ty cảnh sát, gây cho địch nhiều thiệt hại, hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh.

Ở Bình Tuy, tiểu đoàn 1 của trung đoàn 33 phối hợp với địa phương đánh phá các ấp chiến lược trên đường số 3 từ Trà Tân đến Chính Đức, Nghị Đức, đánh tan rã lực lượng kìm kẹp, diệt bọn bình định, bảo an, nhưng nhiệm vụ chính của tiểu đoàn lúc này là chuẩn bị lương thực, chuẩn bị chiến trường.

Ở Lâm Đồng, ta đánh vào căn cứ của trung đoàn 53 nguy diệt 300 tên, và đánh vào ấp Đình Trang Hạ, diệt một đoàn bình định sơn thôn, tước vũ khí phòng vệ dân sự.

Ở Tuyên Đức, đánh thiệt hại nặng trung tâm huấn luyện cảnh sát cơ bản lần hai; pháo kích trường võ bị, đánh giao thông trên đường 20, diệt khoảng 500 tên địch, phá hỏng 6 xe quân sự.

Ở Ninh Thuận, 0 giờ 25 phút ngày 15 tháng 11, đặc công (tiểu đoàn 840) đánh thiệt hại nặng trung tâm huấn luyện nghĩa quân An Phước, địch chết và bị thương hơn 600 tên. Trận này được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba. Tiếp theo tiểu đoàn 840 và 610 đánh vào ấp Phước Lập (thuộc nhà Tiên Lễ) và ấp Hữu Đức, và đánh địch đi giải tỏa, đánh thiệt hại nặng 2 trung đội nghĩa quân, 5 đại đội địa phương, 1 chi đội thiết giáp, bắn cháy 1 máy bay trinh sát. Bộ đội địa phương và đội công tác tấn công vào các ấp Thuận Hòa, Vạn Phước, Ninh Quý, đánh tan rã bộ máy kìm kẹp, phát động quần chúng xây dựng cơ sở. Trong thời gian ngắn, tiểu đoàn 840 phối hợp với lực

lượng địa phương đánh phá kế hoạch bình định, tiêu diệt lực lượng kìm kẹp. Buộc địch phải điều hai tiểu đoàn của trung đoàn 44 và chi đoàn 2/1 thiết xa vận Mỹ từ Bình Thuận ra cứu nguy.

Xuân hè năm 1970.

Địch tiếp tục việc bình định nông thôn, phục vụ chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Chúng sử dụng hai trung đoàn 44, 53, sư đoàn 23 mở chiến dịch “Tứ Cường” từ ngày 10 tháng 2 đến 25 tháng 3 năm 1970, đánh sâu vào các vùng căn cứ của ba tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức, Bình Thuận. Theo chân trung đoàn 33, lữ đoàn 199 Mỹ đổ quân đóng chốt ở Võ Xu, Quang Hà, Núi Giang, càn quét Hoài Đức, Tánh Linh. Bên trong, bộ đội địa phương quân và nghĩa quân bung ra đánh phá các bàn đạp để ngăn chặn ta, đồng thời liên tục hành quân cảnh sát; đẩy mạnh chiến dịch “Phượng Hoàng” truy phá cơ sở cách mạng.

Về phía ta, trọng điểm 1 của khu - Bình Thuận, có 3 tiểu đoàn: 840, 186, 240 và các lực lượng của tỉnh. Ở trọng điểm 2 - Tuyên Đức, Quân khu điều tiểu đoàn 200C lên tăng cường cho tỉnh. Bình Tuy, có trung đoàn 33 của Miền có nhiệm vụ phối hợp với các lực lượng địa phương đánh tiêu diệt địch, mở rộng vùng nông thôn Hoài Đức, Tánh Linh, tạo bàn đạp để phát triển vào vùng sâu của miền Đông Nam Bộ từ hướng đông.

Bình Thuận mở màn, ta sử dụng 3 đại đội đặc công của ba tiểu đoàn của khu và đại đội 3 bộ binh của tiểu

đoàn 840 đánh căn cứ Sông Mao lần thứ năm; các đại đội bộ binh còn lại của ba tiểu đoàn đánh địch giải tỏa và ứng viện xung quanh Sông Mao.

Sau khi các mũi đặc công tiếm nhập đưa lực lượng vào áp sát từng mục tiêu, đúng 0 giờ 30 ngày 31 tháng 3, các mũi đồng loạt nổ súng dồn dập đánh chiếm các mục tiêu và phát triển thuận lợi. Trận đánh diễn ra quyết liệt, sau 30 phút chiến đấu thì nhiều tốp xe tăng địch tiến ra phản kích, bịt kín các cửa mở. Đồng chí Đầu, đại đội trưởng đặc công và đồng chí Thuyết chính trị đại đội 3 bộ binh (đều của tiểu đoàn 840) tổ chức lực lượng và trực tiếp chỉ huy đánh xe tăng địch. Các tổ chiến đấu của đồng chí Sang, đồng chí Định, bắn cháy 7 xe tăng; tổ đồng chí Thủy, trung đội trưởng nhanh chóng phát triển đánh vào sườn bãi cơ giới để giải quyết lối ra cho đơn vị. Các đồng chí Đầu, Thuyết, Thủy, Định¹, đã hy sinh ở khu vực này.

Trong 30 phút chiến đấu ta phát triển tốt, thắng giòn giã, các mục tiêu đều đánh chiếm nhanh gọn, tiêu diệt rất nhiều sinh lực địch. Nhưng do không có lực lượng đánh vào khu xe tăng ngay từ đầu và cũng không có hỏa lực chế áp ngăn chặn, mặt khác ta không tổ chức lực lượng dự bị tiếp chiến nên để xe tăng và lực lượng dự bị quan trọng của địch tung ra phản kích gây thiệt

1. Đồng chí Nguyễn Tấn Định được truy tặng danh hiệu *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân* ngày 19 tháng 5 năm 1972.

hai. Ta hy sinh 10 đồng chí và bị thương 11. Tuy vậy, ta cũng diệt và làm bị thương khoảng 600 tên địch, phá hủy một số phương tiện chiến tranh, diệt 7 xe tăng.

Tiểu đoàn 186 bố trí đánh quân ứng viện ở khu vực Cà Dây (tây Sông Mao). Tiểu đoàn 840 (thiếu) và tiểu đoàn 240 bố trí đánh địch giải tỏa phía bắc và đông bắc Sông Mao. Sáng ngày 31 tháng 3, chi đoàn 2/1 thiết xa vận Mỹ và chi đoàn 2/8 nguy từ căn cứ Sông Mao ra giải tỏa gặp tiểu đoàn 840, tiểu đoàn 240 chặn đánh quyết liệt. 11 giờ cùng ngày, chiến đoàn 1/50 bộ binh cơ giới Mỹ, từ Tà Dôn ra, đi vào trận địa tiểu đoàn 186. Cuộc đụng độ dữ dội suốt buổi chiều hôm ấy. Cả hai trận đánh, ta diệt được khoảng 150 tên địch có nhiều tên Mỹ, phá hủy 15 xe bọc thép, bắn rơi 1 trực thăng. Nhưng ta cũng bị thương vong 50 đồng chí, đại đội 3 của tiểu đoàn 186 bị tổn thất nặng. Cả hai trận đánh trên không thành công là do công tác tổ chức, chỉ huy chiến đấu của ta chưa thật hợp lý. Bộ chỉ huy tiền phương điều tiểu đoàn 186 từ Khu Lê về và cho trung úy Cao Văn Trợ, trợ lý tác chiến tiền phương xuống đón và đưa tiểu đoàn vào bố trí khu vực Cà Dây trong đêm. Tiểu đoàn trưởng và chính trị viên không đủ thời gian để tổ chức chuẩn bị trận đánh bài bản. Tiểu đoàn 840 và 240 vừa mới chiến đấu ở ngoại vi Sông Mao rút ra, cán bộ chiến sĩ mệt mỏi, lại gặp chỗ đất cứng nên cấu trúc công sự thiếu vững chắc. Hơn nữa, cách bố trí lực lượng rời rạc theo lối bậc thang nhảy cóc, không coi trọng hỏa lực, không hình thành điểm tựa, cụm điểm tựa có trận địa

hỏa lực, khu then chốt đánh tăng với công sự vững chắc mà tiểu đoàn này đã từng áp dụng, nên khi gặp phải đối tượng tác chiến có sức đột kích mạnh dẫn đến tổn thất.

Trận đánh căn cứ Sông Mao và đánh địch giải tỏa, ứng viện lần này cũng cho chúng tôi một số kinh nghiệm quý.

Đêm 10 rạng 11 tháng 4, tiểu đoàn 482 và đặc công của tỉnh đánh yếu khu Kim Ngọc, địch chết và bị thương 200 tên (có một số tên Mỹ), phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, thu 3 súng nhưng ta cũng hy sinh 10 đồng chí (1 cán bộ đại đội, 5 cán bộ trung đội) bị thương 13 đồng chí, mất 3 B40, 3 AK, 1 K54.

Đêm 2 rạng ngày 3 tháng 5, đại đội đặc công và hỏa lực của tiểu đoàn 840 phối hợp với đặc công tỉnh, dưới sự chỉ huy trực tiếp của tiểu đoàn trưởng Lê Văn Xởi chỉ huy trưởng và hai chỉ huy phó là Lương Thái Hà và Tạ Quang Kính, tiến công Camp Esêpic lần thứ ba¹ diệt hàng trăm tên Mỹ, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, trong đó có 23 máy bay, 37 xe quân sự (có 25 xe tăng và xe bọc thép)

Tiếp theo, ba đại đội đặc công của ba tiểu đoàn 840, 186, 240 đánh vào căn cứ chiến đoàn 1/50 bộ binh cơ giới Mỹ ở Tà Dôn, diệt 250 tên, phá hủy một số xe quân sự, có 13 xe tăng, xe bọc thép và 8 khẩu pháo.

1. Đánh Camp Esêpic lần thứ nhất vào dịp tết Mậu Thân, lần thứ hai vào đầu 1969.

Ở Bình Tuy, lữ đoàn 199 đổ một tiểu đoàn hỗn hợp, bộ binh cơ giới xuống Võ Xu, định càn quét vùng giải phóng bắc sông La Ngà. Đêm 7 tháng 4 năm 1970 trung đoàn 33 tập kích diệt tiểu đoàn này. Tiếp theo trung đoàn diệt cụm pháo Mỹ ở Quang Hà, pháo kích vào đồn Núi Giang, chi khu Tánh Linh gây cho địch nhiều thiệt hại. Sau đó cùng bộ đội địa phương phá các ấp chiến lược trên đường số 3 và đánh giao thông từ Gia Huynh đi Võ Đắc. Trung tuần tháng 4, địch càn vào khu vực núi Lốp, trung đoàn và bộ đội địa phương đánh diệt nhiều tên Mỹ, bắn rơi 1 chiếc máy bay trực thăng. Tên thiếu tướng Uy-li-am Bon, tư lệnh lữ đoàn 199 và một số sĩ quan tùy tùng phải đền tội.

Cuối tháng 5 năm 1970, thực hiện chỉ thị của Bộ chỉ huy Miền, khu Sáu tổ chức đánh tương đối lớn vào Đà Lạt, ở lại bên trong được vài ba ngày, để kéo bớt quân nguy từ Cam-pu-chia về. Ta sử dụng hai tiểu đoàn bộ binh 810 và 145, tiểu đoàn đặc công 200C, các đại đội đặc công, biệt động thị xã và lực lượng du kích, biệt động mật bên trong. Đêm 29 tháng 5, các hướng, các mũi tấn công đồng loạt nổ súng, đánh thiệt hại nhiều mục tiêu, rồi bám trụ, đánh phản kích quần nhau với địch cho đến ngày 1 tháng 6 năm 1970. Ta đã đánh dinh thị trưởng, trường võ bị quốc gia, trường chiến tranh chính trị, cơ quan vô tuyến viễn thông, phá hủy nặng nề, cắt đứt mọi đường liên lạc vô tuyến của địch (do biệt động mật đánh). Ta đánh chiếm trận địa pháo Tân Lạc, chiếm các ấp Đa Thiện, Đa Cát, lãnh địa Đức

Bà, khu vực trường đại học Giáo hoàng chủng viện, đánh phản kích liên tục, chặn đánh quân tiếp viện từ thác Pren đến đường Nguyễn Tri Phương. Lực lượng bên trong truy lùng diệt ác, kết quả ta diệt gần 1.000 tên địch, và cũng tạo được tiếng vang lớn.

Ở Lâm Đồng, tổ du kích vùng căn cứ bắc Bảo Lộc (K1) do đồng chí K' Wét chỉ huy bắn rơi chiếc trực thăng chở tên trung tướng Giê-oóc-gi Kây-si, tư lệnh sư đoàn kỵ binh không vận Mỹ, cùng 7 sĩ quan tùy tùng thiệt mạng. Liên tiếp 2 ngày sau, du kích K1 bắn rơi 6 trực thăng đến lấy xác đồng bọn.

Ở Ninh Thuận, đơn vị H15 và đại đội đặc công 311 phối hợp đánh vào sân bay Thành Sơn, phá hủy 300 tấn bom, diệt 40 tên Mỹ và xây dựng vành đai du kích bắn máy bay lên xuống sân bay (do 5 tiểu đội du kích Bắc Ái phụ trách).

Sau một số trận đánh tập trung, các tiểu đoàn đều phân tán cùng bộ đội địa phương và đội công tác đánh phá kế hoạch bình định của địch.

Trong chuỗi dài chiến công xuất sắc nói trên, những hình ảnh đẹp đẽ của cán bộ, chiến sĩ ta nổi bật lên, tiêu biểu cho bản chất cách mạng của quân đội, phẩm chất cao quý của người chiến sĩ khu Sáu kiên trung. Trận tập kích Camp Esêpic, để không lộ dấu vết hành quân trên cát, bộ đội ta lặng lẽ đi dưới mép nước dọc theo bờ biển Lạc Đạo trong tiếng rì rào của sóng biển và gió khơi. Đánh xong, có chiến sĩ lạc đơn vị, phải ém mình dưới bụi cây, trên bãi

cát. Sáng hôm sau, địch phản kích điên cuồng. Mình vùi sâu vào cát, chỉ hở đôi mắt nhìn và cái mũi để thở, anh em đã chịu đựng suốt một ngày ròng rã dưới cái nắng thiêu đốt và rất bỏng như rang.

Như vậy, trong số 4 viên tướng Mỹ bị diệt trên chiến trường toàn Miền xuân hè 1970, có 2 tên bị diệt trên chiến trường khu Sáu.

Trận chiến ở Núi Lốp, giữa bom đạn mịt mù, anh em ta không phân biệt được người diệt tên tướng Mỹ là ai và có đúng chiếc máy bay bị rơi kia chở tên tướng Mỹ hay không? Nhưng tối hôm đó, nghe tin qua đài địch, chúng tôi rất mừng vì Bình Tuy là tỉnh đầu tiên của khu Sáu diệt được 1 tên tướng Mỹ. Trung đoàn 33 - tức Trung đoàn Quyết Thắng đã lập thành tích vẻ vang trên. Anh em ta, sau đó đi tìm, nhặt được chiếc áo của tên tướng Mỹ bị bắn thủng, dính đầy máu. Chẳng là, khi đến lấy xác Uy-li-am Bon, địch vội vã rút chiếc áo bị thủng lại đó. Trong áo, còn có cả giấy tờ của tên này. Tại cuộc liên hoan, hát điệu thuốc thơm và ăn kẹo của Tỉnh ủy tặng, chúng tôi đã nói chuyện với nhau mãi về trận đánh này. Ở Lâm Đồng, người diệt tên tướng Mỹ Giê-oóc-gi Kây-si là đồng chí K'Wét xã đội trưởng người dân tộc Xê-tiêng. Xã của đồng chí là ngọn cờ đầu săn diệt máy bay Mỹ ở vùng căn cứ bắc Lâm Đồng (K1). Giống như Chamaléa

Châu¹ - dũng sĩ diệt máy bay ở vùng rừng núi Bắc Ái - K'Wét người nhỏ, da đen, mắt sáng, mỗi lần đi đánh giặc thường trang bị cho mình: khẩu súng, bao đạn, cánh ná, ống tên. Hôm báo cáo chiến công ở Đại hội chiến tranh du kích, K'Wét nói rất vui: *"Đồng bào mình không sợ cái xe bay nữa đâu. Cái bụng nó to, cái cánh nó lớn, bắn nó dễ như bắn con chim"*.

Trận tiến công vào thị xã Đà Lạt cuối tháng 5 năm 1970, là trận đánh có ý nghĩa quan trọng. Bởi vì lúc này tình hình Đông Dương đang sôi động và phức tạp. Mỹ giật dây Lon Non đảo chính lật đổ Xi-ha-núc ở Cam-pu-chia và huy động 10 vạn quân cả Mỹ lẫn ngụy Sài Gòn mở cuộc hành quân xâm lược vào đất Cam-pu-chia. Để phối hợp với chiến trường Cam-pu-chia, đánh bại âm mưu của Mỹ-ngụy, tranh thủ thời cơ tạo thế cho cục diện chung, Bộ chỉ huy Miền giao cho khu Sáu đánh một trận vào trung tâm Đà Lạt, một thành phố vốn có tiếng tăm trên trường quốc tế, nhằm tạo nên một tiếng vang lớn, buộc địch thêm bị động đối phó cả phía trước lẫn phía sau.

Hôm nhận được điện của Bộ chỉ huy Miền (do anh Hoàng Văn Thái ký) chúng tôi rất lo. Tuyên Đức quân số ít, lương thực thiếu, các trận đánh vừa qua quân số bị giảm hụt, chưa bù đắp kịp, nay đánh vào hang ổ địch

1. Chamaléa Châu được tuyên dương *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*.

liệu có hoàn thành nhiệm vụ hay không? Nhưng kiên quyết chấp hành mệnh lệnh cấp trên, chúng tôi lên đường. Trong khi địch huênh hoang đã đẩy được “Việt cộng” ra xa các thành phố, thì đêm 29 tháng 5 năm 1970, lực lượng vũ trang Tuyên Đức đã hiên ngang cầm cờ cách mạng trên nóc dinh thị trưởng, giáo hoàng chủng viện, trận địa pháo Tân Lạc, v.v...

Trận đánh đã để lại nhiều “giai thoại” cho đến nay vẫn không thể quên được. Ngày 1 tháng 6, cả Đà Lạt đổ ra đường để chào mừng cách mạng. Kẻ địch mãi về sau vẫn chưa hết vẻ hoảng hốt, bàng hoàng. Chúng lân la hỏi đồng bào: *“Công sự, đồn bót, chốt phòng ngự dày đặc thế, vậy “Việt cộng” đi vô bằng đường nào? Họ bay trên trời hay dộn thổ?”* Đồng bào trả lời chúng, lời lẽ vừa thau vùi, vừa chua cay: *“Họ có cánh đâu mà bay, có phép thần đâu mà dộn thổ. Họ đi trên mũi quốc gia đó”.*

Ở Giáo hoàng chủng viện, anh em ta vừa đánh địch phản kích, vừa làm công tác chính trị với một số cố đạo người nước ngoài đang thụ giáo ở đây. Họ gồm nhiều quốc tịch: Mỹ, Anh, Pháp, Ba Lan, Hung-ga-ri, Ca-na-đa. Họ chăm chú nghe anh em ta giải thích tính chất chính nghĩa của cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta và tố cáo tội ác cướp nước, hành động chiến tranh vô nhân đạo của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Cuộc nói chuyện đang tiếp tục thì bên ngoài bọn địch bắn đạn hóa học vào chủng viện. Để bảo vệ những người này, anh em ta đưa tất cả họ lên lầu và hướng dẫn mọi người lấy khăn tắm nước tiểu bịt mũi lại. Họ đồng ý làm theo sự hướng

dẫn và rất phục tinh thần nhân đạo của bộ đội ta. Họ càng cảm phục hơn khi thấy mấy anh bộ đội nói tiếng Anh rất sôi và có sự hiểu biết rộng rãi. Lúc rút quân, anh em ta tặng mỗi người một tấm ảnh Bác Hồ và họ đã nhận với thái độ trân trọng.

Đánh địch đạt kết quả đáng mừng, nhưng chúng tôi vẫn thấy nhiệm vụ chống phá bình định còn trầy trập, đạt yêu cầu thấp. Trận địa xã, ấp còn bị mất nhiều. Thế bám trụ chiến trường còn khó khăn. Phong trào chưa tạo thêm được thế và lực mới trên cả ba vùng.

Giữa mùa xuân năm 1971, trong một cuộc họp Khu ủy và Quân khu ủy, chúng tôi rà soát lại thực lực toàn khu qua những con số trong thời điểm ấy. Toàn khu có 809.269 người. Vùng căn cứ và vùng giải phóng 24.183 người; vùng làm chủ 58.687 người; vùng tranh chấp 77.673 người; vùng lỏng rã kìm 122.425 người; vùng địch kìm kẹp 546.121 người. Như vậy, so sánh lực lượng địch, ta, còn một khoảng cách lớn. Việc làm chuyển biến tương quan lực lượng còn phải có sự nỗ lực phấn đấu vượt bậc.

Trong hội nghị, một vấn đề mới được đặt ra: Đối với lực lượng võ trang, trong điều kiện khu Sáu hiện nay, hoạt động tập trung, phân tán như thế nào là thích hợp? Có nên giải tán các đội võ trang công tác để tập trung xây dựng những quả đấm thật mạnh?

Chúng tôi thảo luận sôi nổi để tìm ra câu giải đáp đúng đắn. Ở khu Sáu, phương thức chính trị và võ trang

kết hợp trong đội hình tổ, đội công tác ra đời từ giữa năm 1957, khi địch bắt đầu dồn dân miền núi xuống tập trung ở dưới bằng, là phương thức rất thích hợp. Đội được tổ chức gọn, nhẹ, gồm những chiến sĩ vừa đánh giặc giỏi, vừa làm công tác chính trị cừ. Đội công tác và chiến đấu trong hoàn cảnh thâm lặng, gian khổ, nhưng rất mưu trí, dũng cảm, kiên cường. Với phương thức “đi che êm, đứng cho vững, trụ cho gan”, đội là những mũi tên nhọn sắc xuyên sâu vào vùng địch, xây dựng cơ sở, tổ chức phong trào cách mạng của nhân dân. Từ những ngày đầu mở phong trào đồng bằng ở Bình Thuận, có những thời kỳ tôi đã chiến đấu và bám trụ cùng anh em ở phía trước các vùng Hòa Đa, Thuận Phong, Hàm Thuận, Hoài Đức, Tánh Linh, v.v...

Lên đường vào vùng sâu lúc chập choạng tối, đề phòng địch gài mìn trên đường, mỗi đồng chí cầm một que tre vót thật nhọn, cúi xuống quơ rà trong đêm tối, lần những mối dây mìn, mở lối cho bước đi. Thần chết rình rập ở những sợi dây mìn địch chằng ngang chằng dọc. Nhưng do có kinh nghiệm, nắm vững quy luật hoạt động của địch, anh em vẫn vào vùng sâu tuy có vất vả, và chiến đấu, công tác trong sự chở che, đùm bọc của nhân dân.

Có thể nói đây là một trong những lực lượng xung kích trên mặt trận đánh phá âm mưu “bình định” của địch. Trong thời gian qua địch tập trung cả quân viễn chinh Mỹ và chủ lực ngụy vào việc “bình định”, trong khi đó, mặc dù ta đánh nhiều trận lớn nhưng lại chưa

đối phó đầy đủ, nhạy bén với những thủ đoạn “bình định cấp tốc” của chúng.

Về cách đánh của lực lượng võ trang Quân khu, vì ở xa Trung ương, tiếp tế khó khăn, quân số ít, nguồn bổ sung không nhiều, nên chưa đủ điều kiện để đánh lớn. Cách đánh có hiệu quả nhất vẫn là cách đánh của bộ đội đặc công, lấy ít địch nhiều, dùng nhỏ thắng lớn, đạt hiệu suất chiến đấu cao. Đây cũng là cách đánh truyền thống đã được dày công xây dựng, phát triển ở chiến trường cực Nam Trung Bộ hồi kháng chiến chống Pháp.

Từ thực tiễn phong phú đó, Khu ủy và Quân khu ủy thấy thực lực ở xã, huyện còn yếu, cần phải tăng cường cho các đội võ trang công tác và bộ đội địa phương huyện để đủ sức làm nhiệm vụ đánh phá “bình định” của địch. Chúng tôi bắt tay sắp xếp lại biên chế của các lực lượng võ trang trong quân khu; giải thể hai tiểu đoàn bộ binh (240, 145) các đại đội trinh sát, công binh, 115 của Quân khu, lấy quân số bổ sung cho các bộ đội địa phương huyện và đội công tác. Đưa đại đội 216 đặc công cho Lâm Đồng; rút gọn tiểu đoàn 200C đặc công của Quân khu còn lại một đại đội mạnh; lấy quân số tăng cường cho đặc công Tuyên Đức - Đà Lạt; tiểu đoàn 130 hỏa lực của khu, và các tiểu đoàn bộ binh của tỉnh cũng rút gọn thành một đại đội tăng cường lấy quân số bổ sung cho bộ đội huyện và đội công tác. Rút gần một trăm cán bộ, chiến sĩ của cơ quan Khu ủy và Quân khu ủy bổ sung cho các tỉnh.

Bộ chỉ huy Quân khu cũng báo cáo với hội nghị một nét đáng lưu ý là trước sự điên cuồng đánh phá ác liệt của Mỹ-ngụy, trong bộ đội có xuất hiện tư tưởng co thủ, ngán ngại. Trong chiến đấu có những trận không tiêu diệt gọn, làm chủ chiến trường, thu vũ khí, bắt tù binh. Cần phải tăng cường công tác lãnh đạo tư tưởng khắc phục cho được diễn biến tư tưởng này.

Khu ủy và Quân khu ủy chúng tôi luôn luôn quan tâm chăm lo đến đời sống và công tác chiến đấu của bộ đội. Vấn đề nóng hổi là làm cho anh em chuyển biến thực sự với nhận thức sâu sắc trong nhiệm vụ đánh phá bình định, góp phần xoay chuyển phong trào như nghị quyết Khu ủy đã đề ra.

Lúc này Bộ chỉ huy Quân khu đã vắng bóng anh Phan Văn Hược. Anh Lê Thành Cọng chân đau, đi lại khó khăn; còn tôi cũng đang bị trĩ nặng, phải nằm tại chỗ trong một cái chòi không phen, không vách, ở đồi “Gáo Xoáy”⁽¹⁾. Bác sĩ Khâm đã tận tụy chữa bệnh cho tôi. Ở đây, trong những ngày mưa rừng tầm tã, nằm trong lều mà vẫn bị mưa hắt ướt sũng cả chân, tôi càng nghĩ đến đồng đội đang ở chiến trường. Anh em ta không nhà, không cửa, chỉ có tấm ni lông mong manh, gió rừng thổi tung dây nóc, người và súng ướt đầm trong mưa. Lại còn hành quân vượt suối rộng, sông sâu, đường trơn đèo dốc.

1. Khi tôi nằm chữa bệnh ở đây thì bị trực thăng “tàu gáo” xoáy quạt tung mái chòi. Vì vậy, cơ quan đặt tên là đồi “Gáo Xoáy”.

Trước mặt anh em bao giờ cũng là thử thách, gian truân. Nhưng ốm đau, gian khổ không thể làm nhụt chí chiến sĩ. Dấu chân đồng đội tôi vẫn in trên khắp nẻo chiến trường cực Nam Trung Bộ - nam Tây Nguyên.

Thị xã La Gi thuộc vùng sâu nằm sát biển. Ở đó bọn ác ôn hoành hành, quần chúng sống trong không khí ngột ngạt. Đội biệt động của Nguyễn Văn Hòa xuất hiện. Đó là những chiến sĩ “xuất thánh nhập thần”. Lúc thì anh em cải trang thành thầy tu, lúc mặc quần áo rằn ri đóng vai lính ngự lâm sâu vào tận hang ổ địch, phối hợp với lực lượng bên trong diệt gọn bót cảnh sát Láng Gòn, bắn gục tên Quang thượng sĩ tình báo ấp Phú Thọ; trừng trị tên Sơn, chủ tịch hội đồng kiêm thám báo xã Bà Giêng. Anh em còn dẫn đường cho đơn vị Quyết Thắng luôn vào thị xã diệt đại đội bảo an 513.

Tôi cũng quen thuộc địa bàn hoạt động huyện Hòa Đa. Nơi này dân còn nghèo, địa bàn trống trải, nhưng khuya sớm anh em đi về giữa lòng dân ấm áp, thương yêu. Thời kỳ hoạt động ở đây, tôi có đến thăm đội du kích Phan Minh xã Chợ Lầu, chỉ có ba đội viên, hai nam và một nữ. Địa bàn đội phụ trách là thị trấn Chợ Lầu nằm ngang trên đường số 1, sát quận lỵ Phan Lý Chàm. Đối tượng mà đội cần diệt là những tên ác ôn trước đây đã bị ta giết hụt nhiều lần, chúng có nhiều thủ đoạn để phòng, tránh lui. Tên Ban ở Chợ Lầu mỗi lần về nhà ăn cơm, thường cho hai đứa con đứng gác ở phía trước, có động thì la lên, để nó kịp chạy ra cửa sau. Tên Hai ở thôn Xuân Hội, ban đêm

ngủ ở quận Phan Lý Chàm, sáng mò về nhà, nó dẫn theo đứa con nhỏ đi lẫn với đồng bào giữa buổi chợ đông. Nhờ tai mắt nhân dân, đội du kích Phan Minh đã trừ được mấy tên ác ôn kia. Tên Hai, sau ba tháng rông theo dõi, đội du kích đã bắt nó đền tội lúc nó rửa mặt trước hiên nhà. Tên Ban vừa dắt xe ra khỏi nhà đã ngã gục trước viên đạn bắn rất chính xác của anh chị em du kích.

Từ Mậu Thân năm 1968 trở đi, Mỹ-ngụy bị thua đậm, càng ra sức củng cố bộ máy kìm kẹp ở xã, phường, đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức “phương hoàng”, bình định nông thôn, dân ý vụ, phòng vệ dân sự quyết tử, đánh phá cơ sở cách mạng, hòng ngăn chặn các phong trào đô thị, ngăn chặn bước tiến của các lực lượng vũ trang ta vào thành phố. Trong hoàn cảnh đó, đội biệt động nữ bí mật của thị xã Đà Lạt ra đời. Đội gồm 11 chị em (chỉ có 1 nam), tuổi đời lúc bấy giờ cao nhất là 19, thấp nhất là 13, văn hóa từ cấp 2 phổ thông trở lên, có Phan Thị Xuân là sinh viên đại học, Nguyễn Thị Hạnh là công chức, do Lê Thị Hòa (Ba Lùn) làm đội trưởng, Nguyễn Thị Thanh là đội phó. Đội làm cả nhiệm vụ chính trị, quân sự, thực hiện ba mũi tấn công địch. Đội luôn luôn bám địch, bám quần chúng lao động nhất là học sinh, sinh viên để nắm tình hình, vận động quần chúng và cùng quần chúng đấu tranh làm công tác binh vận. Đội còn diệt ác, phá kìm kẹp, vận chuyển vũ khí vào thành phố, bảo vệ cán bộ lãnh đạo lúc vào thành phố công tác.

Đầu năm 1969, ngày mà tên tỉnh trưởng Nguyễn Hợp Đoàn làm lễ ra mắt tổ chức “phòng vệ dân sự quyết tử” tại sân ga xe lửa Đà Lạt. Vào giờ khai mạc, đội cho mìn nổ tung, địch đập lên nhau tháo chạy tán loạn, rồi giải tán. Cuối tháng 5 năm 1970, bằng cách đánh đặc công, đêm ở Đà Lạt trời lạnh, chị em hóa trang, mang bộc phá tiềm nhập áp sát mục tiêu, đánh thiệt hại nặng Nha vô tuyến viễn thông, phá hủy toàn bộ máy móc thiết bị, diệt hàng chục tên cố vấn chuyên viên Mỹ. Trận đánh được thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhì. Đội trưởng Lê Thị Hòa được thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba. Tiếp theo, đội diệt tên chỉ huy trưởng phượng hoàng Tuyên Đức tại nhà riêng, và diệt tên đoàn trưởng phòng vệ dân sự quyết tử Đà Lạt.

Đại đội 80, bộ đội địa phương huyện Anh Dũng lại có nét đặc sắc khác. Hầu hết cán bộ, chiến sĩ là người dân tộc Rắclay. Anh em không quen đi xa nhà. Lần này, anh em lên tuyến trước, nằm phục giữa địa hình trống trải, nắng như đổ lửa trên đầu. Nằm chờ sang ngày thứ ba, đói thì bứt trái cây ăn, vẫn quyết tâm chờ địch. Gần trưa, một đoàn xe địch lao vào trận địa, anh em nổ súng diệt 1 xe bọc thép, 1 xe Zép và 9 tên địch. Anh em rút về an toàn.

Xã Đông Giang thuộc khu căn cứ Nam Sơn là một xã điển hình. Ở đây già, trẻ, gái, trai đều đánh giặc, được đơn vị công binh xưởng Cao Thắng làm nòng cốt. Cả xã là một tuyến liên hoàn vững chắc, là một trận địa kiên cường. Tháng 10 năm 1969, diệt 55 tên nguy.

Tháng 3 năm 1970, diệt gọn 1 trung đội Mỹ, bắn rơi 2 tàu gao. Sang năm 1971, hạ ngon 1 máy bay L.19.

Trong những tấm gương chịu đựng gian khổ trên chiến trường khu Sáu, đơn vị chuyển tải H50 là một hình ảnh rất đẹp. Đơn vị này, phần lớn là nữ, có nhiều anh chị em là người dân tộc thiểu số, với đôi vai và đôi chân, với phương tiện thô sơ, các đồng chí gửi và mang hàng chục ngàn tấn vũ khí, đạn dược từ trực đường Trường Sơn đến khắp các địa bàn trong khu. Anh chị em âm thầm lặng lẽ làm công việc của mình, không chỉ vất vả gian khổ mà còn phải hy sinh¹ chiến đấu với địch trên đường hành lang, chiến đấu bảo vệ các kho vũ khí, bảo vệ và đưa đón cán bộ, chiến sĩ an toàn, góp sức bảo vệ các buôn làng của đồng bào dân tộc. Chiến công của họ xứng đáng được ghi lại trong trang sử vẻ vang của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân dân khu Sáu².

Nói đến đơn vị H50 trong những năm tháng gian lao ấy, tôi không thể nào quên sự giúp đỡ của Đoàn 86 do anh Ba Vinh phụ trách. Quê ở Gò Công, Nam Bộ, anh Ba Vinh là Phó chủ nhiệm Cục hậu cần Miền, trực tiếp làm

-
1. Theo báo cáo của đồng chí Ông Ích Triển, chính trị viên đoàn H50, có 130 liệt sĩ.
 2. H50 đã được tuyên dương *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*. Liệt sĩ Tà Bó Cương, chiến sĩ của đơn vị, người dân tộc thiểu số, quê Anh Dũng, Ninh Thuận, được truy tặng danh hiệu *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*.

thủ trưởng Đoàn 86. Đoàn có nhiệm vụ bảo đảm hậu cần cho các đơn vị chủ lực của Miền hoạt động trên địa bàn miền Đông Nam Bộ, cho Quân khu 7 và Quân khu 6. Trụ trên một dải rừng giáp ranh Phước Long và Cam-pu-chia. Đoàn đã thực sự chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với đơn vị H50 của Quân khu chúng tôi. Mỗi khi thiếu lương thực, thuốc men, quân trang... anh chị em thường chạy đến chỗ anh Ba Vinh và được anh giúp đỡ tận tình.

Đại đội nữ 115, những người hoạt động trên chiến trường khu Sáu vẫn nhớ mãi thành tích của chị em. Cùng với gần chục trung đội nữ bộ binh, công binh, thông tin và pháo cối thuộc các tỉnh trong khu, đại đội 115 xứng đáng là cháu con Bà Trưng, Bà Triệu của thời đại Hồ Chí Minh. Đại đội này có nhiều tấm gương sáng, trong đó có tấm gương đồng chí Nga, một quân y sĩ, người chính trị viên gương mẫu. Trong trận Mỹ dùng trực thăng đổ quân xuống trạm giao liên F4, đồng chí đứng trên miệng hầm bình tĩnh chỉ huy đơn vị đánh trả bọn tàu gáo hung ác và đã anh dũng hy sinh trên trận địa.

Bước sang năm 1972, thực hiện quyết tâm đánh bại về cơ bản chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ trên chiến trường miền Nam, một lần nữa, chúng tôi lại xuống núi với khí thế hăm hở, tự tin. Cơ quan Khu ủy, Quân khu ủy từ đồi Trung Quân, Gáo Xoáy chuyển xuống vùng sông Do, sông Bà Bích, sông Cà Tót. Lương thực đã có bắp, mì, khoai lang. Các cơ quan, đơn vị còn vỡ ruộng, cấy lúa ở Cà Găng, Bàu Muống, Ruộng Vỡ (xã Hàm Thạnh). Đất bằng màu mỡ, lại có sông Linh sẵn dòng

nước tưới một vụ ăn chắc, nên sản lượng khá. Đường tiếp tế từ dân ra cũng gần. Bữa ăn đã có sự thay đổi: bắp nếp ghế với gạo nàng thơm, măng le nấu canh cá suối. Thỉnh thoảng lại có thịt thỏ, thịt nai. Quân Mỹ và chư hầu rút hết, pháo tầm xa ở nòng Cà Tang không còn. Bọn tàu gáo cũng rút rồi. Chỉ còn pháo 105 ly ở Tà Dôn, Ngã Hai của quân nguy bắn cầm canh như thường lệ.

Phối hợp với đợt tiến công chiến lược toàn Miền, vào hè năm 1972, chúng tôi mở chiến dịch tổng hợp đánh phá “bình định” ở trọng điểm Bình Thuận, tôi được phân công chỉ huy chiến dịch này. Vào thu năm 1972, để tạo thế đón thời cơ khi có giải pháp chính trị, chúng tôi chuyển trọng điểm về phía tây nam, từ Tam Giác (Bình Thuận) qua Hoài Đức, Tánh Linh (Bình Tuy) lên đường 20 từ nam đèo B’Lao xuống Phương Lâm (Lâm Đồng) nhằm mở rộng vùng giải phóng và tuyến hành lang từ Bình Tuy về Miền theo trục sông Đồng Nai Thượng – nam đèo B’Lao – bắc Bình Tuy và Bình Thuận.

Đợt hoạt động hè hiệu quả thấp hơn đợt hoạt động thu. Đợt hè, tuy có diệt được một số đại đội bảo an và cơ giới địch, tạo thuận lợi cho quần chúng nổi dậy làm lỏng rã hệ thống áp chiến lược trên đường số 1 và số 8, vùng đông bắc Phan Thiết, nhưng trận đánh Lương Sơn bị sượng, trận đánh Gộp không dứt điểm. Nhiều cán bộ, chiến sĩ của ta bị thương vong.

Đợt hoạt động thu thắng lợi giòn giã, về quân sự tuy còn hạn chế, nhưng chuyển biến chính trị, binh vận tăng

lên. Toàn khu, cả đợt số dân bung ra làm chủ hơn 30.000 người. Hàm Chính (Hàm Thuận) hơn 1.000 đồng bào bỏ ấp chiến lược về lại ở hẻm vùng giải phóng. Thực lực vùng nông thôn phía trước phát triển khá, đảng viên, đoàn viên có phát triển, trong số 507 ấp chỉ còn 169 ấp trắng.

Đây là một bước chuyển biến chính trị đầy phần khởi và là nền tảng vững chắc cho những thắng lợi tiếp theo. Nhân dân khu Sáu đấu tranh với địch bằng nhiều hình thức phong phú, bà con đã dũng cảm mưu trí vượt qua mọi sự ngăn chặn kiểm soát của địch, mang lương thực, thực phẩm, thuốc men, có khi cả vũ khí, chất nổ ra vùng giải phóng, tiếp tế cho cách mạng. Nhiều cuộc đấu tranh trực diện quyết liệt với địch, nhưng cũng có khi bà con chia từng mũi, từng nhóm vào đồn bót làm quen với lính, sĩ quan, nói chuyện rĩ rả thu nắm tình hình, không kể những cuộc rải truyền đơn, treo cờ cách mạng, ném lựu đạn, gài trái nổ, diệt ác ôn, gây chấn động chính trị làm suy yếu, rệu rã địch từ bên trong.

Cùng với đòn tiến công chiến lược, những trận đánh liên tiếp nổ ra vào mùa thu năm 1972, còn là những ngày hội phát động quần chúng ở nhiều nơi. Vùng Tam Giác, các khu Râm Tre, Bà Hải, Rẫy Nổ, suối Ông Đa, ngày đêm rạo rực khí thế cách mạng. Dưới bóng mát cây rừng, hàng nghìn quần chúng cách mạng từ ấp chiến lược bung ra hội họp, học tập, bàn bạc đấu tranh chống bắt lính, bảo vệ thanh niên, bung về đất cũ làm ăn, gây dựng lại cuộc sống xóm làng. Quần chúng ôn nghèo, nhớ khổ, khơi dậy tình nghĩa xóm làng,

truyền thống quê hương, hun đúc cho nhau niềm tự tin và ý chí đấu tranh bền bỉ, quyết liệt.

Phong trào bung dân dâng lên như sóng cuộn. Tôi nhớ mãi những hình ảnh bắt gặp những đoàn xe bò dài hàng chục chiếc nối đuôi nhau, chở đồ đạc, tài sản, heo gà rời bỏ các ấp Bình Lâm, Bình An, An Phú, Tân Điền trở về vườn đất cũ. Ngồi trên xe chỉ huy cuộc hành trình là những phụ nữ đầu vấn khăn, miệng nhai trầu, tay quất roi tre. Họ băng qua rào ấp, vượt qua đồi, hiên ngang trước mũi súng địch, đẩy lùi tất cả sự ngăn cản của bọn ác ôn. Tiếng giục giã của họ với những con bò kéo xe lên dốc, tiếng bánh xe lăn lộc cộc trên đường gồ ghề; tiếng trẻ con nói bi bô; tiếng nhai trầu nhỏ nhẻ của các bà má; tất cả hòa thành một âm thanh vừa xáo động, phấn chấn, vừa thân quen và rất đổi tự hào mà không thể nào quên được dù bao năm đã qua.

Trước đà chiến thắng của ta, sau những thất bại nặng nề ở các tuyến phòng thủ kiên cố Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, để cứu vãn chế độ Thiệu khời bị sụp đổ, Ních-xơn đã Mỹ hóa trở lại cuộc chiến tranh. Từ tháng năm 1972, cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt lại diễn ra trên khắp chiến trường miền Nam, nhưng điều đó cũng chứng tỏ sự thất bại của kẻ địch.

Cuối năm 1972, kiên quyết chấp hành nghị quyết của Khu ủy và Quân khu ủy, phong trào đánh phá “bình định” của địch trên địa bàn đạt những kết quả đáng mừng; vùng nông thôn phía trước ta giành được quyền

làm chủ ở 47 ấp, tranh chấp 87 ấp, lỏng rã 134 ấp trong tổng số 507 ấp, tính theo đơn vị hành chánh của địch. Ngoài ra ở vùng thị xã, chúng tôi xây dựng được bốn lôm làm chủ hơn bốn ngàn dân. Riêng thị xã Đà Lạt, tổ chức sinh viên phật tử, nòng cốt của phong trào sinh viên, học sinh yêu nước bị “nội gián” nên từ đầu năm 1972 địch đánh phá nát phong trào sinh viên và học sinh yêu nước ở Đà Lạt.

Kịp thời nắm thời cơ lớn, phối hợp với các đòn tiến công chiến lược chung trên toàn Miền, chúng tôi đã tạo thế trận ba vùng trên địa bàn, phát triển lên một bước mới.

Trong quá trình chiến đấu, chúng tôi luôn có ý thức gắn chặt đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị trên chiến trường với đấu tranh ngoại giao ở hội nghị Pa-ri. Mọi cán bộ, chiến sĩ trên toàn địa bàn đều hiểu rằng: chỉ khi nào ở chiến trường đánh mạnh, thắng lớn, dồn địch vào thế khốn quẫn thì mới buộc được kẻ địch phải đàm phán một cách nghiêm chỉnh và hội nghị Pa-ri mới đi đến một giải pháp thắng lợi cho ta. Cùng với các chiến trường khác, quân, dân khu Sáu đã không phụ lòng mong đợi của hai phái đoàn ta đang đấu tranh kiên quyết với địch trên bàn hội nghị.

Để tranh thủ giành thêm nhiều thắng lợi đón thời cơ ký Hiệp định Pa-ri, theo chỉ thị của Miền và Khu ủy, chúng tôi huy động toàn bộ đội hình chiến đấu trong khu dồn ra phía trước. Tất cả các cơ quan

chỉ đạo, chỉ huy Khu và tỉnh cùng đều chuyển ra áp sát các địa bàn. Chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng kế hoạch dẫn bước thật mạnh vô vùng sâu, giữ vững và mở rộng thế xen kẽ ba vùng, đập tan âm mưu tràn ngập lãnh thổ lợi dụng Hiệp định để lấn đất giành dân của địch. Trên các ngã đường, hầu như không có ai đi ngược về phía sau. Tất cả, tất cả các lực lượng đang dồn lên tuyến trước.

Vào trận, Bình Thuận đánh chiếm và làm chủ nhiều ấp trên đường số 8, đường từ Mương Mán đi Phan Thiết và vùng ven thị xã Phan Thiết, Bình Tuy đánh chiếm các ấp trên đường số 3 từ Chính Đức, Võ Xu đến thị trấn Lạc Tánh (Tánh Linh). Tuyên Đức, Ninh Thuận, Lâm Đồng làm chủ nhiều ấp trên các đường 21 kéo dài, 11, 20. Cấm cờ làm chủ ở đâu, ta chốt giữ luôn ở đó.

Quán triệt sự chỉ đạo của trên và nắm vững bản chất, âm mưu của địch, điều mà chúng tôi dự kiến trong kế hoạch đã xuất hiện. Ngay sau khi ký Hiệp định Pa-ri, kẻ địch liền phản bội, liên tiếp phản kích lấn đất, giành dân. Chúng tôi kịp thời đánh trả quyết liệt và vững vàng tiến tới. Ở Mương Mán và vùng Tam Giác, nơi tôi theo sát chỉ đạo, anh em chiến đấu hết sức ngoan cường, bám chặt mục tiêu, đánh bật địch trở lại. Ở xóm Bàu (bắc Phan Thiết) ta diệt 1 đại đội của tiểu đoàn bảo an 202, đánh thiệt hại nhiều đại đội khác, bắt tù binh, thu vũ khí.

Trong tình hình diễn biến khá phức tạp và căng thẳng, chúng tôi đã kịp thời giải quyết những biểu hiện tư tưởng hữu khuynh, do dự. Có địa phương, địch lấn ra không dám đánh, sợ vi phạm Hiệp định. Có đơn vị đối mặt với địch, chúc nòng súng xuống để “giữ không khí hòa bình và hòa hợp”, đến khi địch lấn tới, nổ súng, xé cờ, anh em mới bật ngựa người ra.

Nắm vững tư tưởng tiến công, tiếng súng đánh địch, trừng trị kẻ vi phạm Hiệp định Pa-ri nổ ran trên chiến trường. Chúng tôi đã hạ quyết tâm: giữ vững và mở rộng thế trận ba vùng, sẵn sàng tiến lên giành thắng lợi quyết định.

Chương 8

Mùa xuân năm 1975

Do đặc điểm vị trí, tính chất chiến trường xa sự chỉ đạo của cấp trên, thực lực tại chỗ có hạn, tuy vậy với niềm tin son sắt vào sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Trung ương Đảng, với tình cảm cách mạng nhiệt thành, trong sáng, nên trong mọi hoàn cảnh, ở tất cả các thời kỳ, quân dân khu Sáu vẫn kiên cường chiến đấu, bám trụ vững vàng với tinh thần tự lực tự cường cao độ, không hề chao đảo, nhịp bước tiến lên trong phong trào chung.

Do vậy mà tôi có thể ghi lại đây một cách tự hào về những năm tháng cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thiên anh hùng ca của quân và dân khu Sáu trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Dưới ánh sáng Nghị quyết 21 và Nghị quyết của Bộ Chính trị, có thể nói bắt đầu từ năm 1974, chiến trường miền Nam bước vào thời kỳ sôi động mới với một khí thế mới.

Nhưng hồi ấy, thoát nhìn sẽ có cảm giác là không khí chiến trường khu Sáu im ắng quá. Địch ra sức ủi phá, bình định, lấn chiếm thêm đất, mở rộng vùng kiểm soát của chúng, thu hẹp vùng giải phóng của ta. Âm mưu của chúng đã rõ: xóa dần hình thái xen kẽ, da beo, tạo nên thể hai vùng địch ta rõ rệt. Đến cuối năm 1974, địch đã ủi phá 26.500 héc-ta chuyển hơn 170.000 dân đến ở ven các thị xã La Gi, Phan Thiết, thành phố Đà Lạt, dọc các trục đường quốc lộ 1, 11 và tỉnh lộ 2 (Bình Tuy). Địch làm mạnh nhất là Bình Tuy. Một số đội võ trang công tác mất chỗ đứng chân. Nhiều đơn vị bộ đội phải hoạt động phân tán để hỗ trợ phong trào quần chúng đấu tranh.

Cơ quan Khu ủy, Quân khu ủy lúc này ở khu vực lán "Đầu Bò" (bắc Hàm Thạnh) lên trên đèo sông De (cuối khu vực Mắc Cỡ), sinh hoạt không còn nhộn nhịp như trước. Nhiều đồng chí lãnh đạo chủ chốt đi vắng. Anh Nguyễn Trọng Xuyên đi làm Trưởng đoàn quân sự của ta ở Ủy ban Liên hiệp đình chiến bốn bên khu vực 6. Anh Trần Lê ra Hà Nội chữa bệnh. Đầu năm 1972, anh Lê Thành Cọng cũng ra Hà Nội chữa bệnh rồi về Miền công tác. Sau Hiệp định Pa-ri, anh Phạm Văn Kha, Tham mưu trưởng ra Hà Nội chữa bệnh, sau giải phóng mới về.

Ngày 10 tháng 3 năm 1975, anh Trần Lê mới về đến vùng III (Lâm Đồng). Ở đây, anh tham gia Bộ chỉ huy chiến dịch giải phóng Lâm Đồng, rồi cùng tiền phương Quân khu tiếp quản Đà Lạt, rồi xuống Ninh Thuận, chỉ đạo tiếp quản. Sau giải phóng Bình Thuận anh về lại cơ quan. Đại diện cho Thường vụ Khu ủy, anh

Vũ Anh Ba ngược lên nam Tây Nguyên, nhận tỉnh Quảng Đức được cấp trên giao lại về khu Sáu, rồi anh ra luôn Hà Nội, học tại trường Nguyễn Ái Quốc. Anh Nguyễn Gia Tú đi nhận công tác mới ở Trung ương Cục. Anh Trần Như Khuôn (Năm Lực) lên làm Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng. Sau đó, anh Trần Ngọc Trác (Tư Ngọc) đi dự tập huấn công tác đô thị ở Miền rồi về nhận nhiệm vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Đức.

Cơ quan Khu ủy chỉ còn anh Đỗ Quang Thắng (Năm Thắng), anh Trần Đệ (Ba Công) và tôi ở lại. Anh Năm Thắng từ khu Mười ra Hà Nội chữa bệnh mới về đầu năm 1973, là ủy viên Thường vụ, thường trực phụ trách các công tác dân vận, tuyên huấn, tổ chức. Anh Trần Đệ phụ trách Chánh văn phòng¹. Tôi phụ trách công việc chung của Quân khu ủy và Khu ủy. Anh Lê Thứ (Mười Bắc) lo công tác Hội đồng cung cấp tiền phương. Anh Phạm Thuần (Chín Cán) bám mũi nhọn của mặt trận an ninh, lặt vặt, âm thầm. Anh Võ Đôn Phước thay anh Vũ Anh Ba, tất bật ngược xuôi lo cơm áo, gạo tiền. Cán bộ chiến sĩ xung quanh cơ quan, ngoài công việc cần thiết, thời gian còn lại vẫn bền bỉ tăng gia sản xuất trên ruộng, rẫy, hoặc đi tải lúa gạo ở vùng ven.

Tuy không khí không thật sôi động với vẻ bề ngoài, nhưng bão táp mới đã được hình thành, bắt nguồn từ sức mạnh Nghị quyết 21 của Ban Chấp hành

1. Đầu tháng 4 năm 1975, anh Trần Đệ về làm Bí thư Ninh Thuận.

Trung ương Đảng.

Từ đầu năm 1974, sau hội nghị Khu ủy mở rộng, chúng tôi nhanh chóng tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết của Trung ương cho tất cả các địa phương, đơn vị. Đây là một trong những nghị quyết có tính chất lịch sử của Đảng sau hội nghị Pa-ri. Là những cán bộ bám trụ chiến trường, chúng tôi càng thấm sâu và khẳng định tư tưởng chỉ đạo của Trung ương: *con đường cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng, bất kể tình huống nào cũng phải nắm vững thời cơ, quán triệt tư tưởng tiến công, đưa cách mạng miền Nam tiến lên.*

Chính thời điểm này, mỗi người trong chúng tôi đều cảm nhận những niềm vui lặng lẽ. Lần đầu tiên, pháo tầm xa và xe tăng của ta đã vào tận rừng cao su miền Đông Nam Bộ. Con đường chiến lược đông Trường Sơn đã kéo dài đến tận miền Đông. Xe vận tải, xe chiến đấu cỡ lớn ngược xuôi như mắc cửi. Hệ thống đường ống dẫn dầu đã qua Tây Nguyên đến Lộc Ninh. Đường dây thông tin hữu tuyến đã nối liền Hà Nội với căn cứ Miền. Nắm vững tư tưởng tiến công, các quân khu bạn đã xóa hàng ngàn đồn bót, giải phóng hàng chục vạn dân. Ở khu Sáu, chủ lực Miền đã hỗ trợ đánh tiêu diệt cứ điểm Bù Bông, mở rộng hành lang miền núi nam Tây Nguyên. Cục diện chiến trường đã báo hiệu những chuyển biến mới. Trong lòng chúng tôi cũng rạo rức một niềm tin mới. Chúng tôi động viên nhau, giúp đỡ nhau khắc phục tư tưởng co thủ, tự ti, thiếu tin vào sức mình.

Tháng 4 năm 1974, Khu ủy và Quân khu ủy mở hội nghị tổng kết chiến tranh du kích nhằm đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích trên cả ba vùng chiến lược, kiên quyết chống phá âm mưu bình định, lấn chiếm của địch.

Điều đáng lưu ý trong thời gian này là cùng với việc chuẩn bị các mặt về thực lực quân sự, Khu ủy chủ trương tăng cường công tác đô thị nhằm tạo điều kiện hỗ trợ cho hoạt động quân sự.

Tình hình thị xã Đà Lạt từ năm 1973 trở đi liên tiếp gặp nhiều khó khăn. Hai đồng chí bí thư: Lê Văn Phận (tức Ba Dư), tiếp đến đồng chí Thống Nhất (Năm Nhất) lần lượt đi ra Hà Nội chữa bệnh. Đồng chí Huỳnh Đôn (Sáu Đen) ủy viên thường vụ phụ trách nội thị và các đội công tác vùng ven phía đông, về phụ trách công việc chung của thị ủy và tiếp tục phụ trách phong trào nội thị. Phạm Ngọc Châu¹ ủy viên thường vụ, chánh văn phòng xuống phụ trách các đội công tác mảng phía đông. Nguyễn Trọng Cảnh (Vũ Linh) ủy viên thường vụ phụ trách Trưởng ban An ninh, phụ trách phong trào

1. Phạm Ngọc Châu là một trong mấy đối tượng chính của vụ án HT86, sau chuyển qua Ban chuyên án CNB89. Theo Thông báo số 134-TB/TW ngày 15/4/1989 của Ban Bí thư kết luận vụ án HT86: *"Đây là vụ án gián điệp do CIA Mỹ chỉ đạo, cài sâu vào nội bộ ta, đã chống phá cách mạng trước và sau ngày miền Nam giải phóng. Hoạt động của chúng đã gây cho ta nhiều tổn thất và để lại nhiều phức tạp cần phải giải quyết..."*.

công khai và lực lượng thứ ba, nhưng do thiếu cán bộ nên kiêm cả nhiệm vụ thường trực. N.T.H (tức L.) thị ủy viên dự khuyết phụ trách một cơ sở. Cơ sở duy nhất đó là Trần Nghĩa (tự Thu) đối tượng của chuyên án CNB 89. Năm 1951, y đầu hàng và dẫn dịch đánh úp cơ quan giết 2 đồng chí của ta, bắt 7 người khác. Được dịch thả, y làm công an Bình Xuyên; Bình Xuyên sụp đổ, y bị bọn Diệm bắt, sau đó làm cho tổng nha cảnh sát nguy. Đêm 31 tháng 3 năm 1975, Nghĩa đưa gia đình di tản theo dịch xuống Phan Rang.

N.T.H là vợ bé Trần Kim Tuyến, mật thám của phòng nhì Pháp, đầu năm 1951, y thị và Tuyến dẫn nhau ra căn cứ thị ủy Đà Lạt xin theo kháng chiến. Sau khi Tuyến chui được vào cơ quan thị ủy Đà Lạt, y thị xuống Bình Thuận (nơi có cơ quan tỉnh Lâm Đồng) để sinh đẻ. Ủy ban kháng chiến Đà Lạt phát hiện những hoạt động hiện hành của Tuyến, nên đã đưa tòa án xử tử y. Năm 1952, cơ quan Tỉnh ủy Lâm Đồng cho y thị ra vùng giải phóng ở Bình Thuận làm ăn. Mậu thân 1968, y thị thoát ly, nấu ăn ở cơ quan thị ủy Đà Lạt. Cuối năm 1968, theo yêu cầu của y thị, cơ quan thị ủy Đà Lạt cho xuống đội công tác của chị Trần Thị Khả (chị Cả) đứng ở Quảng Hiệp (Đức Trọng) nhờ cơ sở của chị Cả móc nối với Trần Nghĩa (tự Thu). Cuối 1969 mới nối được với Trần Nghĩa, hai người gặp nhau tại bàn đạp của đội công tác chị Cả. Đầu năm 1970, sau khi được kết nạp Đảng, y rời khỏi đội công tác chị Cả, về ở cơ quan thị ủy phụ trách cơ sở Trần Nghĩa. Năm 1973, là thị ủy viên dự khuyết.

Đêm 19 tháng 10 năm 1973, Vũ Linh bố trí cán bộ, nhân viên cơ quan xuống cơ sở do anh phụ trách ở ấp Định An (gần nhà Nguyễn Thúc Đệ và Nguyễn Thúc Biểu) để lấy lương thực. Đường từ trên rừng xuống, vào ấp, đến nơi nhận lương thực an toàn. Sau khi nhận lương thực xong, đoàn theo đường cũ trở về. Rời nơi nhận lương thực đi gần 1 ki-lô-mét thì bị địch đánh. Đoàn gồm 11 đồng chí, hy sinh 9 (có đồng chí Sĩ, chánh văn phòng) 1 bị thương, 1 chạy khỏi. Tổn thất này nặng, quá đau xót với cơ quan, nội bộ râm ran bàn tán, nghi ngờ cơ sở của Vũ Linh, nhưng không được kiểm điểm. Tiếp đến Huỳnh Thị Tuyết Anh, đảng viên dự bị, cán bộ thủ quỹ, vì bất bình sự đối xử của một ít đồng chí nào đó, viết thư để lại trình bày và xin phép các anh Ba Dư, Năm Nhất, đêm 25 tháng 12 năm 1973 trốn về vùng địch, không đầu hàng địch, không khai báo gì. Lúc này cơ sở nội thị còn trên 220 người, có 3 chi bộ, 30 đảng viên (kể cả đơn tuyến) đoàn viên, du kích tự vệ, mật nằm trong 9 phường ấp và trong các cơ sở: nhà đèn, nhà máy nước, nha địa dư, đài phát thanh, bưu điện, hỏa xa, v.v... Có hai lôm chính trị: một là lôm ở Thiên Thành đã được Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng thưởng Huân chương Thành Đồng; hai là lôm Sào Nam. Cùng công tác nội thị với anh Huỳnh Đôn còn có các đồng chí Nguyễn Hữu Nam, Phạm Bán và Huỳnh Xuân Hãn (tức Trường). Hai đồng chí Nam và Bán là cán bộ giữ các đầu mối liên lạc với cán bộ, cơ sở nội thị, chuyển vũ khí,

tài liệu, đưa cán bộ cơ sở bên trong ra bàn đạp học tập, đưa cán bộ vào bên trong công tác; hai đồng chí thường bám ở lõm chính trị Sào Nam, nơi đây có tổ Đảng do đồng chí Phạm Bán làm tổ trưởng; đảng viên Ngô Bá Hội là người có công xây dựng lõm chính trị này. Huỳnh Xuân Hân¹ thường xuyên bám trong ấp Nguyễn Siêu. Huỳnh Đôn trong kháng chiến chống Pháp là cán bộ phụ trách một khu phố ở thành phố Đà Nẵng; năm 1954 đi tập kết, anh về Nam tương đối sớm, công tác tại huyện Tánh Linh (Bình Tuy) nơi có nhiều đồng bào Quảng Nam bị địch đưa vào lập các dinh điền ở đây. Đầu năm 1965 anh được chọn đưa ra công tác hợp pháp ở đô thị Đà Lạt cho đến nay. Là một cán bộ có kinh nghiệm công tác đô thị, lăn lộn, chịu khó. Tuy có một số khuyết, nhược điểm nhưng không lớn. Lúc bấy giờ anh vẫn còn khả năng đi lại hợp pháp.

Đầu tháng 4 năm 1974, Vũ Linh báo với Huỳnh Đôn: “Huỳnh Thị Tuyết Anh chính là điệp viên Hoàng Thị Ngân, về Đà Lạt được địch đón tiếp, khai báo nhiều, ngồi trực thăng chỉ đường cho địch càn quét đánh vào căn cứ của thị”.

Huỳnh Đôn nói với Vũ Linh: “để chờ cơ sở ở bên trong thẩm tra thêm, mấy tháng nay chưa thấy gì”. Tin này, Vũ Linh đã điện báo cho Ban An ninh tỉnh và khu.

1. Huỳnh Xuân Hân làm bí thư chi bộ, đội trưởng công tác, lăn lộn, chịu khó; biết Tuyết Anh chuẩn bị về vùng địch mà không báo cho lãnh đạo thị, còn tạo điều kiện giúp Tuyết Anh trốn.

Dựa vào ý kiến của Vũ Linh, Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Đức đề nghị Khu ủy rút Huỳnh Đôn với lý do “Tuyết Anh là cơ sở của Huỳnh Đôn, có thời gian công tác bên cạnh Huỳnh Đôn lúc còn ở phía đông thị xã, nên biết nhiều tình hình, nay là người của địch. Huỳnh Đôn thường ra vào nội thị công tác, nhưng anh hay đi ẩn, nếu ở đây, anh dễ bị địch bắt; mà anh bị bắt thì khó khăn thêm cho phong trào Đà Lạt”.

Tình hình Đà Lạt khá phức tạp, trao đổi qua điện thấy Thường vụ Tỉnh ủy thiếu tín nhiệm đối với Huỳnh Đôn. Thường vụ Khu ủy chưa có điều kiện kiểm tra, nên chúng tôi dựa vào ý kiến tập thể của Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Đức. Làm theo kế hoạch Tuyên Đức đề nghị, Thường trực Khu ủy điện mời anh Huỳnh Đôn về khu báo cáo tình hình, sau đó giữ anh lại làm ủy viên Ban công tác đô thị của Khu ủy. Tỉnh tự sắp xếp, anh Nhựt - Bí thư Tỉnh ủy kiêm Bí thư thị ủy Đà Lạt, anh Vũ Linh làm thường trực. Sau đó Thường vụ thị ủy tiếp tục rút hết hai anh Nguyễn Hữu Nam¹ và Phạm Bán đi công tác khác, không có công tác bàn giao cơ sở, nên từ tháng 8 năm 1974 đến ngày giải phóng Đà Lạt, trên 200 cơ sở trong nội ô Đà Lạt đã từng được thử thách, hoàn toàn đứt liên lạc với thị ủy, Huỳnh Xuân Hãn (tức Trường) bị bắt đưa về An ninh khu.

Sau giải phóng, Hãn bị giam lỏng 8 tháng. Khi

1. Người cậu đã nuôi chị em Tuyết Anh trong thời gian mẹ Tuyết Anh bị tù.

được thả, anh ta bị khai trừ ra khỏi Đảng vì lý do chính trị. Trong Công văn số 12/BVCQVH-NG6-CALĐ ngày 9-7-1978 gửi Bộ Nội vụ, Vũ Linh phó trưởng ty báo cáo *“Tuyệt Anh được cảnh sát đặc biệt và Mỹ sử dụng. Trường cùng Tuyệt Anh ở lại Đà Lạt 8 tháng, sau đó ta phải phục kích ở nhà cơ sở bắt Trường đưa về căn cứ”* (y tự bịa – T.g). Vũ Linh còn khẳng định *“Tuyệt Anh thoát ly tham gia cách mạng đầu 1968 tại Đà Lạt, địch đã sử dụng Tuyệt Anh để đánh vào nội bộ ta”*.⁽¹⁾

Trước tình hình như vậy, hội nghị Khu ủy tháng 8 năm 1974 cử anh Trần Ngọc Trác (tức Mai Xuân Ngọc - Tư Ngọc) Khu ủy viên dự khuyết làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Đức, trực tiếp làm Bí thư Thị ủy Đà Lạt, nhưng phải chờ sau khi anh dự lớp tập huấn công tác đô thị ở Miền về.

Đầu tháng 11 năm 1974, tại căn cứ bắc Lâm Đồng, khai mạc lớp tập huấn công tác đô thị do anh Tư Ngọc phụ trách, có trên 50 cán bộ dự, đa số là cán bộ Đà Lạt và Bảo Lộc. Cuối tháng 12 năm 1974, cũng tại căn cứ bắc Lâm Đồng, thị ủy Đà Lạt họp dưới sự chủ trì của anh Tư Ngọc để phân công cán bộ. Từ tháng 10 năm 1974, các đội công tác phụ trách vùng ngoại ô như: Thái Phiên, Sào Nam, Tây Hồ, Tự Tạo, Trại Mát, Tam Giác đều bị đánh bật không bám được bàn đạp. Chỉ còn đội

1. Tuyệt Anh thoát ly cùng mẹ và em đầu năm 1969.

công tác Tây Bắc do Huỳnh Tấn Phát (tức Chín) làm đội trưởng còn bám bàn đạp, nhưng chỉ liên lạc với vài cơ sở đều bị lộ, thỉnh thoảng mới gặp khi họ ra vườn đất cũ. Đội công tác sinh viên học sinh do Trần Thế Việt làm đội trưởng đứng ở bàn đạp Quảng Hiệp (Đức Trọng) trước làm công tác vận động học sinh, sinh viên, nhưng nay chỉ làm nhiệm vụ giữ liên lạc giữa thị ủy với nhóm sinh viên và lực lượng thứ ba, do Vũ Linh phụ trách. Nhóm sinh viên có hai đảng viên do Nguyễn Trọng Hoàng¹ làm tổ trưởng. Nhóm lực lượng thứ ba do Nguyễn Thúc Biểu làm “chủ tịch” và Huỳnh Văn Chùm “phó chủ tịch”. Trong kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Thúc Biểu làm mật thám cho phòng nhì Pháp, bị truy trốn vào vùng địch, tiếp tục làm cho địch. Năm 1973, Bộ Công an điện cho Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Đức biết: *Biểu là người của tình báo CIA Mỹ*. Huỳnh Văn Chùm là tên du côn từng làm đồn trưởng, chủ tịch đảng liên minh dân chủ xã hội chống cộng, chủ tịch hội đồng dân biểu Đà Lạt phụ trách theo dõi, đánh phá phong trào sinh viên, học sinh yêu nước Đà Lạt. Liên lạc với hai nhóm này có một hộp thư sống trong nhà vườn ông Nguyễn Văn Hiền ở Bồng Lai (Đức Trọng) và chỉ qua một đầu mối là Nguyễn Trọng Hoàng (vì Hoàng thường ở nhà Biểu và Chùm); giữa Hoàng và đội của Việt còn có một liên lạc đi trực thầu.

Do tình hình như vậy nên thị ủy chủ trương tổ

1. Nguyễn Trọng Hoàng con của Nguyễn Trọng Cảnh (tức Vũ Linh).

chức hai đoàn cán bộ đi Bình Thuận và Lâm Đồng để xây dựng bàn đạp từ xa móc nối lại cơ sở. Đoàn đi Bình Thuận do Phạm Ngọc Châu làm trưởng đoàn, địa bàn được chọn là Phan Thiết và Hàm Thuận. Đoàn đi Lâm Đồng do Tạ Như Bích làm đoàn trưởng¹, địa bàn được chọn là Phương Lâm, Phú Lâm trên đường 20 (thuộc huyện K4, nay là Ma-đa-gui). Nhưng đoàn của Châu vẫn còn nằm ở căn cứ Nam Sơn, khi nghe đoàn cán bộ của khu lên tham gia tiếp quản Đà Lạt thì mới tháo tung đoàn về Đà Lạt. Đoàn đồng chí Bích chưa làm được gì thì Đà Lạt đã giải phóng.

Từ ngày 13 tháng 1 đến ngày 18 tháng 2 năm 1975, tại vùng căn cứ, Thị ủy tiếp tục mở lớp tập huấn công tác đô thị cho cán bộ và đội trưởng công tác còn lại. Nhưng số cán bộ được tập huấn lớp này và cả lớp trước, kể cả các đồng chí trong thị ủy, chưa có đồng chí nào vào bên trong dù là vùng ngoại ô để gặp cơ sở.

Giữa tháng 3 năm 1975, thị ủy tổ chức đưa đảng viên, cơ sở bên trong ra học, thì đội tây bắc của Huỳnh Chín chỉ đưa được một cơ sở là Nguyễn Thị Phương Thảo (con ông Nguyễn Thanh Bình) ra học rồi ở lại cơ quan thị ủy. Sau giải phóng, Thảo cùng cơ quan thị ủy trở về. Đảng viên thì chỉ còn liên lạc được hai người, nhưng Nguyễn Trọng Hoàng tổ trưởng được triệu tập mà

1. Theo đồng chí Bích kể: thị ủy phân công N.T.H làm đoàn trưởng, nhưng lúc đoàn lên đường bà ta không đi mà về lại cơ quan:

không ra, chỉ có Nguyễn Hòa ra bàn đạp được anh Vũ Linh trực tiếp truyền đạt và giao nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng Đà Lạt. Theo thư anh Tư Ngọc, anh Vũ Linh còn dặn dò Hòa phổ biến lại cho Hoàng, và bảo Hoàng phổ biến cho Nguyễn Thúc Biểu. Nhưng về lại bên trong, Hòa làm gì, đi đâu, tình hình Đà Lạt lúc bấy giờ hết sức sôi động, thời cơ lịch sử đã đến mà Hoàng không có một chữ báo cáo. Sau Đà Lạt giải phóng hơn hai tháng, Hòa¹ mới có mặt ở Đà Lạt...

Đó là sự thật về lãnh đạo và thực lực (chưa kể lực lượng vũ trang) của Đà Lạt trong thời điểm lịch sử lúc bấy giờ. Còn Đà Lạt giải phóng như thế nào tôi xin ghi lại phần sau.

*

* *

Trên cơ sở quán triệt nghị quyết của Trung ương, các đơn vị, các địa bàn đều xác định quyết tâm: vừa tiến đánh, vừa xây dựng đẩy phong trào ba vùng chống phá bình định, lấn chiếm của địch tiến lên vững chắc. Thực hiện chỉ thị của Thường vụ Khu ủy, chúng tôi tổ chức lại các địa bàn, lập các ban chỉ đạo chống lấn chiếm trên từng khu vực, như đường 20 - Lâm Đồng; phía nam Camp Esêpic - Bình Thuận; đường 11 - Ninh Thuận, quốc lộ 1 và tỉnh lộ 3 - Bình Tuy. Gấp rút củng cố căn cứ, mở rộng hành lang, tích lũy lương thực, vận chuyển

1. Con nuôi mục sư Marking (người Mỹ) làm công tác từ thiện ở Nha Trang.

vũ khí, xây dựng những “quả đấm” của lực lượng võ trang, chuẩn bị cho thời kỳ nhảy vọt mới của cách mạng. Chúng tôi quyết định thành lập trung đoàn chủ lực của khu mang tên 812 - một trung đoàn địch hậu của Quân khu 5, giàu truyền thống chiến đấu từng ra đời ở cực Nam Trung Bộ trong kháng chiến chống Pháp. Trung đoàn được thành lập giữa tháng 5 năm 1974 tại một khu rừng thuộc Sông Phan – Suối Kiết huyện Tánh Linh. Buổi lễ ra mắt của trung đoàn làm cho tôi ghi nhớ mãi. Đứng trước mặt tôi là hình ảnh cụ thể về sự trưởng thành của chiến trường khu Sáu, những hàng quân đầu đội mũ tai bèo, chân mang dép lốp gồm những người con ưu tú đã từng lăn lộn trong chiến đấu trên chiến trường này. Thay mặt Khu ủy và Quân khu ủy, tôi phát biểu với anh em trong không khí vô cùng xúc động:

- Các đồng chí là những người kế tục sự nghiệp và truyền thống của Trung đoàn 812 trước đây, Trung đoàn đã được nhân dân cực Nam Trung Bộ - nam Tây Nguyên hết lòng đùm bọc, nuôi dưỡng, tin cậy, mến yêu. Nhiệm vụ của Trung đoàn rất nặng nề. Quả đấm của trung đoàn tung ra phải thật mạnh. Khu ủy và Quân khu ủy tin chắc rằng tiếng kèn xung trận của Trung đoàn sẽ vang lên mạnh mẽ. Lời ca chiến thắng của Trung đoàn sẽ hòa nhịp cùng bản hòa tấu thắng Mỹ của toàn miền Nam và cả nước. Các đồng chí có làm được điều đó không?

Cán bộ, chiến sĩ toàn Trung đoàn nhìn lên lá quân kỳ đỏ thắm, hô vang lời thề “Quyết chiến quyết thắng”.

Bất giác tôi cảm thấy cả khu rừng cùng rung chuyển theo lời thề ấy của anh em. Trung đoàn 812 đứng chân nơi địa bàn trọng điểm lúc bấy giờ là hai huyện Hoài Đức, Tả Thanh Oai (tỉnh Bình Tây).

Cùng với việc thành lập Trung đoàn 812, chúng tôi bàn với anh Nguyễn Quý Đôn (Ba Đôn) Khu ủy viên dự khuyết, Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận củng cố tiểu đoàn 482 của tỉnh này. Cần rút một số chiến sĩ các cơ quan, đơn vị phía sau bổ sung thêm số cán bộ, chiến sĩ bị địch bắt vừa trao trả sau Hiệp định Pa-ri, khẩn trương củng cố tiểu đoàn chủ lực của tỉnh. Phải tranh thủ huấn luyện cho tiểu đoàn cách đánh công sự vững chắc, đánh chi khu, đánh phục kích, tập kích. Với các tỉnh khác trong phạm vi Quân khu, chúng tôi chỉ đạo tích cực phát triển lực lượng bằng nguồn động viên tại chỗ, không thụ động đợi chờ sự chi viện của trên. Ninh Thuận, Tuyên Đức củng cố các tiểu đoàn 610, 810. Bình Tây tăng cường đại đội 88.

Thực túc binh cường. Phải hết sức quan tâm đến gạo và vũ khí. Gạo thì đã có anh Võ Đôn Phước (Bảy Đôn) khu ủy viên lo, anh tặng người ốm yếu, nhưng rất xông xáo. Anh cùng với đồng chí Lê Cật – Chủ nhiệm hậu cần Quân khu, đi khắp đầu non, góc biển, lo cho bộ đội từng lon gạo, bơ muối, bụi mì, bảo đảm cho quân mình ăn no, đánh thắng. Về vũ khí để đảm bảo đánh lớn, dài hơi, chúng tôi chủ trương vận chuyển kết hợp đôi vai với cơ giới, mở nhiều nhánh đường, chuyên chở bằng thuyền máy, ô tô, trực tiếp nhận chi viện của

Trung ương, khỏi phải quá cảnh qua hệ thống hậu cần của Miền nữa. Đồng chí Dương Văn Long, chỉ huy đơn vị H50 và đồng chí Ông Ich Triễn, Phó chủ nhiệm chính trị phòng hậu cần Quân khu kiêm chính trị viên đoàn H50, phụ trách các đoạn đường sông, đường bộ xuyên qua Phước Long, Lâm Đồng. Đồng chí Thính, Phó chủ nhiệm Hậu cần Quân khu cùng đơn vị H74 phụ trách tuyến đường ô tô dài gần 150 ki-lô-mét xuyên qua vùng giải phóng từ nam đường 20 đến Dốc Lá huyện Phan Lý - Bình Thuận.

Đi kiểm tra việc chuẩn bị chiến trường, tôi sung sướng thấy sự sôi động, nhưng thâm lặng biểu hiện ở từng con người, ở từng công việc, trên suốt địa bàn phụ trách. Đồng bào Kinh - Thượng chăm lo việc tăng gia sản xuất, chuẩn bị dự trữ lương thực. Dân công nườm nượp gùi, thồ, gánh, bước những bước rất dẻo trên các lối đường mòn Ven rừng, gần hướng ra mặt trận, kho hàng dựng lên hàng dãy, đầy ắp lúa gạo. Dòng sông Đồng Nai dậy sóng. Thuyền máy luồn lách ngược xuôi chuyên chở súng ống, đạn dược. Về đêm, giao điểm hành lang trên đường 20 giống như nơi tụ hội. Những chuyến hàng tỏa ra các nhánh, ngược lên Tuyên Đức, thẳng ra Ninh Thuận, xuôi về Bình Thuận, xuống mạn Bình Tuy. Khí thế ấy, nhịp điệu ấy, như cơn bão đang dồn tụ gió, ngày mai bão sẽ nổi, sấm sét sẽ nổ trên bầu trời vùng đất này.

Tiếp tục tạo thế tạo lực, kiên quyết phản công và tiến công địch, giữ vững thế chủ động, từ tháng 5 năm 1974, diện hoạt động của ta trên địa bàn được mở rộng.

Trung đoàn 812 liên tục tiến công địch, bao vây uy hiếp, bức rút đồn Hột Xoài ở Sông Dinh... Đội biệt động Phan Thiết tập kích bọn địch tại Hòn Một và bọn hành quân canh sát ở Đại Tài. Tiểu đoàn 482 - Bình Thuận đánh địch ở ấp Tà Nung. Tiểu đoàn 610 - Ninh Thuận cùng dân quân, du kích liên tục hoạt động chống lấn chiếm ở Sông Cái, Ô Cam, giữ vững vùng căn cứ, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên địch. Tuyên Đức chống địch bung ra đánh phá bần đạp các đội công tác, chống càn ở Nam Ban.

Tháng 7 năm 1974, chúng tôi họp Khu ủy mở rộng. Trong cuộc họp này, điều vui mừng nhất của chúng tôi là được quán triệt bức thư của anh Ba Duẩn vừa gửi cho khu Sáu. Bức thư khá dài, nội dung súc tích. Anh đã nêu nhiều ý kiến chỉ đạo xác đáng, cặn kẽ, và chỉ ra nhiệm vụ cấp bách của khu Sáu trong hai năm 1974-1975.

Anh dặn phải nắm vững nhiệm vụ chiến lược của khu Sáu là phải làm chủ cho được vùng rừng núi, xây dựng miền núi khu Sáu nối liền với vùng rừng núi miền Đông Nam Bộ, hợp thành một căn cứ chiến lược liên hoàn, vững mạnh cho cả chiến trường Nam Bộ. Từ đây, ta triển khai những binh đoàn chủ lực vây ép và tiến công Sài Gòn từ nhiều hướng. Không nên cắt rời khu Sáu với Nam Bộ, đồng thời cũng không nên nhập khu Sáu với khu Bảy.

Bức thư còn chỉ rõ: phải mở rộng thế làm chủ ra sát biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia, mở rộng hành

lang chiến lược từ bắc Tây Nguyên vào căn cứ khu Sáu. Cần chú trọng phát triển sản xuất nông nghiệp, giải quyết cho được vấn đề hậu cần tại chỗ, đồng thời có dự trữ cho lực lượng của trên đến hoạt động. Anh chỉ ra cụ thể cả những nơi cần mở rộng các khu sản xuất mới ở bắc Tánh Linh, dọc sông La Ngà, sông Đồng Nai và bắc Lâm Đồng. Chúng tôi rất tâm đắc hình ảnh so sánh của anh Ba: miền rừng núi Đông Nam Bộ và khu Sáu đối với Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long có vị trí tương tự như khu căn cứ Việt Bắc đối với Hà Nội và đồng bằng Bắc Bộ trước đây trong kháng chiến chống Pháp.

Cũng trong cuộc họp này, chúng tôi nhận được điện của anh Trần Lê từ Hà Nội đánh về cho biết: anh đã được anh Ba Duẩn tiếp và làm việc hai lần. Cả hai lần anh Ba đều nhấn mạnh đến vị trí và nhiệm vụ chiến lược của khu Sáu. Nhạy cảm với ý đồ của Trung ương, anh Trần Lê nhắc chúng tôi chuyển cơ quan Khu ủy và Bộ chỉ huy Quân khu lên phía bắc đường 20 để tiện gắn liền với cục diện chiến trường chung khi thời cơ xuất hiện.

Quán triệt ý đồ chỉ đạo của Trung ương, chúng tôi quyết tâm chiến đấu, phấn đấu đến cuối năm 1974 đánh bại về cơ bản kế hoạch bình định lấn chiếm của địch, giành một bước thắng lợi mới toàn diện cả phía trước và phía sau, tiến công cũng như xây dựng.

Do có tên đầu hàng phản bội khai báo, địch đã đánh hơi sự ra đời, địa bàn đứng chân và hướng hoạt

động của Trung đoàn 812. Lữ “đầm già” luôn luôn quần đảo trên cánh rừng Sông Phan - Suối Kiết. Để nghi binh, bảo vệ kế hoạch lớn mùa khô 1974 - 1975, chúng tôi điều Trung đoàn 812 ra giữa nam và bắc Bình Thuận, mở đợt hoạt động đánh phá khu lấn chiếm Nghĩa Thuận, vây ép yếu khu Sông Lũy, diệt địch trên quốc lộ 1 từ Gòp đến núi Ách. Các địa bàn khác cũng hoạt động mạnh, không ngừng tạo thế, tạo lực mới. Bình Tuy thọc sâu diệt ác ở Võ Đắc. Ninh Thuận đột nhập đánh địch ở sân bay Thành Sơn, chặn đánh các đoàn xe lửa địch từ Tháp Chàm đi Đà Lạt...

Hội nghị Khu ủy kết thúc, tôi lên đường vào Miền nhận kế hoạch mùa khô năm 1974 - 1975. Sau khi giải phóng Lộc Ninh, cơ quan Trung ương Cục, Bộ chỉ huy Miền đóng cách thị trấn Lộc Ninh không xa lắm. Anh Lê Đức Anh (Sáu Nam), Phó chỉ huy trưởng chủ trì cuộc họp. Cuộc họp này có đông đủ cán bộ phụ trách cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần dự. Anh Sáu Nam trực tiếp giao nhiệm vụ cho Quân khu 6 trong đợt hoạt động đông xuân này là phối hợp với Quân khu 7, giải phóng hai huyện Tánh Linh, Hoài Đức, góp phần hoàn chỉnh căn cứ miền Đông tới lộ 14, tỉnh Phước Long; nối liền với Tây Ninh, tạo bàn đạp uy hiếp Sài Gòn từ hướng bắc, đồng thời chuẩn bị giải phóng đường 20, chia cắt quân khu 2 và quân khu 3 của địch, hình thành thế uy hiếp Sài Gòn từ hướng đông, giải phóng làm chủ đại bộ phận vùng nông thôn đồng bằng và miền núi của khu Sáu.

Nhận nhiệm vụ xong, tôi được anh Phạm Hùng, Ủy

viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Cục kiêm Chính ủy Bộ chỉ huy Miền gọi đến gặp. Nơi làm việc của anh là một nhà nhỏ lợp lá trung quân nằm trong cụm rừng. Anh vui vẻ bắt tay tôi, ân cần hỏi thăm về tình hình chiến trường, tình hình đời sống của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ trong khu. Anh thông báo cho tôi về tình hình anh Trần Lê đã làm việc với các anh trong Bộ Chính trị ở Hà Nội. Sau khi phân tích tương quan lực lượng của ta và địch trên chiến trường, anh căn dặn: Quân khu 6 phải ra sức hoàn thành nhiệm vụ trong đợt hoạt động lớn này.

Lúc tạm biệt, anh ôm hôn tôi, cái hôn ấm áp tình nghĩa đồng chí đang kể vai sát cánh đứng chung chiến hào nóng bỏng của tiền tuyến lớn anh hùng. Trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, đây là một trong những cuộc gặp gỡ không bao giờ quên. Anh còn gởi cho các anh trong Khu ủy, Quân khu ủy một ít thuốc bồi dưỡng.

Sau hội nghị và sau cuộc gặp gỡ mang nhiều kỷ niệm đẹp, tôi hối hả ra về. Tôi mong sao sớm truyền đạt được nhiệm vụ nặng nề và những lời dặn dò thấu đáo của Bộ chỉ huy Miền, của anh Phạm Hùng đến các anh trong Khu ủy và Quân khu ủy.

Hoài Đức, Tánh Linh là hai huyện trung du của tỉnh Bình Tuy, bao bọc những điệp núi cuối cùng của dãy Trường Sơn cao ngất, có sông La Ngà uốn khúc lượn quanh xuôi về miệt Biên Hòa đất đỏ. Làm chủ được địa bàn này, không những sẽ chia cắt được quân khu 2 và

quân khu 3 của địch, mà còn hoàn chỉnh vùng căn cứ chiến lược miền rừng núi Đông Nam Bộ và khu Sáu, tạo thế mới cho cục diện chiến trường.

Đây là một chiến dịch mới mở màn cho đợt hoạt động mùa khô 1974 - 1975. Theo quyết định của Bộ chỉ huy Miền, một bộ chỉ huy phối hợp giữa hai Quân khu 7 và Quân khu 6 được thành lập. Anh Lê Sĩ, Tư lệnh Sư đoàn 6 làm chỉ huy trưởng. Tôi quyền chính ủy Quân khu 6 làm chính ủy. Các anh Bùi Văn Mỹ, Phó chỉ huy trưởng Quân khu 6; Lê Khắc Thành, Bí thư Tỉnh ủy Bình Tuy và đồng chí chính ủy Sư đoàn 6 làm chỉ huy phó. Anh Nguyễn Minh Châu, Tham mưu trưởng của Bộ chỉ huy Miền được cử làm đại diện Bộ chỉ huy Miền trực tiếp theo dõi chỉ đạo chiến dịch. Trong cuộc họp thông qua phương án tác chiến, đồng chí Dương Cự Tầm, chính ủy Quân khu 7 dự, tham gia chỉ đạo và động viên Sư đoàn 6. Chúng tôi mở màn chiến dịch vào đêm 9 rạng ngày 10 tháng 12 năm 1974, đúng theo mệnh lệnh của Bộ chỉ huy Miền.

Theo kế hoạch, Sư đoàn 6 (thiếu) của Quân khu 7 được tăng cường tiểu đoàn 186 (thiếu) của Trung đoàn 812 phụ trách hướng chủ yếu: diệt địch, giải phóng toàn bộ huyện Hoài Đức. Đêm mở màn đánh diệt chi khu, quận lỵ; tiếp theo là đánh viện quân địch trên đường số 3. Trung đoàn 812 (thiếu) được tăng cường tiểu đoàn 200C đặc công và đại đội 88 bộ binh của tỉnh, phụ trách hướng thứ yếu: đánh diệt địch, giải phóng huyện Tánh Linh. Đêm mở màn đánh chiếm, chốt giữ cao điểm Lồ

Ồ, dùng hỏa lực bắn phá chi khu, quận lỵ và đánh chiếm đồn Núi Giang. Tiếp theo là tiêu diệt chi khu, quận lỵ giải phóng toàn huyện.

Ở hướng chủ yếu được anh Năm Ngà và anh Dương Cự Tẩm đi sát chỉ đạo; anh Ba Mỳ và tôi chỉ huy hướng thứ yếu. Sở chỉ huy của chúng tôi đặt ngay dưới chân núi Lồ Ô, cách trận địa 150 mét. Lồ Ô là một cứ điểm rất hiểm trở, nằm trên ngọn núi cao 250 mét, khe rãnh trập trùng, đá nhô nhọn hoắt, dốc đứng cheo leo. Lực lượng địch dày đặc, phòng thủ vững chắc, có cả pháo 105 ly. Địch coi đây là cứ điểm yết hầu, không chế cả khu vực và trực tiếp bảo vệ chi khu Tánh Linh.

Quả thật trận đánh diễn ra hết sức gay go, ác liệt. Mìn nổ mở màn từ giữa canh khuya mà mãi lúc trời hừng sáng, sương mù vừa tan, anh em ta mới quét sạch địch, làm chủ trận địa. Đây là chiến công xuất sắc của tiểu đoàn 200C đặc công và đại đội bộ binh của tiểu đoàn 15 và cũng là lần đầu tiên đặc công phải đánh kéo dài, chiếm và giành giật từng mục tiêu với địch cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó một đại đội bộ binh của tiểu đoàn 15 và một bộ phận hỏa lực của tiểu đoàn 130 chốt trụ lại, và dùng hỏa lực bắn phá chi khu. Cùng đêm đại đội 5 đặc công của Trung đoàn 812 đánh chiếm đồn cấp đại đội ở đồi núi Giang cách chi khu 700 mét về phía đông bắc, nhưng ta không chốt giữ nên sáng hôm sau địch chiếm lại.

Trận đánh Lồ Ô kết thúc thắng lợi, tôi và anh Ba

Mỳ giò hăng gô cơm nguội ra ăn mừng chiến thắng. Anh Ba Mỳ nói với tôi: *“Thằng 200C đánh giỏi lắm anh à; phải là tay nó mới trị nổi cái Lồ Ô hóc búa này”...*

Đúng, quả thật đây là một điểm cứng của địch, đánh không dễ.

Trong bốn mũi tiến công, mũi nào cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, song chỉ có mũi thứ ba hoàn toàn vô sự. Các mũi 1, 2, 4 ít nhiều đều có thương vong. Địch chống trả điên cuồng, nhưng chiến sĩ ta chiến đấu hết sức ngoan cường, dũng cảm. Phải giành giật với địch từng bờ khe, rãnh đá, chiến hào ở ngoại vi và từng lô cốt, hầm ngầm, ụ súng trong trận nội.

Tôi nghĩ đến Khâm và một số anh em bị hỏa lực địch bắn chặn, đã ngã xuống lúc vượt tường xung phong vào trận nội. Mới sáng qua, tôi còn gặp anh em nằm trên chiếc võng nơi góc rừng, nói nói, cười cười dưới vòm lá biếc, gương mặt, ánh mắt tươi rói, hồn nhiên. Vì sự nghiệp lớn, anh em coi cái chết nhẹ tựa lông hồng. Tôi cũng nghĩ ngay đến trách nhiệm của mình. Trong chiến đấu, đơn vị tham gia trận đánh khó tránh khỏi sự mất mát, nhưng phải sử dụng lực lượng sao cho có hiệu quả cao, lại tránh được tổn thất không cần thiết. Như thế mới là biểu hiện cao nhất trách nhiệm của cán bộ, nghệ thuật của người chỉ huy, lãnh đạo.

Xen vào những cái thương, tôi bỗng thấy một chiến sĩ công một em bé gái chừng ba bốn tuổi, quần áo em bé bám đầy khói bụi, đôi mắt ngây thơ chưa hết sợ

hải, nhìn chúng tôi ngỡ ngác. Thì ra em bé ấy là con của một lính ngự, được chiến sĩ ta cứu sống trong cảnh bom rơi đạn nổ. Các chiến sĩ ta đã thể hiện bản chất cao đẹp của người quân nhân cách mạng, căm thù giặc cao độ, nhưng rất giàu lòng nhân ái.

Cùng với chiến thắng Lồ Ô, những tin vui khác bay về dồn dập. Ta đánh chiếm các mục tiêu đồi Giang, Xã Dú, Huy Khiêm, Tề Lễ, Hiếu Tín, Đồng Kho và dùng hỏa lực bắn phá, gây thiệt hại nặng cho chi khu Tánh Linh. Sau các trận đánh trên, nhiệm vụ cần kíp trước mắt là tổ chức bám trụ trên cứ điểm Lồ Ô và đưa dân vùng mới giải phóng qua phía bắc sông La Ngà, ổn định nơi ăn ở, tạo thành những điểm tựa vững chắc cho vùng căn cứ. Tiểu đoàn 200C bàn giao nhiệm vụ nặng nề chốt giữ Lồ Ô cho tiểu đoàn 15. Đánh chiếm được đã khó, chốt vững trụ lại thật kiên cường cũng không phải dễ, nhưng chúng tôi tin vào sức mạnh của tiểu đoàn 15 có thể hoàn thành được nhiệm vụ.

Giao xong kế hoạch chốt giữ Lồ Ô, chúng tôi đến ngay một hướng chiến đấu khác: đưa mấy ngàn dân từ nam sông La Ngà sang bờ bắc sông. Cầu không có mà nước sông đầy ắp. Đồng bào qua sông bằng các mảng tre, thuyền gỗ. Chúng tôi bàn với anh Mười Bắc “cấy” dân, vừa đưa qua sông xen kẽ với số dân sẵn có ở vùng giải phóng từ Sùng Nhơn, Mê Pu đến Nghi Đức, Huy Khiêm. Đất đai màu mỡ, đồi rừng mênh mông đồ sức lao động ra, đồng bào sẽ đủ sống.

Ở hướng chủ yếu, đúng 2 giờ ngày 10 tháng 12 năm 1974, Sư đoàn 6 đồng loạt nổ súng đánh theo kế hoạch, nhưng không dứt điểm được chi khu. Các bộ phận khác đánh đồn ở đồi Bảo Đại, núi Dinh, dùng hỏa lực đánh vào đồi Su. Đồn ở đồi Bảo Đại ta không chốt giữ nên sáng ngày địch chiếm lại. Tiểu đoàn 186 đánh chiếm đại bộ phận xã Võ Xu. Sư đoàn 6 chuyển qua vây ép chi khu, diệt một số cứ điểm nhỏ như: Đồi Đá, cầu Nín Thở, chốt Trà Tân và chặn đánh viện quân địch.

Trước nguy cơ mất còn của hai chi khu Hoài Đức, Tánh Linh, những ngày tiếp theo địch phản kích quyết liệt. Ở hướng Hoài Đức, chúng tung lực lượng chiếm lại đồi Bảo Đại xã Võ Xu. Trên đường số 3, sư đoàn 18 nguy hiểm chết mở đường máu. Chúng nâng tổng số lực lượng giải tỏa lên 2 trung đoàn bộ binh, 1 trung đoàn thiết giáp, có trọng pháo yểm trợ. Trung đoàn 33 của Sư đoàn 6 đã đánh gãy xương sống bọn đi giải tỏa, đường số 3 bị cắt ra từng đoạn.

Ở khu vực Tánh Linh, địch cho máy bay, đại bác bắn phá ác liệt cứ điểm Lồ Ổ. Từ sở chỉ huy tiền phương đặt sau Giã An, tôi nhìn rõ những đụn khói bốc lên trong cát bụi mù mịt nơi mỏm núi. Vui mình trong bom đạn, các chiến sĩ tiểu đoàn 15 vẫn chốt giữ kiên cường.

Hoài Đức bị vây ép, Tánh Linh bị cô lập, kẻ địch rơi vào tình trạng hoang mang, hỗn loạn. Hàng loạt tên bỏ súng đào ngũ. Chúng tôi họp Bộ chỉ huy chiến dịch

quyết định sử dụng Trung đoàn 812; tiểu đoàn 200C, có một bộ phận hỏa lực của Sư đoàn 6 phối hợp, nhanh chóng tiến công tiêu diệt chi khu Tánh Linh và những cụm địch còn lại xung quanh, để sau đó tập trung lực lượng giải quyết dứt điểm chi khu Hoài Đức.

Chấp hành mệnh lệnh, Trung đoàn 812 và tiểu đoàn 200C vào trận, đêm 23 rạng ngày 24 tháng 12 năm 1974 ta làm chủ chi khu Tánh Linh. Ở ngoại vi chi khu, phối hợp với bộ đội địa phương, Trung đoàn 812 còn đánh xã Lạc Tánh, khu vực chợ, sân bay, tiêu diệt tiểu đoàn bảo an 355, quét sạch địch ở Quan Hà, xã Dú, Giã An hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy diệt ác phá kìm, giành quyền làm chủ.

Đối với chúng tôi, những thời điểm lịch sử này khó mà quên được. Lần đầu tiên, bằng quả đấm của địa phương, khu Sáu đánh diệt được chi khu Tánh Linh và giải phóng được hoàn toàn huyện Tánh Linh. Tuy bọn địch chống trả điên cuồng, nhưng sức mạnh của quân và dân địa phương đã đè bẹp chúng. Thắng lợi lớn này có sức cổ vũ mạnh mẽ. Nó tạo đà cho chiến thắng tiếp theo.

Đêm 30 rạng 31 tháng 12 năm 1974, Trung đoàn 812 phối hợp với Trung đoàn 4 và lực lượng đặc công của Sư đoàn 6 tranh thủ thời cơ tiến công, gắng dứt điểm chi khu Hoài Đức và thị trấn Võ Đắc.

Đánh Hoài Đức phải thấy được điểm mới. Tình hình địch đã thay đổi. Chúng tăng cường cho chi khu

này chiến đoàn 43 của sư đoàn 18 ngụy và một đại đội trinh sát của tiểu khu Bình Tuy, lại có sự chi viện của trận địa pháo đặt ở Trà Cổ, Định Quán. Chúng mở hướng giải tỏa mới theo đường 20 qua sông La Ngà thọc vào hướng tây Võ Đắc. Dịch cố thủ và phản kích quyết liệt. Qua 10 ngày đêm chiến đấu, ta vẫn chưa dứt điểm được chi khu Hoài Đức.

Cuối cùng, sau khi nhận được lệnh kết thúc chiến dịch của Bộ chỉ huy Miền, chúng tôi quyết định chuyển phương án: bảo vệ vùng giải phóng Tánh Linh, chốt giữ cao điểm núi Dinh, đánh phản kích giữ các xã đã giải phóng của Hoài Đức, tạo bàn đạp vây ép chi khu Hoài Đức và tranh thủ củng cố lực lượng, chuẩn bị cho đợt hoạt động mới.

Kết thúc chiến dịch, anh Năm Ngà trở về căn cứ Miền nhận nhiệm vụ mới. Bộ chỉ huy chiến dịch tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm.

Lúc này, về ta cũng có thay đổi, Miền rút Sư đoàn 6 đi làm nhiệm vụ mới, chỉ để lại Trung đoàn 33 chốt giữ đường số 3. Đến đầu tháng 2 năm 1975, Trung đoàn 33 cũng rút về đội hình sư đoàn, giao lại mặt trận Hoài Đức - Tánh Linh cho khu Sáu tự lực đảm nhận.

Tình hình chuyển biến dồn dập, khẩn trương. Đầu tháng 2 năm 1975, nhận được điện khẩn của Miền, chúng tôi cử anh Nguyễn Trọng Xuyên về Bộ chỉ huy Miền nhận nhiệm vụ mới.

Căn cứ nghị quyết của Bộ Chính trị hạ quyết tâm chiến lược giành thắng lợi cho cách mạng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976, Miền đề ra quyết tâm hoàn thành trong mùa khô này, những mục tiêu cụ thể còn lại của năm 1975, đồng thời có kế hoạch sẵn sàng đón thời cơ chiến lược mới khi tình hình chung có đột biến. Kiên quyết đánh bại về cơ bản kế hoạch bình định của địch, tiêu diệt một phần quan trọng lực lượng của chúng, mở rộng vùng giải phóng, giành dân, xây dựng hành lang, căn cứ làm bàn đạp tiến công, trên cơ sở đó tạo điều kiện thuận lợi, sẵn sàng đón thời cơ.

Đối với khu Sáu, Bộ chỉ huy Miền giao nhiệm vụ: trước mắt hoàn thành việc giải phóng Hoài Đức, đồng thời có kế hoạch phát triển lên hướng Di Linh, đường 20.

Anh Nguyễn Trọng Xuyên về, chúng tôi gấp rút họp Thường vụ Khu ủy và Quân khu ủy. Sau khi soát xét tình hình, chúng tôi hạ quyết tâm: lực lượng của khu khẩn trương đánh diệt chi khu Hoài Đức và hoàn thành việc giải phóng huyện Hoài Đức trong thời gian ngắn nhất. Sau đó chuyển lên Di Linh phối hợp với lực lượng của trên đánh chiếm Di Linh và đón diệt lực lượng địch rút chạy về Tuyên Đức, góp phần giải phóng Lâm Đồng. Hướng phát triển tiếp theo là huyện Đức Trọng, thành phố Đà Lạt và toàn bộ tỉnh Tuyên Đức.

Các tỉnh khác trong khu tiếp tục nhằm vào các khu tập trung đông dân, các khu ủi phá lấn chiếm mà tiến công mở rộng vùng tranh chấp, vùng làm chủ và vùng

giải phóng. Ninh Thuận chú trọng đánh sục ách kìm kẹp của địch ở ấp Quảng Thuận, giành lại khu vực Trà Co, Sông Cái, đánh phá sân bay Thành Sơn - một trong những cứ điểm mạnh về không quân của địch. Riêng Bình Thuận được tăng cường thêm một bộ phận đặc công của Quân khu, phải quyết tâm đánh chiếm thị trấn Ma Lâm, chi khu Thiện Giáo, giải phóng một loạt các xã trên đường số 8 và đường số 1, từ đó đánh sâu vào thị xã Phan Thiết.

Phấn khởi hạ quyết tâm, nhưng nhìn vào thực lực, chúng tôi cũng có phần lo ngại. Sau đợt hoạt động vừa qua của các đơn vị chủ công, nhất là Trung đoàn 812 và tiểu đoàn đặc công 200C bị hao nhiều chưa kịp bổ sung. Bộ đội địa phương cũng chưa được củng cố. Bình Thuận giữ được tiểu đoàn 482, nhưng cũng thiếu quân số. Còn các tỉnh khác số quân chiến đấu của mỗi đại đội chỉ còn trên dưới 25 người. Một số huyện có trung đội, nhưng quân số cao nhất cũng chỉ 15 người.

Không thể trông vào sự tăng viện của cấp trên, khả năng này khi anh Xuyên về Miền nhận nhiệm vụ, đã được Bộ chỉ huy Miền cho biết là khu Sáu phải tự lo lấy. Thông cảm với khó khăn chung của chiến trường, chúng tôi quyết định là tuyển quân ngay tại địa phương, phải dựa trên sức mình là chính. Vấn đề này, khu Sáu đã có truyền thống rất tốt. Vùng giải phóng Tánh Linh, Hoài Đức vừa mở ra, có thể nói đây là một "kho" người. Vấn đề là động viên và tổ chức cho tốt số quân đứng dưới cờ sẽ đủ để đáp ứng yêu cầu của tình hình.

Quyết tâm đã được xác định, hướng bổ sung lực lượng đã sáng rõ. Không thể chậm trễ, chúng tôi chia nhau đi các hướng chuẩn bị cho cuộc tiến công.

Ở trọng điểm Hoài Đức, sau khi Sư đoàn 6 rút quân, Bộ chỉ huy mặt trận được tổ chức lại. Anh Ba Mỳ, Phó chỉ huy trưởng Quân khu, làm chỉ huy trưởng; anh Lê Khắc Thành, Bí thư Tỉnh ủy Bình Tuy, làm chính ủy, anh Phạm Hoài Chương, Phó chủ nhiệm chính trị Quân khu và anh Nguyễn Thanh Đức tỉnh đội trưởng Bình Tuy làm chỉ huy phó.

Đánh Hoài Đức lần này, chúng tôi thực hiện cách đánh “bóc vỏ” với tư tưởng tiến công mãnh liệt và vận dụng phương châm chiến thuật “vây, lấn, tấn, triệt, diệt”. Trung đoàn 812 và tiểu đoàn 200C đặc công đảm nhiệm vai trò chủ công.

Lúc này, trận Buôn Ma Thuột đã bắt đầu và tin chiến thắng đang làm nức lòng cán bộ, chiến sĩ ta, càng thôi thúc chiến trường Quân khu 6 gấp rút nổ súng phối hợp.

Theo kế hoạch đã định, phối hợp với chủ lực Quân khu 7 đánh địch trên đường số 1 và chủ lực Miền đánh địch trên đường 20, trận tiến công chi khu Hoài Đức mở màn lúc 23 giờ ngày 16 tháng 3 năm 1975. Trong bốn ngày chiến đấu ác liệt, với lối đánh bóc vỏ từ ngoài vào, quân ta lần lượt đánh chiếm các mục tiêu ngoại vi, đập tan nhiều đợt phản kích của địch. Cuối cùng là đợt tấn công mãnh liệt vào trung tâm đầu não, đè bẹp sự chống

cự ngoan cố của địch. Sáng 20 tháng 3, lá cờ chiến thắng tung bay trên nóc nhà thông tin của địch. Ngày 22 tháng 3, ta giải phóng hoàn toàn huyện Hoài Đức.

Trong cuộc đời chiến đấu của mình, một lần nữa, tôi sung sướng chứng kiến hình ảnh rất đẹp và hào hùng của những người dân tay không nổi dậy. Cùng với tiếng súng của quân ta nổ vang rền, đông đảo quần chúng nhân dân tự động hè nhau xuống đường phá đồn, phá ấp, treo băng cờ, khẩu hiệu, truy bắt lính, trừng trị tề điệp, thu dọn vũ khí. Chỉ riêng ấp Võ Xu, nhân dân thu gom được trên 300 súng các loại.

Hoài Đức được giải phóng nối liền với huyện Tánh Linh và huyện căn cứ Nam Sơn thành một địa bàn rộng lớn, liên hoàn với vùng giải phóng Giá Rai (Long Khánh) với đường số 1, và vùng giải phóng Định Quán, Phương Lâm, Phú Lâm đường 20, tạo ra một bàn đạp vây ép Sài Gòn từ hướng đông bắc.

Cục diện toàn Miền diễn biến rất nhanh. Hướng nam Tây Nguyên, sau đợt đột phá then chốt Buôn Ma Thuột thắng lợi rực rỡ, chủ lực của ta lần lượt giải phóng các tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai, Công Tum, Phú Bổn, Quảng Đức và đang phát triển xuống các tỉnh ven biển miền Trung. Hướng Bình Trị Thiên, sau khi giải phóng Quảng Trị, quân ta vượt sông Thạch Hãn, áp sát bao vây thành phố Huế. Tại Nam Bộ, chủ lực Miền đã diệt chi khu Dầu Tiếng, đánh chiếm chi khu Định Quán, làm chủ đường 20, từ Định Quán lên Phương Lâm, Phú Lâm;

làm chủ đường số 1 từ Giá Rai đi rừng lá (xã Bà Giêng huyện Hàm Tân) đường số 3 từ Giá Rai đi Hoài Đức.

Nắm bắt được những tin tức sôi động, nóng bỏng ấy, tôi thật sự cảm thấy thế nào là nhịp độ phát triển nhảy vọt của tình hình, cần phải nắm vững thời cơ chiến lược đang mở ra.

Ngày 22 tháng 2 năm 1975, anh Trần Lê từ Hà Nội về đến Lộc Ninh, được Bộ chỉ huy Miền triệu tập họp phổ biến tình hình nhiệm vụ mới và nhận ý đồ giải phóng tỉnh Lâm Đồng (chưa nói đến Tuyên Đức).

Do thời gian hoạt động quá cận kề, nên sau đó anh Trần Lê điện mời một số đồng chí trong Thường vụ Khu ủy và Quân khu ủy lên vùng III - căn cứ bắc Lâm Đồng, để bàn kế hoạch triển khai. Đồng thời anh Lê cũng điện mời anh Huỳnh Minh Nhựt, Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Đức qua căn cứ bắc Lâm Đồng gặp anh phổ biến tình hình, bàn kế hoạch hoạt động phối hợp với Lâm Đồng và chuẩn bị kế hoạch để sau khi giải phóng Lâm Đồng thì chủ lực Quân khu tiếp tục phát triển lên Đức Trọng.

Chúng tôi cử anh Nguyễn Trọng Xuyên và một số cán bộ của 3 cơ quan lên báo cáo tình hình với anh Lê, còn anh Năm Thắng thì đã có mặt sẵn ở Tỉnh ủy Lâm Đồng. Cùng lúc tôi hạ lệnh cho Trung đoàn 812 (thiếu) hành quân cấp tốc, chậm nhất là ngày 27 tháng 3 năm 1975 phải có mặt tại Di Linh để phối hợp với chủ lực Miền chặn đánh địch rút chạy về Tuyên Đức, giải phóng Di Linh. Chúng tôi cũng tăng cường công binh cho tỉnh

đội Bình Thuận để sửa đường số 8 tạo thuận lợi cho Trung đoàn 812 hành quân.

Làm việc xong, anh Trần Lê và các anh Năm Thắng, Sáu Xuyên và cán bộ tham mưu, chính trị của Quân khu đều ở lại để phối hợp với Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 thực hiện kế hoạch giải phóng tỉnh Lâm Đồng.

Chiến dịch mở màn vào chiều ngày 27 tháng 3 năm 1975. Ở hướng chính diện, chiều ngày 27 tháng 3, một tiểu đoàn bộ binh đánh chiếm chi khu Đa Huoai, tiểu đoàn công binh bao vây chặt các chốt bao đảm cho trung đoàn bộ binh cơ giới hành tiến theo đường 20 đánh vào thị xã Bảo Lộc. Cuộc tiến quân của ta dưới sự yểm trợ của pháo binh, có xe tăng mở đường; mặc dầu lực lượng địch còn nguyên vẹn nhưng chúng chống cự yếu ớt rồi tháo chạy về Di Linh. 9 giờ sáng ngày 28 tháng 3, quân ta đã chiếm tiểu khu Lâm Đồng và giải phóng toàn bộ thị xã Bảo Lộc và huyện Đa Huoai. Tàn quân địch tháo chạy về Di Linh, gây nên sự hoảng loạn dây chuyền, khiến bọn địch ở đây cũng tháo chạy. Trung đoàn 812 có nhiệm vụ chặn đánh địch, giải phóng Di Linh, nhưng hành quân chưa tới kịp. Đại đội 5 trinh sát được phái lên đây trước, quân số chỉ khoảng 20 người. Anh em nổ súng kịp thời, quét bọn địch còn lại, chiếm quận lỵ và thị trấn Di Linh. Sau đó, phát hiện lực lượng của ta ở Di Linh ít, địch tổ chức phản kích hòng chiếm lại. Đại đội trinh sát nằm trong thế bị bao vây, nhưng trụ rất vững, đánh rất giỏi, chặn đứng bọn giặc. Chiều 30 tháng 3, Trung đoàn 812 và anh Ba Mỳ mới đến Di

Linh gặp đại diện của Bộ chỉ huy mặt trận báo cáo tình hình và thống nhất kế hoạch hiệp đồng tác chiến. Sau khi giải phóng Bảo Lộc, Quân đoàn 4 được lệnh rút quân, chuyển đi hướng khác, nhưng còn để lại một đại đội xe tăng 3 chiếc hỗ trợ cho địa phương. Đêm 30 tháng 3, triển khai lực lượng và sáng ngày 31 tháng 3, Trung đoàn 812 có xe tăng hỗ trợ, nổ súng đánh tan cuộc phản kích của địch gồm bốn tiểu đoàn có xe tăng và pháo yểm trợ. Trận chiến đấu quyết liệt diễn ra từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa. Bị đánh thiệt hại nặng, quân địch còn lại phải bỏ cả xe pháo, rút chạy tán loạn. Trên đường tháo chạy, chiều ngày 31 tháng 3, địch phá cầu Đại Ninh để chặn bước tiến của quân ta về hướng Tuyên Đức.

Lâm Đồng đã được giải phóng. Một vấn đề mới đặt ra là khu Sáu phải làm gì trước thời cơ chiến lược lớn. Vì lúc này, giải phóng Lâm Đồng và đánh thông xong đường chiến lược 20 ở phía đông; anh Hoàng Cẩm được lệnh chuyển Quân đoàn 4 đi hướng mới, không phát triển lên Tuyên Đức nữa.

Theo ý kiến của anh Trần Lê, chúng tôi - bộ phận chủ chốt của Khu ủy và Quân khu ủy gấp rút gặp nhau ở B' Lao. Các anh Đỗ Quang Thắng, Nguyễn Trọng Xuyên đã có sẵn ở trên đó, anh Bùi Văn Mỹ đã cùng đi lên với Trung đoàn 812. Chỉ có tôi còn ở chỉ huy sở cơ bản tại xã Hàm Thạnh, huyện Hàm Thuận (Bình Thuận). Thế là sáng 29 tháng 3, chiếc xe com-măng-ca chở tôi phóng như bay về điểm hẹn không kịp nghỉ ngơi. Đúng là một

cuộc đi “thần tốc”. Tưởng trên đường đi thế nào cũng gặp một số đơn vị của Quân đoàn 4, nào ngờ tới đến, từ Phương Lâm lên khỏi đèo B’Lao không có một bóng người. Vào thị xã B’Lao tối om, không có đèn điện. Hơn 21 giờ các cơ quan, đơn vị đều ra rừng. Tôi và hai đồng chí lái xe, bảo vệ cũng ra rừng tìm chỗ ngủ.

Sáng 30 tháng 3, vào thị xã, gặp đủ các anh, nhất là anh Trần Lê từ ngày chữa bệnh về, hôm nay mới gặp lại, tôi ôm chặt anh, mừng anh rất khỏe. Riêng anh Ba Mỹ đi với Trung đoàn 812 chưa đến kịp. Cuộc họp bắt đầu. Qua thực tiễn chiến trường, chúng tôi càng sáng tỏ thêm quyết tâm chiến lược của Trung ương. Quân nguy bị ta giáng những đòn chí mạng đang suy sụp nhanh, tan rã lớn. Mỹ không có khả năng cứu nguy cho quân nguy. Đứng trước thời cơ chiến lược lớn, ta cần phải tranh thủ thời gian cao độ, hoạt động hết sức kịp thời, táo bạo làm cho địch không kịp trở tay. Cần có những biện pháp đặc biệt nhanh chóng, tiến công địch từ các phía, bỏ qua những mục tiêu không thuộc loại then chốt, tập trung lực lượng giáng đòn quyết định vào những vị trí yết hầu của chúng.

Một ban chỉ huy tiền phương ở bắc đường 20 được thành lập. Các anh Đỗ Quang Thắng - Ủy viên Thường vụ Khu ủy, Nguyễn Trọng Xuyên - Tư lệnh và Bùi Văn Mỹ - Phó Tư lệnh dưới sự chỉ đạo trực tiếp của anh Trần Lê, nắm cánh quân gồm Trung đoàn 812 (thiếu), tiểu đoàn 200C đặc công và các lực lượng địa phương thọc mũi dùi thật nhanh lên hướng Tuyên Đức - Đà Lạt

Phần tôi, ngay trong đêm 30 tháng 3 năm 1975 lại nhanh chóng quay về chỉ huy sở cơ bản ở Bình Thuận. Trên đường về, đêm ấy, bầu trời đầy sao, trăng lưỡi liềm treo lơ lửng, gió mát rượi. Xe chạy không bật đèn pha, chỉ chạy đèn gầm, vừa đủ cho đầu xe chồm lên, lướt tới. Về đến cơ quan, tôi truyền đạt lại tư tưởng chỉ đạo của trên cho các cán bộ tham mưu, chính trị, hậu cần, cho cán bộ văn phòng và các ban ngành xung quanh Khu ủy. Cùng lúc, tôi bàn với anh Trần Đệ (Ba Công) Chánh văn phòng Khu ủy về lại Ninh Thuận trực tiếp chỉ đạo phong trào và điện trước cho Tỉnh ủy biết. Rồi tôi trao đổi với anh Nguyễn Quý Đôn, Bí thư Bình Thuận và anh Lê Khắc Thành, Bí thư Bình Tuy, kế hoạch tổ chức thực hiện quyết tâm chiến lược của Trung ương và của Miền giao. Các ban chỉ đạo giải phóng ở mỗi tỉnh cũng được thành lập do đồng chí Tỉnh đội trưởng làm Trưởng ban, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm chính ủy.

Quán triệt tình hình và nhiệm vụ lịch sử, quán triệt tư tưởng chỉ đạo của cấp trên, Khu ủy có điện số 152 gửi các tỉnh ủy nêu rõ: *"Tình hình diễn biến hết sức thuận lợi cho ta, các tỉnh không được trông chờ, ỉ lại vào chủ lực, mà phải nỗ lực khắc phục mọi khó khăn, khăn trương với mức cao nhất, bám chắc tình hình, mạnh bạo xốc tới, tự giải phóng địa phương mình."*

Tuy cơ động chỉ đạo trên một chiến trường rộng, cách xa nhau hàng trăm ki-lô-mét, các anh Trần Lê, Nguyễn Trọng Xuyên với sở chỉ huy cơ bản vẫn liên lạc

đều đặn. Tại sở chỉ huy cơ bản, tôi và một số cán bộ tham mưu, chính trị, hậu cần phải liên lạc với nhiều đầu mối: Bộ Tổng tham mưu, Bộ Tư lệnh Miền, các tiền phương Quân khu, các tỉnh, các đơn vị, phải trực hai mươi bốn trên hai mươi bốn mỗi ngày. Điều tự hào của chúng tôi là trước đây cũng như hiện nay, trên chiến trường khu Sáu, trong những thời điểm có ý nghĩa quyết định của lịch sử, chúng tôi đều có mặt ở những mũi nhọn đầy khó khăn, ác liệt. Trong trách nhiệm của người lãnh đạo, chúng tôi chia sẻ với nhau niềm vui cũng như nỗi ưu tư.

Đêm 31 tháng 3 năm 1975, tại sở chỉ huy cơ bản, qua đài kỹ thuật ta nhận được tin địch đã rút chạy khỏi Tuyên Đức, Đà Lạt ngay trong đêm. Tôi kịp thời điện cho Tuyên Đức - Đà Lạt, tiền phương Quân khu ở Lâm Đồng và Ninh Thuận, Bình Thuận. Được tin này, anh Trần Lê rất nóng ruột vì liên lạc với Tuyên Đức - Đà Lạt vẫn chưa nối được. Sau chiến thắng Di Linh, Trung đoàn 812 hành quân chậm chạp, chiều ngày 2 tháng 4 mới đến cầu Đại Ninh, nhưng cầu đã bị địch đánh sập từ chiều 31 tháng 3. Được nhân dân giúp đỡ, huy động thuyền bè cho bộ đội qua sông, huy động xe đò đưa bộ đội nhanh chóng tiến quân; 22 giờ đêm ấy, Trung đoàn 812 chiếm lĩnh chi khu, quận lỵ Đức Trọng, nhưng chưa tìm được lãnh đạo của huyện. Tiền phương Quân khu và Ban chỉ huy Trung đoàn 812 bàn kế hoạch phát triển ngày mai. Sáng ngày 3 tháng 4, một cánh gồm tiểu đoàn 186, tiểu đoàn 200C và sở chỉ huy tiền phương Quân khu

theo đường 20 tiến thẳng lên Đà Lạt; một cánh gồm tiểu đoàn 840 và sở chỉ huy trung đoàn theo đường 21 kếp xuống chiếm chi khu Đơn Dương và quận lỵ Dran, tổ chức bắt liên lạc với Ninh Thuận tại Krông Pha. Anh Thanh, Tỉnh đội trưởng Tuyên Đức và anh Nguyễn Xuân Khanh, Trưởng ban binh vận khu được phân công ở lại tìm liên lạc với huyện ủy Đức Trọng và Tỉnh ủy Tuyên Đức.

Đà Lạt bỏ ngõ.

Sau khi địch rút chạy, sáng ngày 1 tháng 4, nhóm liên tôn phản động, chống cộng gồm: Nguyễn Thúc Biểu (CIA), linh mục Vương Diên, Thích Tự Mãn, Thích Giác Huân, Nguyễn Văn Tường (Cao Đài), Bảy Núi (Hòa Hảo), Huỳnh Văn Chùm (chủ tịch đảng liên minh dân chủ xã hội chống cộng, chủ tịch hội đồng dân biểu Đà Lạt), Thái Lăng, v.v... đứng ra thành lập chính quyền tự quản và lực lượng vũ trang tự vệ liên tôn, lấy chùa Linh Sơn làm trụ sở. Bọn chúng huy động một số sinh viên Phật tử do Thái Lăng và Huỳnh Văn Chùm chỉ huy đi thu gom vũ khí, xe, xăng dầu, gạo, v.v...

Ngày 2 tháng 4, xuất hiện nhóm “nhân dân tự quản” do Tô Học Phú, một cán bộ kháng chiến cũ dẫn đầu, lấy rạp Hòa Bình làm trụ sở. Đối với tổ chức này, quần chúng cũng cảnh giác vì thấy giữa “liên tôn tự quản” và “nhân dân tự quản” có sự tranh chấp nhau, bên này đi vận động lôi kéo quần chúng bên kia và ngược lại. Bọn còn đồ ra sức cướp phá, tiếng súng nổ suốt ngày đêm. Cán bộ và quân đội thì chưa vào.

Trước tình hình như vậy, hơn 200 cơ sở, cốt cán, tự vệ mật, đảng viên và 3 chi bộ nội thị bị đứt liên lạc với thị ủy từ tháng 8 năm 1974, họ đã tự liên hệ, bàn bạc phân công có trách nhiệm bảo vệ những cơ sở quan trọng như: nhà máy đèn, nhà máy nước, nha địa dư, đài phát thanh, kho bạc, bưu điện, bệnh viện, hỏa xa, v.v... Đồng thời phân công đảng viên, cơ sở đi tìm liên lạc đưa cán bộ và bộ đội vào thành phố.

Được cơ sở ra báo tin, chiều 2 tháng 4, đội công tác tây bắc vào ấp Nguyễn Siêu, nhưng lúng túng chưa biết làm gì.

Khi địch tập trung xây phòng tuyến Phan Rang bảo vệ Sài Gòn từ xa, chiều cùng ngày, Trần Nghĩa (tự Thu) từ Phan Rang mò về nắm tình hình. Về lại nhà vườn của Nghĩa ở Bồng Lai (Đức Trọng) y gặp lại bà Nguyễn Thị Hạ (tức B.L) thị ủy viên dự khuyết đang nằm ở đây. Đêm đó, Nghĩa đưa bà B.L lên nhà y ở Đà Lạt và đi tìm Nguyễn Trọng Hoàng đưa về đây. Đêm đó, tại nhà Nghĩa, ba người (B.L, N.T.H và Nghĩa) họp bàn thành lập “ủy ban khởi nghĩa” Đà Lạt¹. Nhưng họ không có thực lực chính trị và cũng không biết làm gì. Sáng ngày 3 tháng 4, bộ đội Quân khu vào thành phố thì Thái Lăng, Nguyễn Trọng Hoàng cùng đồng bọn rời nhóm “liên tôn” rồi bám vào B.L và Trần Nghĩa. Điều trớ trêu là B.L được thường vụ thị ủy coi là người “lãnh

1. Lý lịch tự khai của Trần Nghĩa.

đạo duy nhất” được phân công vào trước trong nội thị để “chỉ đạo” phong trào.

Cánh quân tiến lên Đà Lạt lúc 4 giờ sáng ngày 3 tháng 4. Một tiểu đội trinh sát đi trước, cùng đi có đồng chí Huỳnh Đôn, ủy viên ban công tác đô thị của khu, nguyên ủy viên Thường vụ Thị ủy Đà Lạt (1970 đến tháng 6-1974). Lên đến Phi Nôm thì gặp cơ sở của Đà Lạt gồm: Đặng Thị Chung - bí thư chi bộ chợ, Phùng Thị Cúc đảng viên và hai cơ sở Phạm Hùng và Quốc Cường. Gặp lại Huỳnh Đôn thủ trưởng cũ, anh chị em rất mừng; hỏi ra thì số này xuống đây từ chiều ngày 2 tháng 4. Ngay lập tức, đồng chí Chung bố trí Phạm Hùng mượn xe honda chở Chung và Cúc về Đà Lạt đưa xe xuống đón bộ đội vào cho nhanh, còn Quốc Cường thì nhập vào tiểu đội trinh sát dẫn đường. Đúng 8 giờ 30, đội trinh sát đã vào trung tâm thành phố và làm xong việc đầu tiên là treo lá cờ mặt trận tại dinh tỉnh trưởng¹. 10 giờ, xe đã đưa bộ đội và sở chỉ huy tiền phương vào Đà Lạt. Được cơ sở dẫn đường, bộ đội triển khai canh gác, bảo vệ các cơ sở quan trọng trong thành phố. Tiếp theo là đại đội 810 của tỉnh, các đội biệt động, các đội công tác của thị xã cũng lần lượt vào. Nhân dân đổ ra đường vui mừng đón chào bộ đội và cán bộ. 16 giờ ngày 3 tháng 4, tại khu Hòa Bình, ta tổ chức một cuộc mít-tinh lớn, có đông đảo các tầng lớp nhân dân đến dự. Anh Đỗ Quang Thắng nói chuyện với đồng bào. Sau khi

1. Theo hồi ký Huỳnh Đôn.

thông báo những thắng lợi to lớn của quân dân toàn Miền, và trong khu, trong tỉnh, anh kêu gọi đồng bào giữ gìn trật tự, tham gia mọi công tác của Ủy ban quân quản thành phố để ra để sớm ổn định cuộc sống bình thường. Kêu gọi nguy quân, nguy quyền đã tan rã và các tổ chức đảng phái ra trình diện, nộp vũ khí. Ba ngày qua, thành phố không có điện, cán bộ ta đi gặp cơ sở ở nhà đèn bàn với anh em, thì 18 giờ hôm ấy vấn đề điện cho nhân dân thành phố được giải quyết

Ở cánh hai, đúng 11 giờ ngày 2 tháng 4, tiểu đoàn 840 và sở chỉ huy trung đoàn đến thị trấn Dran. Dịch ở đây, cũng rút chạy hết từ đêm 31 tháng 3. Sáng ngày 3 tháng 4, lực lượng địa phương đã vào tiếp quản. Tiểu đoàn 840 cho một đại đội chốt ở thôn Phú Thuận, điểm giáp ranh giữa Tuyên Đức và Ninh Thuận trên đường 11 và cho một bộ phận xuống Krông Pha bắt liên lạc với Ninh Thuận. Lực lượng còn lại phân tán phối hợp với các đội công tác và cán bộ địa phương truy quét tàn quân, tề điệp, phát động tổ chức quần chúng xây dựng chính quyền ở các ấp.

Ngày 3 tháng 4 năm 1975, tỉnh Tuyên Đức và Đà Lạt hoàn toàn được giải phóng. Ba tỉnh miền núi (Tuyên Đức, Lâm Đồng, Quảng Đức) của khu Sáu đã nối liền với miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, khu Năm và Trị Thiên, một địa bàn chiến lược cực kỳ quan trọng trong thời điểm lúc bấy giờ.

Sau khi Tuyên Đức, Đà Lạt được giải phóng, Trung

đoàn 812 để lại tiểu đoàn 186 phối thuộc tỉnh, cùng bộ đội tỉnh tiếp tục truy quét tàn quân và bảo vệ địa phương. Đại bộ phận còn lại của Trung đoàn và tiểu đoàn 200C cấp tốc hành quân về Bình Thuận để cùng địa phương giải phóng huyện Hàm Thuận, vây ép Phan Thiết, sẵn sàng cùng chủ lực của Bộ giải phóng các tỉnh đồng bằng.

Hết ngày 3 tháng 4 năm 1975 vẫn chưa thấy Bí thư Thị ủy Đà Lạt và Bí thư Tỉnh ủy vào thành phố. Đêm 3 tháng 4 tại nhà số 15 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt, tiền phương Quân khu tổ chức cuộc họp do anh Đỗ Quang Thắng chủ trì gồm cán bộ của cơ quan tiền phương, một số thị ủy viên và cán bộ các đội công tác đã vào thành phố, bàn việc bố trí lực lượng vũ trang canh gác những mục tiêu quan trọng, đóng chốt ở những địa bàn cơ động. Nhân công cán bộ xuống các địa bàn phụ trách việc lập chính quyền lâm thời ở các phường, xã.

Ngày 4 tháng 4, anh Trần Lê từ Bảo Lộc lên Đà Lạt, và anh Nguyễn Xuân Khanh từ Đức Trọng lên cũng vừa đến. Anh Đỗ Quang Thắng báo cáo tình hình vào Đà Lạt và những việc đã làm trong hai ngày qua cho anh Trần Lê nghe. Anh tỏ ý vui mừng, và cho ý kiến những việc phải làm trong những ngày tới. Anh Trần Lê ngạc nhiên là không thấy sự có mặt của Bí thư Tỉnh ủy và Bí thư thị ủy. Anh bảo anh Đỗ Quang Thắng và anh Nguyễn Xuân Khanh cho người tức tốc ra rừng tìm, đón anh Huỳnh Minh Nhựt, Bí thư Tỉnh ủy và anh Trần

Ngọc Trác, Bí thư Thị ủy. Sáng ngày hôm sau thì anh Trần Ngọc Trác và Vũ Linh đã có mặt, còn anh Nhựt đến ngày 6 tháng 4 mới vào¹.

Sau khi anh Trần Ngọc Trác vào, Ủy ban Quân quản Đà Lạt chính thức được công bố với đồng bào là anh Trác làm Chủ tịch Ủy ban và Phạm Ngọc Châu ủy viên thường trực².

Về hoạt động tiếp theo của nhóm “liên tôn chống cộng” như thế nào và ta đã giải quyết ra sao, tôi xin ghi lại ý kiến của anh Huỳnh Minh Nhựt, Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Đức và anh Trần Lê, Bí thư Khu ủy.

Báo cáo của anh Nhựt: “Sau giải phóng Đà Lạt, thái độ chính trị phản động của Nguyễn Thúc Biếu bộc lộ rõ ràng, tôi là người trực tiếp đấu tranh với Biếu. Y đứng ra đại diện cho lực lượng liên tôn (Thiên chúa giáo, Phật giáo, Cao đài) đến trực tiếp đưa yêu sách đấu tranh đòi tôi (Nhựt) phải tiếp nhận lực lượng liên tôn hình thành trong những ngày Đà Lạt còn bỏ ngỏ, cách mạng chưa vào kịp. Biếu cho rằng: “lực lượng liên tôn đã đứng ra tổ chức tự quản, tổ chức lực lượng vũ trang tự vệ, yêu cầu chính phủ cách mạng phải thừa nhận chính quyền tư quản và lực lượng vũ trang tự vệ của

1. Theo hồi ký Huỳnh Đôn.

2. Cũng có ý kiến cho rằng: 24 giờ ngày 3 tháng 4, anh Trần Lê lên đến Đà Lạt. Chiều ngày 4 tháng 4 anh Trần Ngọc Trác và cơ quan Thị ủy mới vào Đà Lạt.

nhóm liên tôn này”.

Tôi kiên quyết phản đối và vạch rõ: “Cách mạng chỉ có một chính quyền, một quân đội. Cách mạng tổ chức chính quyền mới, chứ chính quyền thường xã và lực lượng vũ trang tự vệ của liên tôn dựng lên đều phải xóa bỏ, phải đem nộp vũ khí cho chính quyền cách mạng; không thể chuyển lực lượng đó sang thành chính quyền và lực lượng vũ trang cách mạng được”.

Riêng vùng Định An, Đức Trọng, Biểu và Đệ cũng đã đứng ra tổ chức hình thức và lực lượng này ở Hiệp Thạnh, có bộ phận tự vệ, có trang bị súng riêng. Chính quyền Đức Trọng đến bao vây bắt nộp vũ khí, Biểu và Đệ không chịu nộp. Ta phải kiên quyết áp dụng biện pháp cưỡng chế tịch thu, bao vây tước vũ khí¹.

Trong một cuộc hội thảo, anh Trần Lê phát biểu: “Nhóm liên tôn chống cộng và hòa hợp hòa giải hòng tranh giành quyền lực với ta. Ngày 4 tháng 4 năm 1975, họ họp ủy ban cách mạng cộng hòa ra thông báo số 1 phổ biến chương trình 10 điểm và đòi cùng bộ đội ta kiểm soát, quản lý các cơ quan quân sự, hành chính ngay. Ta ra lệnh giải tán, nhưng họ không chịu, họ giữ súng ống, điện đài, đi đâu có người mang súng bảo vệ, nên đến ngày 12 tháng 4 năm 1975, ta phải vây bắt. Việc này, ngày 8 tháng 4 năm 1975, tôi có điện báo cho Trung ương Cục, với đồng chí Phạm

1. Hồ sơ chuyên án HT 86.

Hùng. Đồng chí nói: đây là kế hoạch của CIA, ở Đà Nẵng chúng cũng làm như vậy, nhưng khi bộ đội ta vào thì dẹp đi”⁽¹⁾.

Đúng là sau giải phóng Đà Lạt, ta đã kiên quyết xóa bỏ tổ chức chính quyền tự quản và lực lượng vũ trang tự vệ, bao vây, cưỡng chế tịch thu, tước vũ khí của nhóm liên tôn, nhưng những kẻ cầm đầu tổ chức liên tôn thì không ai bị bắt cải tạo. Huỳnh Văn Chùm bị thanh niên bắt đem nộp nơi tập trung cải tạo thì An ninh Đà Lạt lại cử cán bộ đến nhận Chùm đưa về nhà.

Ủy ban quân quản đưa Thái Lăng làm “chủ tịch hội nhà văn yêu nước” Đà Lạt. Trần Nghĩa đã đưa gia đình di tản theo địch, khi mò về nắm tình hình lại được cử làm “chủ tịch ủy ban quân quản” khu phố 1 (phường 1). Tên Nguyễn Văn Hai, chủ tịch đảng liên minh dân chủ xã hội chống cộng, “trưởng ban diệt trừ sốt rét” tỉnh Tuyên Đức - Đà Lạt được ty an ninh Đà Lạt sử dụng làm “đặc tình” y đã gây cho ta nhiều tổn thất. Ngược lại hơn 10 trường hợp là những cán bộ kháng chiến cũ, là cơ sở cách mạng bị bắt giam, cải tạo dài hạn. Như vậy có lẫn lộn bạn thù không? Nhiều đảng viên, cơ sở và quần chúng Đà Lạt hết sức bất bình và nghi vấn những việc làm nghịch lý đó?

Địch từ Khánh Hòa chạy vào, từ Đà Lạt chạy xuống. Những ngày đầu tháng 4 năm 1975, bọn đầu sỏ

1. Lưu ở Văn phòng Tỉnh ủy Lâm Đồng.

ngụy quân, ngụy quyền ở Ninh Thuận, Bình Thuận hoảng hốt tháo chạy ra biển.

Chớp thời cơ địch ở quận Krông Pha (Ninh Thuận) hoang mang rút chạy, đồng chí Phạm Thân - Bí thư Ban cán sự đường 11 (nay là quốc lộ 27) huy động bộ đội địa phương và các đội công tác tấn công địch, giải phóng các ấp trên đường 11 đoạn từ Krông Pha đến Đồng Mé. Ngày 3 tháng 4, quận Krông Pha được giải phóng hoàn toàn. Ở Bình Tuy ngày 3 tháng 4, du kích xã Tân Thành (Hàm Tân) tập kích vào bọn tàn quân địch đang trú tại bãi biển Kê Gà diệt tên đại tá Quang thuộc quân đoàn 1, bắt 130 tên (từ binh nhì đến trung tá) thu 88 súng, 3 xe M113 và nhiều quân trang, quân dụng khác. Du kích xã Tân Thành (Hàm Tân) chặn đánh đoàn xe địch rút chạy theo đường Tà Cú đi Kê Gà bắt sống hơn 100 tên, thu 3 xe.

Đến ngày 4 tháng 4, địch phát hiện lực lượng ta quá ít, quân chủ lực chưa đến; bị bọn trên thúc ép nên địch đã quay lại Ninh Thuận, Bình Thuận.

Trước tình hình quân ngụy bị đánh tan rã khắp nơi; để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của chế độ Thiệu, tướng Uây En tham mưu trưởng liên quân Mỹ, người mà hai năm trước đây đã cuốn cờ cùng đơn vị Mỹ cuối cùng rút khỏi Việt Nam, nay được phái đến Sài Gòn bày mưu tính kế cho Nguyễn Văn Thiệu vạch kế hoạch phòng thủ. Thiệu quyết định sáp nhập hai tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận (thuộc quân khu 2) vào quân khu 3, nhanh

chóng xây dựng phòng tuyến mạnh, cố thủ Phan Rang - Tháp Chàm, làm lá chắn bảo vệ Sài Gòn từ xa. Chúng lập tức đưa hai trung đoàn 4 và 5 thuộc sư đoàn 2 bộ binh, liên đoàn 31 biệt động quân, lữ đoàn 2 dù, 1 tiểu đoàn pháo binh và toàn bộ sư đoàn 6 không quân về Phan Rang. Bộ chỉ huy tiền phương của địch gồm: trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi và chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang, tư lệnh sư đoàn 6 không quân chỉ huy.

Ở Phan Thiết, địch tăng cường liên đoàn 24 biệt động quân và trung đoàn 3 thuộc sư đoàn 2 bộ binh. C' Bình Tuy địch củng cố sư đoàn 23 để giữ tuyến đường số 1 và trục đường Hàm Tân - La Gi.

Ngoài khơi từ vùng biển Ninh Chữ đến La Gi, hải quân địch thường xuyên có một chiến hạm sẵn sàng chi viện cho đất liền và ngăn chặn quân ta tiến công bằng đường biển.

Sau khi tăng quân đến Phan Rang, Phan Thiết, địch bung ra đánh phá dữ dội. Hàng ngày có hàng trăm phi vụ từ căn cứ Thành Sơn xuất kích về hướng bắc và hướng tây oanh kích ngăn chặn sức tiến công của quân ta. Từ 5 đến 8 tháng 4, địch ném bom phá sập cầu Tân Mỹ (trên đường 11). Cuộc chiến đấu của quân dân Ninh Thuận trong những ngày này diễn ra rất gay go, ác liệt.

Đêm 7 và ngày 8 tháng 4, tranh thủ lúc địch đang hoang mang và có nhiều sơ hở, Thị ủy Phan Rang - Tháp Chàm tổ chức đột hoạt động vào hai phường Bảo An, Đô Vinh (Tháp Chàm) mang tên "chiến dịch Đồng

Khởi". Lực lượng tham gia gồm: đại đội 311 đặc công tỉnh quân số 25 đồng chí, đội biệt động của thị 6 đồng chí, đội công tác Tháp Chàm và 20 tự vệ tại chỗ. Ban chỉ huy chung có 6 đồng chí do Phạm Ngọc Thắng, Trưởng tiểu ban quân báo tỉnh làm chỉ huy trưởng. Trần Minh, bí thư thị ủy làm chính trị viên. 18 giờ 30 ta tổ chức thành hai mũi tấn công. Mũi thứ nhất đánh vào phường Bảo An, chốt trại Nguyễn Hoàng. Mũi thứ hai đánh vào Đô Vinh, chốt nhà ga xe lửa và khu điện lực. Ta đánh tan rã lực lượng dân vệ, truy bắt tề điệp, thu gần 400 súng, làm chủ hai khu vực này. 21 giờ, tại chốt trại Nguyễn Hoàng, ta chặn bắt 1 xe Zép từ Phan Rang lên, bắt sống 2 sĩ quan ngự (1 đại úy, 1 trung úy), 2 hạ sĩ (1 phục vụ, 1 lái xe). Qua khai thác 2 sĩ quan địch khai: chúng đã tập trung lực lượng đông về Phan Rang lập phòng tuyến cố thủ.

23 giờ, một đại đội lính dù từ sân bay ra chiếm khu điện lực (Đô Vinh) ta chặn đánh, địch có thương vong phải rút lui, ta hy sinh một, bị thương một. Trong lúc đồng chí Thắng đang cùng đơn vị chiến đấu và giải quyết thương binh, tử sĩ, 24 giờ, Trần Minh từ Xóm Dừa cho hai liên lạc vào gọi đồng chí Thắng ra họp gấp. Sau khi giải quyết xong thương binh, tử sĩ, đồng chí Thắng ra chỗ Trần Minh thì Trần Minh đã tự rời đơn vị chỉ để lại thư giao cho chị Đẹt và anh Phạm Đức Thắng đội trưởng 314 đưa lại cho anh Thắng. Trong thư Trần Minh ghi: "Địch tăng cường đến đóng, gồm sư 2 bộ binh, lữ dù 2, liên đoàn biệt động 31 và 7 phi đội A 37 để phòng

thủ Phan Rang. Vậy anh bàn trong ban chỉ huy đánh thế nào đó, cố bảo tồn lực lượng đến ngày giải phóng”.

Đồng chí Thắng trở lại đơn vị, từ 6 giờ ngày 8 tháng 4, địch liên tục phản kích mạnh. Chúng sử dụng từng đại đội dù có trực thăng vũ trang yểm trợ, trực thăng rà thấp khi phát hiện mục tiêu thì ~~dùng~~ đại liên bắn vào đội hình. 8 giờ 30 ngày 8 tháng 4, trận đánh tại ngã tư Tháp Chàm, trực thăng bắn ta hy sinh 3, bị thương 7. Đêm ngày 7 và ngày 8 tháng 4 năm 1975, ta đánh 10 trận, cán bộ chiến sĩ vừa chiến đấu dũng cảm ngoan cường vừa tìm cách bảo vệ thương binh tử sĩ; ta hy sinh 5, bị thương 8 đồng chí. 24 giờ ngày 8 tháng 4, sau khi mai táng tử sĩ, 20 thanh niên khỏe (của Bảo An, Đô Vinh) cùng bộ đội đưa thương binh ra căn cứ Cà Đú. Sáng 10 tháng 4, Trần Minh mới có mặt ở Cà Đú¹. Đã biết “*địch tăng cường đến đông, cuộc chiến sẽ gay go, ác liệt, nhưng chính trị viên, linh hồn của đơn vị tự cho mình có quyền rời đơn vị*”².

Chấp hành lệnh của Bộ Tổng tham mưu, tôi điện cho anh Trần Lê và Bộ chỉ huy tiền phương đang ở Tuyên Đức, đề nghị cử anh Bùi Văn Mỹ - Phó Tư lệnh Quân khu và một số cán bộ tham mưu ra Suối Dầu (Khánh Hòa) gặp Trung tướng Lê Trọng Tấn - Tư lệnh

1. Theo thiếu tá Phạm Ngọc Thắng: cán bộ chiến sĩ chiến đấu trong đêm 7 và ngày 8 tháng 4 năm 1975 có 9 đồng chí hiện còn sống.

2. Thực chất là “đào nhiệm”.

cánh quân Duyên Hải báo cáo tình hình và bàn kế hoạch tiến quân đánh giải phóng Ninh Thuận.

Trong lúc Ninh Thuận chưa giải phóng, Quân khu chỉ thị cho Ninh Thuận huy động dân quân du kích và nhân dân Bác Ái gấp rút mở lại con đường từ Trại Cà trên quốc lộ 1 (Cam Ranh- Khánh Hòa) xuyên qua vùng căn cứ Bác Ái đến Tân Mỹ trên quốc lộ 11, để sư đoàn 10 cơ động theo quốc lộ 11 và 11 kếp lên Phi Nôm (Đức Trọng - Tuyên Đức) theo đường 20 xuống Lâm Đồng, và từ đó đi vào vị trí tập kết của Quân đoàn 3 ở tây bắc Sài Gòn, kịp tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh.

Suốt hai ngày đêm liên tục, hàng ngàn dân quân du kích và nhân dân Bác Ái chung tay bạt núi, xẻ đồi, lấp suối bắc cầu mở đường cho Sư đoàn 10 tiến quân. Xe tăng hạng nặng, xe vận tải cỡ lớn lăn bánh trên con đường mới mở trong thời gian gấp gáp, khẩn trương. Thêm một lần, Bác Ái xứng đáng là khu căn cứ kiên cường bất khuất.

Được Bộ chỉ huy Miền chấp thuận, Quân khu 6 tổ chức thêm một Bộ chỉ huy tiền phương Quân khu tại Bình Thuận do thượng tá Đỗ Phú Đáp, Tham mưu trưởng Quân khu làm chỉ huy trưởng; trung tá Phạm Hoài Chương, Phó chủ nhiệm chính trị Quân khu; thiếu tá Lê Văn Nhục, Tỉnh đội trưởng Bình Thuận; thiếu tá Võ Ngọc Đán, chính trị viên Tỉnh đội Bình Thuận làm chỉ huy phó. Mọi công tác chuẩn bị cho hoạt động và phục vụ lực lượng chủ lực của Bộ được tiến hành rất khẩn trương.

Chấp hành nghiêm mệnh lệnh, Trung đoàn 812 từ Bình Tuy, Tuyên Đức và tiểu đoàn 200C, ngày 7 tháng 4 đã có mặt ở Ma Lâm (Hàm Thuận).

Đối với Trung đoàn 812 và tiểu đoàn đặc công 200C, tuy nghiêm khắc phê bình về cuộc tiến quân chậm chạp từ Hoài Đức lên Di Linh và từ Di Linh lên Đà Lạt, nhưng tôi vẫn giữ một cảm tình sâu đậm với anh em. Từ ngày mở màn chiến dịch 1974 – 1975, hiệp đồng với đơn vị bạn, anh em đã đánh diệt hai chi khu và giải phóng hai huyện. Lần này, sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở Tuyên Đức, anh em trở về Bình Thuận ghi tiếp một chiến công mới: tiêu diệt chi khu Thiện Giáo, giải phóng hoàn toàn huyện Hàm Thuận.

Trận đánh quận lỵ Ma Lâm và chi khu Thiện Giáo không suôn sẻ. Sau ba giờ chiến đấu, ta chỉ mới chiếm được một số mục tiêu ở ngoại vi. Trời sáng, địch phản kích bằng phi pháo ác liệt. Đồng chí Chu Văn Dần tiểu đoàn trưởng 840 hy sinh; đồng chí Trần Văn Quý, chính trị viên tiểu đoàn bị thương nặng. Địch dự đoán ta sẽ bỏ cuộc, nhưng chúng đã lầm to. 16 giờ ngày 8 tháng 4, quân ta giáng tiếp một đòn sấm sét. Sau 1 giờ 30 phút chiến đấu, ta chiếm chi khu, hoàn toàn giải phóng quận lỵ Ma Lâm. Hành lang chiến lược được mở rộng thêm hàng chục cây số.

Trận đánh vào Phú Long có một ý nghĩa quan trọng khác. Ở đây có một cây cầu bê tông bắc qua sông Hộ Nhơn. Đối với địch, nó là cái chốt quan trọng trong hệ

thống phòng thủ vành đai phía bắc thị xã Phan Thiết. Đối với ta, phải chiếm cho được rồi giữ cho vững để mở toang cửa ngõ vào giải phóng Phan Thiết, đồng thời bảo đảm an toàn cho đường hành lang – đường số 1 - để chủ lực tiến về phía nam. Bộ phận chỉ huy phía trước của Trung đoàn 812 chốt ngay trong một vườn chuối cách cây cầu không đầy 1 ki-lô-mét. Hai tiểu đoàn 840 và 15, như những mũi dùi nhọn sắc tiến đánh chiếm cầu. 4 tiểu đoàn địch phản kích điên cuồng. Suốt 5 ngày ròng rã, các chiến sĩ vẫn chốt chặn vững vàng, truy kích diệt gọn 1 tiểu đoàn bảo an, 7 trung đội dân vệ. Cây cầu sừng sững nằm đó đợi đại quân tiến vào.

Ba tỉnh đồng bằng khu Sáu: Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy, cuộc chiến đấu diễn ra hết sức khẩn trương. Toàn bộ lực lượng ở phía sau đều được động viên ra tuyến trước. Trận đánh lớn này đủ mặt trẻ, già, trai, gái. Trai tráng phối hợp cùng bộ đội đánh giặc. Những người đứng tuổi và phụ nữ đi dân công. Trẻ em làm liên lạc. Người già ở nhà cảnh giới, bảo vệ xóm làng. Đường ra tiền tuyến như trẩy hội mùa xuân.

Quân dân khu Sáu đã hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc, khẩn trương bám đánh địch để tự giải phóng, đồng thời đã tạo điều kiện thuận lợi sẵn sàng phối hợp cùng chủ lực của Bộ và của khu Năm đang rầm rập tiến vào.

Cánh quân chủ lực do trung tướng Lê Trọng Tấn và trung tướng Lê Quang Hòa phụ trách, có nhiệm vụ tiêu diệt cụm phòng ngự của địch ở Phan Rang, Phan

Thiết, vừa tác chiến vừa cơ động nhanh về Đông Nam Bộ, hình thành mũi vu hồi ven biển đánh chiếm Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 12 tháng 4, sau khi nghe đồng chí Bùi Văn Mỹ, Phó Tư lệnh Quân khu và cán bộ tham mưu báo cáo tình hình, trung tướng Lê Trọng Tấn quyết định: 5 giờ 30 phút ngày 14 tháng 4, mở màn trận công kích, đập nát tuyến phòng thủ Phan Rang của địch. Sau hai ngày chiến đấu quyết liệt; đúng 5 giờ 30 phút ngày 16 tháng 4 năm 1975, bão lửa của chủ lực ta trùn lên các căn cứ địch ở Bà Rịa, Suối Đá, Ba Tháp, Kiền Kiền, Núi Đất, sân bay Thành Sơn. Địch chống cự quyết liệt, 8 giờ sáng ngày 16 tháng 4, ta chiếm thị xã Phan Rang - Tháp Chàm. Sau đó hai giờ, ta làm chủ sân bay Thành Sơn, thu trên 50 máy bay còn nguyên vẹn. Trong trận công kích này, ta bắt sống 2 tên tướng ngụy Nguyễn Vĩnh Nghi, Phạm Ngọc Sang và tên đại tá cố vấn Mỹ từ sân bay lên ra đồng Tà Liêm (Phước Đức) định tìm đường rút chạy. Tầm lá chắn Phan Rang đã bị vỡ tan tành.

Tình hình Tuyên Đức - Đà Lạt ổn định, anh Đỗ Quang Thắng ở lại giúp Tỉnh ủy. Đoàn anh Trần Lê xuống Ninh Thuận, ngày 12 tháng 4 đoàn đến KrôngPa. Cùng xuống khu vực Krông Pha trong ngày hôm đó có anh Nguyễn Trọng Xuyên, Tư lệnh và cơ quan tiền phương. Tại Krông Pha, đoàn gặp một số đồng chí lãnh đạo địa phương và anh Phan Việt Sơn (Năm Tính) quyền Bí thư Tỉnh ủy đi học ở Miền cũng mới về đây. Thường vụ Tỉnh ủy và tiền phương của tỉnh do đồng chí

Nguyễn Đình Tấn (Maly) ủy viên thường vụ phụ trách, sáng 16 tháng 4 mới có mặt ở Krông Pha. Tại cơ quan tiền phương ở Krông Pha, ngay từ rạng sáng đã nghe hàng loạt tiếng đạn pháo nổ hướng sân bay Thành Sơn. Cơ quan tiền phương liên tiếp nhận được những tin vui từ mặt trận. Đến 10 giờ 30 phút được tin quân ta hoàn toàn làm chủ thị xã Phan Rang - Tháp Chàm; 14 giờ các anh Trần Lê, Nguyễn Trọng Xuyên, Nguyễn Đình Tấn cùng với cán bộ chiến sĩ hai cơ quan tiền phương lên xe xuôi lộ 11 tiến về Phan Rang. Cầu Tân Mỹ bị bom phá sập hai nhịp, ta phải tổ chức vượt sông đến 18 giờ thì xong. Tối hôm đó, anh Trần Lê, anh Nguyễn Trọng Xuyên và lãnh đạo tỉnh Ninh Thuận vào Tháp Chàm, bắt được liên lạc với lãnh đạo địa phương đã vào trước, các anh họp bàn công việc cho đến 1 giờ sáng hôm sau.

Trưa ngày 17 tháng 4, anh Lê ra Suối Dầu gặp trung tướng Lê Trọng Tấn, tối hôm đó anh ra Nha Trang làm việc với đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy 5. Ngày 18 tháng 4, các anh Lê Trọng Tấn, Lê Quang Hòa, Trần Lê về đến Phan Rang. Tại dinh tỉnh trưởng ngụ, các anh hội ý về kế hoạch tiến quân tiếp theo và giao nhiệm vụ cho anh Nguyễn Trọng Xuyên ở lại Phan Rang thường trực và giải quyết các yêu cầu, bảo đảm cho lực lượng chủ lực của Bộ tiếp tục tiến về Sài Gòn. Ngày 19 tháng 4, anh Lê cùng các anh Lê Trọng Tấn, Lê Quang Hòa trên đường vào Bình Thuận, đến Đà Lạt, anh Tấn, anh Hòa nghỉ đêm tại đây; anh Lê đi tiếp xuống Bình Thuận. Sáng ngày 20 tháng 4, anh vào

Phan Thiết¹.

Tôi thực sự được chứng kiến thế thắng như chẻ tre của quân và dân ta trong cuộc tiến công và nổi dậy long trời lở đất này. Du kích xã vây đồn, bộ đội huyện vây chặt chi khu. Bộ đội tỉnh áp sát thị xã. Chủ lực tiến đến đâu, đồn bót, ấp chiến lược của địch đổ sụp đến đấy. Hệ thống kìm kẹp của chúng ở các huyện Tuy Phong, Hòa Đa, Hải Ninh, Phan Lý, Hải Long tan rã mau chóng. Nhân dân nổi dậy tước vũ khí phòng vệ dân sự, thành lập chính quyền tự quản, chờ cách mạng tới bàn giao. Trước sức mạnh của nhân dân và nghe lời thuyết phục của đồng bào, binh lính địch rủ nhau bỏ ngũ hàng loạt.

Bị bao vây tứ phía, trong cơn giã chết, Ngô Tấn Nghĩa tỉnh trạng Bình Thuận lỏng lẻo, điên cuồng. Hắn tung hết lực lượng để đối phó, cố giữ lấy thị xã Phan Thiết - cái thị xã đã đến giờ hấp hối.

Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 quyết định tiến công thị xã Phan Thiết ngay trong đêm 18 tháng 4. Từ khu Tam Giác, pháo của ta gầm lên mãnh liệt. Kho xăng, kho đạn ở căn cứ Camp Esêpic nổ tung bốc cháy. Được trình sát địa phương dẫn đường và bộ đội của Quân khu 6 phối hợp chiến đấu; xe tăng, bộ binh chủ lực rầm rập vượt qua cầu Phú Long, tiến thẳng vào thị xã. Quân ta đánh chiếm toàn bộ các mục tiêu, truy quét địch. Tên Ngô Tấn Nghĩa vừa được Nguyễn Văn Thiệu

1. Theo hồi ký đồng chí Duy Anh, thư ký của anh Trần Lê.

phong quân hàm chuẩn tướng, không kịp lên trực thăng đã nổ máy đậu sẵn, y bỏ mặc bọn đàn em, lủi theo ngõ hẻm xuống bờ sông, lên một chiếc thuyền con trốn chạy ra biển. Thế là, Bình Thuận, tỉnh thứ 5 của Quân khu 6 được hoàn toàn giải phóng.

Nhưng cuộc chiến đấu vẫn còn tiếp diễn. Quân khu quyết định chuyển tiền phương Quân khu ở Bình Thuận vào Bình Tuy, nhưng do việc liên lạc trực trặc, tiền phương Quân khu và tiền phương tỉnh không gặp nhau. Với sự phối hợp của một tiểu đoàn bộ binh, một đại đội xe tăng, một đại đội pháo của Quân đoàn 2 và tiểu đoàn 15 bộ binh của Trung đoàn 812, Bình Tuy dồn mọi nỗ lực để giải phóng tỉnh nhà. Tôi bỗng nhớ những sự kiện cuối năm 1969 - 1970: địch bám theo Trung đoàn 33 chủ lực của Miền mới về đứng chân ở Hoài Đức, Tánh Linh, cố diệt đơn vị này để bảo vệ an toàn hành lang cho cuộc rút lui của đội quân viễn chinh Mỹ. Địch đánh phá tỉnh này rất ác liệt. Bom đạn, chất độc hóa học của chúng khiến nhà cửa, ruộng đồng, cây cối, đất đai tan hoang, xơ xác. Nhiều nơi cảnh tàn phá không khác gì thành cổ Quảng Trị. Bây giờ, Bình Tuy như một cái túi lớn, chứa đựng mọi rác rưởi của đội quân bại trận của Nguyễn Văn Thiệu. Tàn quân địch từ Trị - Thiên, Tây Nguyên, khu Năm, khu Sáu đều chạy về đây. Trên vùng đất nhỏ hẹp từ ngã ba 46 đến La Gi, ngổn ngang xe, pháo, súng đạn và đủ các sắc lính nguy. Cướp bóc, giết chóc xảy ra hàng ngày, gây nên cảnh hỗn loạn đến kinh khủng. Nhân dân sống trong nỗi khủng khiếp, vừa lo âu, vừa đợi chờ.

Sau khi làm chủ đường số 1, đoạn từ ki-lô-mét 31 (giáp ranh với Bình Thuận) đến ki-lô-mét 67 (giáp ranh Long Khánh), chiều ngày 21 tháng 4, bộ đội tinh pháo kích vào sân bay Láng Gòn làm hư 1 máy bay (Đacota 130) địch bắn trả dữ dội rồi rút chạy. Sáng ngày 22 tháng 4 bộ đội tinh vào ấp Láng Gòn, địch đang phá cầu, ta nổ súng, địch bỏ chạy về La Gi. Đêm 22 tháng 4, quân ta bắt đầu nổ súng dồn dập, đánh thẳng vào tiểu khu toà hành chính tỉnh... đến đâu cũng không thấy địch; ta truy kích địch đến tận cửa biển Tân Lý. Địch giẫm đạp lên nhau mà chạy vô Vũng Tàu, bỏ xe, pháo, súng đạn đầy đường. Khoảng 7 giờ sáng ngày 23, lực lượng của Quân đoàn 2 phối hợp rút khỏi La Gi. Tiểu đoàn 15 cùng lực lượng địa phương tiếp tục truy quét địch, bắt được tên quận trưởng Hàm Tân tại xã Tân Long, rồi vượt biển ra kiểm soát Hòn Bà cách đất liền 3 ki-lô-mét.

Ngày 23 tháng 4 năm 1975, ngày đánh dấu một cái mốc rất đẹp - giải phóng Bình Tuy, tỉnh cuối cùng của Quân khu 6.

Thế là, trên đất liền, ta đã quét sạch quân thù. Nhưng còn đảo Phú Quý - còn gọi là cù lao Thu, nằm ngoài khơi xa cách thị xã Phan Thiết khoảng 50 hải lý. Đêm 26 tháng 4, được sự chỉ viện của đoàn 385 hải quân, chúng tôi lệnh cho tỉnh đội Bình Thuận đưa tiểu đoàn 482 cùng một số cán bộ tỉnh và huyện Tuy Phong, dùng thuyền máy vượt biển ra giải phóng đảo. Toàn bộ địch trên đảo buông súng đầu hàng. Chúng ra trình diện 300 tên, nộp hơn 1.000 khẩu súng.

Trên địa bàn khu Sáu đã sạch bóng quân thù. Nhưng chúng tôi không dừng chân nghỉ. Khu Sáu gắn liền với vận mệnh chiến trường B2, với toàn Miền và cả nước. Chúng tôi tự nhắc mình nắm vững tay súng, làm tất cả những gì có thể làm được để góp phần xứng đáng vào chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định, sào huyệt cuối cùng của địch.

Vào những ngày lịch sử này, nhìn những đoàn quân đi trên các nẻo đường như triều dâng, thác đổ tiến về phía Sài Gòn, sào huyệt cuối cùng của kẻ địch, tôi càng thấm thía cái nhìn sáng suốt của Bộ Chính trị về vị trí chiến lược khu Sáu từ lúc bắt đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cũng như lúc chuẩn bị đón tổng tiến công chiến lược giải phóng miền Nam. Tôi vẫn nhớ lời trong thư anh Ba Duẩn: phải hết sức khẩn trương xây dựng căn cứ chiến lược hoàn chỉnh ở khu Sáu để cùng với miền Đông Nam Bộ tạo nên một sức ép rất mạnh đối với Sài Gòn.

Và ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã đến. Đó là một ngày lịch sử trọng đại, ngày đất nước mở sang trang mới sau 30 năm ròng chiến đấu kiên cường, thắng lợi vẻ vang.

Tập hồi ký này sắp kết thúc, tôi xin dành những trang trân trọng nhất để được nói mấy dòng thành kính về Bác Hồ - người Cha của lực lượng vũ trang nhân dân, lãnh tụ của Đảng và của dân tộc.

Là một cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, tôi đã cùng các đồng

chí, đồng đội vững vàng bám trụ trên chiến trường cực Nam Trung Bộ – nam Tây Nguyên. Đảng bộ địa phương đã dành cho tôi vinh dự lớn, hạnh phúc lớn: là cử tôi đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai ở chiến khu Việt Bắc tháng 2 năm 1951 và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ ba, hồi tháng 9 năm 1960 tại thủ đô Hà Nội.

Ở mỗi đại hội, tôi đều được gặp Bác. Đại hội hai họp vào dịp Tết cổ truyền của dân tộc. Đoàn đại biểu Đảng bộ Liên khu Năm do anh Nguyễn Chánh lúc ấy là Thường vụ Liên khu ủy, chính ủy Liên khu dẫn đầu. Anh Nguyễn Chánh bàn với đoàn tổ chức múa lân chúc tết Bác. Anh Tố và tôi, hai người trẻ nhất trong đoàn được giao nhiệm vụ công kênh Bác. Sáng mồng 1 tết, lúc Bác vừa thức dậy ra sân tập thể dục, theo hiệu lệnh của anh Nguyễn Chánh, cả đoàn chạy đến vây quanh Bác. Anh Nguyễn Chánh thay mặt Đảng bộ và dân quân Liên khu 5 chúc Bác mạnh khỏe, sống lâu để lãnh đạo đồng bào cả nước đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Anh vừa dứt lời trong nụ cười rất đẹp của Bác, thì tiếng trống múa lân vang lên. Anh Tố và tôi bước lên xin công kênh Bác trên vai đi vòng quanh theo tiếng trống rộn rập. Lúc ấy, những tia nắng đầu xuân của núi rừng Việt Bắc vừa hé rạng và tiếng chim hót ríu ran quanh các mái nhà sàn.

Đêm liên hoan mừng xuân, anh Nguyễn Chánh và anh Đoàn Trọng Truyền hát bộ, diễn tả thành công một trích đoạn tuồng cổ dân tộc về sự tích nhân dân đoàn kết chống ngoại xâm với ý chí “quyết đánh”, anh Nguyễn Chánh với giọng Quảng Ngãi rất mùi, tiếng hát của anh

quyện trong tiếng nhị réo rất, gây xúc động mạnh cho mọi người nghe, phần anh Đoàn Trọng Truyền có đoạn bị quên nên hát ngập ngừng; Bác cười và khen, rồi thưởng cho anh Truyền một quả bí đỏ (bí ngô) khá to. Cả hội trường cười vang và vỗ tay hoan hô. Bác nhìn anh em chúng tôi âu yếm, nói đại ý: “Cùng với đồng bào miền Nam thành đồng Tổ quốc, đồng bào Nam Trung Bộ ở xa Trung ương, chiến đấu trong những điều kiện vô cùng gian khổ. Cách mạng tháng Tám thành công, đồng bào hưởng độc lập, tự do chưa mấy lắm ngày, đã phải đem xương máu ra giành giữ nền độc lập, tự do của Tổ quốc”. Bằng một hình ảnh dễ hiểu, Bác dùng câu ca dao ai cũng nhớ, cũng thuộc: “Nay tuy châu chấu đá voi, nhưng mai voi sẽ bị lòi ruột ra” để chỉ cho chúng tôi thấy rõ thế ta, thế địch và làm sáng tỏ niềm tin vững chắc vào cuộc kháng chiến trường kỳ nhất định thắng lợi.

Như phần đầu chương III tập hồi ký này tôi đã đề cập, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ ba, tổ tôi lại được vinh dự lớn là được cùng Bác sinh hoạt, trao đổi trong tổ. Trong buổi thảo luận, Bác nói và dặn chúng tôi: hãy cố gắng học tập kinh nghiệm xây dựng căn cứ địa Việt Bắc. Dựa vào thế núi rừng hiểm trở, thực hiện đúng đắn chính sách dân tộc của Đảng. Việt Bắc từ cái nôi Pắc Bó đã trở thành căn cứ địa vững chắc của cả nước. Bây giờ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ở miền Nam cũng phải tạo ra căn cứ vững mạnh để dựa vào đó đẩy cuộc kháng chiến ngày càng phát triển, đi tới thắng lợi.

Tám hình Bác chụp chung với đoàn đại biểu Liên

Khu 5, tôi luôn luôn giữ gìn như một kỷ niệm quý báu. Trở lại chiến trường khu Năm, rồi khu Sáu mãi mãi tôi nhớ một câu nói đầy xúc động của Bác: “Miền Nam luôn ở trong tim tôi”.

Thưa Bác! Dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Bác, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã đi tới thắng lợi hoàn toàn.

Cùng với cả nước khu Sáu bước vào cuộc sống mới, xây dựng Tổ quốc thống nhất, xã hội chủ nghĩa. Là người “lính” của khu Sáu những năm tháng chiến đấu hy sinh, gian khổ, ác liệt, tôi đã gắn bó máu thịt với mảnh đất này, đã gởi gắm cả cuộc đời mình suốt mọi thời kỳ thăng trầm nhưng rất oanh liệt của “khu Sáu yêu thương”.

Biết bao kỷ niệm chiến đấu, sâu sắc!

Biết bao tình cảm máu thịt chiến trường!

Để có ngày hôm nay, biết bao nhiêu đồng chí, đồng bào đã ngã xuống, không hề tính toán thiệt hơn, và cho đến bây giờ, vẫn chưa được quy tụ đầy đủ về nghĩa trang liệt sĩ.

Là người “lính” của khu Sáu, chúng tôi mãi biết ơn sâu sắc đồng bào cả nước đã gởi những người con thân yêu đến chiến đấu và công tác trên chiến trường khu Sáu, mang đến vùng đất này truyền thống quý báu của mọi miền quê hương Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ.

Đặc biệt, chúng tôi vô cùng cảm kích trước sự chi viện không bờ bến của miền Bắc ruột thịt với miền

Nam và khu Sáu yêu thương. Chúng tôi nguyện không bao giờ quên đối với miền Bắc anh hùng, với Hà Nội – trái tim của cả nước, đã chịu những hy sinh cực kỳ to lớn không sao kể xiết và đã góp xương máu của con em mình cho miền Nam, cho vùng cực Nam Trung Bộ - nam Tây Nguyên, tình nghĩa ấy còn hơn non cao, biển cả, nói làm sao cho đủ lời.

Chúng tôi động viên nhau, nhắc nhở nhau, sống sao cho cao đẹp, cho sáng trong, cho đầm ấm nghĩa tình đồng chí, đồng đội. Chúng tôi càng tự hào và cũng thấy rõ trách nhiệm nặng nề trên chặng đường mới. Khi nhìn lên lá cờ của Trung ương tặng cho quân và dân khu Sáu:

“ Tự lực tự cường, chiến đấu oanh liệt, thắng lợi vẻ vang ”

Chúng tôi nguyện hun đúc mãi lòng kiên trung với Đảng, với Dân, với Nước, dù khó khăn gian khổ mấy cũng phải phấn đấu vượt qua, kẻ vai sát cánh cùng quân dân cả nước hoàn thành nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

MỤC LỤC

<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Cùng bạn đọc</i>	7
Chương 1: Giữ vững niềm tin	9
Chương 2: Chuyển hướng vươn lên	58
Chương 3: Tạo thế đứng vững chắc	88
Chương 4: Bám trụ kiên cường	133
Chương 5: Bước nhảy vọt mới	163
Chương 6: Mùa xuân năm 1968	198
Chương 7: Thế trận ba vùng	247
Chương 8: Mùa xuân năm 1975	290

VÙNG ĐẤT KIẾN TRƯNG

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHẠM QUANG ĐỊNH

Biên tập:

NGUYỄN MINH NGỌC

Vẽ bìa: **VÔ ANH THƠ**

Trình bày: **NGUYỄN THI ANH**

Sửa bản in: **NGUYỄN LAN CHI**

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

23 Lý Nam Đế - Hà Nội.

ĐT: 04. 8455766 - 7470780; Fax: 04. 7471106

CHI NHÁNH TẠI TP.HỒ CHÍ MINH

Số 8 Nguyễn Bình Khiêm - Q.1

ĐT: 069. 667452 - 08. 9111563; Fax: 08. 9111563

Bắt đầu in: 10 - 2006

In xong, nộp lưu chiểu: 10 - 2006

Khổ sách: 14.5 x 20.5

Số trang: 356

Số lượng: 630

Số xuất bản: 21-2006/CXB/267-335/QĐND

In và đóng sách: Xưởng in Quân khu 7

Vũ trụ đất KIÊN TRUNG

"...Ăn còn đói, mặc còn rách, sự hy sinh không ai tính được, nhưng chúng tôi đã vượt qua tất cả. Mũi súng luôn hướng về phía trước, bước chân hành quân hồi hã bất kể nắng mưa, băng qua núi cao, rừng rậm, sông sâu, suối lớn, ngay trước mặt đồn địch, để tới đích..."

LÊ VĂN HIỂN



Giá: 50.000đ